CHIẾN SĨ CỘNG HÒA

Bộ mới Số 5

DIỄN ĐÀN THÔNG TIN NGÔN LUẬN CỦA LIÊN HỘI CỰU CHIẾN SĨ
VIỆT NAM CỘNG HÒA VÙNG HOA THỊNH ĐỐN VÀ PHỤ CẬN

MỤC LỤC

2. Vai Trò Tiền Đồn NGUYỄN ĐẠT THỊNH
4. Mừng Xuân Nhớ Tết HL NGUYỄN PHÚ THỨ
11. Trận Hồng Ngự TRẦN ĐỖ CẨM
24. Vài Mẫu chuyện trong Tù PHẠM BÁ HOA
29. Điểm sách: Vietnam.. NGUYỄN KỲ PHONG
33. Lần Theo Nỗi Chết HOÀI ZIANG DUY
37. Tuổi Con Cọp TRÀ LŨ
39. 1.11.1963: Ngày Dài NGUYỄN MINH TÁNH
59. Thiếu Tướng Đỗ Kế Giai PHẠM HUY SẢNH
64. Tội Ác Thủ tiêu … ĐỖ NGỌC UYÊN
70. Hoa Mai Vàng Ngày Tết DƯƠNG HÀ
74. Nhất Chi Mai NGUYỄN NHƯ HẢI
75. Chuyển Giao các Trại LLĐB VŨ ĐÌNH HIẾU
77. Giọt Buồn Dĩ Vãng MN NGUYỄN THẾ ĐỈNH
83. Rừng Khóc Mùa Xuân PHẠM TÍN AN NINH
90. Quyên Góp cho VN TS NGUYỄN ĐÌNH THẮNG
91. Kinh Tế Mỹ 2010 TS TẠ CỰ HẢI
99. Ưu Thế và Tà Nghĩa TỪ BÁ ĐÀM
107. Mùa Hoa Anh Đào LƯU HỒNG PHÚC
112. Số Phận Thương Phế Binh. YOSHIGATA
114. Ngược Giòng NGUYÊN NHUNG
119. Rạng Danh Người Việt Tỵ Nạn NGUYỄN MẠNH TRÍ &TRẦN ĐỖ CẨM, VIỆT HẢI.
121. Lịch Sử Trường Sĩ Quan Thủ Đức KIM LOAN
122. Nhân Ngày Hoàng Sa SÔNG HỒNG
123. Phỏng vấn TT Thiệu NGUYỄN XUÂN HÙNG
133. Hình Ảnh Sinh Hoạt Cộng Đồng và Liên Hội

THƠ:
HÀ HUYỀN CHI,28. HOÀI ZIANG DUY,32 CUNG TRẦM TƯỞNG, 63. Ý NGA,82. TRÚC LÂM, 98. ĐOAN KHÁNH,106. NHƯỢC THU,111. MAI HUYỀN NGA, 113. DƯ THỊ DIỄM BUỒN, PHÙNG VĂN NGUYÊN, 132.

Chủ Nhiệm:ĐOÀN HỮU ĐỊNH
Thư Ký Toà Soạn: NGUYỄN PHÙNG
Quảng Cảo và Phát Hành: NGUYỄN HƯNG THÁI
Toà Soạn: LIÊN HỘI CỰU CHIẾN SĨ VNCH-HTĐ
P.O BOX 5055, SPRINGFIELD, VA 22150
Email: chiensiconghoa@gmail.com

CUNG CHÚC TÂN XUÂN
KÍNH CHÚC
QUÝ HUYNH, NIÊN TRƯỞNG
QUÝ CHIẾN HỮU, QUÝ THÂN CHỦ,
QUÝ MẠNH THƯỜNG QUÂN VÀ
QUÝ ĐỘC GIẢ XA GẦN MỘT NĂM:
AN KHANG, THỊNH VƯỢNG VÀ THẮNG LỢI
CHIẾN - SĨ CỘNG - HOÀ
XUÂN CANH - DẦN 2010
SỐ 5 BỘ MỚI

THƯ XUÂN TOÀ SOẠN

Thưa Quý Chiến Hữu,

Một năm cũ qua đi. Một năm mới lại về.Cộng đồng Người Việt Quốc gia tỵ nạn khắp nơi trên thế giới , dù cư ngụ bất cứ nơi đâu, cũng nao nức đón mừng Xuân theo tập tục cổ truyền để tưởng nhớ tới cội nguồn dân tộc cũng như tiền nhân, ông bà và nhất là những người đã hy sinh cho tiền đồ Lạc Việt. Đón Xuân nơi xứ người tự do và sung túc, nhưng cộng đồng người Việt tỵ nạn vẫn không quên hướng về Quê Hương VN, nơi vẫn còn đắm chìm dưới ách thống trị của bạo quyền Cộng Sản, không có tự do nhân quyền nhưng đầy rẫy áp bức và nghèo khổ. Trong khi đó, tại hải ngoại tập đoàn CS Hà Nội cũng gia tăng khuấy rối cộng đồng người Việt tỵ nạn khắp nơi với những chiêu thức ly gián trên mọi mặt, nhất là về truyền thông. Chúng đã và đang ngầm tung những đòn ly gián hòng phân tán tiềm năng chiến đấu chống cộng của chúng ta. Nếu chúng ta không sáng suốt đề kháng, chắc chắn sẽ sập bẫy bọn chúng. Đối với tập thể Cựu Quân nhân, chiến hữu VNCH lại càng phải đề cao cảnh giác phân biệt chánh tà. Đồng thời cũng không quên biểu dương khí thế, giáng trả lại chúng những đòn quyết liệt như ngày xưa đã giáng cho chúng tại chiến trường. Tuy ngày nay, chúng ta không còn súng đạn, nhưng vũ khí của người lính là kỷ luật là tư tưởng và lập trường Quốc gia sắt thép. Chúng ta vẫn có thể đánh gục chúng và những phần tử ngáp nghé thời cơ bám đuôi chồn cáo. Mong rằng chúng ta sẽ thành công nếu cùng chung sức chung lòng đoàn kết đấu tranh..

Trân trọng kính chào quyết thắng.CSCH

VAI TRÒ TIỀN ĐỒN

Nguyễn Đạt Thịnh

Cán bộ cấp lớn của Việt Cộng vừa chia nhau đi khắp thế giới để thuyết phục mọi quốc gia ủng hộ họ trong vai trò tiền đồn chống bá quyền Trung Cộng. Họ đã thành công rất lớn, nếu thành công được đánh giá bằng số quốc gia ủng hộ, hoặc hứa ủng hộ họ. Đại tướng bộ trưởng quốc phòng Việt Cộng Phùng Quang Thanh sang Mỹ, sang Pháp, thượng tướng thứ trưởng quốc phòng Việt Cộng Nguyễn Huy Hiệu sang Nam Hàn, Nguyễn Tấn Dũng sang Nga, sang Úc, Nguyễn Minh Triết đi Ý, Spain, và Slovakia, Nông Đức Mạnh đi Miên, tất cả những chuyến đi này đều có một mục đích duy nhất: gây dựng thế liên minh với càng nhiều quốc gia càng tốt.

Sau cuộc viếng thăm Hoa Kỳ, tướng Thanh tuyên bố với truyền thông quốc nội là *chính sách ngoại giao quốc phòng Việt Nam vẫn là độc lập, tự lập, đa diện, do đó tạo ra được việc bình thường hoá tương quan giữa Việt Nam và Hoa Kỳ và đẩy mạnh liên hệ kinh tế song phương.*

Câu tuyên bố rôm rả này của tướng Thanh phải được hiểu là đã thành công, đã xin được viện trợ quân sự. Nhưng Thanh không ý thức được là Việt Nam cần nhiều hơn là những chiến cụ viện trợ. Ai cũng biết trận chiến Biển Đông, nếu xẩy ra, sẽ không giải quyết được bằng vài chiếc chiến hạm của Mỹ, hoặc 6 chiếc tầu ngầm của Nga; đoàn tầu ngầm này dù có đánh chìm được hàng chục chiến hạm Trung Cộng thì tổn thất đó vẫn không đủ ngã ngũ để giải quyết tranh chấp biển đông.

Trong lúc cái giá mà Việt Nam phải trả sẽ là một loạt oanh tạc bằng phóng pháo cơ, và pháo kích bằng hỏa tiễn vào các thành phố lớn. Tổn thất sẽ lên đến mức khiếp đảm cả về kiến trúc lẫn nhân mạng.

Do đó thượng sách trên Biển Đông không phải là giao tranh, mà là một thế chiến lược deterrence, thế gián chỉ, chiến lược làm nản lòng, thuyết phục Trung Cộng không nuốt cục gân gà Hoàng Sa. Chữ "gián chỉ" đã được dùng trong chiến tranh lạnh về vũ khí nguyên tử giữa Mỹ và Nga; không bên nào dám dùng võ khí nguyên tử để tấn công bên kia, vì họ hiểu là thế dàn trận của cả đôi bên là không tồn trữ võ khí nguyên tử trong một vài chỗ để có thể bị tiêu diệt trong một vài trận oanh tạc. Hoả tiễn nguyên tử còn được đặt trên các chiến hạm để duy trì khả năng tấn công trả đũa khi bị tấn công.

Bí quyết duy nhất giúp Việt Nam tạo ra được thế chiến lược gián chỉ là đồng minh với Hoa Kỳ hoặc với Nga; nếu Việt Cộng ký được với một trong hai đại cường này một hiệp ước hổ tương phòng thủ, loại hiệp ước giúp Đài Loan đứng vững từ 60 năm nay, thì Việt Nam mới có hy vọng đương đầu được với Trung Cộng. Tướng Thanh không tìm được một hứa hẹn nào mang tầm cỡ một hiệp ước hổ tương phòng thủ trong chuyến viếng thăm Hoa Kỳ, hoặc không chủ tâm mưu tìm một cam kết như vậy. Hai chữ "tự lập" viết trong câu tuyên bố của Thanh, tôi dịch

từ chữ “self-reliance” trong bản tin Anh ngữ, (vì không tìm được nguyên văn câu tiếng Việt ông nói); hai chữ này còn có thể hiểu là “tự lo liệu”, vì không có đồng minh.

Tại Pháp cũng vậy, Thanh không xin được một cam kết can thiệp nào cả. Trong giả thuyết Trung Cộng có tấn công Việt Nam thì chắc chắn Pháp sẽ phản đối, có thể nặng lời lên án Trung Cộng nữa; nhưng đồng minh thì không.

Cùng thời gian với chuyến đi của tướng Thanh, Nguyễn Tấn Dũng cũng đi thăm Nga và hai bên ký hợp đồng lớn cung cấp tàu ngầm, chiến đấu cơ và trang thiết bị quốc phòng cho Việt Nam; nhưng cũng vẫn chỉ là việc trợ chiến cụ.

Cộng chung tất cả những thành quả đạt được trong ngần đó chuyến đi mưu tìm liên minh vẫn không đủ để Việt Cộng chịu đựng được những tổn thất của chiến tranh Biển Đông. Họ thừa khả năng bắn chìm chiếc tầu kiểm ngư của Trung Cộng, chiếc tầu đã hung hăng hiếp đáp ngư dân Việt Nam; nhưng chiếc tầu đầu tiên của Trung Cộng bị bắn chìm phút trước, thì phút sau chiến tranh Việt Hoa sẽ tự động diễn tiến, có thể không cần một lời tuyên chiến. Hà Nội, Sài Gòn, Đà Nẵng, Hải Phòng sẽ là mục tiêu oanh tạc của phóng pháo cơ, và hỏa tiễn tầm xa của Trung Cộng.

Việt Cộng có thành tích tiêu thổ kháng chiến, thành tích chịu bom Mỹ, nhưng sau 35 năm hoà bình, và sau nhiều công khó xây dựng thành phố, người Việt Nam có còn chịu đựng được những trận mưa bom, mưa hỏa tiễn nữa không?

Chiến tranh trở thành quá đắt giá, mà không chọn chiến tranh là chọn hòa bình, chọn con đường mất biển, mất đảo, sự lựa chọn không người Việt Nam nào đồng ý cả. Con đường lý tưởng là đem được một trong hai siêu cường, hoặc Nga, hoặc Hoa Kỳ, vào Biển Đông; không có một trong hai siêu cường này, không có đối trọng với lực lượng quân sự của Trung Cộng.

Ngày xưa vì tự do của chính người dân Việt Nam mà Việt Nam Cộng Hoà chấp nhận vai trò “tiền đồn” ngăn chặn cộng sản cho thế giới tự do; Hôm nay Việt Cộng đừng biến Việt Nam thành tiền đồn ngăn chặn Trung Cộng bảo vệ hải lộ cho cả thế giới sử dụng.

Yếu tố mà “tiền đồn” Việt Cộng hôm nay không có, là sự đồng minh của Hoa Kỳ, dù thành tích tháo chạy 38 năm trước có làm Hoa Kỳ mất uy tín, nhưng họ vẫn là thế giá duy nhất có thể đặt lên bàn cân tương quan lực lượng để tạo thế thăng bằng trên Biển Đông. Thiếu Nga hoặc thiếu Hoa Kỳ, Việt Nam sẽ chỉ còn có 2 lựa chọn: một là chịu thua, nhượng Biển Đông cho Trung Cộng, hai là tử chiến để chứng kiến công trình xây dựng mấy chục năm tan tành trong những cuộc oanh tạc và pháo kích.

Nguyễn Đạt Thịnh

Lời cáo lỗi: Nội dung bài vở hình ảnh Chiến Sĩ Cộng Hoà Xuân Canh Dần đa phần nhận được qua email do các tác giả trực tiếp gửi đến. Tuy nhiên, có một số ít bài và hình ảnh vì tính thời sự, CSCH xin phép được trích đăng từ các website trên internet. CSCH xin các tác giả miễn chấp và thứ lỗi. Xin đa tạ. Ban Biên tập Chiến Sĩ Cộng Hoà.

MỪNG XUÂN NHỚ TẾT NĂM XƯA

Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ

Mừng Đông đất khách nhớ Xuân sang,
Kính chúc mọi nhà được bình an,
Nợ nước tình nhà nhân lễ Tết,
Đem lại an lạc cho dân gian.

Tôi nhớ phần đông gia đình Việt Nam đều sống bằng nghề nông, nhứt là ở miền Tây Nam Phần Việt Nam, cho nên sau vụ lúa chánh xong vào khoảng giữa tháng 11 âm lịch hoặc trễ lắm là rằm tháng chạp, kế đến lo trồng hoa màu phụ như : Khoai, bắp, đậu.v.v. cho nên trong dân gian có câu :
Tháng chạp là tháng trồng khoai,
Tháng giêng trồng đậu,
Tháng hai trồng cà,
Tháng ba cày vỡ ruộng ra,
Tháng tư làm mạ, mưa sa đầy đồng...
Quả đúng vậy, quý bà con nhà nông chúng ta ngày xưa, làm việc tùy theo từng mùa, từng tiết, cho nên thường phân chia một năm có bốn mùa rất giản dị chia đều nhau, mỗi mùa có 3 tháng tính theo âm lịch như sau :
- Mùa Xuân bắt đầu mùng một Tết tháng giêng cho đến cuối tháng ba
- Mùa Hạ từ đầu tháng tư cho đến cuối tháng sáu
- Mùa Thu từ đầu tháng bảy cho đến cuối tháng chín.
- Mùa Đông từ đầu tháng mười cho đến cuối tháng chạp.

Trong khi đó, đất nước chúng ta thời tiết ở miền Nam không rõ ràng như miền Bắc, mặc dù vậy, cũng tính từng mùa theo năm dương lịch như sau :
Mùa Xuân bắt đầu lập Xuân là ngày 5 tháng 2 đến ngày 6 tháng 5, giữa mùa Xuân có ngày 21 tháng 3 thì đêm và ngày bằng nhaụ Đó là ngày Xuân phân.
Mùa Hạ bắt đầu lập lập Hạ là ngày 6 tháng 5 đến ngày 8 tháng 8, giữa mùa Hạ có ngày 22 tháng 6 là ngày dài nhứt trong năm. Đó là ngày Hạ Chí. Mùa Thu bắt dầu lập Thu là ngày 8 tháng 8 đến ngày 8 tháng 11, giữa mùa Thu có ngày 23 tháng 9 thì đêm và ngày bằng nhaụ Đó là ngày Thu Phân. Đối với mùa Thu, ở các nước Âu Châu những chiếc lá thường đổi màu vàng, rồi từ từ rơi rụng trông rất đẹp, tuy nhiên, nếu chúng ta có dịp đến nước Gia Nã Đại (Canada) vào mùa này, thì sẽ thấy cái màu đỏ thẩm của lá toàn thân cây, tạo thành một vùng tuyệt đẹp hơn hẳn Âu Châụ
Mùa Đông bắt đầu lập Đông là ngày 8 tháng 11 đến ngày 5 tháng 2, giữa mùa Đông có ngày 22 tháng 12 là ngày ngắn nhứt trong năm. Đó là ngày Đông Chí.
Ở nước Pháp, một năm cũng có bốn mùa như nước Việt Nam chúng ta, được phân chia trong năm 2010 như sau :
- Mùa Đông bắt đầu ngày thứ hai 21-12 -2009 đến 19-03-2010
- Mùa Xuân bắt đầu ngày thứ bảy 20-03 đến 20-06-2010
- Mùa Hạ bắt đầu ngày thứ hai 21-06 đến 22-09-2010
- Mùa Thu bắt đầu ngày thứ năm 23-09 đến 21-12-2010

Trở lại, Phong Tục Lễ Tết Nguyên Đán, chúng ta biết chữ Tết là do chữ Tiết mà ra, tức thời tiết, còn Nguyên Đán tức là bắt đầu năm mới Hằng năm, cứ 4 mùa luân chuyển trong năm, hết Xuân đến Hạ rồi Thu và sang Đông, cho nên cứ hết mùa Đông thì bắt đầu đón mùa
Xuân năm mới và có một con vật trong Thập Nhị Địa cầm tinh khác nối tiếp, ví như

sau năm Mậu Tý chấm dứt, thì năm Kỷ Sửu bắt đầu 24 giờ đêm giao thừa chủ nhựt, 25-01-2009 rạng ngày mùng Một Tết, nhằm ngày thứ hai, 26-01-2009, để cầm tinh đến 24 giờ đêm thứ bảy 13-02-2010 chấm dứt, thì đến năm Canh Dần được bàn giao

Khi nói đến Tết, thường quý bà con đồng hương mình lo từ sau vụ lúa mùa, tức khoảng giữa tháng chạp, bắt đầu lo xay lúa, xay nếp để chuẩn bị tráng bánh, bánh tráng thì tráng ban ngày, nào bánh tráng trắng hay ngọt có rắc mè để nướng hay ăn sống, bánh tráng mỏng để gói chả giò, làm bánh cuốn... bánh tráng làm bằng bột gạo, thông thường vào khoảng mùng mười, mười một tháng chạp thì bắt đầu làm. Còn ban đêm, thì quết bánh phồng liên hồi, tạo âm thanh vui nhộn, vì nhà này làm vần công nhà kia, bánh phồng làm bằng nếp. Ngoài ra, các bà nội trợ cũng bắt đầu chọn ngày để làm dưa cải, dưa kiệu, cà rốt, củ cải... để cho kịp chua ăn Tết, cũng như còn phải mua sắm quần áo mới cho cả nhà từ mấy tháng trước. Nhà nào có trồng những cây mai trước nhà, cũng chuẩn bị lặt lá mai từ hôm rằm tháng chạp, để nó nở đúng vào dịp Tết, gia đình tôi, Ông Bà nội và song thân tôi có trồng những loại huỳnh mai 5 cánh, bạch mai rồi tứ quý... cho nên vào dịp Tết chúng nó đua nhau nở rộ, các màu vàng, đỏ trắng rất đẹp mắt.

Chiều 23 tháng chạp âm lịch hằng năm, mỗi nhà thường tổ chức lễ tiễn đưa ông bà Táo về chầu trời, để tấu trình mọi việc dưới trần gian cũng như việc trong nhà, ông bà Táo cũng được chủ nhà mua sắm quần áo mới, với con cá chép sống (thông thường mua những loại cá làm bằng giấy do người Hoa làm bán, không biết phong tục này đã có tự bao giờ. Nếu quý bà con đồng hương muốn tìm hiểu thêm Táo Công Một Bà Hai Ông, xin đọc quyển Hạ từ trang 404 đến 405 trong tác phẩm Tử Vi & Địa Lý Thực Hành của Nguyễn Phú Thứ).

Khoảng các ngày 24, 25, 26 Tết, thường các đàn ông con trai làm việc lu bù, nào sơn phết nhà cửa, hàng rào, cửa ngõ, đánh bóng những bộ lư hương bằng đồng, dọn dẹp trang hoàng tủ thờ... Tất cả phải làm thật mới để đón mừng Xuân Tết đến, nhà nào có đất ruộng, thì lo tát đìa bắt cá ăn Tết. Hằng năm, ông bà nội và ba má tôi sau khi chọn một cặp cá lóc biết nói (lớn nhứt) để cúng đất đai vào chiều 30 Tết, đặc biệt đáo lệ hằng năm, cặp cá lóc này chỉ đánh vảy cho thật sạch, mà không chặt kỳ và đuôi để nấu cháo cúng. Riêng các đàn bà, con gái thì trổ tài làm bánh mứt đủ loại như: Bánh chưng, bánh tét, bánh ít, bánh kẹp, báng gan, bánh bông lan, bánh in... Mứt thì cũng có đủ loại mứt như: Khóm, hạt Sen, Me, Mãng cầu... thật đủ màu đẹp mắt. Đặc biệt các ông bà cụ già thường đi rảo chợ bông để mua nào là : Vạn Thọ, Mai, Cúc, Thược Dược, Huệ, một vài chậu Thủy Tiên, cành Đào... để đem về tỉa, gọt xén để trồng cho kịp nở hoa đúng vào mùng một Tết. Ngoài ra, còn đến mấy chỗ ông thầy đồ, để chọn lựa mua những đôi liễn nào ưng ý đem về dán trước nhà hoặc hai bên bàn thờ hay bàn thông thiên trước sân nhà hoặc là nơi đền miếu cũng được trang hoàng một cách trang trọng, bởi các câu liễn đơn cử ví như sau : Phước dư Đông Hải - Tứ hải giai huynh đệ - Xuân đáo hoan hỷ - Phúc thọ khang ninh - Công thành danh toại
Thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ
Nêu cao pháo nổ bánh chưng xanh...
hoặc là :

Tân niên hạnh phúc bình an tiến,
Xuân nhật vinh hoa phú quí lai

(Năm mới hạnh phúc bình an đến,

Ngày Xuân vinh hoa phú quí về)

Địa sanh tài thế nghiệp quang qui,
Thiên thủ phúc gia thanh hiện thái

(Đất sanh tài nghiệp đời sáng lạng,
Trời ban phúc nhà tiếng tốt tươi)

Thiên tăng tế nguyệt niên tăng thọ,
Xuân mãn càng khôn phúc mãn đường.

(Trời thêm năm tháng tuổi thêm thọ,
Xuân khắp đất trời phúc khắp nhà.)

Môn đa khách đáo thiên tài đáo,
Gia hữu nhân lai vạn vật lai

(Cửa nhiều khách đến nhiều tiền đến,
Nhà có người vào lắm vật vào)

Sơn thủy thanh cao xuân bất tận,
Thần tiên lạc thú cảnh trường sanh.

(Phong cảnh thanh cao xuân mãi mãi,
Thần tiên vui thú cảnh đời đời)

Khi viết đến đây, tôi lại nhớ nhà thơ Vũ Đình Liên thời xa xưa ở miền Bắc Việt Nam, đã làm bài thơ như sau :

Mỗi năm hoa Đào nở,
Lại thấy ông đồ già,
Bày mực tàu giấy đỏ,
Bên phố đông người qua... v.v

Ngoài ra, các ông bà cụ già còn mua thêm chữ liễn như : Phước, Lộc, Thọ... để về dán vào các trái Dưa Hấu, Bưởi, Dừa... Viết đến đây, tôi nhớ lại người Hoa cũng có phong tục như thế, nhưng lại dán ngược chữ Phước, có ý nghĩa là Phước Đáo (Nếu quý bà con đồng hương muốn tìm hiểu thêm Phước Đáo = Phước Đến, xin đọc quyển Hạ từ trang 410 đến 412 trong tác phẩm Tử Vi & Địa Lý Thực Hành của Nguyễn Phú Thứ).

Kế đến, sang hàng Trà, để lựa mua các loại trà ngon có danh tiếng như: Trà Sen, Trà Cúc, Trà Lài... để trước cúng ông bà, mừng giao thừa, sau biếu bạn bè hoặc mời khách thưởng xuân.

Sau khi chuẩn bị xong trong nhà, đã có đầy đủ các thứ trái cây như : Dưa Hấu, Vú Sữa, Mảng Cầu, Đu Đủ, Dừa Xiêm, Xoài, Cam, Quýt, Bưởi, Khóm, Chùm Sung...thì các bà nội trợ bắt đầu chuẩn bị gói bánh Chưng, bánh Tét, bánh Ít...

Theo phong tục Tết, nhà nào không có nồi thịt kho với : trứng Vịt, cá Lóc và nước Dừa tươi, kế đến bánh Chưng, bánh Tét, bánh Ít, cây Nêu trước nhà (ngõ), các đôi Liễn viết bằng mực tàu trên giấy đỏ (hồng điều), mấy phong Pháo để chuẩn bị đốt đón giao thừa và chờ Lân đến múa trước nhà, thì xem như nhà đó không có ăn Tết, cho nên việc gói bánh Chưng, bánh Tét, bánh Ít là món ăn chánh cổ truyền phong tục Việt nam, các loại bánh này được gói bằng Vông cho bánh Chưng và bằng lá Chuối Hột cho bánh Tét hay bánh Ít.

(Nhân nhắc đến bánh Ít có dạng hình tháp, tôi nhớ ở Việt Nam mình có các loại bánh Ít, xin kể như sau :

- Bánh ít nhưn chuối, bánh ít nhưn đậu, thường gói trong dịp Tết hay đám giỗ chạp để cúng kiến.

- Bánh ít nước tro (bởi vì, nếp ngâm với nước tro trước khi một đêm rồi mới đem xay thành bột, cho nên bánh nó trong vắt, loại bánh này thường thấy trong dịp lễ Thanh Minh).
- Bánh ít lá tre (bởi vì, bánh ít gói bằng lá tre).
- Bánh ít lá gai ở Bình Định có danh tiếng, (bởi vì, phải tìm hái lá gai đem về rửa sạch, phơi cho ráo rồi bỏ vào cối quết chung với bột nếp cho nhuyễn để gói bánh bằng lá Chuối, nhưn bánh mặn thì có đậu xanh, đen, dừa... đôi khi thêm tôm xào với thịt hoặc bánh ngọt

thì có đậu xanh, đen, dừa và đường tùy địa phương).

Vì thế, trong dân gian có câu :

Muốn ăn bánh ít lá gai,
Lấy chồng Bình Định sợ dài đường đi

Ngoài các loại bánh ít phải gói bằng lá Chuối hay lá Tre, còn thấy bánh không có gói bằng lá, mà để trần, cho nên có tên là bánh ít trần).

Bánh Chưng và bánh Tét nhưn (nhân) mặn, thì được làm bằng thịt heo ba rọi (ba chỉ), đậu xanh bóc vỏ, bao bởi lớp nếp ở ngoài, còn bánh Tét nhưn ngọt, thường làm bằng đậu xanh bóc vỏ trộn với đường thẻ, ngoài ra còn có bánh Tét nhưn chuối xiêm nữa, một đặc điểm đáng lưu ý, nếu chúng ta gói bánh Tét làm bằng nếp sống, khi cột bánh không được cột chặt, vì để nếp sống nó nở ra là vừa, trái lại nếu cột chặt như gói bánh Tét làm bằng nếp chín thì nó sẽ bị nín làm cho bánh Tét bị sống. Khi bánh chín quyện lẫn mùi lá thật quyến rủ. Miếng bánh ngon nhứt là miếng bánh ăn ngay khi vừa nấu chín. Tùy gia đình, thường nấu bánh vào đêm 27 hoặc 29 Tết, canh nấu suốt đêm đến sáng mới chín, thời gian phải mất khoảng trên 5 giờ đồng hồ. Bánh chín vớt ra cho ráo nước, rồi mới vội vàng đem biếu cho bà con, họ hàng thân tộc trong gia đình, trong khi bánh còn nóng hổi (Nếu quý bà con đồng hương muốn tìm hiểu thêm Sự Tích Bánh Dày & Bánh Chưng, xin đọc quyển Hạ từ trang 416 đến 418 trong tác phẩm Tử Vi & Địa Lý Thực Hành của Nguyễn Phú Thứ).

Việc chuẩn bị mừng Xuân đón Tết hằng năm, mọi nhà, không những lo dọn dẹp, sơn phết trong nhà ngoài cửa, mà còn phải lo mồ mả ông bà tổ tiên cho thật đẹp, thật mới, thông thường làm cỏ và sơn nước vôi các ngôi mộ để trong dịp Tết cúng kiến và rước ông bà về cùng ăn Tết.

Về lễ rước ông bà, cúng thần đất đai, thì tùy theo nơi rước ông bà sớm là chiều ngày 28 thay vì chiều ngày 30 Tết, phần đông những gia đình theo đạo Phật Giáo Hòa Hảo ở vùng đồng bằng châu thổ sông Hậu Giang như: Ômôn, Cao My, Ba Rích... (Cần Thơ) Thốt Nốt (Long Xuyên), Hòa Hảo (Châu Đốc), Cái Vồn (Vĩnh Long)... thường làm lễ rước ông bà chiều 27 hay 28 Tết (tùy theo tháng thiếu hay đủ) và đến mùng 1 Tết cúng chay và đến mùng 2 cúng mặn lại Bữa cơm cúng rước ông bà là một trong những bữa cơm cuối năm ăn ngon nhứt của mọi gia đình sau những ngày chuẩn bị Tết mệt nhọc. Trên bàn thờ ông bà, được đặt chánh giữa nhà, thường có bộ lư hương bằng đồng được lau chùi sáng choang, hai bên có chân đèn để cắm cặp đèn cầy số 1 màu đỏ, một cặp dưa hấu hạng nhứt và kèm theo đủ loại trái cây, bánh mứt, hoa quả như : Mảng Cầu, Chùm Sung, Dừa tươi, Đu Đủ, trái Xoài... nếu thiếu một trong mâm ngũ quả, thì có thể thay thế bằng trái Thơm (Khóm) hay một nải Chuối Cau Nhưng ít khi nào tìm không đủ ngũ quả này tương trưng : Cầu Sung Vừa (Dừa) Đủ Xài (Xoài). Ngoài ra, một bàn thờ cũng được thiết lập lộ thiên đặt cạnh bàn thông thiên và cây tre làm cây nêu dựng sẵn trước cửa nhà, trên bàn thờ này cũng chuẩn bị nhang đèn hoa quả, mặt quay về hướng chánh Nam, để phù hợp với phong tục xưa là: "Thánh Nhân Nam Diện Nhi Thính Thiên Hạ" để đón giao thừa

Riêng bàn thông thiên thường đặt chính giữa trước sân nhà, nếu ai có dịp đến

miền Tây Nam phần Việt Nam sẽ thấy, cái bàn thờ lộ thiên này thành lập trên trụ cột cao, ngay vừa tầm mắt, thường có đặt bình bông, chung nước, lọ cắm nhang và chân đèn cầy để hằng ngày cúng kiến tất cả các vị Phật, Pháp, Tăng ở cõi mười phương thế giới và tất cả chư vị hiện đang hành sự tại cõi ta bà và tây phương nữa, cho nên chữ thông thiên mọi người sẽ nghĩ ngay là thấu trời Bởi vì, những gia đình có bàn thông thiên, thường theo đạo Phật Giáo Hoà Hảo hay đạo thờ ông bà, hằng ngày sáng chiều sau khi đốt nhang niệm Phật trên bàn thờ Phật hay ông bà tổ tiên trong nhà xong, thì mới quay mặt để đi thẳng đến bàn thông thiên để khấn nguyện với câu niệm như sau : " Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Nam Mô Phật Tổ, Nam Mô Thập Phương Phật, Nam Mô Thập Phương Pháp, Nam Mô Thập Phương Tăng, Phật Thầy, Quan Thượng Đẳng Đại Thần, Trăm Quan Cựu Thần, Chư Vị Sơn Thần, Chư Vị Năm Non Bảy Núi... cảm ứng chứng minh nay con nguyện cải hối ăn năn, làm lành lánh dữ, qui y theo mấy Ngài, tu hiền theo Phật Đạo" (tuy nhiên có nhiều người thêm bớt câu niệm này tùy theo căn duyên hay sức khỏe), rồi mới lạy 4 lạy.

Riêng các trẻ con là sung sướng nhứt, khoảng gần xế chiều 30 Tết, thì được tắm rửa sạch sẽ để thay quần áo mới, xúng xính còn thơm mùi vải, còn người lớn thì phải lo đủ thứ kể cả mấy bao gạo, lu nước, hũ muối cũng phải châm cho đầy, còn mấy ông bà nghiện trầu cau, thuốc hút cũng phải đi mua cho dủ, vì ba ngày Tết ít có tiệm nào mở cửa bán.

Sau khi làm lễ đón rước ông bà và ăn uống xong, các trẻ con thường đi xem múa Lân hoặc đi từng đoàn từ nhà này qua nhà khác vui chơi và khoe quần áo mới, để chờ giờ đón giao thừa Còn người lớn, nhứt là quý bà nội trợ, phải lo nấu nồi chè, nồi nước, hoa quả, cắt bánh Chưng, bánh Tét... để chuẩn bị đón giao thừa đúng 12 giờ đêm 30 hoặc 29 (nếu tháng thiếu) rạng mùng 1 Tết. Boong boong... còn hai phút, rồi còn một phút, giờ giao thừa đến, thì đài phát thanh (radio), đài truyền hình, Chùa, Đình... thi nhau đánh hồi trống hay chuông, để báo hiệu giờ tống cựu nghinh tân để tiễn đưa năm cũ rước năm mới vào Thật lạ lùng thay ! Tất cả cảnh vật trở nên nghiêm trang, rất là thiêng liêng, nhà nhà đều cúng lễ gia tiên giao thừa, treo bùa nêu lên đọt cây tre, rồi đốt pháo Tiếng pháo đì đùng vang rền khắp mọi nơi, có người đốt cả phong hoặc lẻ tẻ trước nhà hay kế cận bàn thông thiên hoặc xung quanh nhà để đuổi trừ những cái xui xẻo năm cũ và đón mừng năm mới, với ước mơ hy vọng bước sang năm mới sẽ làm ăn phát đạt hơn, may mắn hơn và nhiều tốt đẹp hơn năm cũ. Sau khi nhang tàn, thì hạ mâm cỗ xuống để cả nhà cùng quây quần ăn chè, bánh mứt, hoa quả... cùng mừng bước sang năm mới Vì thế, trong dân gian mới có câu:

Cu kêu ba (1) tiếng Cu kêu,
Trông mau đến Tết dựng nêu ăn chè.

(1) Nhân viết tiếng Chim Cu kêu, tôi xin được trình bài thêm về loài chim Cu và tại sao Ông Bà mình không dùng loài chim khác? Bởi vì, loài chim Cu (La tourterelle) là loài lông vũ, có rất nhiều thứ, nhưng thường thấy là thứ nhỏ con, gáy không lớn, thường gọi là Cu Đất, Cu Ngói (tùy theo màu sắc của nó). Còn một thứ chim Cu khác, ở lông cổ có hột cườm rất đẹp và gáy tiếng lớn, thì gọi là Cu Cườm (La tourterelle à collier). Ngoài ra, còn có thứ chim Cu có màu xanh lục gọi là Cu Xanh. Người ta nuôi chim Cu để làm mồi để sập bẩy chim Cu khác tức gác cu, cho nên trong ca dao có câu:

Ở đời có bốn cái ngu,
Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu

Thông thường con chim Cu nó gáy Cu Cu, nếu có những thứ chim Cu quý, thì nó gáy được ba tiếng trở nên Rục Cu Cụ Đối với những con con chim Cu gáy được như vậy,

người chủ nuôi thường hành diện mà khoe với xóm làng là : Chim nhà tôi nó gáy có hậu ghê. Điểm đặc biệt của Chim Cu thường hay gáy vào mùa Xuân, cho nên gần Tết mới nghe Cu kêu...
Trong kho tàng ca dao, tục ngữ có câu :
Cưng như cưng Cu Cụ
Chữ Cu Cu này để chỉ chim Cu, vì ca dao cũng có câu:
Cu Cu ăn đậu, ăn mè,
Bồ Câu ăn lúa, Chích Choè ăn khoai...

(Nếu quý bà con đồng hương muốn tìm hiểu thêm xin đọc quyển Hạ từ trang 428 đến 431 trong tác phẩm Tử Vi & Địa Lý Thực Hành của Nguyễn Phú Thứ).

Thế nên, phong tục Tết Việt Nam hằng năm, thường mỗi nhà nấu một nồi chè đậu xanh để cúng giao thừa và dựng nêu Ngoài ra, còn cắt (bổ) dưa hấu đầu năm mữa, nếu trái dưa hấu thật đỏ, lại ngọt dòn, thì nhà đó tin rằng năm mới sẽ có thời vận tốt cho gia đình suốt năm, còn trái lại dưa hấu không đỏ, không ngon ngọt thì xem như năm mới không được tốt và bị xấu cả năm. Đó là sự dị đoan của phong tục Việt Nam xa xưa Nếu quý bà con đồng hương muốn tìm hiểu thêm tại sao ông bà mình dùng tiếng gáy của con chim Cu mà không dùng con vật khác? Và tại sao có trái Dưa Hấu ? (xin quý bà con đồng hương đọc quyển Hạ từ trang 428 đến 435 trong tác phẩm Tử Vi & Địa Lý Thực Hành của Nguyễn Phú Thứ).

Còn trẻ con sau khi đốt pháo và ăn uống no nê thì đi ngủ, chỉ còn người lớn tuổi ngồi nhâm nhi bên tách trà xanh để thưởng thức cái yên lặng, cái linh thiêng huyền diệu của đêm trừ tịch với mùi trầm hương quyện lẫn mùi pháo, rồi tưởng nhớ những người thân đã khuất hay nhắc nhở đến một vài đứa con, đứa cháu trong gia đình vì đi làm ăn xa hay vì công việc không thể về chung vui mừng xuân đón Tết bên tổ ấm gia đình.

Có nhiều người hay gia đình, sau khi cúng giao thừa xong vì tin tưởng vào số tuổi để chọn giờ xuất hành đầu năm cho hạp và làm ăn phát tài năm mới, rồi còn chọn hướng đi nơi nào trước, để cúng chùa, cúng đình...hoặc đi hái lộc hay xin xâm đầu năm, để cho biết thời vận trong năm đó. Việc hái lộc thường chọn một cành cây xanh tươi tốt, có nhiều mầm non, tượng trưng cho năm mới được tài lộc sung túc.

Sáng mùng một Tết, thì thói thường ông bà già hay chủ gia đình thường thức dậy sớm để làm lễ xong đất, nếu các con các cháu có thức sớm hơn cũng không được mở cửa nhà, mà phải chờ đợi người gia trưởng trong gia đình mở cửa, tất cả con cháu trong gia đình phải tề tựu trước bàn thờ để trước làm lễ cúng ông bà tổ tiên đầu năm, sau mừng tuổi ông bà, cha mẹ. Các con cháu được lì xì bằng những phong bì màu đỏ, bên trong có tiền mới toanh, còn thơm mùi giấy, theo thói thường các con cháu làm tuổi nói như sau: Con kính xin làm tuổi ông bà (hay cha mẹ) sống bách niên giai lão

Kể từ mùng một đến mùng ba Tết, mọi người rất kiêng cử, không được giận hờn, gắt gỏng, la rầy, không tạo chuyện buồn phiền, vì e rằng sẽ xui cả năm, không được hái trái cây và cũng không được quét nhà đổ rác đi, vì theo truyền thuyết, khi quét nhà đổ rác, tiền bạc sẽ ra như rác vậy

Trong ca dao Việt Nam cũng có câu : "Mùng một Tết nhà, mùng hai Tết thầy, mùng ba Tết bạn" (*Chỗ này xin Ông Hàn coi lại vì trong dân gian cũng thường nói:*

Mùng Một ăn Tết nhà Cha

Mùng Hai nhà vợ, mùng Ba nhà Thầy-CSCH). Nên tôi dù có bận rộn đi thăm và chúc Tết họ hàng cũng như các thầy cô của tôi vào sáng mùng hai Tết, nhưng xế trưa cũng phải trở về nhà để ông bà nội, ba má và các em đi thăm bà con hoặc đi chơi xa, bởi vì tôi là đứa cháu đích tôn của ngôi nhà thờ ông bà nội tôi

đang ở và sau là để đón tiếp bạn bè hay đồng nghiệp, học trò cũ thân quý của tôi

Đến sáng mùng ba Tết, trên bàn thờ lúc nào cũng được thắp nhang, hương khói nghi ngút, đèn sáng trưng. Mùi trái cây, mùi hương, mùi pháo tất cả hòa lẫn nhau tạo nên một hương vị đặc biệt của riêng những ngày Tết dân tộc Việt Nam. Những cành Mai, cành Đào trên bàn thờ hay ở góc nhà cùng vài chậu Vạn Thọ, Thược Dược... đang khoe sắc tỏa ra hương thơm ngào ngạt cũng góp phần tạo nên không khí Tết năm xưa

Tết là mùa sum hợp, nghỉ ngơi. Đối với bà con ở nông thôn, việc ăn Tết càng quan trọng hơn, vì trong năm hết làm những vụ lúa mùa, còn phải trồng hoa màu phụ, ví như phải canh trồng dưa hấu hay trồng bông hoa hoặc trồng trầu cau... để đón Tết nữa, cho nên công việc nhà nông làm theo từng mùa, từng tiết, quanh năm suốt tháng thật bận rộn, vất vả với công việc đồng áng và đôi khi không được nghỉ ngơi những ngày cuối tuần, như những người làm việc khác ở thành thị hay công chức hoặc trong ngành giáo dục...Vì vậy, trong dịp Tết là cơ hội để nghỉ ngơi, bỏ tất cả mọi công việc để mừng Xuân hưởng Tết, nào là ăn uống linh đình, giải trí, thăm viếng... Tết ở nông thôn vui lắm, có khi kéo dài đến nửa tháng, mới chọn ngày tốt để làm lễ hạ nêu, trong khi dân thành thị thì trái lại, chỉ ăn Tết nhiều lắm bảy ngày, nhưng thường là ăn Tết đến hết ngày mùng bốn hoặc mùng sáu là hạ nêu và làm lễ khai trương cửa hàng buôn bán, ít ai đầu năm chịu làm lễ khai trương vào ngày mùng năm, bởi vì ngày mùng năm là ngày lẻ, nên mọi người cho là không tốt. (Nếu quý bà con đồng hương muốn tìm hiểu thêm, xin đọc quyển Hạ từ trang 436 đến 439 trong tác phẩm Tìm Hiểu Tử Vi Đẩu Số Và Địa Lý của Nguyễn Phú Thứ).

Mặc dầu đã hết Tết, nhưng cái âm hưởng những ngày Tết vẫn kéo dài đâu đó, trên những gốc mai vàng rực rỡ trước sân nhà, những xác pháo khắp mọi đường đất nước quê hương, trên nụ cười hớn hở của đám trẻ thơ và trên những bàn Bầu, Cua,Cá, Cọp....

Giáo Sư & Nhà Văn
Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ
Mừng Xuân Canh Dần 2010

TRẬN HỒNG NGỰ

TRẦN ĐỖ CẨM

LTS: Hồng Ngự là một quận lỵ thuộc tỉnh Kiến Phong, nằm gần biên giới Việt-Miên. Tuy bé nhỏ khiêm nhường, nhưng đã từng là nơi diễn ra nhiều cuộc thư hùng giữa ta và địch. Trước năm 1975, tỉnh Kiến Phong thuộc vùng trách nhiệm của Sư Đoàn 9 Bộ Binh. Hồng Ngự có một vị trí đặc biệt về Kinh tế và nông nghiệp trù phú cũng như rất thuận tiện về lưu thông đường thủy qua lại giữa hai nước Việt-Miên. Do đó Hồng Ngự mang một tầm chiến lược quan trọng nên Cộng quân đã không ngừng bám trụ và đánh phá nơi này vì HN nằm ngay trên lộ tiến quân cuả chúng.

CSCH xin phép trích đăng bài viết sau đây cuả NT Trần Đỗ Cẩm về Giang Đoàn 26 Xung Phong Hải quân VNCH, người trực tiếp tham dự trân đánh này, nói về một cuộc hành quân phối hợp thuỷ bộ đã rất thành công và thu đoạt chiến thắng lớn, bẻ gãy âm mưu cuả CQ, đánh tan lực lượng cấp Trung đoàn cuả chúng. Xin chân thành cảm tạ NT Trần Đỗ Cẩm.

Trong số các đơn vị Hải Quân, Giang Đoàn 26 Xung Phong được coi là thành phần chủ lực gồm toàn bộ 19 giang đĩnh đủ loại tham chiến, với đầy đủ khả năng hành quân thủy bộ, yểm trợ pháo, chuyển vận, tuần tiễu, án ngữ cũng như tiếp tế. Các giang đĩnh PBR có vận tốc cao, vận chuyển lẹ làng thường được xử dụng trong các cuộc tuần thám và phục kích ban đêm. Chiến hạm tăng phái với các loại đại bác 76 ly và 40 ly đảm trách nhiệm vụ yểm trợ hỏa lực cho các đơn vị hành quân.

Ngay khi lực lượng tăng viện tới vùng hoạt động, các đơn vị trưởng lập tức bàn thảo kế hoạch giải tỏa áp lực địch trong vùng và nhất là quét sạch địch quân bố trí tại bờ Đông sông Cửu Long từ Hồng Ngự lên tới biên giới Miên - Việt. Lúc này, tuy lực lượng địch còn rất mạnh vì chúng chiếm giữ khu vực ven

sông ngay phía bắc Chi Khu, nhưng cán cân lực lượng đôi bên không còn chênh lệch nhiều như trước. Hơn nữa, các đơn vị Địa Phương Quân và Nghĩa Quân cơ hữu được tăng viện và yểm trợ hữu hiệu nên lên tinh thần, chiến đấu rất hăng hái.

VIII. Các Trận Đánh Quan Trọng

Liên tiếp trong khoảng thời gian chừng hai tháng (từ tháng 3 đến tháng 4 năm 1973), các giang đĩnh thuộc Giang Đoàn 26 Xung Phong đã tích cực đóng góp vào nỗ lực bảo vệ quân Hồng Ngự chống lại áp lực của Trung Đoàn 207 Cộng quân. Ngoài nhiện vụ tuần tiễu

thường xuyên để ngăn chận địch quân xâm nhập bằng đường sông cũng như phối hợp, yểm trợ Trung Đoàn 15 Bộ Binh và Địa Phương Quân, Nghĩa Quân thuộc Chi Khu Hồng Ngự, Giang Đoàn 26 Xung Phong còn trực tiếp tham dự vào nhiều trận đánh lớn quan trọng.

1. Trận Đánh Tại Rạch Hồng Ngự

Ngay khi Trung Đoàn 15 thuộc Sư Đoàn 9 Bộ Binh vừa đến vùng Hồng Ngự, Thiếu Tá Thái Lê Trương, Chi Khu Trưởng đã yêu cầu các đơn vị Bộ Binh và Hải Quân tăng phái tìm mọi cách đẩy lui địch khỏi bờ Bắc rạch Hồng Ngự. Lý do vì tuy Cộng quân tuy không vượt được con rạch để đánh chiếm Chi Khu, nhưng chúng vẫn hàng ngày pháo kích vào quân Hồng Ngự, gây thiệt hại nặng nề cho dân chúng. Rạch Hồng Ngự ăn thông với rạch Cái Cái chạy tới biên giới Việt Miên, rộng chừng 100 thước, từ trước tới nay vẫn là "giới tuyến" của đôi bên. Cộng quân tuy chiếm giữ được mặt Bắc nhưng không thể vượt qua con rạch vì bị các giang đĩnh Hải Quân chận đứng. Trong khi đó, lực lượng phòng thủ tuy giữ được mặt Nam nhưng lại không có đủ lực lượng đổ bộ để đẩy lui địch quân. Vùng chợ Hồng Ngự nằm ở mặt Nam tuy chỉ cách Chi Khu chừng một cây số, nhiều khi đã được coi như vùng "sôi đậu" vì địch quân xâm nhập.

Sau khi phối hợp với Trung Đoàn 15 BB và Chi Khu theo kế hoạch hành quân, Giang Đoàn 26 Xung Phong lãnh nhiệm vụ dùng 4 LCM-6 chở một Tiểu Đoàn Bộ Binh sang sông bằng hai đợt. Khi nhiệm vụ chuyển quân hoàn tất, các giang đĩnh sẽ tuần tiễu, án ngữ và yểm trợ cho lực lượng Bộ Binh càn quét bờ Bắc. Chỉ Huy Trưởng Giang Đoàn 26 Xung Phong chịu trách nhiệm chỉ huy cuộc hành quân đổ bộ, Tiểu Đoàn Trưởng Bộ Binh có nhiệm vụ chỉ huy cánh quân sau khi đổ bộ để tiêu diệt địch quân trong vùng mục tiêu chỉ định.

Để các giang đĩnh chở quân ủi bãi dễ dàng, Giang Đoàn 26 Xung Phong chọn giờ đổ quân vào lúc hừng sáng khi mực thủy triều cao nhất để bộ binh có thể lên bờ không bị trở ngại và tràn vào mục tiêu cùng một lúc. Hơn nữa, việc nhận quân vào lúc ban đêm tại bãi ủi ngoài bờ sông Cửu Long nằm về phía Nam Chi Khu Hồng Ngự cũng có thể tránh địch pháo kích và khiến chúng không thể quan sát hay đoán biết ý đồ hành quân.

Theo đúng kế hoạch, sau khi nhận quân, đoàn giang đĩnh di chuyển dọc theo bờ Đông sông Cửu Long, quẹo phải vào rạch Hồng Ngự đúng giờ dự trù. Tuy con rạch rộng chừng 100 thước, nhưng có rất nhiều hàng đáy của dân đánh cá nên phải di chuyển rất chậm và khó khăn. Một số giang đĩnh yểm trợ gồm LCVP và FOM đi trước dẫn đường vào sâu trong rạch quá mục tiêu chừng ba cây số, gần một đồn Nghĩa Quân rồi tác xạ dữ dội quanh đồn như để yểm trợ hỏa lực để làm kế hoạch nghi binh. Các giang đĩnh chở quân theo sau vào điểm đổ quân đúng lúc hừng sáng. Chỉ trong vòng 15 phút, nửa Tiểu Đoàn Bộ Binh đã lên bờ, thiết lập đầu cầu an toàn. Nửa Tiểu Đoàn còn lại được các LCM-6 đưa thẳng từ bờ Nam qua. Trong lúc lực lượng Bộ Binh chia thành

nhiều mũi tiến chiếm các mục tiêu được chỉ định trước, các giang đĩnh Hải Quân di chuyển qua bờ Nam ủi bãi rải rác để sẵn sàng yểm trợ cho cánh quân đổ bộ khi cần.

Khi trời vừa sáng rõ, Cộng quân từ các công sự phòng thủ kiên cố tuy bị bất ngờ nhưng cũng chống trả dữ dội. Từng loạt thượng liên và AK bắn xối xả vào các chiến sĩ Bộ Binh đang lăn xả vào mục tiêu. Nhưng địch phản ứng quá trễ, các chiến sĩ Trung Đoàn 15 đã tiến đến quá gần, từng trái lựu đạn, từng loạt đạn M-79 thẩy vào hầm hố của chúng khiến nhiều tên bị tan thây tại chỗ. Trận đánh chớp nhoáng kéo dài khoảng một tiếng đồng hồ, nguyên một Tiểu Đoàn Cộng quân coi như bị diệt gọn. Tuy nhiên, còn một vị trí súng cối 82 ly được một tổ thượng liên và một toán B-40 yểm trợ vẫn còn hoạt động. Cả ba ổ súng này bố trí theo hình tam giác, liên hoàn yểm trợ lẫn nhau gây trở ngại không ít cho các chiến sĩ Bộ Binh, sau nhiều đợt xung phong bị thiệt hại khá nặng nhưng vẫn không sao tiêu diệt được.

Tại bờ rạch phía Nam, trên giang đĩnh chỉ huy nơi đặt Bộ Chỉ Huy hành quân thủy bộ gồm Chỉ Huy Trưởng Giang Đoàn 26 Xung Phong và Tiểu Đoàn Trưởng Bộ Binh, mọi người đều nhìn thấy rõ ràng toán Bộ Binh bò sát đất lẻn vào gần vị trí của Cộng quân, nhưng các ổ súng của chúng đều được chôn dấu kỹ trong các công sự đắp bằng đất rất dầy nên lựu đạn và M-79 không phá tan được. Vì vậy, sau nhiều đợt xung phong không những vô hiệu quả, còn có một số binh thương vong. Vị Tiểu Đoàn Trưởng Bộ Binh nôn nóng ra lệnh cho binh sĩ tìm đủ mọi cách tấn công tiếp, nhưng vẫn bị chận lại, còn thêm một số binh sĩ vừa chết vừa bị thương kẹt dưới lằn đạn của đối phương. Để tránh thiệt hại thêm cho lực lượng bạn, Chỉ Huy Trưởng Giang Đoàn 26 Xung Phong đề nghị dùng súng cối 81 ly cơ hữu trên giang đĩnh liên tiếp bắn phủ đầu vào mục tiêu để địch khó ngóc đầu lên quan sát, đồng thời cho Thiết Giáp Đĩnh "Monitor Combat" với đại bác 40 trực xạ sẽ bất thần tiến sang bên kia sông, chỉ cách mục tiêu chừng 300 thước, dùng đại bác 40 ly bắn thẳng vào các ụ đất để san phẳng các ổ súng địch. Tuy nhiên, việc xử dụng hỏa lực Hải Quân bắn thẳng này có thể gây thiệt hại cho số bộ binh đang nằm kẹt giữa mục tiêu và lằn đạn Hải Quân.

Tuy kế hoạch hơi nguy hiểm, nhưng vì không còn lựa chọn nào khác nên được đồng ý và thi hành ngay. Chiếc giang đĩnh chỉ huy rời bãi ủi tiến ra giữa lòng rạch, vừa chạy thật chậm, vừa tác xạ súng cối. Chiếc Thiết Giáp Đĩnh cũng lập tức tiến sang bờ rạch bên kia, pháo tháp 40 điều chỉnh nhắm thẳng vào mục tiêu trong khi khẩu đại liên 50 gắn chung trong pháo tháp khạc đạn liên hồi để mở đường. Khi đã ủi bãi vào vị trí thuận tiện, khẩu 40 ly lập tức bắn từng loạt đạn vào các ụ đất đặt súng của địch quân. Vì khoảng cách không xa, vị trí của giang đĩnh lại cố định nên việc tác xạ rất chính xác và hiệu quả. Mỗi viên đạn bắn trúng mục tiêu lại thổi bay đi một mảng đất lớn. Sau chừng 50 viên đạn, Cộng quân dường như đoán được ý định của lực lượng tấn công nên chuyển xạ, quay súng nhắm vào các giang đĩnh bắn trả dữ dội. Các ổ thượng liên và B-40 nhắm vào chiếc Thiết Giáp Đĩnh, trong lúc hàng loạt đạn súng cối bắn ra ngoài rạch nhắm vào các giang đĩnh đang tuần tiễu. Tuy là những mục tiêu lớn và trống trải dưới hỏa lực của Cộng quân, nhưng các giang đĩnh vẫn bám sát khu vực hành quân. Nhiều quả đạn súng cối rơi sát giang

đĩnh chỉ huy khiến một số thủy thủ và bộ binh trên giang đĩnh bị thương vì trúng mảnh đạn. Nhưng địch đã không còn đường thoát. Chỉ trong khoảnh khắc, các quả đạn 40 ly liên tiếp

bắn trúng mục tiêu đã san bằng những vị trí đặt súng cố thủ cuối cùng của chúng. Khi tiếng súng địch im hẳn trên chiến trường, toán bộ binh trên bờ lập tức tiến vào lục soát các mục tiêu vừa bị Hải Quân bắn phá. Kết quả họ tịch thu được 1 khẩu súng cối 82 ly, 1 thượng liên, 2 khẩu B-40 và 7 khẩu AK.

Sau khi hoàn tất công tác, Đại Úy Tiểu Đoàn Trưởng Bộ Binh bắt tay cám ơn Chỉ Huy Trưởng Giang Đoàn 26 Xung Phong đã giúp ông thanh toán mục tiêu mà không bị thiệt hại thêm. Đúng lúc này, vị sĩ quan Bộ Binh mới nhìn thấy ống quần bên trái của vị sĩ quan Hải Quân bị thủng nhiều lỗ khá lớn và máu tràn ra từ chiếc giầy trận bên chân trái. Thì ra trong lúc say mùi khói súng đứng trên sàn giang đĩnh chỉ huy tác chiến, Chỉ Huy Trưởng Giang Đoàn 26 Xung Phong đã bị trúng mảnh đạn súng cối địch gần xương ống chân trái nhưng không hề hay biết! Mảnh đạn này nằm sâu trong bắp chân cho đến ngày nay, vì gần các gân chính nên bác sĩ khuyên không nên giải phẫu, cứ để như vậy. Đây là lần thứ nhì ông bị thương trong đời quân ngũ (lần trước tại vùng kinh Mang Thít gần vàm Quới An, khi làm Chỉ Huy Trưởng Giang Đoàn 31 Xung Phong tại Vĩnh Long).

Kết quả trong trận đánh quan trọng này, địch quân bị đẩy lui khỏi bờ Bắc rạch Hồng Ngự, áp lực của chúng coi như không còn đáng kể. Phía Bộ Binh bị thiệt hại trung bình. Phía Hải Quân, nhiều giang đĩnh bị trúng đạn địch quân nhưng không có chiếc nào bị chìm hay bất khiển dụng. Về nhân sự chỉ có 5 người bị thương, 1 nặng, 4 trung bình. Khi nhận được công điện báo cáo kết qủa hành quân, thượng cấp chỉ thị Chỉ Huy Trưởng Giang Đoàn 26 Xung Phong dù đã bị thương, nhưng không nặng lắm nên vẫn tiếp tục ở lại vùng hành quân, không tản thương cho đến khi có lệnh mới.

2. Trận Đánh Tại Thường Phước

Bị đánh bật ra khỏi khu vực Hồng Ngự, Cộng quân tuy bị thiệt hại khá nặng nhưng chúng vẫn lì lợm cố bám chặt khu Thường Phước nằm trên bờ Đông sông Cửu Long, đối diện Tân Châu đến biên giới. Tuy không chiếm được Hồng Ngự để khống chế thủy lộ sông Cửu Long, nhưng địch vẫn còn đủ lực lượng phong tỏa bờ Đông để ngăn chận các thương thuyền từ Việt Nam lên tiếp tế Nam Vang.

Khúc sông ngay trước mặt quân Tân Châu là nơi thương thuyền tập trung để quan thuế kiểm soát và chuẩn bị trước khi ngược dòng Cửu Long. Đây là điểm neo thứ nhì trên đường đi Nam Vang, sau điểm neo gần Bắc Mỹ Thuận tại khu vực Ngã Ba Đèn Đỏ. Nếu Cộng quân còn kiểm soát dược vùng Thường Phước đối diện, không những các thương thuyền tại điểm neo bị đe dọa, mà ngay cả quận Tân Châu thuộc tỉnh An Giang cũng nằm trong tầm pháo kích của chúng.

Về địa thế, Thường Phước là một vùng đất bằng với nhiều cánh đồng trống trải kéo dài tới tận bờ sông đối diện Tân Châu. Bờ sông Cửu Long tại vùng này là phía đất bồi, trong khi Tân Châu là bờ đất lở. Dân cư tại đây rất thưa thớt, đa số sống về nghề ruộng rẫy.

Khi cánh quân của Trung Đoàn 15 Bộ Binh có Hải Quân yểm trợ từ Hồng Ngự đánh dần lên hướng Tây Bắc, Cộng quân yếu thế lùi dần về vùng biên giới Việt - Miên. Tuy địch rất muốn vượt sông Cửu Long để đánh chiếm Tân Châu, nhưng chúng không thực hiện được ý đồ này vì khúc sông này bị các giang đĩnh

thuộc Liên Đoàn Đặc Nhiệm Hải Quân phong tỏa.

Vào koảng cuối tháng 4-1973, Cộng quân thu thập tàn quân chừng một Tiểu Đoàn đóng chốt tại các vị trí ven sông vùng Thường Phước nhằm uy hiếp các thương thuyền đang từ Vũng Tàu di chuyển tới. Để giải tỏa áp lực địch, Bộ Chỉ Huy Hành Quân hỗn hợp Bộ Binh và Hải Quân đặt tại Chi Khu Hồng Ngự liền soạn thảo một kế hoạch hành quân theo thế "Trên Đe Dưới Búa" đánh vào vùng Thường Phước. Theo kế hoạch này, Trung Đoàn 15 Bộ Binh có nhiệm vụ đánh bọc hậu để dồn địch ra gần bờ sông, sau đó sẽ án binh tại chỗ để làm nút chặn. Phần Hải Quân sẽ dùng hỏa lức cơ hữu từ các giang đĩnh để tiêu diệt toán Cộng quân này.

Cuộc hành quân diễn tiến đúng theo kế hoạch dự trù. Nhiều toán Cộng quân bị các chiến sĩ Trung Đoàn 15 Bộ Binh lùa từ phía sau lưng, phải lui dần ra bờ sông. Bờ sông Cửu Long tại Miền Nam thường một bên cao một bên thấp, bên lở bên bồi không đồng đều nhau. Nếu bờ sông nằm giữa luồng nước, đất sẽ bị nước xoi mòn và lở dần. Ngược lại, bờ sông phía đối diện sẽ được đất bồi thêm thành những bãi sông hay cù lao. Thí dụ như vùng bờ sông Sa Đéc là khu đất lở khiến nhiều nhà cửa bị đổ sụp xuống sộng, trong khi bờ sông bên kia thuộc tỉnh Kiến Phong là vùng đất bồi với nhiều cù lao trù phú. Tân Châu thuộc vùng đất lở nên bờ sông rất cao, còn bờ sông Thường Phước đối diện thuộc khu đất bồi nên bờ sông thấp với những bãi cát chạy lài tới mé sông. Từ bờ sông cao phía Tân Châu, dân chúng có thể dùng mắt thường trông thấy bóng Cộng quân mặc quần áo kaki vàng ẩn hiện trong những ruộng rẫy bên bờ sông đối diện. Các giang đĩnh thuộc Giang Đoàn 26 Xung Phong xử dụng đại bác và đại liên bắn thẳng vào đám Cộng quân chưa kịp tìm chỗ trú ẩn. Đặc biệt, hai giang đĩnh Monitor cập vào những chiếc xáng vét đất neo giữa dòng sông, dùng súng cối 81 ly và đại bác 40 ly liên tục nã đạn vào địch quân.

Trận đánh xảy ra giữa ban ngày, vào khoảng 3 giờ chiều. Dân chúng Tân Châu đứng chật ven bờ sông chứng kiến tận mắt. Dọc theo mé sông Tân Châu có một tòa nhà trắng rất lớn xây bằng bê tông, cao 5 tầng. Nghe nói đây là trụ sở của Ty Quan Thuế thời Pháp thuộc. Từ lan can của toà nhà này, dân chúng theo dõi, vỗ tay reo hò vang dội mỗi khi súng Hải Quân bắn trúng nơi Cộng quân ẩn ẩn trốn phía bên kia sông. Trên những chiếc xáng, nơi hai giang đĩnh chủ lực của Giang Đoàn 26 Xung Phong đang cột tạm để lấy hướng tác xạ cho chính xác, nhiều nhân viên tự động đem nước ngọt, bia, cơm ra mời những chiến sĩ Hải Quân đang bận rộn bắn vào đầu địch! Có lẽ đây là lần đầu tiên trong hải nghiệp, các chiến sĩ áo trắng thuộc Giang Đoàn 26 Xung Phong vừa uống ... bia, vừa giáng những đòn chí tử vào địch quân đang thất thế chơ vơ giữa đồng trống!

Sau trận đánh hiếm có này, một số tù binh cho biết họ thuộc Trung Đoàn 207 và Tiểu Đoàn Cộng quân bị gài vào thế gọng kìm chỉ còn chừng 100 tên sông sót chạt thoát về phía biên giới. Về phía Bộ Binh và Hải Quân chỉ bị thiệt hại không đáng kể.

Trận đánh tại Thường Phước chấm dứt với sự thảm bại của Cộng quân. Địch bị đẩy xa khỏi vùng Hồng Ngự - Tân Châu về phía biên giới. Áp lực của chúng vào điểm neo

thương thuyền tại Tân Châu cũng chấm dứt từ đó.

3. Hộ Tống Thương Thuyền Đi Nam Vang Lần Thứ Nhất: Chạm trán Với Hỏa Tiễn AT-3 Của Cộng Quân

Cũng khoảng trong thời gian đó, tình hình chiến sự tại quốc gia láng giềng Cam Bốt trở nên vô cùng sôi động với phần thắng lợi nghiêng về phía Cộng quân. Tuy vào năm 1970, liên quân Việt - Mỹ đã mở một cuộc hành quân vượt biên qui mô đánh qua Cam Bốt để tiêu diệt các cơ sở hậu cần và lực lượng Cộng quân, nhưng áp lực của chúng đè nặng trên thủ đô Nam Vang vẫn không giảm. Cộng quân, gồm quân Khmer Đỏ do Pol Pot cầm đầu và đa số là bộ đội Cộng Sản Bắc Việt đã chiếm giữ hầu hết lãnh thổ Cam Bốt, ngoại trừ những thành phố lớn như Nam Vang, Takeo, Konpong Cham, hải cảng Sihanoukville còn được gọi là Kompong Som v.v... Ngoài ra, các trục đường bộ chính dùng để tiếp tế cho thủ đô Nam Vang cũng bị địch quân cắt đứt.

Do đó, để tiếp tế quân nhu cũng như nhu yếu phẩm như gạo, nhiên liệu v.v.. cho chính phủ thân Mỹ Lon Nol, chỉ còn hai con đường chính: một là không vận qua phi trường

Pochen Tong nằm sát thủ đô Nam Vang, hai là bằng thủy lộ sông Cửu Long chạy dài từ Vũng Tàu thuộc Việt Nam lên tới Nam vang. Thủy lộ này dài chừng 350 cây số với trên 200 cây số nằm trên lãnh thổ Việt Nam từ Vũng Tàu Tới Tân Châu và khoảng chừng 150 cây số từ Tân Châu qua bến phà Neak Luoeng tới Nam Vang. Trên đường đi tới Nam Vang, đoàn tàu phải vượt qua một địa điểm chiến lược rất quan trọng, đó là bến phà Neak Luoeng thuộc tỉnh Banam, nằm vào khoảng giữa đường từ Tân Châu đến Nam Vang. Neak Luoeng lúc đó là một căn cứ hải quân quan trọng của Cam Bốt, vẫn còn nằm trong tay chính phủ Lon Nol, mặc dầu bị Cộng quân bao vây ngặt nghèo.

Mỗi đoàn tầu tiếp tế cho Nam Vang thường gồm khoảng 15 đến 20 chiếc mang hiệu kỳ nước ngoài. Chừng phân nửa trong số đó những thương thuyền chở hàng nhập cảng thông dụng như rượu, thuốc lá, đồ hộp v.v... Phân nửa đoàn tầu còn lại gồm những tầu dầu và xà lan chở gạo hay đạn dược. Những xà lan nàt đều lấy hàng tại bến tân cảng ngay sát thủ đô Sài Gòn. Đây là những quân nhu và nhu yếu phẩm do Hoa Kỳ "viện trợ" cho chính quyền Lon Nol để chống lại bọn, Cộng Sản. Những xà lan đều không có máy nên phải dùng tầu dòng để kéo hay đẩy. Tầu dòng tuy nhỏ nhưng máy rất mạnh, có thể kéo hay đẩy thương thuyền trọng tải hàng chục nhàn tấn rất dễ đàng. Tuy nhiên, nếu phải kéo nhiều xà lan trong sông với mỗi sợi giây dòng tầu dài vài, ba trăm thước, đoàn xà lan sẽ rất dài, khó cho tầu dòng vận chuyển tại các khúc quanh hẹp.

Tưởng cũng nên nói thêm, sau này, vào khoảng đầu năm 1975, các tầu dòng kéo xà lan đạn lên Nam Vang đều thuộc hãng tầu Sea Pac nằm bên Khánh Hội. Đây là một chi nhánh của hãng tầu Alaska Barge trụ sở đặt tại Seattle, tiểu bang Washington. Hãng Alska Barge chuyên dùng tầu dòng để kéo xà lan chở dụng cụ khoan dầu lửa lên vùng Bắc Hải thuộc Alaska. Chính phủ Hoa Kỳ ký giao kèo với hãng này để mướn chở đạn và nhiên liệu lên Cam Bốt. Tuy là một hãng tư nhưng chi nhánh Sea Pac của hãng Alaska Barge làm việc thẳng với cơ quan tình báo CIA của Hoa Kỳ, tương tự như hãng máy bay tư Air America vậy. Thuyền trưởng của những tầu dòng Sea Pac sau này đa số là những cựu sĩ quan Hải Quân VNCH cấp tá. Đại diện của hãng Sea Pac tại Sài Gòn là một người quốc tịch Mỹ tên Vladimir Solomon, với một phụ tá người Việt tên Vân.

Như trên đã nói, vì bị phong tỏa ngặt nghèo nên Cam Bốt hầu như chỉ còn trông cậy vào thủy lộ sông Cửu Long để sống còn. Phi trường Pochengton tuy vẫn còn hoạt động, nhưng vì bị Cộng quân bao vây, lại nằm trong tầm pháo kích nên máy bay lên xuống rất khó khăn. Vả lại, phi cơ không chở được nhiều hàng hóa như tầu biển hoặc xà lan nên việc

tiếp tế bằng đường hàng không vừa nguy hiểm, vừa kém hữu hiệu. Cộng quân cũng biết rõ nhược điểm này nên cố bóp chết thủ đô Nam vang bằng cách đánh chiếm Hồng Ngự, được coi nhu yết hầu của thủy lộ sông Cửu Long từ Vũng Tàu lên Nam Vang.

Tuy nhiên, Cộng quân chỉ thu đạt được vài thành công nhỏ lúc ban đầu nhờ xử dụng một lực lượng chủ lực quân lớn cấp Trung Đoàn bất ngờ tràn qua biên giới áp đảo lực lượng Địa Phương Quân và Nghĩa Quân khiêm nhường thuộc Chi Khu Hồng Ngự. Về sau, với sự yểm trợ đắc lực của các giang đĩnh Hải Quân và được Trung Đoàn 15 thuộc Sư Đoàn 9 Bộ Binh tăng cường, Cộng quân bị đẩy lui về phía biên giới Việt - Miên như trên đã mô tả.

Khoảng cuối tháng 4 năm 1973, một đoàn thương thuyền khoảng 20 chiếc, trong số này có 5 xà lan chở đầy đạn dược và chất nổ tới Tân Châu trên đường tiếp tế cho Nam Vang. Đoàn tầu bỏ neo ngay trước Căn Cứ Hải Quân Tân Châu cũng là hậu cứ của Giang Đoàn 58 Tuần Thám. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh cho đoàn thương thuyền tại điểm neo được trao phó cho các Giang Tốc Đĩnh (PBR - Patrol Boat River) của Giang Đoàn Tuần Thám vì các chiến đĩnh này có vận tốc cao, vận chuyển rất mau lẹ. Tuy tình hình vùng Hồng Ngự - Tân Châu đã tạm thời ổn định, nhưng bờ Đông của khúc sông từ Tân Châu lên tới biên giới dài khoảng 20 cây số vẫn do Cộng quân kiểm soát. Vì vậy, các Đơn Vị Trưởng thuộc Liên Đoàn Đặc Nhiệm Hải Quân nhóm họp tại Cơ Xưởng hạm HQ 9613 bỏ neo tại An Long, phía Nam Hồng Ngự để bàn kế hoạch hộ tống đoàn thương thuyền vượt qua biên giới. Chuyến hộ tống này sẽ rất gian nan, nguy hiểm vì số thương thuyền khá đông, địch lại biết rõ ta phải di chuyển qua thủy lộ duy nhất nên chắc chắn chúng đã đặt sẵn các ổ súng nặng chờ sẵn.

Bờ Đông sông Cửu Long đối diện Tân Châu tức là khu vực Thường Phước là vùng đất bồi nên bờ sông tương đối bằng phẳng và thấp nên địa thế không thuận tiện cho địch quân đặt những ổ phục kích. Tuy nhiên, khi vượt quá lên phía Bắc chừng 5 cây số, từ đồn Mương Kinh lên tới biên giới, bờ sông này lại trở thành khu đất lở với vách dựng đứng như một bức tường, mặt nước thấp hơn bờ sông chừng 10 thước. Do đó, các giang đĩnh tuy có hỏa lực mạnh, nhưng vì quá thấp nên vô hiệu đối với các ổ phục kích của Cộng quân đặt trong những hầm hố và địa đạo đào trên mặt bờ sông. Khi nước lớn (nước chảy ngược lại theo hướng Nam - Bắc, từ biển đổ vào sông), tầm súng của các giang đĩnh tuy tạm thời có thể bắn vào những mục tiêu trên bờ sông, nhưng những tầu kéo xà lan đạn lại rất khó vận chuyện khi bị dòng nước từ phía sau đẩy tới (nước xuôi). Vì sông hẹp nên các thương thuyền và xà lan phải đi theo đội hình hàng dọc, chiếc này nối đuôi chiếc kia, cách nhau chừng vài, ba trăm thước. Trong lúc di chuyển, điều tối quan trọng là các thương thuyền phải giữ đúng thứ tự và khoảng cách trong đội hình. Chỉ cần một thương thuyền di chuyển không đúng tốc độ trong đoàn, có thể những chiếc khác sẽ bị rối loạn, cả đoàn bị dồn lại hay đụng vào nhau. Ngoài ra, nếu bị tấn công trong lúc di chuyển, rất có thể các thủy thủ trên thương thuyền bị hoảng hốt vì không quen với súng đạn khiến đoàn tầu bị rối loạn hàng ngũ.

Biết được những trở ngại trên, Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn Đặc Nhiệm Hải Quân quyết định cho đoàn thương thuyền di chuyển ngay vào lúc con nước lớn vừa đứng và bắt đầu ròng. Căn cứ vào lịch thủy triều của Hải Quân, giờ thuận tiện nhất là lúc 9 giờ sáng. Chiến thuật hộ tống được hoạch định như sau:

- Đoàn thương thuyền di chuyển theo đội hình hàng dọc như thường lệ, mỗi chiếc cách nhau chừng 200 thước, vận tốc khoảng 7 - 8 hải lý một giờ. Như vậy, đoàn thương thuyền dài chừng 4 cây số.
- Các tầu dòng kéo xà lan đạn chạy chậm sẽ xen kẽ với những thương thuyền.

Các giang đĩnh thuộc Giang Đoàn 26 Xung Phong có hỏa lực mạnh sẽ dẫn đầu để bắn mở đường. Nhưng giang đĩnh nhỏ còn lại cùng với các PBR thuộc Giang Đoàn 58 Tuần Thám di chuyển chung với đoàn thương thuyền để sẵn sàng yểm trợ khi cần.

- Những giang đĩnh hộ tống vừa di chuyển, vừa bắn tối đa vào bờ Đông để mở đường và uy hiếp tinh thần đối phương.
- Trong trường hợp bị tấn công vào giữa đoàn thương thuyền, những chiếc nào đã qua được ổ phục kích vẫn tiếp tục đi qua biên giới, những chiếc òn lại sẽ tạm ngưng máy tại chỗ để tầu Hải Quân tập trung hỏa lực tiêu diệt ổ phục kích địch.

Kế hoạch chuẩn bị xong xuôi, sáng hôm sau, đoàn thương thuyền nhổ neo lúc trời sáng để sắp xếp đội hình di chuyển. Khúc sông từ Tân Châu lên tới biên giới dài chừng 35 cây số, dự trù đoàn thương thuyền sẽ vượt qua trong vòng 4 tiếng đồng hồ, gồm 1 tiếng để vận chuyển vào đúng thứ tự giang hành và khoảng 3 tiếng để di chuyển.

Đúng 9 giờ sáng, chiếc Thiết Giáp Đĩnh của Giang Đoàn 26 Xung Phong dẫn đầu đoàn tầu rời Tân Châu, theo sau là hai cặp FOM yểm trợ. Những thương thuyền và xà lan đạn theo kế tiếp xen kẽ bằng những giang đĩnh Hải Quân hộ tống. Khoảng 10 giờ sáng, dưới hỏa lực mạnh mẽ của đại bác 40 ly trực xạ và súng cối 81 ly mở đường bắn vào những điểm nghi ngờ bên bờ Đông, đoàn tầu đi đến đồn Mương Kinh do Địa Phương Quân chi khu Hồng Ngự trú đóng an toàn. Nhưng khi vượt qua địa điểm này chừng vài cây số, Cộng quân từ những ổ phục kích đào sẵn trên bờ dưới những lùm cây rậm rạp bắt đầu dùng súng B-40 bắn vào đoàn tầu khá dữ dội.

Theo đúng chiến thuật đã được trù tính trước, các giang đĩnh tập trung hỏa lực phản pháo dữ dội vào những ổ phục kích trên bờ sông. Những viên đạn đại bác 40 ly, 20 ly, M-79 và đại liên 50 cầy nát bờ sông làm tung lên một lớp bụi mỏng màu đỏ. Cây cối ngã gục dưới làn mưa đạn như bị đốn bằng một lưỡi hái khổng lồ. Một đoàn giang đĩnh đủ loại gồm cả các PBR trên 20 chiếc di chuyển thật chậm theo hướng Bắc, đội hình hàng dọc dài hơn 2 cây số khai hỏa tối đa về phía hữu hạm. Có lẽ vì hỏa lực quá mạnh của Hải Quân khiến đối phương hoảng sợ nên chúng chưa bắn trúng một thương thuyền nào. Các thương thuyền lúc đầu mất bình tĩnh khi bị bắn nên đội hình hơi rối loạn, nhưng khi thấy các giang đĩnh hải Quân phản pháo hữu hiệu, và nhất là thấy địch không gây được thiệt hại nào nên họ lại vững tâm di chuyển theo đúng đội hình đã được chỉ định. Dù bị tấn công, đoàn tầu vẫn di chuyển với tốc độ bình thường. Lúc này, nước đã bắt đầu ròng nên các tầu kéo xà lan đạn vận chuyển tương đối dễ dàng hơn, dù phải tăng máy để giữ đúng đội hình.

Khoảng một tiếng đồng hồ sau, khi đoàn tầu gần tới mỏm cù lao đối điện đồn Bến Đình gần biên giới, đột nhiên từ bờ sông phía Đông lóe ra nhiều đốm lửa như những làn chớp, tiếp theo là những luồng khói trắng bay ra hướng đoàn tầu. Chiếc xà lan đạn di chuyển ở vị trí thứ 5 bỗng nổ tung. Cũng cùng lúc đó, trên giang đĩnh chỉ huy của Giang Đoàn 26 Xung Phong, các thủy thủ phát hiện một sợi giây nhỏ như sợi tơ từ trên trời rơi xuống vắt ngang tầu. Thì ra, đây là sợi giây làm bằng Fiber Optic dùng để điều khiển loại hỏa tiễn AT-3, còn có tên là "Sagger" do Nga Sô chế tạo. Khi rời giàn phóng, hỏa tiễn AT-3 có mang theo một sợi giây nhỏ để xạ thủ có thể điều chỉnh đường bay trúng vào mục tiêu. Loại hỏa tiễn này thường chỉ được dùng để chống chiến xa, tương tự như loại hoả tiễn TOW (Tube-launch Optically-tracked Wire-guide) của Hoa Kỳ. Có lẽ đây là lần đầu tiên trên chiến trường Việt Nam, Cộng quân xử dụng loại vũ khí tối tân này để bắn các giang đĩnh. May mắn, chiếc hỏa tiễn nhắm vào giang đĩnh chỉ huy đã bay hơi cao nên trật mục tiêu. Có lẽ xạ thủ không giám ngóc đầu lên để điều khiển vì bị hỏa lực dữ dội của các giang đĩnh áp đảo.

Tuy nhiên, chiếc xà lan đạn bị trúng hỏa tiễn phát nổ dữ dội. Không may, chiếc xà lan này chở toàn những bành đạn đại bác 105 và 155 ly nên sức tàn phá vô cùng khủng khiếp. Nguy hiểm hơn nữa, chiếc tầu dòng xà lan này đã mở dây kéo nên xà lan gặp nước ròng trôi ngược về phía đoàn tầu, vừa trôi đạn vừa nổ dữ dội với lửa và khói bốc lên mù mịt cả một khúc sông.

Tình thế lúc đó hết sức nguy hiểm và căng thẳng. Nếu tiếp tục cuộc hành trình, chắc chắn những thương thuyền to lớn và chậm chạp kia sẽ là những mục tiêu tốt cho các dàn hỏa tiễn AT-3 khá chính xác đang chờ sẵn trên bờ sông. Đó là chưa kể chiếc xà lan đạn bị nổ đang từ từ trôi ngược về hướng đoàn tầu, có thể tấp vào bất cứ một giang đĩnh hay thương thuyền nào gây thiệt hại nhiều thêm. Chẳng may nếu có một thương thuyền nào bị chìm, thủy đạo duy nhất sẽ bị tắc nghẽn! Do đó, ngoại trừ 4 thương thuyền đã vượt qua được biên giới hiện do Hải Quân Cam Bốt hộ tống, tất cả những chiếc còn lại được lệnh lập tức quay về điển neo Tân Châu dể chờ lệnh mới.

Để giải quyết chiếc xà lan đạn phát nổ đang trôi trên sông, Chỉ Huy Trưởng Giang Đoàn 26 Xung Phong đã ra lệnh dùng súng đại bác 40 trực xạ bắn, nhưng lệnh chưa kịp thi hành thì xà lan tấp vào một đầu cồn không có dân cư tiếp tục nổ tới hết đạn nên không gây thiệt hại nào đáng kể.

4. Hộ Tống Lần Thứ Hai: Đưa Thương Thuyền qua Biên Giới "Bằng Mọi Giá"!

Trong chuyến hộ tống không hoàn toàn thành công vừa qua, tuy có 4 thương thuyền vượt được biên giới, nhưng cả 4 tầu dầu tiếp tế nhiên liệu khẩn cấp cho Nam Vang đều bị kẹt lại. Cam Bốt lúc đó đang bị thiếu hụt nhiên liệu trầm trọng vì không được tiếp tế đã gần hai tháng. Vì vậy, khi được tin các tầu dầu đều phải quay về, Bộ Tư Lệnh Hải Quân, có lẽ dưới áp lực của người Mỹ, đã gửi công điện thượng khẩn ra lệnh "Đưa thương thuyền qua biên giới bằng mọi giá!" Lệnh này đã làm Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn Đặc Nhiệm Hải Quân rất khó xử, vì "bằng mọi giá" có nghĩa là chấp nhận thiệt hại đáng kể. Khi được yêu cầu giải thích rõ ràng thêm, thượng cấp cho biết: "Nếu cần, các giang đĩnh phải hy sinh nằm giữa lằn đạn địch và đoàn thương thuyền như một lớp khiên chắn đạn để đưa các thương thuyền qua biên giới"!

May mắn, tình hình chiến sự tại mặt trận Hồng Ngự lúc đó tương đối đã lắng dịu nên lực lượng Hải Quân có thể dồn hết nỗ lực vào công tác hộ tống. Ngoài ra, Trung Đoàn 15 Bộ Binh cũng khá rảnh rang, đang càn quét và đẩy lui tàn quân địch về bên kia biên giới nên cũng có thể tiếp tay.

Về phía Hải Quân, nếu thi hành ngay chỉ thị "bằng mọi giá" của thượng cấp khi địch quân vẫn còn làm chủ bờ Đông, các giang đĩnh và quân số sẽ bị thiệt hại nặng mà thương

thuyền chưa chắc đã đi được. Ngược lại, nếu chần chờ, có thể Nam Vang sẽ hết nhiên liệu, hậu quả sẽ không lường được.

Sau khi bàn tính kỹ càng, các Đơn Vị Trưởng Hải Quân đồng ý cần phải phối hợp với Bộ Binh để nhổ bứt các chốt AT-3 dọc theo bờ Đông nếu muốn hoàn tất hộ tống. Dù sao, cuộc hành quân thủy bộ này cũng sẽ giúp Trung Đoàn 15 sớm hoàn thành nhiệm vụ của họ là quét sạch Cộng quân khỏi khu vực từ Hồng Ngự đến biên giới. Kế hoạch hành quân vào ngày N được Bộ Binh và Hải Quân đồng ý như sau:

- Một cánh quân thuộc Trung Đoàn 15 Bộ Binh từ vùng Thường Phước, mặt Bắc của Hồng Ngự, sẽ đánh dọc theo theo bờ Đông

của sông Cửu Long từ hướng Nam lên Bắc, hướng về biên giới Việt - Miên.
- Hải Quân sẽ được tăng phái 2 Đại Đội Bộ Binh, bất thần đổ bộ lên bờ Đông gần biên giới, nơi nghi ngờ có các giàn hỏa tiễn AT-3. Nhiệm vụ của cánh quân này là càn quét từ Bắc xuống Nam, vừa đi vừa lục soát và tiêu diệt các ổ phục kích của địch. Sau đó, cánh quân này sẽ bắt tay với với thành phần từ mặt Nam đánh lên.

Khi đổ bộ xong, các giang đĩnh sẽ lãnh nhiệm vụ yểm trợ cho Bộ Binh lục soát trên bờ, đồng thời án ngữ ngay tại những điểm nghi ngờ có ổ phục kích để hộ tống đoàn thương thuyền qua biên giới.
Để đánh lạc hướng Cộng quân, phao tin đồn tại Tân Châu rằng các thương thuyền sợ bị thiệt hại nên sẽ nhổ neo trở về Vũng Tàu, bỏ ý định đi Nam Vang.

Tưởng cũng nên nói rõ, Cộng quân đã khai thác triệt để địa thế thiên nhiên của bờ Đông sông Cửu Long. Vì bờ sông cao như một bức tường thành dựng đứng nên chúng đào hầm từ trên mặt đất trổ ra bờ sông thành những lỗ châu mai như hình chữ Y lộn ngược trông xuống lòng sông. Từ những lỗ châu mai này, địch đặt các ổ súng B-40, hỏa tiễn AT-3 có thượng liên yểm trợ có thể nhắm bắn dễ dàng vào các tầu bè di chuyển trên sông. Khi giang đĩnh phản pháo, đạn đại liên nếu may mắn lọt vào lỗ châu mai cũng không gây thiệt hại đáng kể. Chỉ những loại đạn "chạm nổ" như đại bác 40 ly, đại bác 20 ly hay M-79 bắn trúng ngay mục tiêu mới làm chúng hoảng sợ.

Kế hoạch chuẩn bị xong xuôi, trong khi chờ đợi ngày N để hộ tống đoàn thương thuyền lên đường, các giang đĩnh Hải Quân vẫn ngày đêm tuần tiễu khúc sông từ Tân Châu tới biên giới để phát hiện và ghi nhận những địa điểm phục kích của địch quân. Giang đĩnh thuộc Giang Đoàn 26 Xung Phong tuy di chuyển chậm chạp hơn những PBR của Giang Đoàn Tuần Thám, nhưng lại có hỏa lực khá mạnh nên được dùng làm chim mồi dụ địch quân lộ diện.

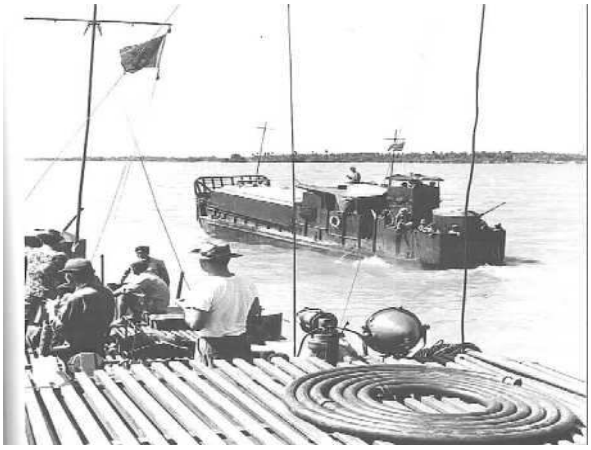

Ban ngày, những chiếc LCM-6 chậm chạp qua lại trên sông với nước chứa đầy hầm tầu khiến giang đĩnh chìm sâu hơn dưới mặt nước. Đây là kế hoạch nghi binh khiến địch quân lầm tưởng những giang đĩnh chuyên về chuyển vận này đang chở quân hay chiến cụ đến một địa điểm bí mật nào đó. Ngoài ra, giang đĩnh di chuyển càng thấp sát mặt nước bao nhiêu, địch quân lại càng khó bắn trúng bấy nhiêu vì mục tiêu nhỏ hơn. Khi Cộng quân bắn ra, những giang đĩnh "chim mồi" di chuyển sát bờ sông phía Tây này chỉ bắn trả cầm chừng, vì nhiệm vụ chính là ghi nhận các tổ súng nặng đặt trong các miệng hầm thẳng

đứng của chúng. Ban đêm, những giang đĩnh chuyển vận chậm chạp với tiếng máy lớn này dễ khiến cho địch quân để ý. Trong lúc đó, các PBR với vận tốc cao, di chuyển nhẹ nhàng sẽ lẻn sát bờ sông, dưới tầm súng của Cộng quân để dùng súng phóng lựu M-79 bắn vào các lỗ châu mai đã bị phát hiện của chúng. Chiến thuật này tỏ ra khá hữu hiệu vì đã tiêu diệt được một số ổ phục kích của địch quân.

Khoảng nửa đêm ngày N-1, Giang Đoàn 26 Xung Phong nhận 2 Đại Đội thuộc Trung Đoàn 15 Bộ Binh tại Hồng Ngự. Ba chiếc LCM-6 chở quân được 2 cặp FOM và chiếc Thiết Giáp Đĩnh hộ tống lên đường hướng về phía biên giới cách Hồng Ngự chừng 40 cây số, Những giang đĩnh còn lại vẫn tham dự cuộc khuấy rối hàng đêm như thường lệ với các PBR của Giang Đoàn 58 Tuần Thám.

Nhận quân xong, toán giang đĩnh rời bãi ủi Hồng Ngự, trực chỉ hướng Bắc. Đêm không trăng, những lùm cây rậm rạp bên bờ sông dường như dầy đặc hơn, trở thành những bóng ma đe dọa. Xa xa, chếch về hướng tay trái, ánh đèn điện của thị xã Tân Châu phản chiếu xuống mặt sông Cửu Long trông như những cặp mắt còn ngái ngủ. Tuy phải di chuyển về đêm, nhưng tất cả đèn trên các giang đĩnh đều được tắt hết để bảo mật. Các chiến sĩ Hải Quân đã quá quen thuộc với khúc sông này nên việc điều khiển con tầu không có gì trở ngại. Mọi người đều nóng lòng mong cho tới ngày hôm sau để sớm hoàn tất chuyến hộ tống gay go này. Trên cặp FOM dẫn đầu, vị Trung Úy trưởng toán đổ bộ bận rộn liên lạc trên máy truyền tin PRC-25 với những "con cá" trong đoàn, đồng thời duyệt lại kế hoạch với toán đổ bộ. Đoàn tầu di chuyển theo đội hình hàng dọc, mỗi chiếc cách nhau chừng 100 thước, vận tốc chừng 5 hải lý một giờ. Mặc dù với vận tốc chậm, nhưng tiếng máy dầu cặn như vẫn gầm rú trong đêm vắng, chắc chắn không thể nào tránh được sự chú ý của địch quân.

Chính vì không che mắt được địch quân nên Bộ Chỉ Huy Giang Đoàn 26 Xung Phong đã có kế hoạch hy vọng có thể khiến địch quân lạc hướng. Vừa qua khỏi Tân Châu với những ánh đèn vàng vọt hầu như đã nằm sau lái, tới đầu cồn đối diện với đồn Mương Kinh, đoàn giang đĩnh đột nhiên được tách ra làm hai. Các giang đĩnh chở quân và hộ tống đổi đường ép qua phía tay trái đi vào lạch sông nhỏ phía trong cồn để tránh bị phát hiện. Giờ này mức thủy triều còn khá cao nên không sợ bị mắc cạn. Chắc chắn vì đêm tối và bị cồn che khuất, Cộng quân bên kia bờ sông sẽ không nhận ra toán giang đĩnh quan trọng này. Những chiếc còn lại trong đoàn vẫn tiếp tục di chuyển phía ngoài cồn như trong các cuộc tuần tiễu thường lệ hàng đêm.

Rạng sáng ngày N, các LCM-6 chở quân đã tới sát đồn Bến Đình gần biên giới. Còn gần 2 tiếng đồng hồ nữa mới tới giờ G nên tạm ủi bãi, nằm chờ tại đầu cồn. Lúc này, chiếc Giang Pháo Hạm 328 do Bộ Tư Lệnh Hải Quân Vùng IV Sông Ngòi tăng phái để yểm trợ hỏa lực cũng đã đến Tân Châu và đang vận chuyển vào vị trí yểm trợ hải pháo. Chiến hạm này do Hải Quân Thiếu Tá Nguyễn Như Phú làm Hạm Trưởng. Thiếu Tá Phú nguyên xuất thân Khóa 16 trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, nhưng chọn Quân Chủng Hải

Quân nên sau khi tốt nghiệp lại theo học Khóa 13 SQHQ Nha Trang. Giang Pháo Hạm 328 được trang bị một khẩu đại bác 76 trước mũi và nhiều dàn đại bác 40 ly và 20 ly. Quan trọng hơn, vì chiến hạm có tầm súng cao, lại có hỏa lực mạnh nên có thể tiêu diệt những mục tiêu nằm sâu trong đất liền. Vì Cộng quân đang chiếm giữ bờ sông phía Đông từ đồn Mương Kinh lên tới biên giới nên chiến hạm được chỉ định "nấp" sau đuôi cồn gần đồn Mương Kinh để tránh hỏa tiễn AT-3 của địch.

Đúng 8 giờ sáng ngày N, các đơn vị hành quân đã vào đúng vị trí. Từ vùng Thường Phước, cánh Bộ Binh di chuyển dọc theo bờ sông, đánh về hướng Bắc. Trong lúc đó, Giang Pháo Hạm 328 tác xạ mở đường vào những mục tiêu nghi ngờ có địch ẩn núp. Riêng Giang Đoàn 26 Xung Phong có nhiệm vụ đổ quân vào bờ đối diện với đồn Bến Đình cũng thi hành nhiệm vụ giao phó. Tất cả các giang đĩnh đều dàn hàng ngang với những chiếc LCM-6 chở quân nằm giữa đội hình, từ đồn Bến Đình đâm thẳng qua mục tiêu đối diện bên bờ Đông, vừa di chuyển vừa tác xạ tối đa để dọn bãi. Chỉ trong một khoảnh khắc ngắn chừng 15 phút, các giang đĩnh đã đến điểm đổ bộ. Trong lúc những giang đĩnh yểm trợ ủi bãi cách nhau chừng 100 thước và tác xạ tối đa vào các bụi tre và lùm cây trước mũi, các LCM-6 chở quân hạ cửa đổ bộ để quân lên bờ. Đúng lúc này, có một trục trặc nhỏ khiến cuộc đổ quân không được xuông xẻ như ý muốn: cửa đổ bộ của một LCM-6 bị kẹt nên không hạ xuống được. Tình trạng khá nguy hiểm vì nếu lúc này địch bắn B-40 hay hỏa tiễn vào giang đĩnh, toán bộ binh kẹt trong lòng tầu sẽ bị thiệt hại nặng. Để giải quyết tình trạng khó khăn này, lập tức hai chiếc FOM được điều động đến cập hai bên chiếc LCM-6 để bộ binh dùng làm cầu lên bờ. Rất may, Cộng quân có lẽ vì bị bất ngờ nên vẫn chưa thấy phản ứng.

Hai Đại Đội Bộ Binh vừa lên bờ đã tràn vào các bụi tre và lùm cây trước mặt để lục soát, trong lúc các giang đĩnh rời bải ủi, di chuyển với vận tốc chậm theo hướng Nam phía Tân Châu, vừa yểm trợ cho toán Bộ Binh trên bờ, vừa chuẩn bị nằm đường đón đoàn thương thuyền đang được những PBR hộ tống từ Tân Châu lên.. Chỉ chừng nửa tiếng đồng hồ sau khi đổ bộ, toán Bộ Binh báo cáo đã tịch thu được 3 giàn hỏa tiễn AT-3 còn nguyên vẹn, mỗi giàn có 2 trái hỏa tiễn đang trong tình trạng sẵn sàng phóng. Những giàn hỏa tiễn này được đặt trong hầm hố đào dưới gốc các bụi tre gần bờ sông. Cạnh đó, còn có 9 địch quân bị banh xác vì hỏa lực dọn bãi của các giang đĩnh và 2 tên bị thương bị bắt sống.

Cái Cái

Lúc đó, các thương thuyền cũng đã bắt đầu ló dạng, trên đường tiến tới biên giới. Các ổ súng đại bác trên Giang Pháo Hạm 328 hoạt động tối đa, bắn vào các vị trí do Bộ Binh yêu cầu yểm trợ. Khoảng 11 giờ sáng, khi chiếc thương thuyền đầu tiên đã đến gần biên giới, các giang đĩnh ghi nhận Công quân bắn ra 3 trái hỏa tiễn AT-3 hay B-40 hoặc súng cối phát nổ dưới sông, không gây thiệt hại đáng kể nào cho các thương thuyền cũng như giang đĩnh. Chỉ có một số nhân viên Hải Quân bị thương nhẹ, trong số đó Chỉ Huy Trưởng Giang Đoàn 26 Xung Phong trúng mảnh đạn vào cánh tay trái.

Khoảng 12 giờ trưa, các thương thuyền vượt qua biên giới an toàn và được bàn giao cho toán giang đĩnh thuộc Hải Quân Cam Bốt đang chờ sẵn. Hoàn tất công tác hộ tống, các giang đĩnh Hải Quân dồn hết nỗ lực để yểm trợ cho hai cánh quân đang lục soát trên bờ.

Hai cánh quân Bộ Binh vẫn tiến dọc bờ sông theo hướng ngược chiều nhau, vừa đi vừa lục soát. Họ báo cáo bắn hạ khoảng 30 tên địch tại chỗ và phát hiện nhiều tên khác đã bị chết vì hỏa lực của Hải Quân. Đến chiều cùng ngày, hai toán Bộ Binh bắt tay nhau tại một địa điểm cách đồn Mương Kinh chừng 3 cây số về hướng Bắc. Cuộc hành quân coi như hoàn tất.

Tổng kết hoạt động trong ngày, Hải Quân hoàn tất việc hộ tống đoàn thương thuyền lên Nam Vang trong khi Bộ Binh quét sạch địch quân ra khỏi lãnh thổ quận Hồng Ngự. Thiệt hại phía Cộng quân bị chết 49 tên đếm xác được tại chỗ, 2 tên bị bắt sống, 3 giàn hỏa tiễn AT-3 còn nguyên vẹn bị tịch thu cùng với 3 súng cộng đồng và 19 súng cá nhân. Bạn thiệt hại 3 chết và 16 bị thương. Phía Hải Quân có 3 bị thương nhẹ.

Nhiệm vụ tăng phái cho Tiểu Khu KIến Phong và Trung Đoàn 15 Bộ Binh để giải tỏa áp lực địch tại vùng Hồng Ngự của Giang Đoàn Xung Phong coi như hoàn tất. Tổng cộng, toàn bộ đơn vị đã liên tục hành quân trong hai tháng ròng rã.

IX. Đoạn Kết

Chiến dịch Hồng Ngự chỉ là một cuộc hành quân tương đối nhỏ cấp Trung Đoàn, nhưng kết quả lại rất lớn: bẻ gẫy ý đồ phong tỏa thủy lộ sông Cửu Long của Cộng quân, đồng thời với sự yểm trợ hữu hiệu của Hải Quân, địch đã bị thiệt hại rất nặng với tổng cộng 422 xác định đếm được tại chỗ. Theo cung từ của tù binh, vào cuối tháng 5/1973 khi chiến dịch chấm dứt, Trung Đoàn 207 của Cộng quân coi như không còn khả năng tác chiến, mỗi Tiểu Đoàn của chúng còn lại không đầy 100 tên. Tuy thiệt hại về phía QLVNCH tương đối nhẹ, nhưng thường dân bị chết và bị thương khá nhiều vì đạn pháo kích của địch quân. Chỉ riêng trong tuần lễ thứ nhì của tháng 4, Cộng quân đã pháo kích trên 100 trái hỏa tiễn vào Hồng Ngự.

Vai trò quan trọng của Giang Đoàn 26 Xung Phong trong chiến dịch Hồng Ngự được coi như hoạt động tiêu biểu của các Giang Đoàn Xung Phong thuộc Bộ Tư Lệnh Hải Quân Vùng IV Sông Ngòi. Tuy hậu cứ đóng tại Long Xuyên, nhưng các giang đĩnh thuộc Giang Đoàn 26 Xung Phong đã từng có mặt tại hầu hết những vùng xa xôi hẻo lánh như Đồng Tháp Mười, Cái Cái, hay các địa danh xa lạ thuộc vùng U Minh Thượng, U Minh Hạ như Năm Căn, Đồng Cùng, Cái Ngay, Cái Nước, Thới Bình, Khai Quang, Biện Nhị, Sông Trèm Trẹm, Vị Thanh, Hỏa Lựu, Gò Quao v.v... Tại bất cứ chiến trường nào dù nguy hiểm đến đâu, các chiến sĩ của Giang Đoàn cũng ghi lại những chiến tích vẻ vang, dù lắm khi phải đổi bằng máu.

Giang Đoàn 26 Xung Phong không những là một đơn vị Hải Quân kỳ cựu, nồng cốt tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, mà còn là một đơn vị ưu tú được các quân binh chủng bạn cũng như đồng bào mến phục. Hiện nay, có rất nhiều cựu chiến sĩ áo trắng đã từng phục vụ tại Giang Đoàn 26 Xung Phong đang lưu lạc tại Hoa Kỳ hay những quốc gia khác trên thế giới. Đa số các bạn này vẫn thường nhắc nhở tới những giòng sông nơi họ đã từng anh dũng chiến đấu và đổ máu trong trách vụ bảo vệ quê hương. Ngoài ra, Long Xuyên với cầu Hoàng Diệu, công viên Nguyễn Du, trường Thoại Ngọc Hầu v.v... Cùng những tà áo dài duyên dáng cũng là một điểm dừng chân đáng nhớ trong binh nghiệp...

TRẦN ĐỖ CẨM, Austin, Texas

Trích: Những Giòng Sông Cũ -motgoctroi.com

Vài Mẫu Chuyện trong Tù

Phạm Bá Hoa

Bài 6

Ngày 30/4/1975, cộng sản Việt Nam (CSVN) đánh chiếm Việt Nam Cộng Hòa, tôi cùng các bạn cấp Đại Tá bị đưa đến trại tập trung Long Gia, tỉnh Long Khánh do Đoàn 263 giam giữ. Ngày 23/10/1975, CSVN chuyển chúng tôi đến trại tập trung Tam Hiệp tỉnh Biên Hòa do Đoàn 775 giam giữ. Ngày 16/06/1976, hầu hết chúng tôi bị chuyển ra Yên Bái do Đoàn 776 giam giữ. Cả ba Đoàn này thuộc Bộ Quốc Phòng cộng sản Việt Nam (CSVN). Tháng 4/1978, chúng tôi bị chuyển xuống trại Nam Hà A tỉnh Hà Nam Ninh do Công An CSVN giam giữ. Tháng 9/1987, tôi ra trại và đoàn tụ gia đình.

1. Thả tù. (Trại Cốc)

Hạ tuần tháng 05/1977, có một đợt thả. Qua một số hình ảnh họ đem dán ở trại như để "quảng cáo cái chính sách khoan hồng nhân đạo của họ", chúng tôi mới biết có 91 người thuộc 82 trại do Đoàn 776 giam giữ trong vùng rừng già thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn iđược thả. Trong số đó có hai bạn tôi là Y Sĩ Chuẩn Tướng Phạm Hà Thanh, Cục Trưởng Cục Quân Y, và Trung Tá Nguyễn Cao Thăng, gốc Phật Giáo Hòa Hảo.

Khi ở trại tập trung Suối Máu trong Nam, lác đác cũng có anh ra về, như: Trung Tá Cầu (Tổng Cục Tiếp Vân), Y sĩ Trung Tá Hoàng (Tổng Y Viện Cộng Hòa), Đại Tá Nguyễn Văn Lộc (Tư Lệnh Sư Đoàn 106 Biệt Động Quân thành lập vào những ngày cuối tháng 4/1975). Tôi không biết nguyên nhân được thả.

Sau đợt tha đó, lác đác cũng có anh được tha, nhưng cách tha của họ chẳng khác một hành động bí mật. Chẳng hạn như một sáng sớm, anh em chúng tôi vừa tập xong vài động tác thể dục, đang rửa mặt, tên quản giáo bên bộ chỉ huy trại sang khu vực chúng tôi. Hắn hỏi khi tôi đang bên ngoài cửa:

"Anh Sơn đâu?" "Báo cáo cán bộ, anh Sơn đây." Vừa nói tôi vừa chỉ anh Huỳnh Thanh Sơn (Đại Tá Bộ Binh) đang ngồi rửa mặt.
"Anh họ gì?" "Báo cáo cán bộ, tôi họ Huỳnh."
"Không. Tôi gọi anh Dương Thanh Sơn."

Anh Dương Thanh Sơn (Đại Tá Truyền Tin) từ trong nhà nghe, anh bước ra: "Báo cáo cán bộ, tôi đây."
Anh Sơn là em ruột của Đại Tướng Dương Văn Minh, sau khi giành được chiếc ghế Tổng Thống từ tay Tổng Thống hợp hiến Trần Văn Hương, Tổng Thống Minh đã đầu hàng cộng sản!
"Anh chuẩn bị tư trang mang ra cổng chờ lệnh chuyển trại".
"Đi ngay hả cán bộ?"
"Chuẩn bị xong là đi ngay. Khẩn trương lên". (chữ khẩn trương hiểu theo chúng ta là nhanh lên). Khi Tổ chúng tôi xuất trại lên núi đốn cây về làm cầu, trông thấy bọn chúng đang khám xét đồ đạc, và xét cả người anh Sơn nữa. Anh em chúng tôi lên đến đỉnh núi, ngồi lại bàn tán nhau xoay quanh cái việc "anh Sơn chuyển trại". Đại ý rằng:
"Rất có thể ảnh được về."
"Về cái gì mà bọn nó xét dữ vậy."

"Bọn nó lúc nào cũng hành động theo cái kiểu đánh lừa tụi mình. Đừng có nghe nó nói, cũng đừng thấy nó làm để rồi căn cứ vào đó mà phán đoán không đúng đâu. Ảnh cũng đâu phải là tình báo hay phản gián gì mà chuyển trại đặc biệt vậy. Chỉ có về thôi. Dù sao thì

ảnh cũng là em của Tổng Thống đầu hàng cộng sản, không chừng cộng sản thưởng cho ông Minh bằng cách thả em của ổng đó."

"Có lý. Sau khi mình sập tiệm, cựu Thủ Tướng Nguyễn Văn Lộc cũng như nhiều vị Bộ Trưởng trong nội các của Thủ Tướng Vũ Văn Mẫu đều vô tù, ông Minh chẳng những không vô tù mà chúng nó còn cho ông cầm lá phiếu đi bầu cái gọi là thống nhất đất nước. Đã hết đâu, lúc bỏ phiếu ổng còn nói lần đầu tiên ổng được bầu cử tự do nữa đó. Dám bọn nó thưởng cho ông Minh lắm à."

Anh khác thêm vào:

"Mấy anh quên là anh Dương Thanh Sơn còn có người anh hay em đã theo bọn cộng sản ra Bắc từ mấy chục năm rồi.Hổng chừng ông Minh với người anh hay em gì đó cùng bảo lãnh cho ảnh cũng nên. Ôi! Cái chiến tranh của mình nó giây mơ rễ má chuyện gia đình đủ kiểu đủ cách, thiệt khó mà lường."

Cũng như những lần trước, bàn mãi cũng không có gì để kết luận. Chúng tôi tản mác trên đường đỉnh, tìm cây để đốn khiêng về cho Tổ kia làm lại cây cầu từ đường đá vào Trại Cốc bị sập.

Tháng sau, tôi được thư vợ tôi cho biết anh Dương Thanh Sơn đã về nhà. Vợ tôi và mấy chị bạn hay tin, cùng đến nhà anh Sơn để nghe anh ấy kể chuyện về những ông chồng của mình.

2. Con gái xã hội chủ nghĩa. (Vẫn tại trại Cốc)

Cây cầu mà tôi vừa nói ở trên, dài khoảng 6 thước, làm toàn cây rừng, xe bốn bánh loại nhỏ qua lại được, nhưng chẳng mấy khi có chiếc xe đến đây. Mấy hôm trước, Tổ chúng tôi đẩy 2 xe cải tiến đến Liên Trại 1 lãnh gạo đại mễ của Trung cộng "bán chịu" cho CSVN. Chiếc xe có chút xíu mà chở 4 bao loại 50 kí lô. Hai chiếc qua cầu cùng một lúc, chiếc xe cải tiến nhóm tôi vừa đến "mang cá" cầu bên kia, chiếc còn lại mới đến giữa cầu, thì cầu sập. Sáu anh em chúng tôi phóng xuống suối, cũng may không anh nào bị va đầu va mặt vào những tảng đá dưới suối. Hôm nay chúng tôi trách nhiệm lên rừng đốn cây đem về chỗ cầu sập, còn làm là Tổ khác trách nhiệm. Tên quản giáo giao kích thước:

"Gỗ làm trụ cầu và đà cầu phải có đường kính ít nhất là 2 tấc (0,2m), dài phải 5 thước trở lên. Gỗ lót sàn cầu có đường kính 1 tấc (0.1m) và dài 5 thước trở lên."

Nặng nhất là 5 cây có đường kính 2 tấc trở lên: Hai cây làm trụ, một cây gác lên đầu hai trụ cầu, và hai cây làm đà cầu. Cây tươi nó nặng lắm quí vị quí bạn à! Mà cho dẫu có nặng bao nhiêu cũng phải tìm cho ra, đốn cho xong, còn phải tìm cách khiêng nó về. Trời đất ơi! Từ trên đỉnh núi về đến chỗ cầu sập, ít ra cũng đến 2 cây số trên núi và 3 cây số trên đường chớ có gần gủi gì đâu. Với cây lót sàn cầu, từng cây thì chẳng bao nhiêu nhưng 60 cây cũng nặng nhọc lắm! Hôm ấy không biết do đâu mà tên "khẩn trương" lịch sự với chúng tôi quá. Hắn bảo: ("tên khẩn trương" là tên cầm súng theo giữ chứng tôi, vì hắn thường hối thúc chúng tôi bằng hai chữ "khẩn trương" nên chúng tôi gắn luôn hai chữ đó làm biệt danh của hắn)

"Gỗ lót sàn cầu tôi chỉ cho các anh vác."

Chúng tôi nghe rõ ràng là hắn nói "vác" chớ không phải đốn. Vậy là ở đâu ra. Mặc kệ, chờ hắn chỉ thì biết chớ thắc mắc làm chi cho mệt.

Tìm được, đốn xong, làm sao đây? Năm khúc cây này, chúng tôi cột giây ở đầu cây để hai anh kéo, phía sau dùng cái cây khác làm bẫy để xeo từng nhích một. Phía trước hai anh kéo, phía sau một anh xeo. Vừa kéo vừa xeo, khi mặt trời nghiêng bóng thì 5 khúc gỗ rừng nặng ơi là nặng, cũng đến được "giàn phóng".

Không biết có từ lúc nào, nhưng hằng chục đỉnh núi mà chúng tôi lên xuống, đều có "giàn phóng" để phóng cây xuống chân núi. Thế rồi người và cây yên ổn xuống đến chân núi. Tôi với anh Hồ Văn Thành (Đại Tá Quân Vận) một cây. Cứ đi một quảng đường là dừng lại nghỉ chân, nhưng khúc gỗ vẫn trên vai chớ không dám để xuống, vì để xuống rồi lên vai lại khổ hơn là đứng dựa vào thân cây để nghỉ chân. Cứ như vậy, rồi cũng về đến nơi.

Còn cây lót sàn cầu, tên *võ trang* dắt chúng tôi đến những đống cây bồ đề để sát bên lề đường, có lẽ chờ xe đến chở. Hắn nói như quát vì ăn cắp mà:

"Các anh khẩn trương. Mỗi anh một cây hoặc hai anh khiêng hai cây rồi chạy. Sau đó, quay trở lại lấy tiếp cho đến khi đủ số."

Hắn đứng gác cho chúng tôi ăn cắp. Và rồi việc ăn cắp cũng êm xuôi vì chẳng thấy bóng dáng nhân viên Lâm Trường đâu cả, nhưng tất cả 18 anh em chúng tôi đều mệt lả! Áo quần đẫm mồ hôi! Bụng thì đói!

Sau khi cung cấp cây xong, chúng tôi tiếp tay với Tổ kia, và hai ngày sau thì xem như hoàn tất phần căn bản, cầu sử dụng được nhưng cần một ngày nữa để hoàn chỉnh. Xế chiều, hai nữ công nhân Lâm Trường từ đâu lù lù tới. Một giọng nữ rất đàn ông mà là giọng đàn ông vừa nhậu xong: "Cây này các anh lấy ở đâu ra?" "Tôi không rõ. Cô hỏi cán bộ trong nhà kia kìa."

"Tôi hỏi anh."
"Thì tôi vừa trả lời cô đó."
"Anh đùa với chúng tôi hả? Chúng tôi lập biên bản số cây bồ đề này."
"Mời cô tự nhiên."
"Anh tên gì?"
"Tôi tên gì cũng chẳng liên quan đến Cô. Cô nên vô trại mà hỏi."
Con nhỏ trời ơi này cũng đanh đá lắm, cô ta lên giọng:
"Anh đùa với tôi đấy hả?"
"Không. Tôi rất nghiêm chỉnh."
"Được. Tôi sẽ biết tên anh."
"Rất hân hạnh. Ở tù mà phụ nữ muốn biết tên cũng hay hay."
"Anh ăn nói cái kiểu gì thế?"
"Cô nghe rồi mà còn hỏi."

Nhìn kỹ một chút, bốn bàn tay của hai cô công nhân này không khác da cây mù u bao nhiêu. U nần nổi đầy phần trên bàn tay. Nghĩ cho cùng, tội nghiệp cho thân phận đàn bà con gái 20 năm xã hội chủ nghĩa trên đất Bắc! Chẳng thấy đường nét gì của đàn bà con gái hết trơn. Người suông đuột như thân cây bồ đề đến tuổi chờ người ta đốn đem về nhà máy làm giấy, da dẻ sần sùi, dáng đi thô kệch, ăn nói chẳng thanh tao chút nào. Nhưng mà đàn bà con gái của cả cái xã hội xã hội chủ nghĩa này như nhau, chẳng ai hơn ai cũng chẳng ai kém ai, hà tất phải thắc mắc làm chi về cái việc con gái xã hội chủ nghĩa ế chồng hay không ế chồng.

3. Lớn lên làm "tù áo hoa". (Trại Nam Hà A)

Mỗi khi bưu điện xã Ba Sao gọi Ban Giám Thị trại ra nhận quà của thân nhân tù chính trị gởi đến, trực trại bảo Tổ Văn Nghệ của anh Phạm Kim Qui (Đại Tá Cảnh Sát) đi nhận.

Đẩy xe cải tiến ra bưu điện Ba Sao nhận bưu kiện, cũng là niềm vui nho nhỏ của tù chính trị chúng tôi. Cứ mỗi lần đi như vậy, một số anh em chúng tôi lén gởi tiền cho các bạn ra đó mua thức ăn, con gà con cá củ khoai bó rau. Thường khi hướng dẫn ra bưu điện Ba Sao là tên Dục (Tổ Văn Hoá trại) phụ trách, cùng với một tên võ trang. Tổ Văn nghệ đưa tiền cho tên Dục giữ lúc ra cổng trại, trên đường ra Ba Sao thì hắn đưa lại anh em. Tất nhiên khi mua hàng thể nào cũng mua cho hắn món gì đó để gọi là sòng phẳng, thế là mọi việc đâu vào đó. Đến Ba Sao, mấy bà trong

cái chợ chồm hổm này thấy tù chính trị chúng tôi là mừng lắm, có món gì cũng mời gọi vì các bà ra giá bao nhiêu chúng tôi mua bấy nhiêu, chẳng những không cần trả giá mà lại mua nhiều nữa. Các bà bán hàng gọi chúng tôi là "tù miền Nam" trong khi đám thanh thiếu niên gọi chúng tôi là "tù áo hoa". Cả hai tên gọi mà người dân ở đây gắn cho chúng tôi, nghe như chỗ thân tình chớ không châm chọc.

Một hôm, anh Thanh (Tổ Văn Nghệ) hỏi mấy cậu bé đứng xem mua hàng:
"Em học lớp mấy?"
Mấy đứa cùng trả lời, đứa lớp 5 đứa lớp 4.
Anh Thanh hỏi tiếp:
"Lớn lên mấy em muốn làm gì?"
Đám trẻ như tranh nhau trả lời, tuy cách dùng chữ có khác nhau nhưng cùng chung một nghĩa:
"Em muốn làm tù áo hoa".

Không phải riêng anh Thanh mà các anh cùng đi đều ngạc nhiên. Một anh hỏi tiếp:
"Tù áo hoa tức là như mấy anh đây phải không?"
Thằng bé tỉnh bơ, cứ như trong sự suy nghĩ non nớt của nó hình thành từ bao giờ:
"Phải".
"Tại sao em muốn làm tù áo hoa?"
"Tại vì làm tù áo hoa sướng hơn".

Trả lời xong là cả đám "cháu ngoan" của tên bán nước HCM vừa cười vừa chạy, cứ như chúng nó bằng lòng với lời bày tỏ ước vọng tương lai của chúng nó vậy.

Thưa quí vị quí bạn, "tù áo hoa" vì những bộ đồ rằn ri tức đồ trận mà anh em chúng tôi mặc, bọn CSVN lấy trong các kho của Tiếp Vận chúng ta đem cho chúng tôi sử dụng, và chúng tôi thường mặc khi thời tiết vào đông. Do vậy mà các "đấng nhi đồng với thanh thiếu niên xã hội chủ nghĩa" nơi đây gọi chúng tôi là "tù áo hoa". Nhưng tại sao các "đấng thiếu niên" đó nói như một ước vọng khi lớn lên làm tù áo hoa sướng hơn? Chữ "sướng hơn" mà cậu bé lớp 5 sử dụng, trong một mức độ nào đó, đã thể hiện rõ nét về đời sống người dân quá khổ dưới chế độ xã hội chủ nghĩa 20 năm trên đất Bắc này, hay ít nhất cũng là trong khu vực nơi đây! Khổ đến mức tuổi lên mười cũng nhận ra được mức sống của tù chính trị chúng tôi trong trại tập trung, để rồi so sánh với cuộc sống gia đình ba má chúng nó và những gia đình trong cái thị trấn Ba Sao này, dẫn đến ước vọng cho tương lai của chúng nó.

Xin nói thêm cho rõ. Tại trại Nam Hà A này từ năm 1980 khi CSVN cho phép "gia đình tù chính trị nuôi tù" bằng cách gởi hoặc mang những gói thực phẩm đến trại, từ đó chúng tôi lén chuyển tiền vào trại do những nữ Công An mang vào trại cho chúng tôi với "tiền công 10%" trên số tiền chúng tôi nhận. Chẳng phải bọn chúng thương gì chúng tôi đâu mà sự cho phép đó rất có lợi cho chúng, vì giảm bớt chi phí (để chia nhau bỏ túi chăng?) cùng lúc chúng quảng cáo cái gọi là "chính sách nhân đạo" của chúng với những phái đoàn ngoại quốc đến thăm trại nhìn thấy tù chính trị chúng tôi chưa đến nỗi da bọc xương đó thôi. Khi anh em chúng tôi có quà có chút tiền do thân nhân từ trong nước mang đến và từ ngoại quốc gói ghém gởi về, chúng tôi mua chuộc chúng nó, khi thì gói thuốc đầu lọc, bịt bột ngọt, viên thuốc cảm cúm nhức đầu, khi thì tách cà phê, vài viên đường hóa học, v, v... Nhờ vậy mà bọn cai tù dễ dãi với chúng tôi, ngoại trừ tên Công An ác ôn Thịnh "khuỳnh", tổ trưởng tổ trực trại là chúng tôi không mua chuộc được hắn. /.

Phạm Bá Hoa
Houston, mùa Thu năm 2009

(Trích trong quyển "Ký Sự Trong Tù" do nhà xuất bản Ngày Nay ấn loát và nhà sách Tú Quỳnh tổng phát hành tháng 7 năm 2008)

Thơ Hà Huyền Chi

XUÂN HIU QUẠNH

Xứ người tuyết đổ trắng lòng
Mùa xuân dân tộc vẫn không chịu về
Nghìn xưa đã giống nòi chia
Dở trang huyết sử còn nghe trĩu buồn

Trong trứng nước đã đoạn trường
Trăm con một bọc, mỗi phương một thằng
Giặc Tầu cầm trịch ngàn năm
Giặc Tây nắm cán cũng gần bách niên

Giặc Hồ nhập cảng chính chuyên
Cưa đôi lãnh thổ hai miền Bắc, Nam
Ba mươi năm lẻ tương tàn
Mẹ ơi con mẹ chứa chan hận thù

Một bầy lãnh tụ già nua
Đại gian, đại ác, đại ngu, đại khùng
Tôn thờ chủ thuyết đại đồng
Nguyện đem sông núi hiến dâng cho người

Mác Lê nay đã sụm rồi
Đông Âu búa rụng liềm rơi nhất tề
Vẫn bầy con mẹ u mê
Đem thân cản lại bánh xe thoái trào

Một bầy con bố tào lao
Chia năm, xẻ bảy lăn vào cuộc chơi
Kể gì trong đục tanh hôi
Bon chen kiếm một chỗ ngồi đỉnh chung
Xứ người tuyết đổ mịt mùng
Đón xuân hiu quạnh nát lòng hoài hương

Xuân Của Riêng Ta

Dường như trời đất vào xuân
Là khi nghe lại tiếng thầm, lời hoa
Dường như trời biển riêng ta
Long lanh sóng nhạc bao la hải tần

Là xa xôi mấy cũng gần
Là môi ướp rượu cho tâm say vùi
Là em thanh thoả giọng cười
Là tôi ngơ ngẩn ru tôi mất hồn

Dường như trời xuống gần hơn
Tóc mây từng lọn lả buông vai trần
Dường như xuân ở trong xuân
Nghe như trăm mạch suối ngầm reo vui

Lòng như cánh gió chơi vơi
Nghe tình thêm nặng, nghe đời nhẹ tênh.

XUÂN LỮ THỨ

Đường kiếm loáng như chớp
Đầu lìa chưa biết đau
Bốn chục năm bén ngót
Chém ngang đời biển dâu

Bốn chục năm Hà Nội
Hai mươi năm Sài Gòn
Ta có gì để nói
Với tin yêu sói mòn?

Ta chào nhau năm mới
Lời chúc trượt trên môi
Bắt tay cười hể hả
Quay lưng giấu ngậm ngùi

Nỗi quê sôi trong máu
Nỗi nhà nhói trong tim
Em, chốn ta nương náu
Cũng hầm chông, bãi mìn.

Xuân Bính Tý

Điểm Sách

Vietnam: The History of an Unwinnable War, 1945-1975

Nhà Xuất Bản: University of Kansas Press. Tác Giả: John Prados

(665 pages; $34.95)

Cách đây không lâu đài phát thanh BBC Luân Đôn có phỏng vấn một số thính giả tham dự buổi ra mắt tác phẩm Vietnam: The History of an Unwinnable War, 1945-1975, tại Viện Đại Học George Washington, ở Hoa Thịnh Đốn. Trả lời phỏng vấn của BBC, một số người tham dự cho rằng lâu rồi giới đọc sách mới nhận được một quyển sách viết toàn bộ về lịch sử chiến tranh Việt Nam, 1954-1975. Tuy nhiên vì sách mới xuất bản, thính giả chưa được nghe lời bình phẩm của người tham dự buổi ra mắt sách khi cuộc phỏng vấn được thực hiện. Người điểm sách bỏ ra hơn vài ngày để tìm đọc Việt Nam của Prados. … Và sau đây là những gì người điểm sách nhận thấy từ tác phẩm.

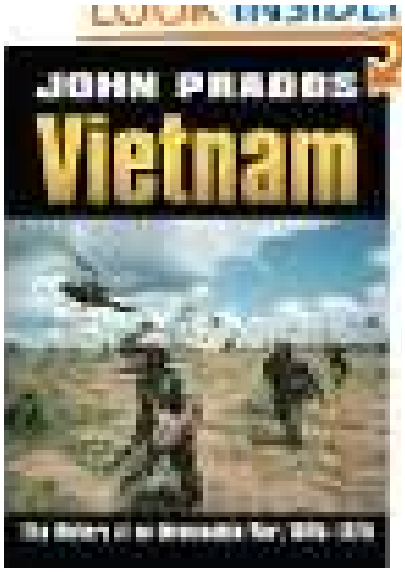

John Prados là một tác giả quen thuộc trong giới đọc và viết về lịch sử chiến tranh Việt Nam. Trước khi xuất bản Việt Nam: Cuộc Chiến Không Thắng Được, 1945-1975 (VNCCKTĐ), Prados đã xuất bản tám tác phẩm về quân sử và tình báo. Bốn trong tám quyển liên hệ đến chiến tranh Việt Nam như, The Sky Would Fall: The Secret U.S. Bombing Mission to Vietnam, 1954 (nói về kế hoạch của Mỹ dội bom nguyên tử xuống Điện Biên Phủ để cứu quân trú phòng Pháp); The Blood Road: The Ho Chi Minh Trail and the Vietnam War (về hệ thống đường xâm nhập HCM); Valley of Decision: The Siege of Khe Sanh (trận Khe Sanh); và The Hidden History of the Vietnam War (một số tài liệu giải mật về chiến tranh Việt Nam). Trong thời gian gần đây, ngoài công việc soạn thảo quyển VNCCKTĐ, Prados làm việc ở trung tâm Văn Khố An Ninh Quốc Gia (National Security Archives), một trung tâm nghiên cứu và lưu trữ tài liệu giải mật do trường đại học George Washington thiết lập và quản trị. Tại National Security Archives có một số tài liệu quan trọng về Việt Nam như vụ đảo chánh tổng thống Ngô Đình Diệm, và những thương lượng ngoại giao bí mật của Ngoại Trưởng Henry A. Kissinger. Không phải là một tác giả ngoại hạng trong ngành sử học Mỹ, nhưng Prados sáng tác đều đặn so với những tác giả khác. Sách của ông nhắm vào số độc giả tổng quát.

Việt Nam: Cuộc Chiến Không Thắng Được, 1945-1975 có 14 chương, bắt đầu bằng chương về cuộc chiến Việt-Pháp dẫn đến Điện Biên Phủ; và và kết thúc bằng chương "The Truth Comes Marching Home," nói ý nghĩ của tác giả và dư luận giới phản chiến Hoa Kỳ về cuộc chiến Việt Nam. Người điểm sách không chấp nhận đây là một quyển sử vô tư, nói về lịch sử chiến tranh Việt Nam. Ngay ở đầu sách, trong phần "Ghi Chú Cho Độc Giả," (tr. xxi) tác giả tự nhận mình là người có khuynh hướng phản chiến, thiên tả; và, quyển sách được nhà xuất bản yêu cầu viết theo chủ đề những phong trào phản chiến. Tác giả tự nhận mình chống chiến tranh Việt Nam vào năm những phong trào phản chiến bạo động nhất (1968-71); và quyển sách độc giả đang cầm trên tay là ý kiến cá nhân của tác giả

về cuộc chiến. Theo sau những lời tự thú với độc giả là 12 trang nói về cuộc biểu tình Dewey Canyon III (biểu tình chống Hành Quân Lam Sơn 719 của VNCH tấn công qua Hạ Lào năm 1971), một trong những cuộc biểu tình phản chiến lớn nhất ở Hoa Thịnh Đốn. Người điểm sách không thể coi đây là một quyển sách sử vô tư: Nhiều nơi trong sách tác giả trích lại những lời tuyên truyền của nhóm American Veterans Agaisnt The War. Đây là nhóm phản chiến của John Kerry (bây giờ là Nghị Sĩ của tiểu bang Massachusetts) và cô đào chiếu bóng hạng B, Jane Fonda, chủ trương từ năm 1970. Quyển sách được viết như là một bán thông điệp của những nhóm phản chiến. Tự nhận mình là một người có đầu óc thiên tả, chống đối chiến tranh — hay dù là thiên hữu và ủng hộ chiến tranh — khi viết một quyển sách lịch sử về chiến tranh thì không thể không chủ quan; nhiều hay ít tác giả sẽ nhìn sự kiện lịch sử theo một quan điểm của ý thức hệ cá nhân.

Về giá trị quyển sách này, người điểm sách muốn nói rất vắn tắt: VNCCKTĐ là một quyển sách viết rất rất vội vả và cẩu thả. Người điểm sách đọc gần hết sách của tác giả Prados, nhưng chưa thấy cuốn nào viết sai nhiều chi tiết như quyển này. Tuy một số lỗi rất sơ sài, nhỏ — khó phân biệt được là lỗi ấn công (typo) hay vì trí nhớ không hoàn hảo. Nhiều lỗi nhỏ, nhưng nếu sách có chừng 100 lỗi như vậy thì tác giả có vấn đề trong sự biên khảo. Không hiểu vì tác giả soạn sách quá nhanh, hay vì nhà xuất bản không có một chủ bút tinh mắt, nên sách sai nhiều quá. Người điểm sách ghi ra một số lỗi nhận thấy dưới đây.

Tác giả viết quân sử không theo một qui luật tòa soạn đã định. Khi viết quân sử, tên và chức vụ/ cấp bậc của nhân vật chủ thể (trong trường hợp này là người quân nhân đề cập đến) phải tương quan với thời gian đang nói. Thí dụ: "Chuẩn tướng William Westmoreland chỉ huy Trung Đoàn 187 Nhảy Dù trong chiến tranh Đại Hàn; Thiếu Tướng Westmoreland chỉ huy Sư Đoàn 101 Nhảy Dù ở Fort Bragg. Hay là, lúc mang cấp bậc trung tướng, Westmoreland được tổng thống Kennedy bổ nhiệm làm Tư Lệnh Phó MACV, đề chuẩn bị thay đại tướng Harkins ở Việt Nam." Phải theo qui luật đó để độc giả có thể liên hệ thời điểm lịch sử qua chức vụ của người sĩ quan được nói đến.

Ở trang 16 Prados viết, tư lệnh quân đội Hoa Kỳ ở mặt trận Trung Hoa vào những tháng cuối của đệ nhị thế chiến là Thiếu Tướng Claire Chennault. Tướng Chennault chỉ là chỉ huy trưởng của Không Đoàn Phi Hổ (Flying Tigers). Đây là một không lực do Chennault lập ra, mướn những phi công tình nguyện để chiến đấu cho quân đội Tưởng Giới Thạch từ trước đệ nhị thế chiến. Người tư lệnh của mặt trận Trung Hoa là Trung Tướng Lục Quân Albert C. Wedemeyer. Wedemeyer thay đại tướng Joseph "Vinegar" Stilwell bị triệu hồi về Mỹ vì có nhiều trục trặc trong liên hệ với Tưởng Giới Thạch. Trang 223 khi viết về cuộc tấn công Mậu Thân 1968, Prados nhắc đến tên "Thiếu Tướng" John Singlaub, chỉ huy trưởng liên đoàn tình báo quân sự MACV-SOG (Studies and Observation Group). Năm 1968 Singlaub chỉ là đại tá. Gần 10 năm sau ông mới mang cấp bực thiếu tướng. Hơn nữa, SOG chưa bao giờ có tướng chỉ huy trong suốt cuộc chiến ở Việt Nam. Cùng đoạn đó Prados gọi Chuẩn tướng Phillip B. Davidson (Phòng 2, MACV) là thiếu tướng. Gần đến cuối năm 1969, Davidson mới được thêm ngôi sao thứ 2. Khi nói về trận đụng độ đầu tiên giữa Hoa Kỳ và CSVN ở Ia Drang, thung lũng A Shau (tr. 228), Prados nói Thiếu Tướng Stanley Larsen chỉ huy Quân Đoàn Dã Chiến I (I Field Forces; một bộ tư lệnh của Mỹ đóng song song với Quân Đoàn II, VNCH). Sự thật là vào tháng 11-1965, Mỹ chưa thiếp lập I Field Force. Lúc đó quân tác chiến Mỹ mới đến Việt Nam; và tất cả lực lượng Mỹ ở Vùng II VNCH được đặt dưới quyền của một bộ tư lệnh đặc nhiệm (tạm thời) có tên là Task Force Alpha. Tháng 3-1966 I Field Force mới được thành lập, do Trung Tướng Larsen chỉ huy. Tên của thiếu tướng tư lệnh Sư Đoàn 1 Không Kỵ cũng viết sai (Thiếu Tướng Harry W.O. Kinnard, thay vì Douglas Kinnard); và cấp bực của tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 1/Trung Đoàn 7 (đơn vị chánh của trận Ia Drang) là trung tá, thay vì đại tá. Ở trang 226 Prados viết Trung Tướng William B. Rosson đã từng

chỉ huy Quân Đoàn Dã Chiến I (I Field Force). Tướng Rosson chưa bao giờ chỉ huy I Field Force. Ông có chỉ huy Quân Đoàn XXIV (Quân Đoàn được thành lập năm 1968 để chuẩn bị ra thay thế TQLC Hoa Kỳ ở Vùng I vào cuối năm 1969). Trung tướng Rosson chỉ huy Quân Đoàn XXIV được sáu tháng thì được thăng cấp đại tướng, và về làm Tư Lệnh Phó MACV. Một lỗi khác đáng chú ý hơn về sự sơ hở trong trí nhớ của tác giả, khi ông viết "Đại Tướng Paul Harkins là Tư Lệnh của MAAG [Military Assistance and Advisory Group];" và MACV [Military Assistance Command, Vietnam] được thành lập vào đầu năm 1964 khi Đại Tướng William Westmoreland đến Việt Nam. Về chi tiết này thì tác giả Prados đã trễ đến hai năm: Paul Harkins là chỉ huy trưởng của MACV; và MACV được thành lập từ tháng 2-1962. Đồng ý là Westmoreland đến Việt Nam tháng 4-1964. Nhưng ông đến với tư cách là Tư Lệnh Phó cho Harkins. Đến tháng 6-1964 Westmoreland thay Harkins làm tư lệnh MACV. Ngay cả trận đánh vào trại Lực Lượng Đặc Biệt Nam Đông (Team A-726) tác giả cũng viết lộn: Tác giả ghi năm 1965, trong khi trận đó xảy ra tháng 7-1964 (tr. xxii). Những chi tiết về Việt Nam thì đôi khi tác giả "thêm mắm dậm muối" vào để cho câu văn được mặn mà, nhưng cũng vì vậy mà sai: Bùi Chu và Phát Diệm là hai giáo xứ, không phải hai tỉnh ở miền bắc (tr. 41); Bình Giả không phải là một làng ở miền duyên hải (tr. 116); Làng Bến Sức (trong cuộc hành quân Cedar Falls, tháng 2-1966) nằm trong phạm vi của vùng Tam Giác Sắt, nhưng thuộc về chiến Khu D chứ không phải C như tác giả viết (178). Cùng trang này, khi viết về trận này, tác giả nói cuộc hành quân Cedar Falls có 16.000 ngàn quân Mỹ và 14.000 quân Việt Nam. Điều này thì khó hiểu (vì tác giả không cung cấp tư liệu chứng dẫn con số này; và không phải ở chi tiết này mà ở nhiều chi tiết khác). Tài liệu từ MACV và hồi ký của tướng lãnh Hoa Kỳ cho biết, trong cuộc hành quân Cedar Falls, quân đội VNCH có năm tiểu đoàn VNCH tham dự: hai giang đoàn Hải Quân (để chuyên chở dân làng di tản qua sông), hai tiểu đoàn bộ binh, và một tiểu đoàn BĐQ. Tuy nhiên vì vấn đề quá cấp bách, tiểu đoàn BĐQ VNCH đã không tham dự khi cuộc hành diễn ra. Con số 14 ngàn quân VNCH thì không hiểu đến từ đâu. Sau đó, khi nói về cuộc hành quân Junction City (đánh vào chiến C, Tây Ninh), Prasdos viết. Đây là cuộc hành quân duy nhất mà nguyên Lữ Đoàn 173 Nhảy Dù nhảy vào chiến Khu C. Trên thực tế, chỉ có một tiểu đoàn của Lữ Đoàn 173 là nhảy dù xuống mặt trận mà thôi (Đọc Trung Tướng Bernard Rogers, Cedar Falls-Junction City: A Turning Point, về hai cuộc hành quân được gọi là lớn nhất trong cuộc chiến, và những đơn vị Việt-Mỹ tham dự).

Người điểm sách có thể liệt kê nhiều sai lầm khác của tác giả. Nhưng điều đó không cần thiết — độc giả kinh nghiệm sẽ thấy những sai lạc đó. Để kết thúc bài điểm sách này, người viết muốn đưa ra một thí dụ về lối viết sử thiếu sót và đôi khi vô căn cứ của tác giả Prados. Trang 254 tác giả viết về Trận Mậu Thân. Đây là chương tác giả viết với nhiều chi tiết mới — nhưng lại không cung cấp sử liệu để chứng minh. Ở đoạn cuối của chương về Mậu Thân, không biết tác giả lấy tài liệu ở đâu (một lần nữa, tác giả không cung cấp tài liệu) để viết về vụ trực thăng bắn lầm vào trường trung học Phước Đức, ở Chợ Lớn, ngày 2 tháng 6-1968. Prados viết vụ bắn lầm đã giết đi một số sĩ quan quan trọng thuộc phe phó tổng thống Nguyễn Cao Kỳ. Tác giả viết điều này đúng. Nhưng tác giả viết sai khi nói, "một trong những nạn nhân của vụ bắn lầm là Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan" … một sĩ quan quan trọng và thân cận với ông Kỳ. Và tác giả tiếp tục viết, ông Kỳ nói vụ bắn lầm được chính phía tổng thống Nguyễn Văn Thiệu dàn cảnh. Ông Kỳ nói đích thân đại tá Trần Văn Hai (đương nhiệm tư lệnh Biệt Động Quân) lái chiếc trực thăng sát thủ đó. Đọc đến đây thì cuốn sách sử đã trở thành một cuốn tiểu thuyết dở! Thứ nhất, Chuẩn Tướng Loan bị trọng thương ở khu đường Tự Đức ngày 7 tháng 5, trong khi đó vụ bắn lầm xảy ra ngày 2 tháng 6 ở Chợ Lớn. Về tin đồn (đến từ ông Kỳ) là Đại Tá Trần Văn Hai lái chiếc trực thăng tác xạ đó (hay có mặt cùng với phi hành đoàn trên trực thăng) … là một lời đồn không chứng cớ và thiếu thông minh: Cuộc tấn công

Đợt 2 của cộng sản vào Sài Gòn và các thị trấn, tuy không mãnh liệt và toàn diện như Đợt 1, nhưng địch tấn công mạnh vào những cơ sở trọng yếu của VNCH và Hoa Kỳ, như các căn cứ đóng quân và phi trường (để giảm thiểu tối đa hỏa lực phi pháo và săn lùng của không lực Hoa Kỳ-VNCH). Một ngày sau khi tướng Loan bị thương, đích thân Không Đoàn Trưởng Không Đoàn 33, Đại tá Lưu Kim Cương, trong khi đôn đốc quân nhân an ninh phi trường phản công địch quân đang đánh vào vòng đai phi trường, bị trúng đạn tử thương. Dưới cường độ tấn công mãnh liệt đó, chúng ta thử nghĩ, một đại tá Lục Quân, lên trực thăng để chỉ huy một phi vụ tác chiến mà không ai biết được, phi hành đoàn và cơ phi đâu? Một lời đồn rất vô lý. Ngay sau khi vụ bắn lầm xảy ra, Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ lên tiếng, công nhận chiếc trực thăng xạ kích đó là trực thăng Mỹ, và họ bắn lầm khi nhận được yêu cầu yểm trợ. Chỉ là như vậy. Cũng nên biết thêm, một trong sáu sĩ quan tử thương là Trung Tá Đào Bá Phước, chỉ huy trưởng Liên Đoàn 5 BĐQ, một người bạn cùng binh chủng với Đại Tá Trần Văn Hai. Ở những đoạn này của quyển sách, tác giả Prados viết rất tệ. Và đó cũng là ý nghĩ của người điểm sách chung về tác phẩm.

Nguyễn Kỳ Phong

Chung Một Nỗi Niềm

A*nh viết cho em bài thơ viết ngược*
Bởi đời đâu như nước chảy xuôi dòng
Năm có qua, ngày thời như chiếc lá
Buồn nào hơn cô độc buổi tàn đông

Ta yêu em, một thời yêu khổ nhọc
Ở một đời chăn gối chiến tranh qua
Khi ngó lại mối duyên tình tơ tóc
Làm sao quên tuổi nhỏ ở quê nhà

Em áo trắng, màu sân trường nhạt nắng
Hồn trinh nguyên phượng nở nụ hôn đầu
Lúc ngây thơ trốn tình chưa kịp bắt
Buồn chi theo mưa nắng bước qua cầu

Ai dan díu một muà xuân nhẹ bước
Yêu là thương cho lấy phút cận kề
Một cánh hoa một mùi hương buổi trước
Thời chiến chinh đâu chắc thấy người về

Rồi chiều nay gặp lại người năm cũ
Bạn và tôi chung áo trận phai màu
Phố thân quen hay chiến hào mưa lũ
Hát rong đời vơi lấy nỗi niềm đau

Tiếng anh ca như thể lời vô vọng
Buồn bâng khuâng nhen nhúm thấy lại mình
Ôm quá khứ trãi dài không thấy bóng
Nói chi bằng, thà sống với lặng thinh

Khi biết qua, nhận ra người trước mặt
Có thấy gì, ngoài một buổi tàn binh
Thân ở lại phận hèn theo đôi mắt
Đổi lời ca, mù sống với ân tình

Bạn hỏi thăm mối tình em chân thật
Tôi ngại ngùng, về cuộc chiến buông trôi
Nhắc về em một chân trời xa mất
Ngậm ngùi thương tình lỡ ở cuối đời

Anh nói lấy cùng tôi
Chừng như lời uất nghẹn
Ba mươi năm nhìn lại

Một phận đời đã luống
Chia dùm nửa vầng trăng
Cho những người nằm xuống

Đôi khi chợt nhớ thời xưa cũ
Một chiến trường xưa nay đã xa
Một cõi buồn chung như mất hút
Sao nghe đau xót dấu lệ nhòa

HOÀI ZIANG DUY

LẦN THEO NỖI CHẾT

(Chuyện Về Đại Tá HỒ NGỌC CẨN)

HOÀI ZIANG DUY

Tôi thấy lại ngày cũ một thời tuổi nhỏ tôi. Tôi thấy lại đời sống của mấy chục năm xa vắng, một thuở yêu đương, một thời chinh chiến với khổ đau bất hạnh ở 117 truyện ngắn của ngần ấy tác giả trong bộ sưu tập 3 cuốn Văn miền Nam trước năm 75. Quá khứ gần lại từ những trang sách là một đời sống thực, một thời đao binh khói lửa ở Miền Nam Việt Nam, với những lãng mạn khát khao của những người viết tự do, viết cho mình, cho bằng hữu, cho tháng năm sau nầy.

Và bây giờ quả thực, nó không mất. Những đứa con lạc loài trong cùng cảm giác về lại mái nhà. Ở người đọc, ở những con chữ rộn ràng, thân phận con người. Tôi tìm lại tôi, và có thể bạn, đọc lại hay người mới đọc lần đầu, sẽ thấy lại chợ trời chữ nghĩa, không khí văn chương miền Nam thuở nào.

Cái hạnh phúc tìm được tưởng chút ấm êm trãi dài, bất chợt khưng lại. Đó là lúc những bút hiệu quen thuộc như Doản Dân, Y Uyên, Song Linh. Tên tác giả được ghi chú chết trận ở cuối bài. Chỉ mấy giòng ngắn ngủi đó thôi, nhưng trong tôi xao xuyến chút ngậm ngùi. Họ là những người chết trẻ, đi vào cõi chết với tâm hồn của người viết nửa chừng. Họ chết trước, chết dùm chúng tôi những người cầm bút, cầm súng trong cùng một cuộc chiến khổ nạn.

Bây giờ là tháng mười, tháng mười với mùa thu se lạnh trên xứ người, nhưng tháng mười với tôi, ký ức không quên, một trong mấy lần chết lưng chừng không thật. Chuyện ở trung tuần tháng 10 năm 72. Như lệ thường, trung đoàn hành quân trực thăng vận. Buổi sáng sau khi đổ các tiểu đoàn xuống, đi theo mục tiêu ở phóng đồ hành quân. Cho đến buổi trưa, bốc tiểu đoàn 3/15 xuống lăn ranh Long Tiên, Long Sơn. Xuống được hơn hai đại đội, thì chạm địch dữ dội. Tình thế không mấy thuận lợi cho quân vừa xuống đất. Lúc bấy giờ là hai giờ trưa. Bộ chỉ huy hành quân trung đoàn 15, đóng tại Ba Dừa, đông nam Cai Lậy. Tôi đang trực ở trung tâm hành quân, qua máy nghe Đại tá Cẩn gọi về, bảo tôi chuẩn bị ra bãi. Đã nhiều lần với tôi như vậy, tôi biết ông sẽ xuống đất tham dự trận đánh, sau khi đổ quân xong. Ông có lý do của ông để nâng cao tinh thần binh sĩ. Gọi một sĩ quan hành quân đi theo, để đêm nhận báo cáo tọa độ điểm ngủ, chuyển lệnh cho ba tiểu đoàn và đại đội trinh sát, liên lạc bộ chỉ huy ở nhà. Đó là lúc bộ chỉ huy nhẹ chúng tôi ở lại với tiểu đoàn qua đêm. Mỗi lần vậy tôi rất cực, khổ nổi ông chỉ chọn mình tôi đi theo.

Trên máy bay chỉ huy lúc bấy giờ, chỉ có Đại tá Cẩn, trung tá Jonhson, cố vấn Mỹ, và tôi. Không hiểu sao lần đó lại không có tiểu đoàn trưởng pháo binh như lệ thường. Năm chiếc trực thăng của phi đoàn Thần Điểu tiếp tục bốc quân đổ xuống mặt trận, tình hình có vẻ khó khăn hơn, từ phòng không địch. Lối đổ quân của Đại tá Cẩn là càng xuống sau càng gần vào mục tiêu hơn. Về phía phi hành đoàn ý kiến muốn ngưng

nửa chừng, do vấn đề an toàn. Nhưng Đại tá Cẩn quyết định bất cứ giá nào, phải cho xuống đủ tiểu đoàn để tiếp ứng.

Lúc bấy giờ máy bay chỉ huy vòng vòng trên mặt trận để theo dõi. Pháo binh vẫn bắn ở tọa độ chạm. Chúng tôi xuống thấp, xuống thấp nữa, đang ở độ cao khoảng 700 feet.. Thình lình, một ánh lửa vụt tới. Một tiếng nổ lớn, máy bay rung động. Tôi nghe qua hệ thống vô tuyến từ tiểu đoàn dưới đất. " Máy bay Thuỷ Tiên đứt đuôi rồi". Thời đó trực thăng, ống tống khói còn thổi ngang về phía sau, (nên dễ bị loại tầm nhiệt hít vào, sau nầy mới thiết kế cho thổi lên trời). Lần nầy đạn SA7 chui tọt vào ống khói và nổ đứt thân máy bay. Lúc bấy giờ máy bay chỉ còn thân phía trước, mất thăng bằng, lảo đảo. Hai viên phi công, tôi chỉ nhớ một người là trung úy Diệm (pilot trực thăng) giật cần lái cho phi cơ tăng lên liên tục, để làm giảm sức rơi xuống chậm lại. Kính chắn ở đầu phi cơ bị sức gió thổi bung. Tiếng Đại tá Cẩn la lên trong ống liên hợp: "Máy bay Thuỷ Tiên rớt rồi". Quay sang tôi ông la lên "Đưa máy cho Mỹ". Tôi đạp máy truyền tin qua hắn ta. Viên trung tá cố vấn Mỹ làm dấu thánh giá.

Lần đầu trong đời tôi biết cảm giác của người sắp chết. Khi con người trong một tình huống không còn lựa chọn nào khác. Không hốt hoảng, không là mình, không là gì hết, bởi mọi sự chỉ diễn ra trong tích tắc.Thoáng chốc tôi nghĩ đến cha tôi, người mà tôi vương vấn sống một mình nơi quê nhà, đến người vợ của mối tình từ thuở học trò, rồi thôi. Tôi còn đủ tỉnh táo, niệm Phật được hai câu là máy bay quay vòng vòng lao thẳng xuống. Tôi không còn chổ nào bám giữ, cả thân mình bị xốc tăng lên cao và rớt xuống, ngực đập vào thành ghế ngồi của viên phi công phía trước.

Một tiếng động vang lên, khi máy bay rớt dựng chúi thẳng xuống sình đất. Bên trong máy bay mọi người bị tung lên, đầu chúi xuống đất, chân đưa ngược lên trời. Không khí yên tỉnh, bất động. Mấy đôi mắt nhìn nhau không nói. Một không khí chết. Tiếng người phi công la lên "Chun ra, chun ra Đại tá". Tôi lấy bàn tay chùi vết máu từ tuyến mang tai chảy xuống, biết mình còn sống. Bên ngoài tiếng đạn Ak, tiếng đạn M 16, M79 nổ tưng bừng. Thì ra trong lúc máy bay bị bắn rớt, diễn tiến xảy ra trước mắt cánh quân ở dưới. Một đại đội được lệnh bỏ ba lô để nhanh chóng tiến quân về hướng phi cơ rớt.

Tiếng la "chun ra, chun ra" là tiếng kêu đánh thức cái không gian bất động trong thoáng chốc. Vì máy bay vùi thân chúi dưới sình, cửa hai bên thân đóng kín. Mọi người chỉ còn cách thoát ra từ cửa kính chắn ở đầu phi cơ bị sức gió văng mất. Tiếng la của viên phi công. "Chạy đi, máy bay nổ". Xoay mình được hai bước. Đại tá Cẩn bảo tôi lấy máy liên lạc. Tôi thò bàn tay xuống, nâng máy lên, chiếc cà rá mang ở ngón tay tuột mất. Khi lấy được máy, coi ra ống liên hợp bị đứt. Không còn sử dụng được, tôi quăng lại. Có tiếng la "máy bay nổ". Tôi bỏ máy xuống quay mình chạy theo. Tâm trạng lúc bấy giờ vừa hốt hoảng thoát chết, vừa nghe tiếng đạn bên tai. Chúng tôi chưa đủ thời gian định vị phương hướng, cắm đầu chạy vô bìa rừng trước mặt, thấy lố nhố lính đội nón sắt là chạy về hướng đó, Hai viên phi công kè hai phụ xạ thủ bị thương chân. Tôi kè đại tá Cẩn, ông bị thương ở miệng do ống liên hợp xốc vào, ba bông mai trắng thêu trên cổ aó lúc nầy thật nổi bật. Trung tá Johnson thì một thân một mình lo liệu. Chạy cách máy bay khoảng mười thước, thì máy bay phừng lửa, bắt mồi cho đạn trong máy bay nổ tứ tung. Cũng nhờ cái may mắn nầy mà địch không băng ngang đồng trống rượt truy kích, trong lúc hướng trước mặt chúng tôi là đơn vị đang tràn lên bắn cầu vồng, yểm trợ cho chúng tôi chạy về phía trước.

Lúc nầy trên bầu trời xuất hiện hai trực thăng võ trang, bay theo máy bay của Đại tá Lãm (Trung đoàn trưởng trung đoàn 14) đang hành quân ở Kiến Hòa, được Bộ tư lệnh sư đoàn điều sang, đang bắn róckét yểm trợ. Bất thình lình, máy bay Đại tá Lãm đáp khẩn cấp chận đầu, bốc cả đoàn chúng tôi lên. Máy bay chỉ huy đưa anh em không quân về phi trường Cần Thơ, cố vấn Mỹ xuống luôn. Chúng tôi về bệnh viện 3 dã chiến ở Mỹ Tho. Thú thật lúc chết sống, mình còn sức để chạy. Bây giờ về nơi an toàn, mới nghe toàn thân ê

ẩm, đi đứng khó khăn, trước ngực, sau lưng cơn đau không chịu nổi. Lúc chờ kết quả chụp quang tuyến. Tôi nghe có điện thoại của Thiếu tướng Di, tư lệnh Sư đoàn 9 gọi tới thăm hỏi tình hình. Đại tá Cẩn nói. Nếu Thiếu tướng cho tôi nghỉ tại chổ đơn vị hành quân, không bay hai tuần thì tôi vẫn ở mặt trận coi trung đoàn được. Trả lời về phần tôi ông nói tình hình tôi có vẻ nặng hơn. Sau nửa giờ đồng hồ khám bệnh, Đại tá Cẩn nói với tôi. Vậy là mình không chết, rớt máy bay mà không chết là số mình khó chết. Máy bay chúng tôi bị bắn rớt, lúc ở giai đoạn nầy là chiếc thứ 19 của quân đoàn 4, và là lần đầu tiên tất cả đều sống sót.

Đại tá Cẩn rủ tôi ra trước cổng bệnh viện. Ông hỏi. Mầy có tiền mang theo không. Tôi mở bóp coi, đáp có bốn ngàn. Ông nói đủ rồi. Đứng trước cổng, một chiếc xe Jeep của viên đại uý tiểu khu vừa chạy tới. Ông đưa tay chận xe nhờ quá giang ra khách sạn Minh Cảnh, có bar rượu trên lầu. Lúc nầy quần áo hai thầy trò còn dính bùn đất. Ngồi trên quán, ông kêu chai Henessy, một diã đậu phọng, chúng tôi nói chuyện vừa qua. Một lát, rượu thấm, vết thương chịu đựng cũng thấm. Ông mệt, tôi cũng mệt. Vừa lúc ba xe Jeep của trung đoàn, tìm được địa điểm của hai thầy trò ngồi nhậu để rước về. Ông hỏi tôi. Mầy về hay ở lại?. Không chờ tôi trả lời, ông nói luôn. Thôi về bệnh xá trung đoàn nằm đi. Số mình lớn mà, không chết đâu. Không biết trong bọn mình mạng ai cứu ai.

Chúng tôi trở về căn cứ hành quân. Vừa xuống xe, sĩ quan trung đoàn chạy đến bên Đại tá. Phần tôi lúc còn đang trong cảm giác lạc lõng, bất chợt một dáng người nhỏ bé nắm tay tôi. Ông thầy có sao không? Tôi nhận ra Sâm. Sao mầy không theo vô tiểu đoàn. Nghe tin máy bay rớt, em trốn lại coi ông có sao không, rồi mai theo chuyến supply đạn vào. Tôi nhìn lấy nó. Người thân của tôi lúc nầy là đây, là người lính nhỏ ở đơn vị theo tôi mấy năm rồi. Tôi bỏ tiểu đoàn về đây, cùng lúc với ba sĩ quan khác, những người bị thương nhiều lần, gọi là cho nghĩ tạm một thời gian, nhằm thay thế một lúc các sĩ quan khác thuyên chuyển, dịp đổi trung đoàn trưởng.Sâm là người lính ở gần bên tôi. Hồi đó Huỳnh văn Sâm khi được bổ sung về đơn vị, máy bay thả xuống trong hành quân. Tôi nhớ cận ngày Giáng sinh. Nghe nó hỏi mấy người lính đứng gần. Ở đây không có làm Noel hả. ? Mấy thằng ôm bụng cười. Đúng là thằng em ở Sài gòn, lo cái mạng mầy chưa xong, ở đó mà lo. Thật vậy, ở chiến trường không có mùa Giáng sinh. Có chăng là có tấm lòng, cóù kỷ niệm ở bài hát qua radio mang theo. Có không tình yêu bỏ nơi chốn cũ. Vui bên tiếng nói cười, rộn ràng đèn đuốc , có tiếng chuông nhà thờ ở thành phố, nơi chốn bình yên. Có sách vở thơ văn ca tụng mang theo ở túi ba lô. Tất cả là nỗi nhớ.

Còn ở đây, chỉ có chết chóc máu xương, có nỗi chết cận kề. Một tình yêu đơn độc, người đi đâu chắc buổi nào về. Sâm lúc đó, còn quá trẻ với vóc dáng, khuôn mặt búng ra sửa. Thương tình, tôi giữ nó lại chung với mấy người lính quanh mình. Sâm gần bên tôi ở chiến trường mười sáu tỉnh đồng bằng, ở mặt trận Kam puchia, ở An Lộc. Tình cảm thầy trò như một tình thân trong nhà. Ở lâu đã quen, rời đi về đây tôi thấy cũng buồn, cũng nao lòng xao xuyến khi nhìn thấy đơn vị mình. Thật ra có gì ở ngày cũ? Có gì ở khung cảnh đó? Hay chỉ có chết chóc, trận đánh, mìn nổ, thương tích. Không có tương lai, không có gì hết. Vậy mà sao, vẫn nhớ vẫn buồn. Phải chăng cái tình thân gần gũi bên sống chết không rời, sống là không chấp nhận, nhưng khi xa lại thấy ngậm ngùi nuối tiếc. Tất cả là sự mệt mỏi ở tuổi trẻ, hư hao với năm tháng, không biết bao giờ tới phiên mình nằm xuống. Lần bị thương, lần thứ tư đó, tôi không về phép. Tình hình chiến sự căng thẳng, trung đoàn phải tăng phái giải tỏa nhiều nơi, nhiều chỗ. Sĩ quan đại diện trung đoàn phải ra ngoài nhiều hơn. Không đủ người, tôi ở lại trung đoàn trên hành quân, có bác sĩ điều trị. Vết thương bên ngoài không có gì trầm trọng. Nhưng nội thương từ huyết ứ bên trong, đau lói sau lưng, mỏi không cách nào chịu nổi khi ngồi lâu. Chụp quang tuyến cũng không thấy gì. Uống, chích thuốc bớt cầm hơi vậy thôi.

Ba tôi viết thư khuyên. Tôi làm theo. Năm con cua đồng, rửa sạch, đập vỏ dập một chút. Một tách rượu trắng chưng cách thuỷ. Uống lấy rượu, ăn cả xác cua. Làm khoảng hai lần, cơ thể hồi phục hơn,.ở thời trẻ tuổi.

Bây giờ đây hơn ba mươi năm qua. Vết lói phía lưng thỉnh thoảng khi trở trời, thân thể yếu, làm mỏi, khó chịu khi nằm, ngược lại với hồi trước. Hơn ba mươi năm cuộc chiến lụn tàn, nhưng ký ức mang theo không đánh mất. Tôi có thể nhớ rỏ từng chi tiết một khi thời gian ở tuổi già, ở quá khứ qua đi. Điều tôi muốn nói ở đây, không phải là chiến công, trận đánh. Không có hào quang xưng tụng. Bởi ở chỗ đã kết thúc. Chúng tôi nhìn, dưới cái nhìn của người trong cuộc. Dù quan hay quân, ở đâu cũng có tấm lòng chân thật trong đối xử. Kỷ niệm sống chết ở tôi, ở anh em như một nặng nợ suốt đời mang theo.
Ngày Sâm tử trận. Tôi nghe tin muộn một tuần sau đó. Thương nó, thương cảm cho cái tính trung hậu thật thà. Lo phần an nguy, tôi đã đưa Sâm về ban 2 trung đoàn. Gọi về trình diện. Sâm thưa. Em không có chữ nghĩa làm sao làm được. Tôi nói không cần, chỉ đứng gác, bảo vệ thôi. Nhưng Sâm quyết liệt không chịu. Sâm nói. Ông cho tôi về đây là tôi đào ngũ, tôi muốn sống ở đơn vị mình. Tôi biết bản tính Sâm chân thật, không biết khôn ngoan nắm lấy cơ hội an thân, chỉ biết sống trong cái nhận chịu quen thuộc. Lúc Sâm chết, bấy giờ là hạ sĩ nhất. Tôi buồn, thật buồn.

Về phần Đại tá Cẩn, có thể từ lần rớt máy bay sống chết đó, và tháng ngày làm việc gần gũi (tôi chỉ thuần tuý theo ông ở mặt trận). Ông có vẽ ưu ái nhiều mặt với tôi hơn. Có thể ông thích tôi vì bản tính ít nói. Có thể vì ông thích làm việc với người trẻ (lúc ông mang Đại tá là 33 tuổi). Qua đối xử, tôi cảm nhận một điều, cái tình anh em ông đối với tôi, hơn là cung cách của một người chỉ huy. Thật vậy, cho đến sau nầy, khi ông rời trung đoàn về làm tỉnh trưởng Chương Thiện. Tôi nhớ mấy tháng sau, dịp về Bộ tư lệnh sư đoàn 21, tôi ghé qua thăm ông. Nghe sĩ quan chánh văn phòng báo tên. Ông rời văn phòng, cặp cổ rủ tôi về nhà chơi (dinh tỉnh trưởng). Lúc nầy trông ông thoãi mái. Bàn ăn chỉ có hai người. Cũng thứ rượu quen thuộc. Buồn vui chuyện cũ, ngày nào ở trung đoàn, chuyện mới ở địa vị bây giờ, khó khăn đơn vị địa phương quân giữ đồn bót, khó khăn ở khuôn thước một vị tỉnh trưởng hành chánh. Vợ Đại tá Cẩn, tôi gọi danh xưng bằng cô như lúc ở trung đoàn. Cô dẫn tôi ra phía sau trong dinh, khoe công trình của cô, trên là chuồng nuôi mấy con heo, dưới là ao thả cá. Tôi thấy hơi ngỡ ngàng ở địa vị mới của cô. Cô vẫn vậy, vẫn mộc mạc đời sống thực tế của một người đàn bà vợ lính.

Bây giờ đây, chiến tranh Việt nam đã là quá khứ. Máu xương của người Việt, cái giá phải trả của người hai miền Nam Bắc. Trong những người chết trận, những người thành danh quan chức, những chiến sĩ vô danh, những người cầm bút viết cho chúng tôi đọc. Anh không là người cầm bút, mà là người cầm quân tôi cảm phục. Có biết bao đồng đội hy sinh ở chiến trường. Nhưng cái chết của Đại tá Hồ ngọc Cẩn lại khác. Một cái chết đi vào lịch sử, biểu tượng bất khuất cô độc.

Nhắc lại anh, là nhắc lại một tình thân, khơi lại vết thương lòng, nỗi đau tủi nhục của người mất nước sống lưu vong. Có điều an ủi, dù bẽ bàng cho một phận người. Nấm mồ chôn dập vùi hoang lạnh thân xác anh ngày nào, đã được đào lên, tro cốt mang ra đất nước tự do, yên nghỉ ở chùa nghe câu kinh tiếng kệ siêu thoát.

Tôi sống ở đất nước nầy. Mỗi ngày y như giờ thường lệ. Lúc chiếc xe sắp đến sở làm cận phi trường, là lúc nhìn thấy những chuyến bay xuống thấp, xuống thấp nữa trước tầm mắt. Những chuyến bay an bình, thanh thản ở xứ người.

Năm tháng qua đi, một thời chiến tranh chỉ còn lại trong sách vở. Đọc rồi bất chợt nhớ ngày nào. Đôi khi tôi muốn quên, không nhắc, không nhớ. Không nghĩ gì hết. Tôi sợ sống lại với nỗi đau không gì bù đắp nổi. Thà với hư không. Quá khứ là nỗi lặng. Mây vẫn bay trên đầu. Tôi sống lấy cùng tôi.

HOÀI ZIANG DUY

Tuổi Con Cọp

Chuyện phiếm của Trà Lũ

…

Cụ B.95 lên tiếng: Sao bữa nay các bác nói toàn những chuyện xa xôi và nhức đầu làm vậy? Xin các bác nói chuyện gì gần gần và dễ hiểu cho già này nghe với. Ông H.O. nghe tới tiếng 'già' liền thưa: Bác chưa đến tuổi già, chưa phải là già. Cháu xin đọc một bài thơ xác định bao giờ mới là già để bác nghe nha.

60 chưa phải là già
60 là tuổi mới qua dậy thì
65 hết tuổi thiếu nhi
70 là tuổi mới đi vào đời
75 là tuổi ăn chơi
80 là tuổi yêu người yêu hoa
90 mới bắt đầu già
Đêm đêm vẫn cứ mặn mà yêu đương
100 có lệnh diêm vương:
'Cứ ở trên ấy yêu thương thỏa lòng
Bao giờ đạn hết lên nòng
Từ từ nằm xuống là xong cuộc đời'

Ông ODP đáp ngay: Bài thơ chú vừa đọc đã lấy con số tuổi để định mức già, còn anh đây thì anh biết một bài thơ nói về tuổi già nhưng không căn cứ vào tuổi mà căn cứ vào sự kiện, như thế này:

Ngày xưa sung sức thì nghèo
Bây giờ rủng rỉnh thì teo mất rồi
Ngày xưa sức khoẻ tuyệt vời
Bây giờ nó có đàn hồi nữa đâu
Ngày xưa sức mạnh như trâu
Bây giờ công cụ nhuốm mầu tang thương
Ngày xưa không kể sớm trưa
Bây giờ loáng thoáng lưa thưa gọi là
Ngày xưa như sắt như đồng
Như đinh đóng cột như rồng phun mưa
Bây giờ như cải muối dưa
Mười thang Minh Mạng vẫn chưa ngẩng đầu
"Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn long"

Chị Ba Biên Hoà nghe xong hai bài thơ rồi nói: Hai bài thơ các bác đọc là những đề tài lớn. Tôi đề nghị sẽ bàn những đề tài này sau tết, ngày rộng tháng dài. Nay tôi có một vấn đề xin thỉnh ý các bác: Tôi có một người bạn. Con gái chị ta sắp lấy chồng. Khi biết anh con trai tuổi Con Cọp thì chị ta lắc đầu vì cho rằng kỵ tuổi, không hợp. Chị giải thích: Nó tuổi con cọp, còn con gái tôi tuổi con heo, chúng nó mà lấy nhau thì đương nhiên con cọp sẽ ăn thịt con heo. Tôi không muốn con gái bị ăn thịt. Ngoài ra, cậu ta là người da trắng, liệu chúng có thể sống hạnh phúc được không?

Ông H.O. bữa nay vui tính qúa, xin góp ý ngay: Tôi thấy ông bà mình ngày xưa kỹ lưỡng về việc so tuổi lắm. Có kiêng có lành. Nên thận trọng về việc này. Riêng mặt lấy chồng ngoại quốc, tôi thấy bài thơ sau đây nói lên một cái gì mà chúng ta nên để tâm, dám có nhiều sự thực ở trong:

Chồng Tây kịch cỡm như voi
Đêm lăn đè trúng chắc lòi phèo luôn
Chồng Tàu ăn mãi nước tương
Đứng gần nồng nặc mùi hương xì dầu
Chồng Lào mê được chỗ nào?
Nhỏ con èo uột xanh xao gầy còm
Chồng Phi Châu lại đen ngòm
Tối về cúp điện dòm hoài không ra
Chồng Mỹ dâm đãng lắm nha
Nếu không khéo giữ chắc là teng beng
Chồng Đài Loan có máu ghen
Léng phéng nó biết, sớm lên bàn thờ
Dại dột lấy Mễ Tây Cơ
Phẩm tiên chuột vọc, khỉ mò tan hoang

Chồng Ấn Độ rất làm tàng
Nhiều bằng cấp hả? Cần nhiều hồi môn
Chồng Anh đẹp mã to con
Tỷ số đồng tính hết hồn đó nhe
Chồng Nhật cặp mắt hí nè
Dã man số một ai nghe cũng chạy dài
Chồng Hàn Quốc thấy đẹp trai
Cứ lấy rồi biết, rước vào khổ thân
Chồng Úc chỉ thấy uống ăn
Mới gần ba chục, bụng bằng cái lu
Chồng Ý có đứa vào tù
Vẫn buôn thuốc phiện cũng như bên ngoài
Chồng Do Thái rất đa tài
Nhưng mà bủn xỉn khỏi ai sánh bằng
Chồng Việt chắc chắn trăm phần
Thiệt thà chung thủy, khỏi cần phải lo
Trâu ta ăn cỏ đồng ta
Tuy rằng cỏ cụt nhưng mà cỏ thơm

Chị Ba Biên Hoà nghe xong thì tỏ ra thích lắm. Chị lây bệnh của chồng là anh John hay ghi chép. Chị lấy bút ra chép bài thơ và nói là sẽ gửi bài này cho cô bạn ngay. Trước khi cất bài thơ vào túi, chị hỏi tên tác giả của cả 3 bài thơ trên. Các nhà quân tử trong làng đều lắc đầu không biết. Ai cũng thú nhận là nhận được từ bạn bè chuyển qua internet. Xin các tác giả tha thứ cho việc không rõ tên này.

Rồi chị Ba quay vào cụ Chánh xin thêm ý kiến. Cụ Chánh phát biểu: Lão không có kinh nghiệm hay hiểu biết gì về việc lấy vợ lấy chồng ngoại quốc, nhưng lão có kinh nghiệm về việc kỵ tuổi. Qủa thực có kiêng có lành, nhưng ông bà chúng ta cũng thường nói 'đức năng thắng số'. Lão biết nhiều cặp vợ chồng khắc tuổi nhau nhưng họ đã sống rất hạnh phúc. Hình như câu chuyện 'Cây tre 100 đốt' ngày xưa có liên hệ tới việc kỵ tuổi. Rằng ngày xưa có anh tiều phu trẻ tuổi đẹp trai và rất cần cù làm việc để phụng dưỡng bố mẹ già. Anh và cô gái hàng xóm yêu nhau rất tha thiết nhưng bố mẹ nàng không chấp nhận cuộc hôn nhân vì chàng tuổi cọp và nàng tuổi heo. Ông tiên trong rừng thấy ngày nào chàng vào rừng đốn củi cũng khóc liền hiện ra và hỏi lý do. Chàng thuật lại: Con yêu một cô gái mà vì khắc tuổi nên bố mẹ cô gái nhất định không cho chúng con lấy nhau. Bố mẹ cô gái bảo con nếu tìm ra một cây tre trăm đốt làm sính lễ thì sẽ gả con gái. Như thế tức là ông bà ta từ chối vì làm gì có cây tre nào 100 đốt. Ông tiên thương tình liền làm phép lạ. Ông bảo chàng chặt cho đủ một trăm đốt tre. Chàng sung sướng làm y lời. Rồi ông bảo chàng để 100 đốt tre này thành một hàng thẳng. Rồi ông dạy chàng câu thần chú này: ' Khắc Nhập !'. Tức thì 100 đốt tre dính liền vào nhau. Chàng tiều phu sung sướng vô cùng, nhưng lại lo không biết vác cây tre trăm đốt này về nhà làm sao. Ông tiên lại chỉ cách: Con chỉ cần nói ' Khắc Xuất' thì tự nhiên chúng sẽ rời ra. Chàng tiều phu cúi đầu tạ ơn rồi cột 100 khúc tre lại và đem về nhà. Sau đó chàng theo bố mẹ mang sính lễ sang nhà cô gái. Chàng bầy ra đủ 100 đốt tre và hô lớn tiếng ' Khắc nhập !' Tức thì 100 đốt tre biến thành một cây tre dài. Vì ông bố vợ đứng gần nên ông cũng dính chặt luôn vào cây tre. Ông sợ qúa xin chàng tiều phu cứu, rồi gả con gái cho anh ngay.

Cụ Chánh kết luận: Đó, dân làng thấy chưa, lòng hiếu thảo của anh tiều phu đã đánh động lòng ông trời, trời mới sai ông tiên đến giúp anh. Anh tuổi con cọp nhưng trời đã cho anh lấy được cô vợ tuổi con heo. Và đôi trẻ đã sống hạnh phúc. Hình như người tuổi cọp đều nổi danh. Như ông Khuất Nguyên bên Tàu, một thi bá lừng lẫy thời Chiến Quốc. Sử ghi ông sinh ngày dần, tháng dần và năm dần, những ba con cọp lận, nhưng ông có dữ như cọp đâu, ông yêu vợ tràn trề mà. Ông chỉ là chúa sơn lâm trên thi đàn mà thôi.

Kính chúc các cụ Mùa Giáng Sinh bình an, Năm Mới 2010 hạnh phúc và vui vẻ

TRÀ LŨ

(Trích dongcong.net)

1-11-1963 NGÀYDÀI NHẤT ĐỜI TÔI

Hồi Ký của cựu Trung Úy Nguyễn Minh Tánh, Cựu Chi Đoàn Phó Chi Đoàn 1/1 CX, Lực Lượng Thiết Giáp Chính Yếu Trong Cuộc Đảo Chánh 1/11/1963.

Niên Trưởng Nguyễn Minh Tánh hiện sinh hoạt thường xuyên với Liên Hội Cựu Chiến sĩ VNCH vùng HTĐ và phụ cận. Mới đây,nhân đọc bài viết Kẻ Phản Bội của ký giả Lữ Giang tức Tú Gàn trên tuần báo Thời Mới Phụ Nữ Mới tại Virginia ngày 23 tháng 10 năm 2009, thấy có nhiều điều không đúng sự thật nên ông đã lên tiếng, viết một bài để góp ý với nhà báo Lữ Giang. Nhận thấy bài viết này có nhiều liên quan tương đồng đến Hồi Ký: 1.11 Ngày Dài Nhất Đời Tôi của cùng tác giả Nguyễn Minh Tánh trước đây, nên Chiến Sĩ Cộng Hoà đã xin Niên Trưởng NMT được tài liệu này để đăng trọn bài ở đây để qúy Huynh Niên Trưởng, qúy Chiến Hữu và độc giả theo dõi đâu là sự thật. Vì bài viết khá dài kèm hình ảnh, nên mong quý vị kiên nhẫn để đọc và suy ngẫm nhân dịp Xuân về. CSCH cũng xin đa tạ NT Nguyễn Minh Tánh đã vui lòng gửi cho bài hồi ký này

Lời Tác Giả: 1/11/63 - 1/11/2006. Bốn Mươi Ba năm đã trôi qua. Biết bao nhiêu biến cố đau thương đã xảy ra trên đất nước Việt Nam chúng ta từ sau ngày chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa do cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm lãnh đạo bị lật đổ. Những người tổ chức cuộc binh biến nầy đã gọi là làm một cuộc cách mạng. Có phải cuộc đổi mới nầy đã thúc đẩy miền nam Việt Nam sớm rơi vào tay Cộng Sản Bắc Việt mà hậu quả là hơn một triệu người Việt phải bỏ nước ra đi sau ngày 30 tháng 4 năm 1975? Vì có cuộc đảo chính nầy, một tướng lãnh đàn anh của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, được tiếng là hiền nhưng non kém về chính trị, thiếu tài điều khiển quốc gia đã xuất hiện trên chính trường thế giới, đã tạo nên một cuộc khủng hoảng toàn diện. Cũng chính vị tướng nầy trong cương vị tổng thống chỉ định mới hai ngày đã đầu hàng Cộng Sản Bắc Việt ngày 30 tháng 4 năm 1975 và đã đưa hàng trăm ngàn nhân viên quân, cán, chính miền nam Việt Nam vào các ngục tù cộng sản mà hàng ngàn người đã phải bị vùi xác trong lòng đất cạn quanh các nhà tù khắp nước kể cả trên các núi đồi Việt Bắc hoang vu. Khi chiếm được miền nam Việt Nam và bắt tù cải tạo học tập tài liệu của chúng đưa ra, Việt cộng còn xác nhận Hồ Chí Minh đã thú nhận "Ngô Đình Diệm là người yêu nước nhưng yêu nước theo đường lối của ông ta" (ý muốn nói phải như chúng "yêu nước là yêu chũ nghĩa xã hội"). Chúng còn xác nhận Quốc Sách Ấp Chiến Lược đã gây rất nhiều khó khăn cho hạ tầng cơ sở của chúng và ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu là một địch thủ đáng gờm. Nhưng sau khi đảo chánh thành công, Dương Văn Minh đã cho lệnh hủy bỏ "Chương Trình Ấp Chiến Lược" để không hiểu vô tình hay cố ý đã làm lợi cho chúng?! Điều nầy thì cố Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu biết rõ hơn ai hết. Mật Khu An Sơn (thường gọi là Khu Tam Giác Sắt = Iron Triangle) thuộc Quận Bến Cát Bình Dương đã được Sư Đoàn 5 Bộ Binh do Đại Tá Nguyễn Văn Thiệu chỉ huy với các chi đoàn thiết giáp của Trung Đoàn 1 Thiết Giáp tăng phái (tôi đã từng tham dự hành quân hơn một tháng tại vùng nầy) đã tốn biết bao nhiêu công của và sinh mạng binh sĩ mới phá hủy hệ thống giao liên, các địa đạo và tạm bình định được giữa năm 1963. Nhưng vì lệnh hủy bỏ Quốc Sách Ấp Chiến Lược, nên từ năm 1965 các đơn vị QLVNCH và Hoa Kỳ phải tốn thêm nhiều xương máu chiến sĩ để có thể bảo vệ

Thủ Đô Sài Gòn khỏi nếm mùi hỏa tiển củaViệt Cọng pháo kích từ nơi đó.

Hôm nay trên miền đất tạm dung, bao nhiêu kỷ niệm xưa lại hiện về trong tôi như là một cơn ác mộng. Tôi đã vô tình dính líu vào biến cố lịch sử trọng đại nầy. Các quyết định ngày đó của tôi dù chỉ là của một sĩ quan cấp úy nhưng có thể là quan trọng vì tôi là cựu chi đoàn phó Chi Đoàn 1/1 Chiến Xa M24, đơn vị thiết giáp chủ yếu trong cuộc đảo chính ngày 1 tháng 11 năm 1963. Đơn vị nầy đã liên tiếp tấn công Đài Phát Thanh Quốc Gia, Thành Cộng Hòa (nơi đồn trú của Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Tổng Thống Phủ và Dinh Gia Long (Phủ Tổng Thống thời gian đó.) Nhất là khi xuất phát tấn chiếm Dinh Gia Long vào lúc ba giờ sáng ngày 2 tháng 11 năm 1963, thì cố Thiếu Tá Bùi Ngươn Ngãi, Chi Đoàn Trưởng Chi Đoàn 1/1 Chiến Xa đã hi sinh tại Ngã Tư Pasteur - Gia Long và tôi đã tiếp tục chỉ huy chi đoàn hoàn thành nhiệm vụ chiếm mục tiêu nầy để kết thúc cuộc hành quân.

Bài hồi ký nầy đã được Nhật Báo Tiền Tuyến tại Sài Gòn đăng nơi trang 3 trong hai ngày 1 và 2 tháng 11 năm 1969. Tháng 11 năm 1994, đặc san Phụ Nữ Diễn Đàn của cố ký giả Chữ Bá Anh tại vùng Hoa Thạnh Đốn và năm 1995 đặc san KBC của anh Đặng Văn Thạnh tại California đã đăng lại.

Đôi Lời Giới Thiệu Binh Chủng Thiết Giáp/QLVNCH Năm 1963.

Lực lượng Thiết Giáp Binh của Quân Lực Việt Nam Cộng (lúc đó còn gọi là Quân Đội Quốc Gia Việt Nam) gồm có 4 Trung Đoàn Thiết Giáp, là lực lượng thuộc dụng của các Vùng Chiến Thuật (quân khu). Trung Đoàn 1 Thiết Giáp thuộc Vùng 3 CT (đóng tại Gò Vấp, Gia Định), Trung Đoàn 2 Thiết Giáp thuộc Vùng 4 CT (đóng tại tỉnh lỵ Mỹ Tho), Trung Đoàn 3 Thiết Giáp thuộc Vùng 2 CT đóng tại Pleiku), Trung Đoàn 4 Thiết Giáp thuộc Vùng 1 CT (đóng tại Lavang, Quãng Trị), Liên Chi Đoàn Thiết Giáp Tổng Thống Phủ tại Sài Gòn (cạnh Thảo Cầm Viên Sài Gòn) và Trường Thiết Giáp Binh Việt Nam tại Long Hãi, Vũng Tàu.

Mỗi trung đoàn thiết giáp đều có tổ chức giống nhau gồm có 1 Bộ Chỉ Huy và Chi Đoàn Công Vụ, 1 Chi Đoàn Chiến Xa M24 (Đại Bác Nòng Dài 75 ly) gồm 17 chiến xa, và 2 Chi Đoàn Thiết Giáp Thính gồm Thiết Giáp Xa M8 + Bán Xích Xa (Half-Track) hay Thám Xa (Scout Car) hoặc 2 Chi Đoàn Thiết Quân Vận. Mỗi chi đội thám thính gồm có 3 Thiết Giáp Xa M8 (Armored Car M8) + 3 Bán Xích Xa (Half Track) hay Scout Car. Ví dụ như tại Trung Đoàn 4 Thiết Giáp thì Chi Đoàn 2/4 Thám Thính (trước là Tiểu Đoàn 2 Thám Thính Biệt Lập là chi đoàn đầu tiên của Thiết Giáp Binh trong chiến trận Việt Nam do Quân Đội Viễn Chinh Pháp thì dùng Scout Car. Hai trong số cựu chỉ huy trưởng TGB/QLVNCH đã từng chỉ huy đơn vị nầy: Cố Trung Tướng Dương Ngọc Lắm chi đoàn trưởng VN đầu tiên khoảng thời gian 1951-1952(?), cố Chuẩn Tướng Nguyễn Văn Thiện 1954-1955. Chuẩn Tướng Phan Hòa Hiệp cũng đã từng chỉ huy Tiểu Đoàn nầy trước cố Chuẩn Tướng Nguyễn Văn Thiên. Trái lại Chi Đoàn 3/4 Thám Thính trước là Tiểu Đoàn 10 Kỵ Binh (thành lập 1/1/1954) thì dùng Half-Track. Khi ra trường (tháng 5/1955) đối ra Đệ Nhị Quân Khu (Vùng 1 sau nầy) tôi đã từng phục vụ tại cả 2 Tiểu Đoàn nầy. Trong khi các chi đoàn thiết giáp còn biệt lập thì được gọi là Tiểu Đoàn (Escadron Autonome) và các thiết đoàn kỵ binh sau nầy thì gọi là trung đoàn đến năm 1966) khi các trung đoàn bộ binh bắt đầu đảm nhiệm các Khu Chiến Thuật Hành Quân Trách Nhiệm (Tactical Area Of Operation= TAOR). (Trong thời gian nầy (1/1963) các trung đoàn đang thi hành lệnh biến cải các Chi Đoàn Thiết Giáp Thám Thính thành Chi Đoàn Thiết Quân Vận). Mỗi Chi Đoàn TQV có 15 TQV M113. Trung Đoàn 1 Thiết Giáp đã biến cải hoàn tất trước tháng 11 năm 1963. Liên Chi Đoàn Thiết Giáp Tổng Thống Phủ gồm có 1 Chi Đoàn Chiến Xa M24, 1 Chi Đoàn Thiết Quân Vận M113 + 1 Chi Đội Thiết Giáp Thám Thính Xa M8 (Đại Bác 37 ly nòng dài). Trường Thiết Giáp có 1 Chi Đoàn hỗn hợp gồm đủ loại xe thiết giáp hiện hữu. Ngoài ra đặc biệt tại Sư Đoàn 5 Bộ Binh (Đại Tá Nguyễn Văn Thiệu Tư Lệnh) có

Đại Đội 5 Cơ Giới (ngoài Bảng Cấp Số Đơn Vị) gồm 3 chi đội Thám Thính Xa (Scout Car) mỗi chi đội có 6 xe Scout Car trang bị Đại Liên 30 và 50 (Các xe nầy nguyên thuộc Trung Đoàn 1 và Trung Đòan 2 Thiết giáp loại ra để thay thế Thiết Quân Vận M113). Do đó qúy vị thấy lực lượng thiết giáp năm 1963 quan trọng biết chừng nào!

Cuối cùng đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, Lực Lượng TGB/QLVNCH đã tăng trưởng đến 4 Lữ Đoàn Kỵ Binh Thiết Giáp (Lữ Đoàn I TG thuộc Vùng 1 CT tại Đà Nẳng có Thiết Đoàn 17 Kỵ Binh + Thiết Đoàn 20 Chiến Xa M48, Đại Bác 90 ly Nòng Dài, Lữ Đoàn II Kỵ Binh Thiết Giáp đóng tại Pleiku gồm có Thiết Đoàn 3 Kỵ Binh, Thiết Đoàn 19 Kỵ Binh và Thiết Đoàn 21 Chiến Xa M48, Lữ Đoàn III Kỵ Binh đóng tại Tam Hiệp Biên Hòa gồm có Thiết Đoàn 15 Kỵ Binh, Thiết Đoàn 18 Kỵ Binh và Thiết Đoàn 22 Chiến Xa M48. Lữ Đoàn IV Kỵ Binh đóng tại Long Xuyên gồm có Thiết Đoàn 12 và 16 Thiết Quân Vận (không có chiến xa). Các thiết đoàn kỵ binh cơ hửu sư đoàn bộ binh gồm có Thiết Đoàn 1 Kỵ Binh (Sư Đoàn 5 Bộ Binh), Thiết Đoàn 2 Kỵ Binh (Sư Đoàn 9 Bộ Binh), Thiết Đoàn 4 Kỵ Binh (Sư Đoàn 2 Bộ Binh), Thiết Đoàn 5 Kỵ Binh (Sư Đoàn 18 Bộ Binh), Thiết Đoàn 6 Kỵ Binh (Sư Đoàn 7 Bộ Binh), Thiết Đoàn 7 Kỵ Binh (Sư Đoàn 1 Bộ Binh), Thiết Đoàn 8 Kỵ Binh (Sư Đoàn 23 Bộ Binh), Thiết Đoàn 9 Kỵ Binh (Sư Đoàn 21 Bộ Binh), Thiết Đoàn 10 Kỵ Binh (Sư Đoàn 25 Bộ Binh), Thiết Đoàn 11 Kỵ Binh (Sư Đoàn 3 Bộ Binh), Thiết Đoàn 14 (Sư Đoàn 22 Bộ Binh). Tổng cộng là 21 thiết đoàn gồm 13 Thiết Đoàn Kỵ Binh, 5 Thiết Đoàn Thiết Quân Vận (Vùng 4) và 3 Thiết Đoàn Chiến Xa M48. Ngoài ra tại mỗi tiểu khu có một Chi Đội Thám Thính Xa với 6 V100 Commando Car thay thế các xe thiết giáp Mã Lai được thành lập từ năm 1961.

Sở dĩ tôi phải dài giòng kể nhiều chi tiết vì Lực Lượng Thiết Giáp của QLVNCH năm 1963 chưa phát triển mạnh như sau nầy và đơn vị thiết giáp đóng tại thủ đô cùng Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Tổng Thống Phủ chính là lực lượng chính bảo vệ chế độ. Những sĩ quan được bổ nhiệm về Trung Đoàn 1 Thiết Giáp lúc đó đa số đều phải có sự "gửi gấm".

Tôi được về đơn vị nầy sau khi Chi Đội Cơ Giới Bảo An Biên Hòa (tiền thân của Chi Đội Thám Thính Tiểu Khu Biên Hòa) do tôi thành lập đã có cán bộ Bảo An thay thế vào cuối năm 1961 và nhờ sự giới thiệu của một sĩ quan cao cấp thuộc Nha An Ninh Quân Đội Thiếu Tá Trần Thủ Đoá, bạn của Thiếu Tá Nguyễn Thành Long, anh ruột tôi lúc đó làm Giám Đốc An Ninh Quân Đội Biệt Khu Thủ Đô, đồng thời cũng là bạn thân của Thiếu Tá Thẩm Nghĩa Bôi đương kim Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 1 Thiết Giáp kiêm Xử Lý Thường Vụ chức vụ Chỉ Huy Trưởng Thiết Giáp Binh và đã giới thiệu vị sau nầy thuyên chuyển tôi về Trung Đoàn 1 Thiết Giáp, (Trung Tá Nguyễn Văn Thiện (Khóa 2 SQTBTĐ) Chỉ Huy Trưởng Thiết Giáp Binh lúc đó đang học một khóa Chỉ Huy Tham Mưu tại Trường CHTM Fort Leavenworth HoaKỳ) nếu không chắc tôi không ra Vùng 2 CT chắc cũng về Trung Đoàn 4 Thiết Giáp tại Lavang Quãng Trị. Đơn vị và chức vụ cuối cùng của tôi trong binh chủng Thiết Giáp trước khi thuyên chuyển về Trường Hạ Sĩ Quan Nha Trang tháng 11 năm 1958 là Chi Đoàn Phó Chi Đòan 3/4 Thám Thính. Tôi đã từng đảm nhiệm chức vụ Chi Đoàn Phó Chi Đoàn 2/4 Thám Thính từ tháng 4 năm 1957 đến tháng 7/1957 trước khi biệt phái về Trường Thiết Giáp dạy Khóa 6 Sĩ Quan Trừ Bị.

Như đã trình bày ở trên, tôi đã vô tình dính líu vào cuộc binh biến 1 tháng 11 năm 1963 vì tôi là phụ tá cho Đại Úy Bùi Ngươn Ngãi, Chi Đoàn Trưởng Chi Đoàn 1/1 Chiến Xa. Lúc tôi thuyên chuyển về Trung Đoàn 1 Thiết Giáp tháng 11 năm 1961 thì tất cả các chi đoàn trưởng đều là khóa đàn em trong binh chủng thiết giáp và đồng cấp bậc chỉ có Chi Đoàn Trưởng CĐ1/1 CX dù là sau tôi một khóa chi đội trưởng-tôi tốt nghiệp Khóa 1 Chi Đội Trưởng Trường TGB/QLVNCH, Đại Úy Ngãi (Khóa 8 VBQGĐ, Khóa 2 Chi Đội Trưởng-- do đó tôi chỉ có thể làm phó cho ông nầy mà chúng tôi lại không biết nhau trước. (Các sĩ quan trong binh chủng TGB/QLVNCH trước năm 1955 thì

hoặc được đào tạo tại Trường Thiết Giáp Saumur tại Pháp hay do Trung Tâm Huấn Luyện Thiết Giáp Pháp ở Vũng Tàu (CIAB=Centre d'Instruction de l'Arme Blindée) đào tạo). Do đó ông ta lại không mấy cảm tình với tôi dù trong một đơn vị, đơn vị trưởng và đơn vị phó phải được xem như là một cặp vợ chồng. Nếu như vậy thì rõ ràng cuộc hôn nhân giữa tôi với ông ta là một cuộc hôn nhân gượng ép.

Sở dĩ tôi khẳng định như vậy là vì theo tất cả các tổ chức quân đội trên thế giới, dù là cộng sãn hay tư bản thì nhiệm vụ của vị sĩ quan phụ tá hay đơn vị phó là trợ giúp cho đơn vị trưởng trong tất cả các nhiệm vụ chỉ huy, hành chánh, tiếp liệu, hành quân vân vân và sẵn sàng thay thế vị nầy khi cần nên ít khi phải kiêm nhiệm chỉ huy một đơn vị cấp trực thuộc dài hạn. Nhưng trong suốt thời gian hai năm làm phụ tá cho Đại Úy Ngãi, tôi thường phải kiêm nhiệm chỉ huy một chi đội chiến xa khi có sĩ quan thuyên chuyển hoặc đi học. Nhiều lần Trung Đoàn Trưởng hỏi Đại Úy Ngãi để cho thêm sỉ quan khi chi đoàn đang thiếu nhưng Đại Úy Ngãi luôn luôn từ chối. Khi có khóa học nào mà trung đoàn phải gửi sỉ quan tham dự thì tôi là người được ưu tiên thụ huấn mà nếu đi học lâu thì ông ta lại xin người thay thế.

Khi theo học Khóa 18 Tham Mưu Trung Cấp từ tháng 7 đến tháng 12 năm 1962 tại Trường Đại Học Quân Sự Đà Lạt tôi đã bị thay thế bởi 1 sĩ quan nguyên chi đoàn phó một chi đoàn thám thính thuộc trung đoàn (Vị nầy bắt đầu lạnh cẳng khi Việt Cọng tấn công các chi đoàn thiết giáp và M113) đã chạy chọt Đại Úy Ngãi để về thay thế tôi. Khi tôi tốt nghiệp tham mưu (mà lại đổ ưu hạng trong 10 người đầu khóa) về lại trung đoàn, đáng lẽ tôi sẽ đảm nhận chức vụ trưởng ban 2/ Sỉ Quan An Ninh Trung Đoàn 1 Thiết Giáp, nhưng vị sỉ quan này đã chạy chọt thế tôi tại Chi Đoàn 1/1 CX lại vận động một lần nữa để đảm nhận chức vụ kể trên dù sỉ quan đương sự thâm niên cấp bậc trung úy sau tôi hai năm và chưa từng học cũng như làm sỉ quan tham mưu. Lý do là vì lúc đó cấp số chi đoàn phó chỉ là trung úy lại phải đi hành quân, trái lại Trưởng Ban 2 cấp số là đại úy, luôn luôn ở hậu cứ mà lại nhiều quyền lợi. Nhờ vậy tôi lại trở về Chi Đoàn 1/1 Chiến Xa và đêm 31 tháng 10 năm 1963 từ Căn Cứ Không Quân Biên Hòa tôi đã chỉ huy Chi Đội 2/1/1 CX về Sài Gòn tham dự đảo chính và tôi chỉ hiểu rõ nhiệm vụ nầy sau khi chiếm xong Đài Phát Thanh Quốc Gia lúc 18 giờ chiều ngày1 tháng 11 năm 1963. Trong lịch sử Thiết Giáp Binh QLVNCH chắc chắn không có một sỉ quan cấp trung úy nào gần 7 năm cấp bậc còn phải chỉ huy chi đội sau khi đã là chi đoàn phó 6 năm về trước?!

Diễn Tiến Cuộc Đảo Chánh 1 tháng 11 năm 1963:

Chi Đội tôi (Chi Đội 2/1/1CX) được tăng phái Khu 33 Chiến Thuật (Sư Đoàn 5 Bộ Binh phụ trách, tư lệnh là Đại Tá Nguyễn Văn Thiệu) và Căn Cứ 33 Không Quân Biên Hòa (Thiếu Tá Nguyễn Văn Ngọc chỉ huy, từ đầu tháng 8 năm 1963 (trước khi có cuộc bố ráp các chùa tại thủ đô do Lực Lượng Đặc Biệt và Cảnh Sát Quốc Gia thi hành để bắt các vị lãnh đạo Phật Giáo tình nghi). Nhiệm vụ của chi đội nầy là bảo vệ Phi Trường Quân Sự Biên Hòa và thỉnh thoảng hành quân (trong ngày) trong các vùng phụ cận tỉnh Biên Hòa theo lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh.

- 17 giờ Chiều Ngày 31 tháng 10 năm 1963.

Trong khi cùng các thuộc cấp dùng cơm chiều trước khi đưa chi đội ra vòng đai phi trường Biên Hòa để an ninh trong đêm hầu ngăn chận sự xâm nhập của đặc công VC thì chuông điện thoại reo vang. Cầm ống liên hợp lên nghe và nói "A Lô" thì ở đầu dây bên kia lên tiếng:"Đây là Đại Úy Anh, An Ninh Căn Cứ đây! Phải Trung Úy Tánh đang nói không? Nếu đúng, anh sang ngay Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 5 nhận lệnh." Tôi đáp: "Vâng.Tôi nghe rõ."

Để ống nghe xuống tôi tiếp tục ăn vì tôi tưởng như mọi khi Sư Đoàn 5 Bộ Binh hay cho gọi như thế để nhận lệnh ngày hôm sau xuất phát hành quân. Độ năm phút sau, chuông điện thoại lại réo liên hồi và đầu dây bên kia Đại Úy Anh hối thúc và hỏi: "Anh chưa qua sư đoàn

sao? Chiến Xa anh còn đủ xăng không?" (Tôi xin mở một dấu ngoặc nơi đây là theo nguyên tắc tất cả các loại xe chiến đấu đều phải luôn luôn đầy xăng nhất là xe thiết giáp nhưng Căn Cứ Không Quân Biên Hòa hà tiện nên thường chỉ tiếp tế chi đội tôi đầy 1/2 thôi trừ khi nào hành quân xa). Tôi hỏi lại:
"Đại Úy cho biết đi xa hay gần để tôi liệu."
Khi được biết rằng chỉ đi khoảng 30 cây số thôi, tôi trả lời ông ta là đủ thì ông ta cho lệnh tôi tiếp là trong khi tôi qua sư đoàn nhận lệnh nên cho chi đội ra đậu ngoài cổng chờ tôi về. Tôi liền cho lệnh Trung Sĩ Nhất Liêu A Thành Chi Đội Phó thi hành lệnh đưa chi đội ra cổng Trại Phi Phượng còn tôi lên xe Jeep qua Trại Hùng Vương (Đại Bản Doanh SĐ5BB) mà trong lòng vẫn thắc mắc là nhiệm vụ gì mà sao quá gấp rút như thế?!

Vào cổng Trại Hùng Vương, một quang cảnh bất thường đã đập vào mắt tôi. Hàng dài xe G.M.C đậu dọc theo các con đường quanh bộ tư lệnh, có nhiều xe chở đầy đạn, binh sĩ nhộn nhịp đi lại. Vào Phòng 3 sư đoàn gặp Đại Úy Lộ Công Danh Trưởng Phòng Ba (cuối cùng là đại tá hiện định cư tại Fairfax Virginia), thì vị nầy bảo tôi:
"Toa gặp thằng Nhạc (Đại Úy Trưởng Phòng Tư Sư Đoàn) lấy Sự Vụ Lệnh."

Tôi thắc mắc là tại sao lại lấy Sự Vụ Lệnh mà không là Lệnh Hành Quân nhưng không nói ra vì thường thường là Phòng 3 cho Lệnh Hành Quân. Gặp Đại Úy Nhạc thì vị nầy sau khi trao SVL cho tôi, lại bắt tay tôi và nói:
"Chúc Toa may mắn."

Tôi xem Sự Vụ Lệnh thấy đề nơi đến là Sài Gòn (Trung Đoàn 1 Thiết Giáp Gòvấp, Gia Định) mà tại sao Đại Uý Nhạc lại chúc thêm tôi là may mắn. Tôi được về lại Sài Gòn sau hơn hai tháng tăng phái tại đây là may mắn quá rồi còn gì! Tôi xin nói thêm là trong thời gian đó các chi đội chiến xa luân phiên bảo vệ 2 phi trường Tân Sơn Nhất và Biên Hòa, mỗi nhiệm kỳ là hai tháng. Đáng lý ra chi đội tôi phải được hoán chuyển với Chi Đội 3 từ thượng tuần tháng 10 năm 1963 để về Gò Vấp nhưng lệnh nầy chưa được ban hành. Ngày 26 tháng 10 năm 1963, khi từ Biên Hòa về Sài Gòn giúp Đại Úy Ngãi sắp xếp tham dự Lễ Duyệt Binh dịp Lễ Quốc Khánh tôi có hỏi việc nầy thì Đại Úy Ngãi trả lời là sau cuộc hành quân nầy(?), sẽ cho chi đội khác lên thay thế. Đầu tiên, có lẽ những người lãnh đạo cuộc đảo chánh không tin tôi vì anh tôi là Chánh Sở An Ninh Quân Đội Biệt Khu Thủ Đô với lại tôi là một tín đồ công giáo.
Quay về Trại Linh Phượng thấy các chiến xa còn đậu trong cổng căn cứ và chi đội phó của tôi đang đôi co gì đó với anh Trung Sĩ Quân Cảnh Không Quân. Vừa nhìn thấy tôi, TS1 Thành chạy đến phân bua:
"Trung Úy cho lệnh tôi 'mần nó' nghe trung úy. Trung Úy bảo tôi đem chi đội ra cổng mà nó cản lại." (Trung Sĩ Nhất Liêu A Thành cuối cùng là Trung Úy Chi Đội Trưởng Chi Đội Thám Thính V100 thuộc Thiết Đoàn 1 Kỵ Binh (do tôi chỉ huy). Sau khi đi tù về anh đã tham gia vào Lực Lượng Phục Quốc cùng một số quân nhân thuộc Thiết Đoàn 1 Kỵ Binh. Đầu năm At Sữu âm lịch (1985), anh cùng một số đồng đội khác bị Việt Cọng gài bẫy bắt được và tra tấn hành hạ dã man nên anh đã bị hi sinh trong tù một năm sau đó). Lúc đó anh trung sĩ Quân cảnh, Điếm trưởng căn cứ chạy đến phân bua:
"Em xin lỗi trung úy. Vì có lệnh của Đại úy Anh nói chờ trung úy đi về mới cho xe ra cổng, chứ không em đâu dám chọc giận mấy con trâu già nầy." (Anh ta ám chỉ các chiến xa M24 cổ lổ sĩ). Đại úy Anh nói khi nào trung úy về gọi điện thoại cho đại úy."
Tôi gọi Đại úy Anh thì vị nầy nói:
"Anh có sự vụ lệnh rồi thì về Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III Trại Lê Văn Duyệt gặp chi đoàn trưởng của anh tại đó. Thôi chúc anh may mắn!"
Lại một sự ngạc nhiên khác. Một người nữa lại chúc tôi may mắn khi tôi về Sài Gòn. Điều nầy chứng tỏ là họ biết rõ có đảo chánh, còn tôi con người sắp đem sinh mạng mình ra đùa giỡn với tử thần lại mù tịt không biết gì!

Trên lộ trình về Sài Gòn không có gì đáng nói chỉ phải ngừng lại hai lần để châm nước vì chiến xa M24 rất dễ nóng máy. Đến cầu Bình Lợi, một sự kiện khác lạ đã xảy ra. Từ sau ngày 28 tháng 2 năm 1962 khi Trung úy Phi

Công Phạm Phú Quốc và Thiếu úy Phi Công Nguyễn Văn Cử bỏ bom Dinh Độc Lập, nên để ngăn ngừa các cuộc đảo chính thì một trong các biện pháp đối với các đơn vị thiết giáp được nêu ra trong Huấn Thị Điều Hành Căn Bản (HDC=SOP(HK)) của Bộ Tổng Tham Mưu và Biệt Khu Thủ Đô như sau:

1. Bất cứ một cuộc di chuyển nào từ 2 xe Thiết Giáp trở lên trong thành phố (ra, vào v.v) đều phải có quân cảnh hướng dẫn và có sĩ quan cao hơn một cấp của đơn vị chỉ huy (Ví dụ: Trường hợp chi đội di chuyển thì phải có chi đoàn trưởng hướng dẫn).

2. Phải báo cho Phòng Ba các nơi: Bộ Tổng Tham Mưu, Biệt Khu Thủ Đô (thêm Trung Tâm Hành Quân), Biệt Bộ Phủ Tổng Thống nói rõ lộ trình đi, đến, nhiệm vụ, số xe, binh sĩ v.v.

Do đó khi đến phía bắc cầu Bình Lợi chi đội tôi phải dừng tại Trạm Kiểm Soát Quân Cảnh để làm các thủ tục trên. Trái với thường lệ, lần nầy Đại Úy Ngãi không ra dẫn chi đội. Nhưng thay vì chỉ có một nhân viên quân cảnh lại có 2 quân cảnh một ngồi trên xe Jeep còn một nhân viên khác ngồi trên chiến xa chỉ huy của tôi dù tôi có khuyên cách nào đương sự cũng không nghe vì ngồi cheo leo khi chiên xa di chuyển rất dễ té xuống đường rất nguy hiểm.

Vào Thủ Đô, thành phố đã lên đèn từ lâụ Tôi cũng quên nói là khởi hành từ Biên Hòa lúc 19 giờ mà 22 giờ mới đến Đường Lê Văn Duyệt, Hòa Hưng. Đến cổng Trại Lê Văn Duyệt tôi gặp Chi Đoàn 1/1 CX(-) do Đại úy Ngãi chỉ huy cũng vừa tới. Gặp Trung úy Nguyễn Đức Dung (bạn cùng Khóa 5 Vì Dân Thủ Đức với tôi, cuối cùng là Đại Tá Tham Mưu Trưởng Bộ Chỉ Huy Thiết Giáp, hiện định cư tại Arizona) đang là Sĩ Quan Liên Lạc Thiết Giáp cạnh Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn IIỊ. Anh hỏi tôi:

"Thằng Ngãi ở đâu? (Dung và Ngãi là chỗ thân tình hay mày tao với nhau). Bảo nó vào gặp Thiếu Tướng Tư Lệnh (tức Thiếu Tướng Tôn Thất Đính)". Gặp Đại úy Ngãi, tôi chuyển lệnh lại thì vị nầy bảo tôi điều động chi đoàn vào vị trí cạnh Tiểu Đoàn Truyền Tin QĐIII cho đổ đầy xăng, bố trí và chờ lệnh.

Khi nhận lệnh xong, trở ra, Đại Uy Ngãi bảo tôi cho lệnh các chi đội canh gác cẩn mật không cho bất cứ một ai đến gần, nếu ai vi lệnh, bắn bỏ. Tôi lại thắc mắc vì đây không phải là Chiến Khu Đ hay là Tam Giác Sắt mà biện pháp có vẽ quá nghiêm nhặt. Đây là giữa Thủ Đô Sài Gòn và trong doanh trại của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III mà! Vì vậy từ nữa đêm 31 tháng 10 năm 1963 đến tờ mờ sáng ngày mồng 1 tháng 11 năm 1963 Đại Uy Ngãi, tôi và một số anh em khác chắc mất ngũ vì các tiếng thét "Ai đó? Đứng lại" từng chập cứ ít phút lại vang lên trong đêm vắng.

Sáng Ngày Mồng 1 Tháng 11 năm 1963.

Đêm tối trôi qua yên lành dù chúng tôi mất ngủ. Vì biết tôi là tín đồ công giáo mà hôm nay là một ngày lễ trọng (lễ Các Thánh Nam Nữ là lễ trọng và buộc) Đại Uy Ngãi bảo tôi đừng đi lễ. đồng thời bảo tôi, trưa cho tài xế về nhà lấy cơm (Gián tiếp ông không muốn tôi rời khỏi trại). Tôi đã không đi lễ cũng không cho tài xế về nhà lấy cơm. Sáng đó, Đại Uy Ngãi luôn luôn ở cạnh tôi không rời tôi nữa bước.

Hôm nay, Đại Uy Ngãi có vẽ mệt nhọc và lo âu ra mặt. Ông ta bơ phờ và ít nói không như mọi ngày Ông ta đã bất mãn kể từ ngày 26 tháng 10 năm 1962, trong khi một số đại úy tạm thời khác cùng cấp bậc với ông đã được điều chỉnh đại úy sau hai năm mang cấp bậc nhưng ông thì thăng cấp đại úy tạm thời từ Lễ Quốc Khánh 1960 đến lúc đó vẫn chưa được điều chỉnh thực thụ.

13 giờ 30. Súng liên thanh nổ ran từ hướng BộÄ Tổng Tham Mưu và Phi Trường Tân Sơn Nhất. Lệnh báo động được thi hành. Toàn thể các xa đội đã lên xe nổ máy và bắt đầu thử máy truyền tin. Trong hệ thống liên lạc chi đoàn, Đại Uy Ngãi gọi:

"Các Vinh Hạnh 4, 5, 6. Đây Vinh Hạnh 3 thử máy" Chi Đội 1 là Vinh Hạnh 4 do Chuẩn ùy Nguyễn Tường Vân Khóa 13 SQTBTD (Anh Vân hiện đang định cư tại Maryland) chỉ huy, Chi Đội 2 là Vinh Hạnh 5 do tôi chỉ huy, và Chi Đội 3 làVinh Hạnh 6 do Chuẩn ùy Cao Văn Trĩ cùng khóa 13 SQTBTĐ chỉ huỵ Các chi đội

trưởng lần lượt theo thứ tự báo cáo "Nghe rõ và mạnh" và được lệnh trực máy, chờ lệnh. Khung cảnh náo nhiệt xảy ra trong khuôn viên Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III. Các quân xa chở đầy binh sĩ bắt đầu chuyển bánh trong khi các quân nhân ở dưới đất tiếp tục di chuyển.

Trong cuộc hành quân nầy danh hiệu Chi Đoàn 1/1 CX là Vinh Hạnh 3 (Vinh Hạnh 1, 2 chắc dành cho BCH Trung Đoàn hay Bộ Tham Mưu điều khiển cuộc hành quân đảo chính, chỉ có Đại ùy Ngãi biết).

Sau khi điều chỉnh máy truyền tin trong xe và vừa thò đầu ra khỏi pháo tháp chiến xa tôi thấy Thiếu Tá Huỳnh Ngọc Diệp, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 1 Thiết Giáp đã đến cạnh xe tôi hồi nào không hay (Thiếu Tá Huỳnh Ngọc Diệp nguyên thuộc Khóa 1 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức nhưng chỉ tốt nghiệp Khóa 2 Sĩ Quan Căn Bản Thiết Giáp Việt Nam tháng 11 năm 1955 (sau tôi một khóa Thiết Giáp) khi đã mang cấp bậc đại úy tạm thời. Thiếu Tá Diệp sau cuộc đảo chính được thăng cấp Trung Tá và cuối cùng đã bị VC sát hại cùng với mẹ và vợ tại Khu Nhà Sĩ Quan Thiết Giáp khi chúng tấn công vào Trại Phù Đổng Gò Vấp của Bộ Chỉ Huy Thiết Giáp trong Tết Mậu Thân 1968. Lúc đó ông là Chánh Thanh Tra của BCHTG).

Thiếu Tá Diệp hỏi tôi xem Đại ùy Ngãi hiện đang ở đâu. Sau khi tôi cho biết là Đại ùy Ngãi vừa rời khỏi đây và hiện cho tôi lệnh trực truyền tin thì Thiếu Tá Diệp bảo tôi khi nào xuất trại thì cho ông ta theo (Sau nầy tôi được biết vì Bộ Chỉ Huy Hành Quân không tin Thiếu Tá Diệp nên cho lệnh Trung ùy Dung gọi ông vào Quân Đoàn III để họp rồi cho lệnh Trưởng Điếm Canh không cho xe Jeep ông ta ra. Thiếu Tá Diệp chỉ mới thăng cấp thiếu tá tạm thời nhân dịp Lễ Song Thất 1963 và vài tháng sau đã thay thế Thiếu Tá Bôi khi ông nầy du học Hoa Kỳ). Đại Tá Bôi thuộc Danh Sách H.O 10 nhưng dường như vẫn còn ở Việt Nam.

14 giờ trưa Ngày 1 Tháng 11 Năm 1963.

Lệnh xuất trại được ban hành. Trong loa phóng thanh của máy VRC 5 oang oang không rõ của ai: "Lưu ý tất cả các Vinh Hạnh. Đây là Vinh Hạnh Trưởng. Kể từ giờ phút nầy, các anh sẽ thuộc quyền chỉ huy của hai lần tư tưởng Nectar (TT N) người đã từng chỉ huy các anh đó." Tất cả đều đáp nhận, thi hành. Hai ông chuẩn úy chi đội trưởng CĐ1 và CĐ3 mặc dù đã đáp nhận thi hành nhưng chắc chắn không biết hai lần Tư Tưởng Nectar là ai nhưng tôi thì biết quá rõ. Trước năm 1964 sĩ quan cấp tá Thiết Giáp Việt Nam không có mấy người mà người đã từng chỉ huy Trung Đoàn 1 Thiết Giáp và tên bắt đầu vần N thì chỉ có Thiếu Tá Dương Hiếu Nghĩa (Thủ Khoa Khóa 5 Võ Bị Đà Lạt). Các vị từng chỉ huy Trung Đoàn 1 Thiết Giáp kể từ ngày thành lập năm 1954 như sau: một Thiếu Tá Quân Đội Viễn Chinh Pháp (tôi quên tên), kế tiếp là Thiếu Tá Vĩnh Lộc, Thiếu Tá Hoàng Xuân Lãm, Đại Úy Dương Hiếu Nghĩa rồi đến Thiếu Tá Bôi (Tôi là chỉ huy trưởng cuối cùng của đơn vị nầy từ tháng 10/1974 đến ngày 30/4./75). Năm 1963, Thiếu Tá Nghĩa đang là huấn luyện viên của Trường Đại Học Quân Sự (tiền thân của Trường Chỉ Huy Tham Mưu) tại Đà Lạt. (Ban tham mưu nòng cốt trong cuộc đảo chính nầy đa số là các sĩ quan thuộc Trường Đại Học Quân Sự như Trung Tá Hoàng Xuân Lãm, Thiếu Tá Dương Hiếu Nghĩa, Thiếu Tá Huỳnh Văn Tồn, Đại Úy Nguyễn Văn Tồn (TG) v.v).. Sau cuộc đảo chánh nầy, Trung Tá Dương Hiếu Nghĩa được đề cử chỉ huy Chiến Đoàn 5 Chiến Xa (gồm 3 chi đoàn chiến xa: Chi Đoàn 1/1 CX củ thành Chi Đoàn 1/5 CX, Chi Đoàn 2/1 CX củ của Trung Đoàn 2 Thiết Giáp thành Chi Đoàn 2/5 CX, Chi Đoàn Chiến Xa Tổng Thống Phủ thành Chi Đoàn 3/5 CX. Chiến Đoàn nầy được làm lễ xuất quân ngày 5 tháng 12 năm 1963 cùng lúc với Chiến Đoàn 6 TQV do Trung Tá Lý Tòng Bá chỉ huy gồm 3 Chi Đoàn TQV. Kể từ ngày nầy đến lúc khai sinh Ngày Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa giữa năm 1965, trong hầu hết các cuộc binh biến xảy ra tại Sài Gòn đều có sự xuất hiện của 2 đơn vị thiết giáp nầy. Tên của 2 vị chiến đoàn trưởng cũng thường xuất hiện trên báo chí cả trong và ngoài nước.

Chi Đoàn 1/1 Chiến Xa bắt đầu lăn xích ra khỏi cổng Trại Lê Văn Duyệt rồi quẹo phải

Đến giờ phút nầy tôi chỉ biết nhận lệnh là theo sau Chi Đội 1 và trước Chi Đội 3 chứ không được biết "Làm Gì?" "Khi Nào" "Ở Đâu" và "Bằng Cách Nào", những lệnh tối thiểu cần và đủ cho bất cứ cuộc hành quân nào trong quá khứ thường xuất hiện trong "Đoạn 2 Nhiệm Vụ" và "Đọan 3 Thi Hành." Chưa kể là Tình Hình Địch thì mù mờ còn Bạn thì lại không biết là những ai. Đến Ngã 6 Hiền Vương-Yên Đổ-Lê Văn Duyệt-Trần Quốc Toản tôi gặp Đại Đội 5 Cơ Giới Scout Car của SĐ5BB do Đại ùy Lương Chi chỉ huy từ hướng Hiền Vương đến quẹo trái không biết đi đến đâu. (Đại Tá Lương Chi Khóa 10 VBLQĐ, khóa 2 Chi Đội Trưởng TG, Thiết Đoàn Trưởng Thiết Đoàn 14 Kỵ Binh (SĐ22BB) từ tháng 7 năm 1972, cuối cùng được đề cử giữ chức vụ Tư Lệnh Lữ Đoàn II Kỵ Binh giữa trung tuần tháng 4 năm 1975 thay thế Đại Tá Nguyễn Văn Đồng mất tích trên Tỉnh Lộ 7 Phú Bổn khi rút lui từ Pleiku hạ tuần tháng 3 năm 1975. Đơn vị nầy cũng như nhiều đơn vị thiết giáp từ Vùng 1 và 2 triệt thoái chưa được chỉnh trang thì miền nam Việt Nam đã mất. Đại Tá Lương Chi hiện cùng gia đình định cư với tư cách tỵ nạn chính trị (Danh Sách H.O 5) từ đầu năm 1991 tại Seattle, tiểu bang Washington). Chi Đoàn 1/1 CX tiếp tục quẹo trái theo Đường Phan Thanh Giản hướng về Xa Lộ Biên Hòa Đến Ngã Tư Công Lý-Phan Thanh Giản, tôi thấy Trung Tá Vĩnh Lộc, Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện Vạn Kiếp, Bà Rịa đang nắm bàn tay mặt, cánh tay thẳng góc hình thước thợ với thân mình đưa lên đưa xuống (đây là thủ hiệu liên lạc, tiếng Pháp gọi là "pas gymnastique" sử dụng trong Binh Chủng Thiết Giáp là ra dấu "Chạy Nhanh Lên"). Trung Tướng Vĩnh Lộc cuối cùng làm Tổng Tham Mưu Trưởng từ ngày 29 tháng 4 năm 1975, định cư tại Hoa Kỳ từ tháng 5 năm 1975, hiện đang cư ngụ tại Houston, Texas. *(Đã từ trần .LTS).*
Súng vẫn nổ ran từ xa ở nhiều hướng. Đến gần Nghĩa Trang Mạc Đĩnh Chi, nhìn về phía cầu Phan Thanh Giản tôi thấy có các chiến xa chạy về hướng Hàng Xanh và có vài tràng đạn Đại Liên 50 bắn vu vơ ngược lại (Sau nầy tôi mới biết chi đội chiến xa đó là của Phủ Tổng Thống do Trung Úy Trang Luận, Chi Đoàn Phó Chi Đoàn Chiến Xa Phủ Tổng Thống hướng dẫn chạy về doanh trại Trung Đoàn 1 Thiết Giáp tại Gòvấp để đầu hàng (Người đã bắn các tràng Đại Liên 50 nầy là Trung Sĩ nhất Văn Lộc Khỏe (Chi Đội Phó). Trung Úy Trang Luận xuất thân là cựu Thiếu Sinh Quân tốt nghiệp Khóa 11 VBQGĐL, cuối cùng mang cấp bậc trung tá, đã từng có thời gian làm Thiết Đoàn Trưởng Thiết Đoàn 10 Kỵ Binh cũng có đi tù cộng sản nhưng về rất sớm và có ý định không sang tỵ nạn tại Hoa Kỳ). Trung ùy Trang Luận, nhờ là bạn thân của Trung ùy Hoa Hãi Thọ, gốc Sĩ Quan Pháo Binh, cũng là bạn cựu thiếu sinh quân và cùng khóa Đà Lạt, lúc đó đang là một trong những sĩ quan tùy viên của tướng Dương Văn Minh cho biết trước cuộc đảo chánh(?) nên đã trở cờ!

Nhìn lên lầu Đài Phát Thanh Quốc Gia tôi thấy lố nhố quân nhân đội mũ đen (đơn vị Tổng Thống Phủ) và mũ xanh lá cây (đơn vị Thủy Quân Lục Chiến), tôi gọi máy hỏi Đại ùy Ngãi tình trạng địch, bạn của hai đơn vị nầy thì Đại ùy Ngãi cho biết Thủy Quân Lục Chiến là bạn thế thôi chứ không cho biết thêm là mình "chống" hay "theo" đảo chánh!? Chi đội tiếp tục quẹo phải theo Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm trong khi Chi Đội 1 và Chiến Xa của Đại ùy Ngãi bố trí tại Đường Phan Đình Phùng trước Đài Phát Thanh. Lúc đó có một chiến xa của Phủ Tổng Thống chạy ngược chiều ngang qua chiến xa tôi Lúc ngang hàng với tôi, một chuẩn úy người Bắc vươn người ra khỏi pháo tháp chiến xa hỏi tôi: "Chiến Xa nào đó? Nếu của Trung Đoàn 1 thì quay lại!" Đa số các sĩ quan Thiết Giáp Phủ Tổng Thống từ Trung ùy trở lên đều biết tôi và tôi biết họ vì là bạn bè, với các sĩ quan cấp chuẩn úy khác, tốt nghiệp Trường Hạ Sĩ Quan Nha Trang (Khóa 1) nguyên thuộc Trung Đoàn 4 Thiết Giáp thì hoặc là Chi Đội Phó cho tôi khi họ còn là Hạ sĩ Quan và tôi còn phục vụ tại Trung Đoàn 4 như Chuẩn ùy Nguyễn Công Châu (cuối cùng Thiếu Tá Thiết Đoàn Phó), Chuẩn ùy Tôn Thất Bằng đã hi sinh năm 1965, Chuẩn ùy Phạm Văn Châu, Chuẩn ùy Phạm Trung Thành hay là biết tôi khi tôi làm

huấn luyện viên dạy Khóa 1 Sĩ Quan Đặc Biệt tại Trường Hạ Sỉ Quan Nha Trang, còn Chuẩn ùy Lãng--tôi mới biết tên sau nầy--từ hàng hạ sỉ quan và từ Trung Đoàn 3 Thiết Giáp về Tổng Thống Phủ nên tôi không biết cũng như y sỉ quan không biết tôi.

Tôi gọi máy hỏi Đại ùy Ngãi xem binh sỉ Tổng Thống Phủ là bạn hay địch thì Đại ùy Ngãi cho tôi rõ là địch và bảo tôi chận lại nhưng chiến xa TTP đã vượt qua tôị Tôi báo cáo sự kiện nầy thì Đại ùy Ngãi bảo không sao và ông ta cho tôi biết thêm là đã gặp Đại ùy Mai Văn Thiện Chi Đoàn Trưởng Chi Đoàn TQV/Liên Chi Đoàn Thiết Giáp TTP và anh nầy nói "không đầu hàng" nhưng đã đồng ý "án binh bất động". Vì câu nói nầy mà sau khi đảo chánh thành công anh Thiện phải bị thuyên chuyển lên Trung Đoàn 3 Thiết Giáp, trái lại Đại ùy Nguyễn Văn Của (cùng Khóa 5 Vì Dân Trường SQTBTĐ và cùng Khóa Chi Đội Trưởngvới tôi) Chi Đoàn Trưởng Chi Đoàn Chiến Xa Tổng Thống Phủ dù cương quyết bảo vệ chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa đến cùng khi chi đoàn tôi tấn công Dinh Gia Long nhưng cuối cùng cũng vẫn được thăng cấp đại úy thực thụ cùng danh sách với tôị (Đại ùy Mai Văn Thiện xuất thân Trường Sỉ Quan Địa Phương An Cựu, Huế thuộc Đệ Nhị Quân Khu tốt nghiệp sỉ quan năm 1953 cuối cùng là trung tá không rõ đã định cư nước ngoài chưa hay còn ở Việt Nam. Đại ùy Của cuối cùng là Đại Tá Tỉnh Trưởng Châu Đốc hiện định cư tại San José California từ 1993).

Những quả đạn súng cối và pháo binh của SĐ5BB cứ rót đều vào Thành Cộng Hòa, khói tỏa mù mịt bay mùi khét lẹt. Chiến xa đầu tiên của chi đội tôi bố trí gần ngã tư Nguyễn Bĩnh Khiêm-Hồng Thập Tự sau Thành Cộng Hòa, đại bác vẫn hướng về phía trước không biết ngắm vào đâu cả, trong khi ở lô cốt của Thành Cộng Hòa (Đường Hồng Thập Tự) binh sỉ TTP lố nhố tại đó không có phản ứng gì! (Cũng may cho họ và cũng tốt cho tôi). Một binh sỉ từ Thành Cộng Hòa đến bên chiến xa tôi hỏi ai chỉ huy đơn vị thiết giáp nầy hãy vào gặp thiếu tá chỉ huy Thành Cộng Hòa (Có lẽ là Thiếu Tá Nguyễn Hữu Duệ Tư Lệnh Phó Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Tổng Thống Phủ) Đương nhiên lệnh nầy không được thi hành bao giờ! Tôi gọi máy hỏi Đại ùy Ngãi xem có đơn vị bộ binh (tùng thiết) nào ở với tôi không thì ông ta bảo sẽ có 1 trung đội Thủy Quân Lục Chiến đến với tôi. Lúc tôi đang ngồi thụp xuống pháo tháp để điều chỉnh máy truyền tin thì nghe mấy phát súng lục nổ rất gần. Đứng lên (trong pháo tháp) nhìn về phía trước thì thấy trưởng xa xe số 1 của tôi đang bố trí tại ngã tư Nguyễn Bĩnh Khiêm-Hồng Thập Tự, Trưởng Xa là Trung Sỉ Trừ Bị Trịnh Hoài Hùng, vừa mới ra trường khoảng ba tháng thuộc loại lính sữa, đang cầm súng lục bắn qua đầu một toán quân nhân phòng vệ TTP đang từ hướng Sở Thú trên dường Nguyễn Bĩnh Khiêm đang tiến đến vị trí chúng tôi. Cánh quân nầy khoảng một đại đội (-), toàn thể đều mặc áo giáp chống đạn trừ hàng đầu là mang súng lục còn toàn thể các hàng còn lại trang bị tòan là AR15 (Thời gian nầy chỉ có Lực Lượng Phòng Vệ Tổng Thống Phủ mới có loại vũ khí nầy, các đơn vị QLVNCH khác đến sau Tết Mậu Thân 1968 mới được trang bị). Theo phản ứng tự nhiên, tôi vội kéo cần lên đạn Đại Liên 50 về sau và bắn bổng lên đầu toán quân đang tiến đến đồng thời hô to lên: "Đứng Lại!" Quay về hướng Trung Sỉ Hùng, tôi hét lên: "Hùng ơi, Hùng! Tụi nó đi bao nhiêu đó, mày dùng súng lục ăn thua gì." Anh ta bắt chước tôi, lên đạn Đại Liên 50 đồng thời hướng thẳng về đám lính TTP. Tôi cho lệnh tiếp: "Lùi Ngay!" Trong khi hướng súng vào toán quân TTP đang cách xe tôi chừng 30 thước! Toán quân nầy từ từ lui, mặt vẫn hướng về phía chúng tôi đến khi tới Ngã Ba Nguyễn Bĩnh Khiêm-Thống Nhất thì đua nhau chạy nhanh vào Thành Cộng Hòa.

Mười lăm phút sau, một vị chuẩn úy chỉ huy toán quân nhân Thủy Quân Lục Chiến từ hướng Đường Phan Đình Phùng tức là phía sau tôi đến trình diện tôi để lãnh nhận nhiệm vụ tùng thiết. Sau khi cho lệnh họ phân phối bảo vệ tiếp cận các xe, tôi cảm thấy yên tâm vì có thêm bạn ở gần. Một tai nạn bất ngờ đã xảy ra. Một quả đạn súng cối bắn vào Thành Cộng Hòa nhưng ngắn tầm đã rơi gần hàng rào bông bụp Sở Thú góc Ngã Tư Nguyễn Bĩnh Khiêm-Hồng Thập Tự

trúng một người đi xe Vespa đang chạy ngang qua làm anh nầy gẫy chân văng người qua hàng rào, còn chiếc xe Vespa nằm lăn lông lốc cạnh lề đường, máy vẫn nổ. (Sau nầy đọc báo tôi mới biết người đi Vespa đó là một hạ sĩ quan Hiến Binh từ một tỉnh miền Tây có công tác giải tội về Sài Gòn, nhân dịp lễ đi chơi, ngờ đâu bị tai nạn. Còn chiếc Vespa của anh đã được một đại úy Thiết Giáp không có tham gia vụ đảo chính thu hồi). Cầm chiếc Radio Transistor Sony trên tay, bắt đài Sài Gòn, tôi nghe được hiệu triệu của Trung Tướng Dương Văn Minh Chủ Tịch Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng kêu gọi tất cả các quân, binh chủng đứng lên làm một cuộc cách mạng lật đổ chính phủ đương nhiệm. Lý do của cuộc đảo chính nầy là vì chính phủ đã làm mất lòng dân, làm mất niềm tin của Quân Đội, làm tinh thần binh sĩ hoang mang dao động trong khi áp lực địch đang tăng mạnh trên các chiến trường (?) v.v. nên ông ta đứng lên hi sinh lãnh đạo quân đội để làm một cuộc cách mạng.
Lời hiệu triệu được sự thuận tình của đa số tư lệnh hay chỉ huy các quân binh chủng được nêu tên rõ ràng với cấp bậc và chức vụ. Mọi sự đã quá rõ ràng. Tôi đã tham gia đảo chánh! (Đại Tá Hồ Tấn Quyền Tư Lệnh Hãi Quân, vì không tham gia vào lực lượng đảo chánh, đã bị thuộc cấp hạ sát).

17:30 Ngày 1 Tháng 11 Năm 1963

Đài Phát Thanh đã được chiếm xong. Lúc đó Đại ùy Phan Hòa Hiệp (Sau nầy là Chuẩn Tướng Phụ Trách Ủy Ban Liên Hợp Quân Sự 4 Bên /2 Bên (?) hiện đang định cư tại Florida) thuộc Trường Thiết Giáp đến bảo Đại ùy Ngãi: "Toa cho chi đoàn tập họp trình diện Trung Tá Vĩnh Lộc theo đúng truyền thống binh chủng Thiết Giáp coỉ!" (Điều gì không biết chứ Lễ Nghi Quân Cách và Trình Diễn thì Thiết Giáp Binh QLVNCH thoát thai từ Thiết Giáp Kỵ Binh Pháp là hạng nhất rồi!). Tôi lại sắp xếp chi đoàn trình diện lên Đại ùy Ngãi Chi Đoàn Trưởng (Theo Hệ Thống Quân Giai) xong vị nầy lại chào kính Trung Tá Vĩnh Lộc. (Không biết tại sao có vụ nầy vì Trung Tá Vĩnh Lộc lúc đó không là Chỉ Huy Trưởng Thiết Giáp Binh cũng không phải là Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 1 Thiết Giáp, mà cũng không có lệnh nào đặt Chi Đoàn 1/1 CX dưới quyền chỉ huy của Trung Tá Vĩnh Lộc?) Sau khi nhận sự chào kính của Chi Đoàn 1/1 Chiến Xa xong, Trung Tá Vĩnh Lộc bảo Đại ùy Ngãi cho lệnh tất cả các sĩ quan từ chi đội trưởng trở lên đi họp. Địa điểm họp là trong một tiệm may (tôi không nhớ tên bảng hiệu) cạnh Nhà Hàng Calypso, Đường Phan Thanh Giản, gần Đài Phát Thanh mà cũng rất gần Thành Cộng Hòa. Không biết ai tiếp tế mà nhiều càn xé bánh mì nước ngọt xếp hàng đầy một góc tiệm. Trong cuộc họp có Đại tá Nguyễn Văn Thiệu, Trung Tá Vĩnh Lộc và một số sĩ quan cao cấp khác (không có cấp tướng). Tôi ngồi gần Đại Tá Thiệu. Vị nầy cầm một ổ bánh mì thịt trao tôi và nói: “Ăn đi em, kẻo đói!" Đại Tá Thiệu biết mặt tôi trong các cuộc hành quân của SĐ5BB trong vùng Tam Giác Sắt có đơn vị tôi tăng phái. Ổ bánh mì nầy tôi vẫn để trong pháo tháp chiến xa đến sáng ngày 2 tháng 11 năm 1963 vì tôi không thấy đói. Cuộc họp nầy do Đại Tá Lâm Văn Phát chủ tọa. (Đại Tá Phát là một trong các sĩ quan Thiết Giáp kỳ cựu đồng thời với Thiếu Tướng Dương Ngọc Lắm (Thiếu Tướng Lắm đã chết vì bệnh trước năm 1975) nhưng chỉ chỉ huy đến cấp chi đoàn thám thính (khi các chi đoàn còn biệt lập) rồi ra khỏi binh chủng. Thiếu Tướng Lâm Văn Phát cuối cùng là Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô hai ngày trước khi miền nam Việt Nam mất vào tay Cộng Sản Bắc Việt. Thiếu Tướng Phát cũng bị đi tù cải tạo nhưng được thả về rất sớm, hiện đang định cư tại California.

Theo tin tôi được biết sau nầy thì lúc đó Đại Tá Phát là do Tổng Thống Ngô Đình Diệm phái ra điều đình với Bộ Chỉ Huy Lực Lượng Đảo Chánh, nhưng khi ra ngoài thấy cuộc đảo chính có mòi thành công nên ông trực tiếp tham gia luôn. Đại ý cuộc thuyết trình của ông cũng giống như bản hiệu triệu đang đọc trên đài phát thanh là vì chính phủ đàn áp Phật Giáo và các đảng phái đối lập vân vân, nên tinh thần binh sĩ sa sút và bất mãn trong khi Việt Cọng tăng cường hoạt động khắp nơi, nên Quân Đội đứng lên làm một cuộc cách mạng. Nguyên văn đoạn

chủ yếu trong buổi họp nầy gần giống như sau: "Chúng ta là những con người có nghĩa, có tình, nên chúng ta không đả động gì đến cá nhân Tổng Thống (không nêu tên) và chỉ yêu cầu ông bà cố vấn (cũng không hài tên) xuất ngoại thôi." Sau cuộc trình bày trên là Lệnh Hành Quân. (Trong cuộc đời binh nghiệp của tôi gần hai mươi mốt năm quân vụ đa số là chỉ huy đơn vị tác chiến, tham gia chiến trận từ cấp chi đội trưởng đến thiết đoàn trưởng kỵ binh và đại đội thám báo + bộ binh và tiểu đoàn bộ binh và học mấy khóa về quân sự cũng như tham mưu, tôi chưa từng thấy một lệnh hành quân nào có quá nhiều sơ hở như Lệnh Hành Quân đảo chánh nầy. Điều nầy chắc chắn sẽ làm phật ý các vị sỉ quan đàn anh của tôi, kính xin quý vị niệm tình tha thứ cho, nhưng vì là một bài hồi ký nên tôi cần phải viết trung thực cảm nghĩ của mình). Có lẽ định mệnh đã an bài cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm và hai bào đệ của mình (ông Nhu và ông Cẩn) phải chết, để miền nam Việt Nam phải rơi vào tay CSBV chưa tới 12 năm sau nên cuộc binh biến 1 tháng 11 năm 1963 mới thành công chứ từ khi ước Tính Tham Mưu đến Lệnh Hành Quân có quá nhiều sơ hở. Có dịp tôi sẽ phân tích vấn đề nầy).

Bây giờ là hơn 19 giờ đêm 1 tháng 11 năm 1963. Lệnh hành quân cho Chi Đoàn 1/1 Chiến Xa là tấn công Thành Cộng Hòa lúc 22 giờ và tấn công Dinh Gia Long vào lúc 3 giờ sáng ngày 2 tháng 11 năm 1963. (Hai mục tiêu nầy nơi xa nhất cách nhau chưa tới 1 cây số đường chim bay). Lực lượng tùng thiết cho chúng tôi khi tấn công Thành Cộng Hòa là một đơn vị Nhảy Dù, còn tấn công Dinh Gia Long là một đơn vị Thủy Quân Lục Chiến. Để khỏi nhận lầm Địch, Bạn vì dùng một loại chiến cụ do Mỹ Quốc viện trợ là Chiến Xa M24, tôi được lệnh quét sơn trắng lên chiến xa. Nhận lệnh nầy tôi thầm chửi thề trong bụng vì mới hơn một tuần trước đây chúng tôi phải sơn các chiến xa lại đẹp đẽ để diễn hành trong Lễ Quốc Khánh 26 tháng 10 năm 1963 để vinh danh người mà hiện giờ chúng tôi, bằng mọi gia phải loại trừ. Tôi hỏi Đại ùy Ngãi xem có liên lạc được Đại ùy Phạm Minh Xuân, Liên Chi Đoàn Trưởng (Liên Chi Đoàn Thiết Giáp TTP) hay không thì Đại ùy Ngãi cho tôi biết là ông ta có vào hệ thống nội bộ thiết giáp TTP mà không liên lạc được. Tôi lại hỏi ông: "Như vậy mình phải bắn nhau sao, đại úy?" Câu nầy Đại ùy Ngãi lờ đi không trả lời (Đại ùy Xuân cuối cùng vẫn mang cấp bậc trung tá làm Trưởng Phòng 3/BCH TG (trong khi cựu liên đoàn phó cũng như cựu chi đoàn trưởng chiến xa, thuộc cấp của anh đã thăng cấp đại tá và đều từng làm tư lệnh lữ đoàn kỵ binh), đi tù cải tạo và đã cắt mạch máu tay tự sát tại một trại cải tạo miền bắc Viet Nam năm 1976).

Tôi cảm thấy đau nhói nơi tim vì chốc nữa đây vì nhiệm vụ, vì tự ái, vì sự sống còn, tôi phải thẳng tay tàn sát bạn bè, các cựu thuộc cấp của tôi không chút hận thù! Những người mà giờ đây tôi phải xem là địch chỉ mới vài ngày trước đây còn mày tao, mi tớ với nhau, còn ăn cơm đoàn kết (?!) trong ngày lễ Quốc Khánh vừa rồi tại Câu Lạc Bộ Sỉ Quan Trung Đoàn 1 Thiết Giáp tại Gò Vấp. (Chúng tôi các sỉ quan thuộc Trung Đoàn 1 Thiết Giáp và Tổng Thống Phủ thường coi nhau như cùng một đơn vị và thường ăn cơm chung với nhau mỗi trưa thứ bảy đầu tháng). Để quét sơn trắng lên xe, tôi lại một tiệm sơn Đường Đinh Tiên Hoàng để mua nhưng vì không đủ tiền tôi xin mua chịu hôm sau sẽ trả, nhưng vị chủ tiệm bảo biếu không và ủng hộ quân đội. (Một điều khôi hài là khi cho lệnh mua sơn, Đại ùy Ngãi không bảo tôi lấy tiền đâu cũng như không hỏi xem tôi có sẵn tiền không. Lệnh chỉ huy ra là thuộc cấp phải triệt để thi hành thôi).

22 giờ đêm 1 tháng 11 năm 1963

Theo Lệnh Hành Quân (LHQ) Chi Đoàn 1/1 CX gồm 15 Chiến Xa M24 Đại Bác 75 Ly Nòng Dài sẽ di chuyển hàng dọc từ Phan Thanh Giản (góc Đường Đinh Tiên Hoàng) đến Hai Bà Trưng quẹo trái, khi đến Lê Thánh Tôn lại quẹo trái thẳng tiến đến Đại Lộ Cường Để thì chia làm hai cánh: Cánh 1 do Đại ùy Ngãi chỉ huy gồm có 8 CX với Chi Đội 1(- 1 Phân Đội, 2 CX) + Chi Đội 3 là Nỗ Lực Chính sẽ tấn công chính diện ngay cổng chính Thành Cộng Hòa; Cánh 2 Nỗ Lực Phụ do tôi chỉ huy gồm có Chi Đội 2 + 1 Phân Đội của Chi Đội 1 sẽ theo

Đường Nguyễn Bĩnh Khiêm tấn công cạnh sườn Thành Cộng Hòa xuyên qua Trường Trung Học Lamartine. Các vị soạn thảo LHQ đảo chánh ngày 1 tháng 11 năm 1963 chắc chắn là không rõ tính năng của Đại Bác 75 ly trên chiến xa đồng thời cấp số đạn dược mang theo chiến xa nên cho lệnh tôi là chọc thủng ngang hông mục tiêu. Các vị chắc dùng tài liệu tham mưu giảng dạy của Hoa Kỳ đối với Đại Bác 105 ly nòng dài trên chiến xa M60A1 hay là Đại Bác 90 ly Nòng Dài thiết trí trên Chiến Xa M48A3 mà QLVNCH được sử dụng sau nầy. Thi hành lệnh một cách triệt để, tôi cho lệnh xạ thủ chiến xa của tôi cũng như các xa đội khác tác xạ vào mục tiêu thì dù đạn trúng đích-đương nhiên vì mục tiêu quá lớn và quá gần-nhưng không ăn thua gì cả. Các quả đạn nổ mạnh (HE=High Explosive) trúng vào vách thành (bằng đá tảng) thì như ném đá vào nhà gạch, còn đạn xuyên phá thì chỉ xuyên thủng một lỗ hổng lớn cở bằng bàn tay nắm lại. (Nên nhớ cấp số đạn xuyên phá của mỗi chiến xa là 10 quả vì thời gian đó thiết giáp VC chưa xuất hiện ở chiến trường. Không biết các chi đội khác thế nào chứ chi đội tôi từ Biên Hòa về không có tiếp tế đạn). Quý vị nào trên 50 tuổi và trí nhớ còn tốt thì có thể nhớ lại một lỗ hỗng bên phải Thành Cộng Hòa sau ngày 1 tháng 11 năm 1963. Lỗ hỗng nầy cả tháng sau mới được bít lại và dù có lấp vẫn còn vết tích của đường hồ được quét lên). Như thế nếu muốn hoàn thành lỗ hỗng để các chiến sĩ Nhảy Dù và chiến xa có thể xuyên qua vào mục tiêu thì phải cần tất cả kho đạn Đại Bác 75 ly Nòng Dài loại xuyên phá của Kho Đạn Gò Vấp.

Vừa quẹo trái, cánh quân của Đại ùy Ngãi bị lực lượng phòng vệ tác xạ ra dữ dội bằng các loại đạn súng liên thanh của Đại Liên 30, 50 kể cả Đại Bác 20 Ly Phòng Không, nhưng hú hồn không có đại bác không dật hay đại bác của chiến xa.Tôi báo cáo Đại ùy Ngãi tình hình cánh quân của tôi và đề nghị đổi hướng tấn công cùng cánh 1. Đại ùy Ngãi chấp thuận.

Vì Thành Cộng Hòa--hiện giờ là Trường Đại Học Tổng Hợp Thành Hồ đã bỏ cửa sắt và cổng--trước kia có cửa sắt rất lớn đối diện Đường Cường Để do Trung Đoàn 43 Bộ Binh Thuộc Địa (43ème Régiment Infanterie Coloniale=43ème R.I.C) thiết lập rất kiên cố. Đặc biệt cổng nầy có cổng chánh để xe cộ ra vào ngay chính giữa, hai bên có lối dành riêng cho người đi bộ + xe hai bánh. Các cửa sắt (3 cửa: 1 chính lớn ở giữa và 2 phụ nhỏ hai bên) được giữ chắc bằng hai cột trụ vuông mỗi cạnh cả thước bề ngang bằng gạch nung: 2/3 ở trên là các song sắt dài lên đến vòm cổng, còn 1/3 phía dưới là miếng sắt dày cả 5 phân nên khi đạn bắn phía trên thì đạn bay chui qua kẻ cửa nỗ đâu không rõ còn nếu bắn xuống thấp thì lỗ đạn xuyên qua nhỏ hơn bàn tay nắm lại. Tôi đề nghị tất cả các chiến xa tập trung tác xạ vào cột cánh cửa bên trái đở cổng sẽ có kết quả hữu hiệu hơn. Sau 5 phút bị đạn, cột đổ kéo các cánh cửa ngã theo, và các toán quân Nhảy Dù xung phong vào Thành Cộng Hòa và thanh toán xong mục tiêu không lâu sau đó. Lúc đó là 12 giờ đêm 1 tháng 11 năm 1963. Trên trời phi cơ thả trái sáng để soi rõ đám tàn quân của lực lượng phòng vệ TTP ra hàng quân đảo chánh và để kẻ chiến thắng thu nhặt chiến lợi phẩm. Từng hàng dài binh sỉ TTP từ các vị trí chiến đấu, hai tay dơ lên cao, mặt cúi gầm xuống, thất vọng. Không có thiết giáp TTP tại đây chỉ có 1 TQV, có lẽ bị hư hỏng nên đã nằm lại đây từ chiều hiện đang bốc cháy.

"Cái gì của César xin trả lại cho César." Nên hôm nay tôi cũng xin có đôi giòng khen ngợi lòng trung kiên của Thiếu Tá Nguyễn Hữu Duệ, Tư Lệnh Phó Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ TTP (Trung Tá Nguyễn Trọng Khôi Tư Lệnh dường như không có tại đơn vị vì công vụ hay đi học tôi không rõ) đã anh dũng chiến đấu đến phút cuối cùng. Đoạn nầy không có trong bài đăng trong báo Tiền Tuyến vì tôi sợ ảnh hưởng đến binh nghiệp của ông dù năm 1964 khi tôi cùng học chung Lớp Bổ Túc Anh Văn tại Trường Sinh Ngữ Quân Đội Bộ Tổng Tham Mưu (Tôi chờ đi Hoa Kỳ, ông thì chờ thuyên chuyển khỏi Thủ Đô) ông có vẽ không ưa tôi vì cuộc đảo chánh nầy! Cuối cùng ông mang cấp Đại Tá và đã định cư tại San Diego từ năm 1975. Nghe nói ông cũng đã giúp đỡ Cộng Đồng Việt Nam nơi ông cư ngụ rất nhiều).

Một điểm may mắn cho Chi Đoàn 1/1 Chiến Xa là trên sân thượng Thành Cộng Hòa có bố trí sẵn mấy khẩu Đại Bác 57 ly không dật nhưng khi nơi đây bị tấn công thì các xạ thủ bỏ đi đâu mất. Thật tội nghiệp cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm! Ông đã ưu đãi lính TTP nhưng lúc cần đến chúng thì chúng lại bỏ chạy! Các chi đội báo cáo kết quả không có tử thương, chỉ có bị thương vì không đóng kín nắp pháo tháp. Phía đơn vị Nhảy Dù có tử thương hay không tôi không rõ. Có một điều đến giờ nầy tôi không rõ thế nào mà hai vị Chi Đội Trưởng (Chi Đội 1 và Chi Đội 3) đều bị thương dù nhẹ, người thì bị sướt da đầu khi đạn trượt trên pháo tháp trượt nón nhựa (Chuẩn ùy Trỉ), người thì bị thương ngón tay trỏ (Chuẩn ùy Vân), cũng đều được cho tản thương nên sỉ quan Chi Đoàn 1/1 CX sau khi tấn công Thành Cộng Hòa chỉ còn có Đại ùy Ngãi và tôi. (Cấp Số Chi Đoàn thì có 5 sỉ quan: Chi Đoàn Trưởng, Chi Đoàn Phó và 3 Chi Đội Trưởng nhưng vì tôi đã nói phần trên do tôi kiêm nhiệm chức vụ Chi Đội Trưởng Chi Đội 2 nên Chi Đoàn 1/1 CX chỉ thực hiện được 4 sỉ quan thôi). Chiến xa thì có hai chiếc hỏng không xử dụng được vì trục trặc máy móc bao gồm chiến xa của Trung Sỉ Nhất Liêu A Thành Chi Đội Phó Chi Đội 2. Lúc đó Trường Thiết Giáp bổ sung thêm hai sỉ quan chi đội trưởng: một là Chuẩn ùy Nguyễn Văn Nhơn (Khóa 6 SQTBTĐ) theo cánh quân của tôi và một sỉ quan khác tôi không nhớ tên theo cánh Đại ùy Ngãi. Ngoài ra Chi Đoàn 1/1 CX được tăng phái thêm 1 chi đội chiến xa do Chuẩn ùy Nguyễn Văn Thiệu (Khóa 1 SQ Đặc Biệt Nha Trang) Chi Đoàn 1/2CX theo cánh quân của Đại ùy Ngãi. Lúc nầy Đại ùy Ngãi có vẽ quá mệt mõi đang nằm dài trên lề đường Thống Nhất trong khi đoàn xe của Phòng 4 Bộ Chỉ Huy Thiết Giáp do Trung ùy Phùng Văn Lợi chỉ huy đã đến tiếp tế nhiên liệu và đạn dược. Tình hình nầy còn rất nhiều nguy hiểm vì sau khi chiếm được Thành Cộng Hòa rồi nhưng Chi Đoàn Chiến Xa TTP chưa thấy xuất hiện trong khi Dinh Gia Long cách đây chưa tới 80 thước đường chim bay. Chỉ cần một quả đạn đại bác chiến xa bắn xâu táo từ hướng Dinh Độc Lập thì đơn vị chủ yếu của cuộc đảo chánh--Chi Đoàn 1/1 CX--sẽ bị loại ra ngoài vòng chiến ngay tức khắc! (Tại sao Đại ùy Phạm Minh Xuân, Liên Chi Đoàn Trưởng TG/TTP hay Đại ùy Nguyễn Văn Của Chi Đoàn Trưởng Chiến Xa TTP không biết điều nầy?) . Tôi lưu ý Đại ùy Ngãi điều nầy nhưng Đại ùy Ngãi nói không sao?!

1 giờ 30 Ngày 2 tháng 11 năm 1963

Đơn vị tôi di chuyển theo Đường Thống Nhất-Mạc Đĩnh Chi-Hiền Vương-Cộng Hòa và hội ngộ với lực lượng thiết giáp của Trung Đoàn 2 Thiết Giáp từ Mỹ Tho lên gồm BCH Trung Đoàn và 1 chi đoàn Thiết Quân Vận trước Trường Trung Học Trương Vĩnh Ký. Lực lượng nầy do Thiếu Tá Lý Tòng Bá (Thủ Khoa Khóa 6 VBQGĐL, cuối cùng là Chuẩn Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn 25 Bộ Binh hiện đang định cư tại Las Vegas Nevada từ năm 1990 (Danh Sách H.O 1) Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 2 Thiết Giáp cùng Đại ùy Nguyễn Xuân Hường (Khóa Sỉ Quan An Cựu Huế cuối cùng là Đại Tá Tư Lệnh Lữ Đoàn I Kỵ Binh hiện đang định cư tại Garden Grove, California từ 1992) chỉ huy. Vì quá mệt mõi và vì tại đây có Thiếu Tá Bá thâm niên cấp bậc và chức vụ cao hơn nên Đại ùy Ngãi đề nghị Thiếu Tá Bá nắm quyền chỉ huy theo đúng nguyên tắc tham mưu và chỉ huy nhưng vị nầy đã dứt khoát từ chối: "Toa làm được làm luôn đi, moa yểm trợ cho." (Lệnh Hành Quân nầy đã ban hành từ chiều hôm trước trong buổi họp tại tiệm may. Nên nhớ tất cả đều là khẩu lệnh chứ không có văn bản). Theo LHQ thì đơn vị chúng tôi cũng di chuyển hàng dọc từ Đường Cộng Hòa-Trần Hưng Đạo sẽ vượt Tuyến Xuất Phát là Đường Hàm Nghi làm hai cánh quân: Cánh 1 vẫn do Đại ùy Ngãi (gồm 10 Chiến Xa) + Lực Lượng TQV/Trung Đoàn 2 Thiết Giáp do Thiếu Tá Bá yểm trợ theo trục Công Lý đến Dinh Gia Long quay ngược đầu tấn công mặt tiền Dinh Gia Long; Cánh 2 vẫn do tôi (gồm 7 chiến xa) + Lực Lượng TQV của Trung Đoàn 2 Thiết Giáp do Đại ùy Hường yểm trợ theo trục Pasteur đến Ngã Tư Pasteur-Gia Long cũng quay đầu lại tấn công chính diện.

(Tôi không hiểu tại sao đi vòng vo thế nầy mà không cho lệnh tấn công chính diện lấy TXP là Đường Hiền Vương cũng theo hai trục Pasteur và Công Lý. Hay tại vị thảo lệnh hành quân nầy khoái cú "Hồi Mã Thương" của La Thành trong truyện Thuyết Đường chăng?). Có một điều là lực lượng phòng vệ TTP và cả bộ tư lệnh đảo chánh không rõ là chỉ hơn 1/2 số chiến xa của Chi Đoàn 1/1 CX là bắn đại bác được thôi vì chiến xa của chi đoàn 1/1 CX thường hay hành quân bố trí giữa trời nắng nhất là nằm phơi ngoài phi đạo ở các phi trường nên các miếng đệm chận dầu thắng của hệ đàn hồi của đại bác đa số đã bị nhão và chưa thay thế kịp vì cơ phận khan hiếm! Nếu các chiến xa nầy mà sử dụng đại bác nhân viên xa đội sẽ bị tổn thương! Chiến Xa TTP không gặp phải vụ nầy vì là ưu tiên số 1. Quân Đội Hoa Kỳ chưa hề sử dụng Chiến Xa M24 nầy trong chiến trận. Trong Chiến Tranh Triều Tiên, QĐ Hoa Kỳ đã sử dụng loại Chiến Xa Sherman M41 Đại Bác 76 ly Nòng Dài rất hữu hiệu. (QLVNCH vẫn sử dụng chiến xa nầy trong các chi đoàn chiến xa của thiết đoàn thuộc sư đoàn bộ binh đến ngày tàn cuộc chiến).
Để ngăn ngừa có kẻ trở cờ nên tất cả các xe thiết quân vận hay chiến xa đều vào chung một tần số. (Thông thường trong hệ thống truyền tin chỉ huy của đơn vị thiết giáp luôn luôn có ít nhất hai tần số liên lạc: một liên lạc nội bộ và một liên lạc cấp trên, và hay với đơn vị bạn v.v). Không còn Vinh Hạnh, Vinh Quang gì cả chỉ có Bá, Hường,Ngãi,Tánh vân vân. Cấp dưới phải triệt để "im lặng vô tuyến" và chỉ báo cáo khi thật khẩn cấp.

2 giờ 15 phút Ngày 2 tháng 11 năm 1963.

Lại một lần nữa đoàn chiến xa rầm rộ di chuyển trong đêm tối vắng lạnh của các con đường Cộng Hòa-Trần Hưng Đạo từ hướng Nancy thẳng về hướng Sài Gòn. Đến gần Nhà Hàng Kim Sơn góc đường Trần Hưng Đạo-Ký Con. Đại ùy Ngãi cho lệnh tôi dừng lại vì tôi đang dẫn đầu đoàn xe. Theo nguyên tắc chiến thuật thì trước khi vượt Tuyến Xuất Phát (TXP) là phải kiểm soát tổng quát một lần nữa tại Vùng Tập Trung trước khi xung phong vào mục tiêu. Đại ùy Ngãi gọi tôi lại chiến xa ông và cho tôi "phản lệnh" (contre ordre) là thay vì Cánh Quân của tôi đã dự trù là theo Trục Pasteur và Cánh Quân của Đại ùy Ngãi theo Trục Công Lý để tấn công Mục Tiêu Cuối Cùng là Dinh Gia Long (Phủ Tổng Thống VNCH lúc bấy giờ) thì bây giờ thay đổi ngược lại tức là tôi sẽ tấn công mục tiêu từ Đường Công Lý và Đại ùy Ngãi thì theo Đường Pasteur. (Do điều nầy mà tôi tin rằng có "số mạng" và mọi việc xảy ra đều có thượng đế an bài!)

Nếu quý vị cao niên cở trên 60 và ở Sài Gòn trong thời gian năm 1963 chắc chắn còn nhớ sự kiện nầy. Sau ngày 28 tháng 2 năm 1962 Dinh Độc Lập tại Đường Thống Nhất bị Trung ùy Quốc và Thiếu ùy Cử bỏ bom gây thiệt hại đáng kể thì Tổng Thống Diệm và gia đình đã di chuyển về Dinh Gia Long. Để bảo vệ Dinh Gia Long chặt chẽ hơn, Chi Đoàn Chiến Xa Phủ Tổng Thống đã từ Thành Cộng Hòa đến bố trí quân tại khuôn viên khu "Nhà Tiền Chế" (Sau nầy là khu Trường Đại Học Văn Khoa). Chúng tôi, những sĩ quan của Trung Đoàn 1 Thiết Giáp, cũng thường đến thăm bạn bè tại đơn vị nầy và đương nhiên Đại ùy Ngãi biết rõ là theo Đường Công Lý sẽ có cơ hội gặp chiến xa của Đại ùy Của hơn là theo Đường Pasteur. Ngoài căn cứ của Chi Đoàn Chiến Xa TTP tại bên hông--hướng Tây của dinh--thì trước mặt tiền của dinh và Pháp Đình là công viên trống trải rất thích hợp để bố trí chiến xa. Trái lại, quanh Ngã Tư Pasteur-Gia Long địa thế chật hẹp khó bố trí nhiều chiến xa.Lệnh thay đổi trên chỉ có Đại ùy Ngãi và tôi biết vì Thiếu Tá Bá và Đại ùy Hường ở xa sau đoàn chiến xa và không xuống xe đến gặp chúng tôi. Do đó có câu chuyện rất khôi hài là sau cuộc đảo chánh, hai vị nầy nhất quyết cho rằng tôi đi lạc và nhắc đi, nhắc lại nhiều lần khi tôi đi Hoa Kỳ về năm 1965 chỉ huy Chi Đoàn 3/1 TQV lúc hai vị làm Trung Đoàn Trưởng và Trung Đoàn Phó Trung Đoàn 1 Thiết Giáp. Nếu bảo tôi đi lạc trong Chiến Khu Đ, Mật Khu Bời Lời, Khu Tam Giác Sắt hay Vùng Đồng Tháp Mười thì còn có lý vì đôi khi khó xác định vị trí nhưng bảo tôi lạc giữa Thành Phố Sài Gòn thì thật là vô lý. Tôi từ Rạch Giá lên Sài Gòn học từ năm 1948 và định cư tại đây

luôn chỉ trừ các năm tháng phục vụ các đơn vị xa thủ đô. Hơn nữa, khi tôi thuyên chuyển về làm Chi Đoàn Phó Chi Đoàn 1/1 CX từ tháng 11 năm 1961, tôi đã từng vẽ lộ trình của kế hoạch hành quân phản công nếu địch tấn công vào Sài Gòn. Tôi đã hơn một lần dùng xe Jeep chở các chi đội trưởng chiến xa đi thám sát các lộ trình. Không lẽ tôi không phân biệt đường nào là Pasteur hay Công Lý lúc 3 giờ khuya ngày 2 tháng 11 năm 1963 hay sao? Tôi còn nhớ khi được lệnh đi theo Đường Công Lý tôi còn nói đùa với các nhân viên xa đội: "Hôm nay thầy trò mình oai quá! Đi chiến xa giữa thành phố mà còn đi ngược chiều nữa!"

3 giờ sáng Ngày 2 tháng 11 năm 1963

Giờ phút quan trọng đã điểm! Tôi nói thầm là nếu được quyền chọn lựa khi tham gia cuộc hành quân nầy xong thăng hai cấp hoặc nghĩ ở nhà thì phải mang cấp bậc cũ thêm 3 năm nữa, tôi sẽ không do dự chọn mang cấp bực trung úy 10 năm (tôi thăng cấp trung úy thực thụ từ 1/2/57). Không phải tôi hèn nhát sợ chết khi tôi phải đối đầu với một đơn vị chiến xa giống như đơn vị mình, chiến cụ tốt hơn, sĩ quan và kỵ binh giỏi hơn vì là thành phần chọn lọc, nhưng trường hợp nầy thật quá khó khăn, phức tạp và tế nhị. Nếu chiến đấu với Việt Cọng tại chiến trường, rủi có thua, xui lắm thì chết hay bị thương, cùng lắm thì bị quở phạt về quân kỷ, nhưng hiện tại đây là một cuộc đảo chánh phải thắng mới vinh quang, nếu thua sẽ chết hay tù một cách nhục nhã vì là phản loạn. Khi hành quân đánh VC thì tình hình địch nhiều khi không rõ ràng lắm, còn tại đây chỉ khoảng hơn 100 thước thôi có các chiến xa điều khiển bởi các quân nhân thiện chiến và ở về phía chánh nghĩa đang chờ mình. Nhưng mũi tên đang đặt trên dây cung đang căng thẳng chỉ có buông ra và trúng đích thôi chứ không còn đường chọn lựa. Như trong một canh xì phé với một đối phương đã có sẵn hai phé mà tôi dám theo xã láng trong khi bài tôi mặt suốt mà "mua" môt con bài hơi tối chỉ có "suốt" mới thắng thôi. Nhất định phải thắng không thể thua được!

Hướng dẫn đoàn chiến xa của tôi theo lộ trình Trần Hưng Đạo-Hàm Nghi quẹo trái. Đến gần Đường Lê Lợi tôi nhìn về phía Tòa Nhà Quốc Hội (Nhà Hát Thành Phố=Nhà Hát Tây) xem có đơn vị Biệt Động Quân của Đại ùy Sơn Thương có Đại Bác 57 Ly Không dật (Tin của Thiếu Tá Bá) bố trí tại đây không. Nhưng tại nơi nầy vẫn vắng hoe. Tốt! Theo LHQ, các kế hoạch gia đã vẽ (bằng mồm) là cho lệnh chúng tôi tân công hàng ngang hai chiến xa trong khi bề ngang của con đường Công Lý một chiều chỉ có 4 thước rộng còn bề ngang chiến xa M24 thì đến 2m2 nên chiến xa bên trái của tôi do Chuẩn ùy Nhơn chỉ huy đã chiếm hết lòng đường liền bị một quả đạn chiến xa từ hướng Tòa án tác xạ đến trực diện nhưng hơi thấp nên trúng vào hộp số phụ + hộp vi phân, dầu chảy lênh láng xuống lòng đường. Nhìn trong tiềm vọng kính tôi thấy Chuẩn ùy Nhơn nhảy ra khỏi pháo tháp chiến xa và chạy về phía sau. Như đã nói trên vì chiến xa Chuẩn ùy Nhơn đã nằm giữa đường, chiến xa của tôi bắt buộc phải đậu nghiêng nữa trên, nữa dưới đường, sau cây me già rất to cạnh Nhà Sách Vĩnh Bão, đối diện bên kia là Nhà Hàng Quốc Tế (International). (Có nhiều vết đạn làm trầy võ thân cây trong đêm 1/11/63). Chính nhờ cây me nầy mà tôi có thể một phần nào thoát chết trong cuộc đảo chánh.

Lúc đó hỏa lực các loại từ hướng Công Lý-Gia Long bắn tới tấp vào chiến xa của tôi. Nhưng nhờ đậu nghiêng, và có cây me to án ngữ một phần nào nên đạn trúng thành xe hoặc pháo tháp đều trượt không trúng chánh nên không bị hư hỏng. Cùng lúc nầy hệ thống đèn đường từ chỗ tôi chạy dài đến Dinh Độc Lập đều tắt cả, nên tôi quan sát khó trái lại "Địch" nhìn chúng tôi rất rõ nên đạn tới tấp vào chiến xa tôi. Đồng thời các binh sỉ TTP ẩn núp trên lầu 1 của Nhà Hàng Quốc Tế dùng AR15 bắn trên nắp pháo tháp chiến xa tôi từng loạt giống như là rải cát vào xe. Vì quá gần và nếu tôi mở nắp pháo tháp ra để sử dụng Đại Liên 50 ngoài pháo tháp thì rất nguy hiểm. Tôi định gọi chiến xa sau tôi bắn đại bác vào đó nhưng nghĩ lại làm như thế sẽ có người chết oan và hư hại tài sản dân chúng nên thôi. Trong khi đó tôi suy nghĩ không lẽ mình bố trí chiến xa tại đây để làm bia cho lính TTP tập bắn hay sao trong khi tôi nghe rền trong tai

tôi các loạt đạn nổ ròn trên cả hai cánh quân. Tôi cho lệnh xạ thủ dùng Đại Liên 30 song hành trên pháo tháp tác xạ thăm dò liên tục đồng thời cho lệnh tài xế lái nhanh về phía trước. Khi di chuyển ngang qua Ngã Tư Công Lý-Lê Thánh Tôn, chiến xa tôi rung động nhẹ vì bị trúng đạn và vừa hé mở nắp pháo tháp nhìn lên qua phải thấy mặt tiền Dinh Gia Long, tôi cho lệnh trong hệ thống âm thoại nội bộ (Interphone) :"Dừng Lại! Lùi Nhanh". Tài xế chiến xa của tôi là Hạ Sỉ Nguyễn Văn Bi, một cựu quân nhân tái ngũ từng lái tắc xi nhiều năm nên rất nhanh nhẹn. Thi hành lệnh tôi, anh cho xe lùi nhanh trước cổng Pháp Đình Sài Gòn thì một quả đạn đại bác 57 ly không dật hay đại bác chiến xa từ phía sau bay tới trước đầu chiến xa tôi dọc theo Đường Công Lý hướng tới Dinh Độc Lập. (Đạn xuyên phá của Đại Bác 57 Ly Không Dật hay Đại Bác Chống Chiến Xa thường có một vệt sáng sau đuôi của đầu đạn để xạ thủ điều chỉnh hướng bắn. Tôi đã thấy vệt sáng nầy).

Nhờ ơn trên, giờ đây tôi đã có một địa điểm bố trí chiến xa toàn hão có đầy đủ các yếu tố che dấu, ngụy trang và hướng quan sát tốt. Trên lầu tòa án các binh sỉ Phòng Vệ TTP lại dùng súng AR15 bắn vào chiến xa tôi. Lần nầy tôi định dùng Đại Liên 50 để bắn trả lại nhưng có một viên đạn AR 15 kẹt trong hộp cơ bẩm nên súng không sử dụng được.

Bây giờ là 3 giờ 20 phút ngày 2 tháng 11 năm 1963. Đạn vẫn nổ dòn tan như pháo đêm giao thừa. Cả hai cánh quân đều có xe cháy. Trước mặt chiến xa tôi bố trí có 1 chiến xa TTP đang bố trí tại công viên trước Dinh Gia Long đối diện chiến xa của tôi, nhưng pháo tháp đại bác không nhắm vào xe tôi. Xạ thủ của tôi xin lệnh bắn tiêu hủy nó nhưng tôi không cho và bảo đương sự chú ý khi nào thấy pháo tháp nhúc nhích hảy bắn. Quyết định nầy của tôi là quá liều lĩnh vì trong chiến trận thiết giáp "Bắn Chậm Thì Chết" nhưng trong trường hợp nầy tôi không muốn lạm sát. Nhìn qua tiềm vọng kính tôi thấy các nhân viên xa đội chui từ lổ thoát thân dưới lườn xe và bò ra ngoài hướng về Dinh Độc Lập, tôi cũng không cho lệnh bắn vì không nỡ. (Các chiến xa đều có các lổ thoát thân (Emergency Exit) trong pháo tháp dưới lườn xe để nếu pháo tháp chiến xa đóng kín mà xe có lật úp thì xa đội có thể thoát ra ngoài).

Thình lình tôi nghe trong máy vô tuyến Trung ùy Nguyễn Đức Dung báo cáo Thiếu Tá Bá là Đại ùy Ngãi đã bị trọng thương. Trung ùy Dung đã theo chiến xa Đại ùy Ngãi từ khi xuất phát cuộc đảo chánh do QĐIII phái theo có lẽ là để kiểm soát lòng trung thành của Đại ùy Ngãi? Số Trung ùy Dung rất lớn vì từ khi rời Trại Lê Văn Duyệt tới khi chiếm xong mục tiêu thứ 2 là Thành Cộng Hòa anh đều ngồi trong pháo tháp tại vị trí xạ thủ nhưng khi bắt đầu tấn công Dinh Gia Long anh lại chuyển chổ xuống ngồi chổ phụ tài xế trước đầu xe nên thoát nạn. Chiến Xa của Đại ùy Ngãi bị một chiến xa bố trí trước Bộ Quốc Phòng Đường Gia Long bắn trúng bên phải xuyên pháo tháp làm Đại ùy Ngãi + Nhân viên nạp đạn chết tại chỗ, Trung Sỉ Danh Khiêm Xạ Thủ bị thương cụt một chân. Vừa nghe xong báo cáo, Thiếu Tá Bá bảo tôi đến giúp tản thương Đại ùy Ngãi. Lệnh nầy khó thể thi hành nên tôi đã không tuân vì nhiệm vụ tản thương là của Ban Y Tế Trung Đoàn có xe Dodge 4 x 4 + cọng nhân viên y-tế chứ tôi làm cách nào để tản thương? Hay nếu không thì các chiến xa của cánh quân Đại ùy Ngãi chứ chiến xa của tôi qua sẽ dễ gây ngộ nhận. Tôi đã để cánh quân Đại ùy Ngãi tản thương. Mười phút sau, một chiến xa vượt qua chiến xa tôi và quay trở lại bố trí cạnh chiến xa tôi. Chuẩn ùy Nhơn nhảy qua xe tôi và gõ mạnh vào nắp pháo tháp. Gặp được tôi, anh Nhơn mừng rỡ ra mặt nói: "Tôi tưởng trung úy tiêu rồi chứ, vì tôi gọi mãi mà không nghe trung úy trả lời." Nhìn thấy các cọng ăng ten cụt tận gốc vì đạn AR15 tôi đã hiểu rõ lý do không liên lạc xa được của máy tôi. Chiến xa mới đến nầy đại bác không sử dụng được vì hệ thống đàn hồi chảy dầu tôi nên tôi cho lệnh bố trí hướng sau lưng tôi dùng Đại Liên 50 canh chừng hướng tòa án. Từ lúc có chiến xa mới đến nầy, nhân viên TTP không còn bắn AR15 vào xe tôi nữa.

Một chiến xa khác thuộc cánh quân của tôi bị trúng đạn nằm quay ngang giữa Ngã Tư Công Lý-Gia Long. Đàng xa nơi góc Đường Lê Thánh Tôn-Công Lý một Thiết Quân Vận M113

của Trung Đoàn 2 Thiết Giáp bị tác xạ trúng, các cụm lữa đỏ khói đen đang cuồn cuộn bốc lên cao cháy sáng cả một góc trời.

3 giờ 40 phút ngày 2 tháng 11 năm 1963. Đại úy Ngãi đã hi sinh. Bây giờ đây trách nhiệm nặng nề nầy do một mình tôi gánh vác. Đạn vẫn tiếp tục nỗ đều nhiều nơi. Vì không thấy đơn vị Thủy Quân Lục Chiến tiến lên nên tôi chỉ bố trí tại Tòa án chờ yểm trợ. Vì tưởng cánh quân tôi đi Đường Pasteur, nơi đó có một chiến xa đang cháy và chiến xa Đại ùy Ngãi đang bất động cản đường tiến của các Thiết Quân Vận mà không người chỉ huy lại tưởng lầm là cánh quân của tôi nên Thiếu Tá Bá cho lệnh trong máy: "Mít ơi Mít! Mầy lên xem thằng Tánh coi nó có tiến không, nếu không bắn bể đầu nó cho tao." (Mít là Trung Sỉ Nguyễn Văn Mít thuộc Chi Đoàn Thiết Quân Vận Trung Đoàn 2 Thiết Giáp). Tôi nghĩ mà buồn cười! Tôi ở trên chiến xa còn anh Mít nầy đi trên TQV mà bắn tôi thế nào được chứ?! Có lẽ Thiếu Tá Bá vì nóng ruột trước "cơn dầu sôi lữa bỏng" nên nói thế thôi. Tôi lật đật gọi trong máy: "Đại Bàng Bá, đây Tánh. Tôi đã ở trước Tòa án đối diện Dinh Gia Long từ lâu rồi!" Tôi không ngụy mà dùng bạch văn. Nghe được tôi báo cáo ông chỉ đáp gọn: "Tốt!" Thế thôi.

Lúc 4 giờ 30 phút, một nhóm quân nhân TTP trên hướng ban công Dinh Gia Long Đường Công Lý trương cờ trắng ra quơ qua quơ lại, tỏ ý muốn đầu hàng? Nhưng khi họ nhìn ra hướng Công Lý cũng như hướng Pasteur chỉ thấy vài chiến xa với TQV, chiếc thì cháy, chiếc quay ngang--trong khi 2 chiến xa của tôi bố trí trước tòa án vì khuất họ không thấy--tức là không có chiến xa nào uy hiếp chỉa Đại Bác thẳng về hướng họ mà chỉ thấy một nhóm quân nhân Thủy Quân Lục Chiến đang tiến tới-- có một số đang chực leo rào vào Dinh--họ lại rút vào và tiếp tục bắn trả. Do đó mà phóng viên của Đài Phát Thanh Sài Gòn hôm đó truyền tin tại chỗ là lực lượng TTP đầu hàng rồi nhưng lại tiếp tục chiến đấu là như thế! Cánh quân Thủy Quân Lục Chiến báo cáo sự kiện lên Thiếu Tá Bá. (Xin lưu ý là lệnh dùng tên thay danh hiệu chỉ áp dụng cho đơn vị Thiết Giáp còn Thủy Quân Lục Chiến họ sử dụng danh hiệu, đặc lệnh truyền tin riêng của họ. Sau nầy tôi mới biết vị chỉ huy đơn vị Thủy Quân Lục Chiến là Thiếu Tá Nguyễn Bá Liên. Khi đọc hồi ký của Thiếu Tướng Đỗ Mậu tôi mới biết Thiếu Tá Liên là cháu ruột của ông và ông đã gom tất cả công trạng nầy hoàn toàn là do ông và cháu ông! Thế Đại ùy Ngãi cọng 4 quân nhân khác tử thương cùng hơn chục quân nhân bị thương thuộc Chi Đoàn 1/1 Chiến Xa là không có công à?! Sau ngày 2 tháng 11 năm 1963 tôi chẳng viết gì cũng như không cho tin tức gì về cuộc đảo chánh nầy vì không thấy hay ho gì để mà đề cao. Khi đọc báo thấy nhiều vị đã tham gia cuộc đảo chánh nầy viết nhiều câu quá lố không thể tin được, tôi thấy rất buồn cười! Ví dụ khi đơn vị Thủy Quân Lục Chiến chiếm Đài Phát Thanh không được vì sự kháng cự của đơn vị Phòng Vệ TTP, chúng tôi phải đến tiếp ứng và sự kiện xảy ra như tôi đã kể ở các đoạn trên. Nhưng mấy ngày sau báo hàng ngày có đăng 1 bài là Trung ùy X đã dùng súng lục uy hiếp Đại ùy Mai Văn Thiện (Chi Đoàn Trưởng TQV TTP) và bắt buộc ông nầy cho lệnh đơn vị TTP có nhiệm vụ bảo vệ Đài Phát Thanh Sài Gòn đầu hàng! Do đó năm 1969, tức 6 năm sau tôi mới cho đăng bài hồi ký của tôi để làm sáng tỏ một phần nào các sự kiện đã xảy ra. Lúc đó khoảng năm giờ sáng. Thiếu Tá Bá la oang oang trong máy: "Tánh ơi! Tánh! Coi chừng ra Tòa án Quân Sự đó. Nhắm làm nổi không? Nếu không rút ra, sáng tao cho AD6 (Khu Trục) lên mần nó." Thiếu Tá Bá lúc đó nghĩ là nhiệm vụ quá khó khăn cho đơn vị chiến xa của tôi khi đơn vị trưởng đã tử trận và đã mở lối thoát cho tôi khỏi trách nhiệm nặng nề. Nhưng tôi nghĩ mục tiêu Dinh Gia Long quá nhỏ, sát bên các tiệm buôn, nếu để khu trục cơ oanh kích thì hậu quả sẽ khó lường được. Bao nhiêu sinh mạng dân vô tội sẽ chết oan, tổn thất vật chất và sinh mạng sẽ rất to lớn nên tôi vội đáp trong máy: "Đại Bàng Bá, đây Tánh. Yêu cầu cho Cọp Biển (TQLC) và Cua Sắt (TQV M113) tiến lên yểm trợ, tôi sẽ thanh toán mục tiêu ngay!" (Nhờ quyết định nầy của tôi mà sau nầy dù vị sự ngang bướng tôi từng bị nhiều vị tư lệnh bộ binh "trù ẻo" Thiếu

Tá Bá hết lòng đùm bọc, che chở tôi bênh vực tôi khi tôi phục vụ dưới quyền chỉ huy của ông. Cũng trong trận nầy nhiều vị chỉ huy Thiết Giáp có tham dự đảo chánh biết tôi và sau nầy đã nâng đở tôi như Trung Tướng Nguyễn Văn Toàn). Với các quả đạn đại bác xuyên phá và nổ còn lại, tôi tác xạ vào Dinh Gia Long. Tôi đã cho lệnh bắn cao lên nên các viên đạn xuyên qua lầu của dinh rồi bay nổ đâu không rõ. Vì thế đã giảm thiểu tai nạn cũng như thiệt hại cho đơn vị TTP cũng như dân chúng. Sau khi tác xạ xong tôi cho chiến xa tiến nhanh đến Dinh Gia Long đồng thời tác xạ liên tục bằng Đại Liên 30. Chiến xa của tôi ủi sập cổng phải của Dinh Gia Long xong lúc đó là 6 giờ sáng ngày 2 tháng 11 năm 1963. Chiến xa của tôi có số đăng bộ là 80.506 tức là cọng chung thành 9 nút. Tôi đã chọn nó làm xe chỉ huy vì con số hên nầy. Có phải nhờ nó mà tôi thoát chết chăng? Các phóng viên nhiếp ảnh chụp hình lia lịa. Hình ảnh nầy trước năm 1975 thường hay xuất hiện nơi trang đầu của các nhật báo Việt Ngữ nhân kỹ niệm ngày Quốc Khánh Đệ Nhị Công Hòa. Hiện tấm ảnh nầy còn đang được lưu giữ trong Văn Khố Quốc Gia Hoa Kỳ và được xuất hiện nhiều lần trong các quyển sách hay bài báo nói về cuộc đảo chánh chế độ Ngô Đình Diệm.

Không đầy 30 phút sau, Đại Tá Thiệu cùng đoàn tùy tùng vào Dinh xong rồi hấp tấp trở ra ngay. Tin cho hay là không có Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu trong dinh. Một luồng khí lạnh chạy dài theo xương sống tôi! Hôm qua, nếu thất bại, ra tòa tôi có thể trả là tôi chỉ biết tuân lệnh cấp chỉ huy là Đại ùy Ngãi, nhưng giờ đây cấp chỉ huy của tôi đã chết tôi không còn lý do để chạy tội nên tôi chỉ biết ngồi ỳ trên chiến xa thôi.
Vừa suy nghĩ vẩn vơ tôi thấy đoàn xe Thiết Quân Vận quay đầu. Hơn nữa giờ sau, Đài Phát Thanh Tiếng Nói Việt Nam loan báo là "Diệm Nhu đã tự tữ".

Sứ mạng đã hoàn thành. Chắc chắn tôi sẽ thăng cấp đại úy sau gần bảy năm chờ đợi trong cấp trung úy, nhưng sao tôi vẫn thấy buồn buồn khi nghĩ đến tình đời. Con người mà mới mấy hôm trước toàn dân còn đang suy tôn trong các buổi học tập tố cộng hay trong ngày Lễ Quốc Khánh 26 tháng 10 thì giờ đây đã chết tức tửi trên TQV M113 do lệnh của những kẻ mà mình từng nâng đở, đề bạt.

Kiểm soát lại người tôi thì hai cánh tay tôi đầy vết trầy trụa do các mảnh của tiềm vọng kính văng ra, môi tôi thì bị hơi nóng của khói đạn đại bác tỏa ra nên sưng lên và đỏ như thoa son. Có một em nam học sinh lên chiến xa tôi và hỏi: "Bộ trung úy thoa son sao môi đỏ vậy." Tôi chỉ cười chứ không buồn trả lời! Một chốc lại có kỳ nữ Kim Cương đến ủy lạo. (Tại sao ở đâu cũng có bà nầy)? Một binh sỉ Thủy Quân Lục Chiến từ trong dinh ra tự động đến tặng tôi một cây kiếm (có lẽ là của một sỉ quan tùy viên bỏ lại); một quân nhân TQLC khác lại cho tôi một con Búp Bê Geisha Nhật Bản rất đẹp. (Con Búp Bê Nhật Bản nầy dường như của phái đoàn ngoại giao Nhật Bản tặng cho con ông bà cố vấn Ngô Đình Nhu nhân dịp Trung Thu Quý Mão 1963). Tôi đã không cho bất cứ binh sỉ thiết giáp nào xuống xe nên họ không được gì, có lẽ họ cũng buồn tôi.

Giờ đây kiểm soát tình trạng chiến xa của tôi. Thùng đạn Đại Liên 50 trên pháo tháp bị trúng đạn AR15 nhiều đến nổi có một đầu đạn Đại Liên 50 toét ra như một bông hoa huệ. Các tiềm vọng kính (periscope) và trực vọng kính (episcope) đều bị trúng đạn nhưng nhờ nhiều lớp dầy nên một số lớp ngoài long ra, bên trong cũng có vài lớp kính vì bị hơi tức cũng vỡ ra từng mảnh nên cứa tay tôi. Hai cây ăng-ten bị đứt tiện tận gốc không còn cọng. Đầu chiến xa bị đạn đại bác cày dài khoảng một gang tay. Một chiếc bánh lăn bên trái bị trúng đạn nhưng ngay phần không quan trọng, chứ trúng ngay trục, xe bất động thì chắc tôi cũng tiêu rồi. Một quả đạn khác có lẽ là do đạn Đại Bác 57 Không Dật vì bắn thấp trúng vào xích nhưng lại trượt làm bể một miếng xích sắt chừng hai ngón tay không quan trọng chứ nếu đứt xích thì tôi cũng tiêu. Đối với tôi, trong cuộc hành quân nầy, chính các phép lạ đã cứu tôi. Một điều tôi cảm thấy lương tâm tôi được yên ổn vì đã hạn chế đến mức tối thiểu các tổn thất về sinh mạng và tài sản của bạn và dân chúng.

Sứ mạng của tôi đã hoàn thành, vinh quang hay tủi nhục tôi không rõ? Nhưng niềm tự hào, tự mãn, tự ái vân vân trong tôi được ve vuốt vì tôi là một trong số các sỉ quan thiết giáp Việt Nam đầu tiên hành quân tại thành phố chống thiết giáp và đã chiến thắng. (Sau nầy, mùa hè đỏ lữa1972 tại chiến trường Kontum, Chi Đoàn 1/8 Chiến Xa (Đại ùy Lê Quang Vinh chi đòan trưởng hiện đang định cư tại New Jersey) của Thiết Đoàn 8 Kỵ Binh (do tôi làm thiết đoàn trưởng) thuộc Sư Đoàn 23 Bộ Binh do Đại Tá Lý Tòng Bá, làm tư lệnh (Đại Tá Bá đã được đặc cách thăng cấp chuẩn tướng tại mặt trận sau chiến thắng), đã dùng chiến xa M41 ĐB 76 ly Nòng Dài hạ cả chục chiến xa T59 và T54 và bắt sống 2 chiến xa còn sử dụng được: một chiếc đã được trưng bày tại Bộ TTM/QLVNCH từ tháng 7 năm 1972 đến 30 tháng 4 năm 1975. Tôi cũng đã bị trọng thương trên QL14 đoạn đường Pleiku-Kontum ngày 31 tháng 10 năm 1972 trong chiến dịch nầy mấy tháng sau khi hành quân giải tỏa Quốc Lộ 14 khi bị VC cắt đứt). Không rõ lịch sử sẽ phê phán thế nào về cuộc đảo chánh lật đổ chế độ nền Đệ Nhất Cộng Hòa? Cộng hay Tội dành cho những người chủ mưu? Riêng tôi, NGÀY 1 THÁNG 11 NĂM 1963 LÀ NGÀY DÀI NHẤT TRONG CUỘC ĐỜI BINH NGHIỆP CỦA TÔI!

NGUYỄN MINH TÁNH

(Tu chỉnh xong và hiệu đính lại cuối tháng 9 năm 2006. Annandale, Fairfax Virginia).
(Trích trong Tập Hồi Ký "Cuộc Đời Binh Nghiệp của Tôi")

Sau đây là bản Phụ Lục về các loại xe thiết giáp nêu ra trong bài hồi ký: 1-11-1963: Ngày Dài Nhất Đời Tôi.

Thiết Giáp Xa M8 (AM8) trang bị 1 Đại Bác 37 Ly, 1 Đại Liên 30 Gắn Song Hành với đại bác trên pháo tháp, 1 Đại Liên 50 Phòng Không. Xa Đội gồm có: 1 trưởng xa, 1 tài xế, 1 xạ thủ, 1 nhân viên nạp đạn. Loại xe thiết giáp nầy là đơn vị chủ lực của các chi đoàn thiết giáp thính trước năm 1954. Xa Đội gồm 7 người. 1 Tài Xế, 1 Trưởng Xa, 3 Xạ Thủ Đại Liên,2 Nạp Đạn, 1 Khinh Binh

Bán Xích Xa (Hafl Track
Loại Xe nấy chạy trên 4 bánh cao su hợp với Thiết Giáp Xa M8 làm 1 Phân Đội. Xe Trang Bị 1 Đại Liên 50 (12ly7), 2 Đại liên 30 (7ly 62).

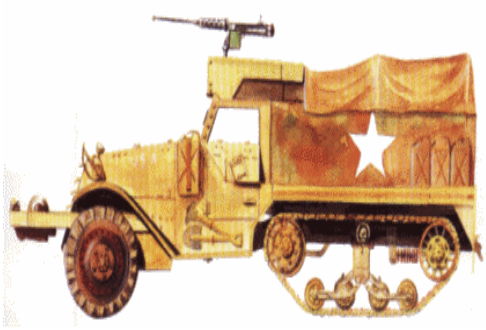

Chiến Xa M24 Chaffee Đại Bác 75 Ly Nòng Dài. Loại xe chạy với hai bánh trước chủ động bằng lốp cao su, dàn bánh sau chạy bằng xích hợp với TGX M8 làm 1Phân Đội. Trang Bi Vũ Khí + Nhân Viên như xe Scout Car

Thám Thính Xa hay Chỉ Huy Xa M114 là loại Thiết Giáp nhẹ chạy toàn xích xa đội gồm có: 1 Trưởng Xa/kiêm Xạ Thủ Đại Liên 50, 1 Tài Xế, 1 Xạ Thủ Đại Liên 30, 1 Nhân Viên Nạp Đạn Mỗi Chi Đội 5 TTX M114.

Thiết Vận Xa M113. Khi đưa sang xử dụng tại Chiến Trường Việt Nam năm 1962. Hai đại đội Cơ Giới đầu tiên Đại Đội 7 Cơ Giới do Đại Úy Lý Tòng Bá chỉ huy (thuộc SĐ7BB), Đại Đội 21 Cơ Giới do Đại Úy Huỳnh Văn Tám chỉ huy. Mỗi đại đội cơ giới gồm có 15 TQV, Chi Đội Chỉ Huy 2 TQV,3 chi đội xung kích

mỗi chi đội 3 TQV, 1 chi đội yểm trợ 4 TQV trang bị Súng Cối 81 Ly. Mục đích đầu tiên xử dụng đại đội bộ binh chở trên xe tiến đến gần mục tiêu cho bộ binh hạ chiến. Hai đại đội Cơ Giới đầu tiên có bộ binh là các đại đội trinh sát liên hệ. Xa đội chỉ có 1 Tài Xế, 1 Trưởng Xa/kiêm Xạ Thủ Đại Liên 50 ly còn 11 khinh binh (1 tiểu đội bô binh). Sau nầy các vị chỉ huy chiến trường Việt Nam thích dùng M113 như là loại thiết giáp nhẹ thay vì nhiệm vụ của Thiết Quân Vận là để chở quân nên Cơ Quan Phát Triển Khả Năng Tác Chiến QLVNCH mới chế biến giá gắn 2 súng Đại Liên 30 cho mỗi TQV và 1 Đại Bác 106 ly Không Dzật để chống chiến xa

Thiếu Tướng Đỗ Kế Giai

Vào ngày đầu năm tôi thường điện thoại thăm hỏi quý tướng lãnh, niên trưởng, ân nhân, bằng hữu v.v..., trong số các vị tướng lãnh có Thiếu tướng Đỗ Kế Giai. Ông xuất thân khóa 5 Võ Bị Đà Lạt (ra trường tháng 4/1952), về phục vụ Tiểu đoàn 3 Nhảy Dù đóng ở Hà Nội. Năm 1954, tôi đáo nhậm Tiểu Đoàn 3 Nhtại Đồng Đế Nha Trang, ông đã là Trung uý, giữ chức vụ "Officier Adjoint" cho Thiếu tá Mollo là Tiểu đoàn trưởng. Chức vụ của Trung úy Giai tương tự như Sĩ quan Hành quân Tiểu đoàn thời sau nầy. Mối liên hệ giữa ông với tôi bắt đầu từ đó. Năm nay, ngoài việc thăm hỏi thường lệ, mục đích chính của bài viết xoay quanh câu chuyện Biệt Động Quân vào những ngày cuối 30-4-1975. Sau đây là phần phỏng vấn:

Phạm Huy Sảnh: Xin niên trưởng cho biết về nhiệm vụ và phối trí lực lượng Biệt Động Quân trong những ngày chót quanh Thủ đô.

Thiếu tướng Đỗ Kế Giai: Vào những ngày tháng cuối trước khi mất Nam Việt Nam, tôi là Tư Lệnh Lực Lượng Biệt Động Quân Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, dưới quyền có 2 Sư Đoàn: Sư Đoàn 106 Biệt Động Quân do Đại tá Nguyễn Văn Lộc chỉ huy trách nhiệm bảo vệ Biệt Khu Thủ Đô. Bộ Tư Lệnh Hành Quân và Pháo Binh cơ hữu đặt tại trường đua Phú Thọ. Vào thời điểm nầy, tổ chức của mỗi Sư Đoàn Biệt Động Quân gồm 3 Liên Đoàn, mỗi Liên Đoàn ngoài 3 Tiểu đoàn tác chiến và 1 Đại đội Trinh Sát, còn có một Pháo đội (6 khẩu) 105 ly cơ hữu. Sư Đoàn thứ hai là Sư Đoàn 101 Biệt Động Quân do Đại tá Nguyễn Thành Chuẩn chỉ huy, nhiệm vụ tổng trừ bị, án ngữ phía Bắc Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung. Sư Đoàn thứ 3 đang hình thành mới được hai Liên Đoàn đóng tại căn cứ Long Bình.

Phạm Huy Sảnh: Tinh thần quân sĩ Biệt Động Quân lúc đó ra sao?

Thiếu tướng Đỗ Kế Giai: Trong suốt nhiều tuần lễ trước 30-4-1975 tôi liên tục đi thăm các đơn vị trực thuộc. Tại mọi nơi tôi đều ra lệnh lực lượng Biệt Động Quân tử thủ bảo vệ Sài Gòn theo lệnh của cấp trên. Tinh thần chiến đấu của anh em Biệt Động Quân rất cao, cũng như đạn dược và tiếp vận đầy đủ. Sau ngày ông Thiệu và ông Khiêm rời khỏi nước cùng với việc người Mỹ di tản nhân viên Việt Nam của họ và gia đình khỏi Sài Gòn thì tình hình tại Thủ Đô lúc này trở nên xáo trộn. Dân chúng, cán bộ chính quyền hoang mang sợ hãi, những tin tức thất thiệt bất lợi cho VNCH ảnh hưởng tai hại đến số quân nhân và gia đình tại Sài Gòn. Trước hoàn cảnh bi đát đó, cảm thông những lo âu của thuộc cấp, tôi cho lệnh tập họp các quân nhân mọi cấp tại Bộ Tư Lệnh Biệt Động Quân, lúc đó đóng tại Sài Gòn và ra lệnh: (nguyên văn) "Trên cương vị là Tư lệnh Biệt Động Quân, tôi tuyệt đối tuân hành lệnh của thượng cấp nghĩa là Biệt Động Quân chúng ta quyết tâm bảo vệ Thủ Đô và dân chúng Sài Gòn. Tuy nhiên vì tình hình ở ngoài dân chúng quá sợ hãi, ảnh hưởng đến

gia đình quân nhân, trước tình huống này ai muốn đi (đi Mỹ) và đi được thì cứ đi, nhưng nhớ rằng tôi không thể ra lệnh cho các anh bỏ đơn vị. Tôi chấp nhận làm ngơ coi như không biết những quân nhân và gia đình muốn rời khỏi VN." Sau lệnh đó, tại Bộ Tư Lệnh Biệt Động Quân chỉ có 1 sĩ quan là Thiếu tá Tạ Thái Hòa, Chánh Văn Phòng của tôi đem gia đình đi Mỹ, còn tất cả quý vị khác từ Tư Lệnh Phó, Tham Mưu Trưởng đến các Trưởng Phòng đều ở lại cho đến ngày 1-5-1975, bàn giao cho phía bên kia. (Nhân chứng: Trung tá Hoàng Ngọc Liên, Trương Khối Chiến Tranh Chính Trị, và Thiếu tá Tạ Thái Hòa hiện đang ở Hoa Kỳ).

Phạm Huy Sảnh: Xin cho biết về sự liên lạc giữa Biệt Động Quân và Bộ Tổng Tham Mưu hay ở cấp cao hơn mà Thiếu tướng gọi là "thượng cấp" ?

Thiếu tướng Đỗ Kế Giai: Tại Bộ Tổng Tham Mưu, Trung tướng Vĩnh Lộc là Tổng Tham Mưu Trưởng trong những ngày cuối, hàng ngày tôi vẫn vào Bộ Tổng Tham Mưu gặp Trung tướng Vĩnh Lộc để thảo luận về tình hình và nhận lệnh. Trước ngày 30-4, có một bữa tôi gặp Đại tá Trần Văn Thăng, nguyên Cục Trưởng Cục An Ninh Quân Đội. Ông hỏi tôi: "Tình hình nầy, Thiếu tướng đi hay ở?" Tôi trả lời: "Đi đâu? Tôi ở lại chiến đấu với anh em chứ!"

Sáng ngày 30-4, tôi đến Bộ Tổng Tham Mưu lại gặp Đại tá Trần Văn Thăng đang đứng trước cổng, tổ chức bố phòng. Tôi dừng xe lại hỏi: "Đại tá Thăng đang làm gì đây?" Ông cho biết ông trách nhiệm phòng thủ bảo vệ Bộ Tổng Tham Mưu. Ông nói: "Tôi có lực lượng Lôi Hổ. Hôm trước tôi nghe Thiếu tướng sẽ ở lại chiến đấu với anh em, thú thật tôi không tin nhưng hôm nay còn gặp Thiếu tướng tại đây, tôi mới tin!" Tạm biệt Đại tá Thăng, tôi vào gặp Trung tướng Vĩnh Lộc. Tôi thấy ông đang trò chuyện với Trung tướng Trần Văn Trung ở cầu thang. Tôi hỏi ông có lệnh gì cho Biệt Động Quân không? Ông trả lời: "Không có gì mới cả, anh về lo đơn vị đi!" Trên đường về đơn vị, tôi đi một vòng quan sát tình hình thành phố Sài Gòn. Về đến Bộ Tư Lệnh Biệt Động Quân vào lúc 10 giờ sáng. Khoảng 10 phút sau, Sĩ quan Tuỳ Viên báo có điện thoại của ông Vũ Văn Mẫu. Ông Mẫu bảo tôi mở radio nghe Trung tướng Dương Văn Minh nói chuyện. Tôi mở máy. Lời hiệu triệu của ông Minh dài. Tóm tắt, tôi chỉ nhớ 3 điều liên hệ đến tôi và Biệt Động Quân.

1- Các đơn vị ở đâu ở đó.
2- Buông súng.
3- Chờ phía bên kia đến để bàn giao.

Độ 10 phút sau, lại có điện thoại của Thiếu tướng Nguyễn Hữu Hạnh từ Dinh Độc Lập. Ông Hạnh nói Tổng Thống nhắc lại: Lệnh của Tổng Thống là các đơn vị ở đâu ở đó, buông súng không chiến đấu và đợi phía "cách mạng" đến để bàn giao. Tôi dằn giọng trả lời: "Tôi biết" và cúp máy!

Khoảng 1 giờ sau, tôi lại được báo điện thoại của ông Vũ Văn Mẫu gọi. Trên đầu giây, ông Mẫu bảo tôi là lệnh của Tổng thống, tôi lên ngay Bộ Tổng Tham Mưu thay thế Trung tướng Vĩnh Lộc để bàn giao cho phía bên kia. Tôi trả lời ông Mẫu, tôi không thi hành lệnh này và nhờ ông Mẫu trình với Tướng Dương Văn Minh, đây là lần đầu tiên tôi không thi hành lệnh của thượng cấp! Và nếu tôi biết trước rằng quý vị sẽ hành động như ngày hôm nay mà quý vị vừa ra lệnh cho tôi thì ... (!!!!) Ông tiếp, tuy nhân chứng Vũ Văn Mẫu đã qua đời nhưng còn các sĩ quan khác của tôi đang có mặt tại Hoa Kỳ đã chứng kiến cuộc điện đàm của tôi và ông Mẫu vào hôm 30-4-1975 lúc 12giờ 30.

Phạm Huy Sảnh: Trong bữa cơm họp mặt các chiến hữu tại Seattle, tôi có dịp tiếp xúc với cựu Đại uý Lê Văn Khởi nguyên Tiểu Đoàn Phó Tiểu Đoàn 42 Biệt Động Quân từ Pleiku rút về Dục Mỹ rồi trạm chót là căn cứ Long Bình để bổ sung quân số. Anh cho biết vào ngày 26 hay 27-4-1975, Thiếu tướng có lên thăm đơn vị anh tại Long Bình. Trước hàng quân, Thiếu tướng đã ra lệnh Biệt Động Quân sẽ ở lại tử thủ bảo vệ

Thủ Đô. Cựu Đại úy Khởi thắc mắc rằng khi thi hành lệnh đó, Thiếu tướng có biết rằng ông Dương Văn Minh sẽ đầu hàng Cộng Sản Bắc Việt?

Thiếu tướng Đỗ Kế Giai: Như đã nói ở phần trên về việc tôi ra lệnh lực lượng Biệt Động Quân tử thủ bảo vệ Thủ Đô, tôi xác nhận là đúng. Tôi không hề hay biết trực tiếp hay gián tiếp rằng ông Dương Văn Minh sẽ đầu hàng Cộng Sản cho đến khi ông ta đọc lệnh trên đài phát thanh vào sáng ngày 30-4-1975. Tôi là một sĩ quan gốc nhảy dù, một tướng lãnh. Truyền thống của Quân Lực là thi hành lệnh tuyệt đối. Trong tinh thần đó, tôi ra lệnh cho Biệt Động Quân phải tử thủ để chu toàn trách nhiệm. Riêng cá nhân tôi cùng các vị Tư Lệnh Sư Đoàn 106, Sư Đoàn 101, các Liên Đoàn Trưởng, các cán bộ chỉ huy, các đơn vị tác chiến cũng như những sĩ quan trong Bộ Tư Lệnh Biệt Động Quân đều đã ở lại cho đến phút chót. Những điều tôi yêu cầu các chiến hữu Biệt Động Quân phải làm, cá nhân tôi cũng thực thi đúng như vậy. Cho nên sau này gặp lại các đồng đội trong trại tù Cộng Sản tôi không hổ thẹn với lương tâm.

Phạm Huy Sảnh: Thiếu tướng trình diện hay bị Cộng Sản đến nhà bắt và kể từ lúc nào?

Thiếu tướng Đỗ Kế Giai: Sáng ngày 1-5-1975, sau khi bàn giao Biệt Động Quân cho cộng sản xong, tôi vào phòng riêng thay quần áo dân sự, đang tính đi bộ về nhà thì họ nói để họ lấy xe đưa về. Ngày 15-5-1975, đột nhiên CS đem xe đến nhà mời tôi đi đến Quận 11 rồi sau đó chở thẳng vào khám Chí Hòa. Tôi chính thức bị nhốt từ ngày đó cho đến ngày 5-5-1992 được thả ra, thiếu 10 ngày thì đủ 17 năm tức là 6095 ngày tôi ở tù Cộng Sản.

Phạm Huy Sảnh: Là một tướng lãnh, đương nhiên Thiếu tướng có những liên hệ mật thiết với các giới chức Hoa Kỳ tại Sài Gòn khi đó, vậy có giới chức Hoa Kỳ nào tiếp xúc đề nghị Thiếu tướng rời khỏi VN?

Thiếu tướng Đỗ Kế Giai: Có, Tướng Times của Tòa Đại sứ Hoa Kỳ, liên tiếp vào các ngày 28 và 29 tháng 4-1975 đến gặp tôi và hỏi nếu tôi và gia đình muốn đi Mỹ, ông ta sẵn sàng giúp đỡ lo liệu. Cả hai lần tôi đều cám ơn Tướng Times và từ khước đề nghị đó. Nại cớ tôi còn trách nhiệm, tôi còn quân sĩ, tôi không thể ra đi trong hoàn cảnh nầy được. Tướng Times hiện còn sống tại Hoa Kỳ, anh có thể phối kiểm điều đó.

Phạm Huy Sảnh: Hôm nay, cảm nghĩ của Thiếu tướng về những ngày tháng cũ?

Thiếu tướng Đỗ Kế Giai: Bởi những lý do trên, tôi tự nhận đã làm tròn bổn phận, trách nhiệm của một Tướng Lãnh đối với đồng đội, với Tổ Quốc khi tại ngũ. Và suốt gần 17 năm tù đày, trước mặt kẻ thù trong mọi hoàn cảnh tôi luôn cố gắng gìn giữ tác phong để bảo vệ Danh Dự của Quân Lực. - Đối với người Cộng Sản dù họ không thích tôi nhưng họ không thể khinh tôi! Những người Cộng Sản bắt giữ tôi vẫn còn đó.

Phạm Huy Sảnh: Có phải Thiếu tướng là một trong những tướng lãnh được Cộng Sản thả vào đợt cuối cùng?

Thiếu tướng Đỗ Kế Giai: Đúng. Trong đợt chót, chúng tôi gồm 4 người còn lại tôi, Đỗ Kế Giai, Thiếu tướng Trần Bá Di, Thiếu tướng Lê Văn Thân, Thiếu tướng Lê Minh Đảo. Thật ra đây là 100 người chót CSVN không muốn thả ra vì chúng chủ trương nhốt cho đến chết. Chúng tôi không hy vọng gì được về vào thời điểm đó. Nhưng cũng nhờ sự tranh đấu, đòi hỏi của quý chiến hữu, đoàn thể chính trị, đồng hương tại hải ngoại đã tạo thành áp lực để CSVN phải thả gấp rút hơn. Tuy nhiên việc thả 100 người vừa kể, CS cũng chia làm 8 đợt và 4 người chúng tôi là đợt cuối cùng. Tôi còn nhớ, hôm đó tại trại Hàm Tân, cán bộ nhà tù nói quý vị chuẩn bị chuyển trại, 30 phút nữa sẽ đi. Nhưng sau đó họ cho biết là 4 người chúng tôi sẽ được thả về và xe sẽ đến đưa từng người về nhà. Trong lúc đợi

xe đến, anh em bàn với nhau, đề nghị tôi lớn tuổi nhất sẽ được đưa về trước, kế đến là Thiếu tướng Trần Bá Di, Thiếu tướng Lê Văn Thân, chót hết là Thiếu tướng Lê Minh Đảo là người nhỏ tuổi nhất. Anh em đồng ý. Nhưng khi xe của Cộng Sản đưa về thì họ lại làm ngược lại, có nghĩa là họ đưa tướng Đảo về trước, cuối cùng là tôi.

Thiếu Tướng Trần Bá Di tại BTLSĐ9BB SaDec (1970)

Phạm Huy Sảnh: Thiếu tướng và gia đình đến Mỹ năm nào?

Thiếu tướng Đỗ Kế Giai: Tôi và nhà tôi cùng 6 cháu đến Mỹ ngày 26-10-1993, hiện định cư tại thành phố Garland, Texas.

Phạm Huy Sảnh: Thiếu tướng nghĩ thế nào về những người đi trước?

Thiếu tướng Đỗ Kế Giai: Tôi quyết định ở lại vì tôi cho là hành động như vậy là đúng. Nhưng không phải vì vậy mà tôi công kích những người ra đi năm 1975. Bởi vì trường hợp mất Nam Việt Nam thật đặc biệt, không thể qui trách cho những người cầm súng giữ nước. Các Đơn Vị Quân Đội vẫn hiên ngang chiến đấu, chúng ta không hề bỏ chạy trước Cộng Quân. Quân Đội phải buông súng vì lệnh đầu hàng của ông Dương Văn Minh. Do đó, nếu quí vị có ở lại thì trước sau cũng vô tù Cộng Sản như tụi tôi. Hơn nữa nhờ có một số chiến hữu thoát được ra hải ngoại nên về mặt chính trị mới có cơ hội tranh đấu cho quyền lợi của những người còn kẹt lại. Về mặt kinh tế đi trước xây dựng được cuộc sống ổn định sau này có thể tương trợ lẫn nhau. Bây giờ không nên bàn về vấn đề trước, sau, mà mọi người phải cùng chung lưng gầy dựng một lực lượng vững mạnh cả chính trị và kinh tế nơi thế hệ tương lai của người Việt tại hải ngoại.

Phạm Huy Sảnh: Qua cuộc đối thoại, tôi thấy Thiếu tướng có một trí nhớ đặc biệt. Thiếu tướng có định viết hồi ký?

Thiếu tướng Đỗ Kế Giai: Không! Tôi dứt khoát là không. Vài năm trước đây và ngay bây giờ, có nhiều nhà xuất bản Mỹ và Việt đề nghị tôi viết hồi ký và họ sẽ giúp xuất bản. Tôi trả lời là đối với tôi điều nầy khó quá. Bởi nếu đã viết, thì phải nói hết, nói thật, mọi sự việc mà tôi nghe, tôi biết, tôi thấy. Như vậy e rằng sẽ làm mất lòng nhiều người. Hơn nữa, vấn đề nầy tôi xin bày tỏ quan niệm tôi qua hai câu của người xưa:

BẠI BINH CHI TƯỚNG, BẤT KHẢ NGÔN DŨNG

VONG QUỐC CHI ĐẠI PHU, BẤT KHẢ NGÔN TRÍ.

Phạm Huy Sảnh: Cám ơn Thiếu tướng đã dành gần 3 giờ đồng hồ điện đàm trong ngày đầu năm.

Phạm Huy Sảnh

VẠN VẠN LÝ

(Tưởng nhớ những tù hùng tuẫn tử)

Cung Trầm Tưởng

Ngồi trùm lần bóng tối
Nhìn mây đi lang thang
Mây giăng xám hàng hàng
Trời vào đông ảm đạm

Chấn song đan u ám
Sần sùi nhớp nhúa đen
Ran ran nhạc dế mèn
Nhởn nhơ cười chẫu chuộc

Vỗ vỗ rơi tàn thuốc
Phà khói vào hơi sương
Xa xưa trống lên đường
Tiếng quân hô hào sảng

Nẻo cồn vàng bãi trắng
Sa trường hề sa trường
Tiết tháo quắc đao thương
Chinh nhân ngàn dặm ruổi

Gió lên như địch thổi
Đưa ai qua trường giang
Nay cô liêu bạt ngàn
Tiễn ta vào bất tử

Đau thương là vinh dự
Chân đi hất hồng trần
Anh hùng phải gian truân
Hy sinh là tất yếu
Ngựa phi dòn nước kiệu…

Mưa về gióng lê thê
Nai kêu nguồn đâu đó
Xưa nay tù ngục đỏ
Mấy ai đã trở về

Vỗ vỗ rơi tàn thuốc
Phà khói vào mông lung
Hư vô đẹp não nùng
Nụ hôn đời khốc liệt

Cõi sầu ta tinh khiết
Thép quắc vầng trán cao
Phong sương dệt chiến bào
Với máu xe làm chỉ

Đã đi trăm hùng vĩ
Xông pha lắm đoạn trường
Về làm đá hoa cương
Gửi đời sau tạc tượng

Uống uống nguyên hàm lượng
Sương trong cất đầy vò
Sầu này thước nào đo
Khi đao rơi kiếm gẫy

Gió về lay lau dậy
Sơn khê khói mịt mù
Ngà ngà nhấp thiên thu
Bay…bay…vạn vạn lý
Tráng sĩ hề tráng sĩ!

Cung Trầm Tưởng
Hoàng Liên Sơn, 1977

Tội Ác Thủ Tiêu Mất Tích 165,000 Quân Dân Cán Chính VNCH

Đỗ Ngọc Uyển

Mang Kẻ Phạm Tội Ra Trước Công Lý và Mang Công Lý Tới Nạn Nhân

Trong tháng 4/1975, cộng sản Bắc Việt - với sự yểm trợ và tiếp vận của khối cộng sản quốc tế - đã mở một cuộc tấn công ào ạt bằng quân sự với chiến xa và trọng pháo vượt qua biên giới, chiếm đóng lãnh thổ VNCH một cách phi pháp. Đây là một cuộc xâm lăng của khối Đệ Tam Quốc Tế được uỷ nhiệm cho bọn tay sai Việt Cộng. Theo công pháp quốc tế, VNCH hội đủ tám tiêu chuẩn của một quốc gia độc lập, có chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Do đó, khi xâm lăng VNCH, Việt Cộng đã phạm tội ác xâm lược (the crime of aggression). Đây là một trong bốn nhóm tội ác được dự liệu tại Đạo Luật Rome (The Rome Statute) và thuộc quyền xét xử của Toà Án Hình Sự Quốc Tế (The International Criminal Court, viết tắt là ICC).

Ngày Thứ Hai, 23/7/07, trên trang mạng của tờ The Wall Street Journal, nhà báo James Taranto đã trích dẫn cuộc điều tra quy mô của nhật báo Orange County Register được phổ biến trong năm 2001 về "học tập cải tạo" tại Việt Nam và đã kết luận rằng ngay sau khi xâm chiếm VNCH, cộng sản đã đưa một triệu quân dân cán chính VNCH vào tù vô thời hạn - dưới cái nguỵ danh học tập cải tạo – trong ít nhất là 150 trại tù được thiết lập trong toàn cõi Việt Nam tại những nơi rừng thiêng nước độc với khí hậu khắc nghiệt. Theo Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, đại đa số những người này đã bị giam cầm từ 3 tới 10 năm và có một số người đã bị giam giữ tới 17 năm. Nếu lấy con số trung bình là bảy năm tù cho mỗi người, số năm tù của một triệu người là 7,000,000 năm. Đây là một tội ác hình sự mang tính lịch sử vô tiền khoáng hậu của lũ Việt gian cộng sản mà ngàn đời sau phải ghi nhớ. Cũng theo cuộc điều tra nói trên, cứ mỗi ba gia đình tại Miền Nam, có một gia đình có người phải đi tù cải tạo. Và trong số một triệu người tù kể trên, đã có 165,000 người chết vì bị hành hạ, tra tấn, đánh đập, bỏ đói, lao động kiệt sức, chết vì bệnh không được chữa trị, bị hành quyết… Cho tới nay, hài cốt của 165,000 nạn nhân này vẫn còn bị Việt Cộng chôn giấu trong rừng núi, không trả lại cho gia đình họ. Hiện nay chỉ có Việt Cộng mới biết rõ tên tuổi các nạn nhân cùng nơi chôn giấu hài cốt của họ. Đây là tội ác thủ tiêu mất tích người, một tội ác chống loài người đã và đang diễn ra tại Việt Nam suốt 35 năm nay mà chánh phạm là tên Lê Duẩn… và ba tên đồng phạm hiện nay là Nông Đức Mạnh, Nguyễn Minh Triết và Nguyễn Tấn Dũng.

Điều 7 của Đạo Luật Rome đã định nghĩa tội Thủ Tiêu Mất Tích Người "Enforced Disappearance of Persons" như sau:

Thủ tiêu mất tích người có nghĩa là bắt giữ, giam giữ hay bắt cóc người ta với sự cho phép, sự hỗ trợ hoặc sự chấp thuận của một quốc gia hoặc một tổ chức chính trị, sau đó không nhìn nhận sự tước đoạt tự do của người ta và cũng không thông báo tin tức về số phận hoặc nơi giam giữ với chủ tâm tước đi quyền được luật pháp bảo vệ của những người này trong một thời gian lâu dài. "Enforced disappearance of persons means the arrest, detention or abduction of persons by, or with the authorization, support or acquiescence of a State or a political organization, followed by a refusal to acknowledge that deprivation of freedom or

to give information on the fate or whereabouts of those persons, with the intention of removing them from the protection of the law for a prolonged period of time."

Theo định nghĩa trên đây, Việt Cộng đã phạm tội ác thủ tiêu mất tích người khi chúng lạm danh chính quyền của quốc gia để đưa ra những thông cáo lừa gạt để bắt và giam giữ một cách phi pháp - dưới cái ngụy danh "học tập cải tạo" – và hành hạ cho tới chết bằng những đòn thù của chúng, và tiếp tục chôn giấu hài cốt của 165,000 quân dân cán chính VNCH trong vùng rừng núi với chủ tâm thủ tiêu mất tích. Đây là một tội ác chống loài người (a crime against humanity). Tội ác này thuộc quyền xét xử của Toà Án Hình Sự Quốc Tế.

Ngoài tội ác đối với những người đã chết, cộng sản còn phạm thêm một tội ác chống loài người nữa đối với thân nhân của những người đã chết. Đó là hành động độc ác (inhumane act) với chủ tâm gây đau khổ tinh thần triền miên suốt đời cho thân nhân các nạn nhân. Hãy tự đặt mình vào hoàn cảnh của những người mẹ, người vợ, người con… đã có con, có chồng, có cha…bị giam cầm hành hạ cho tới chết và thân xác bị chôn giấu tại một xó thâm sơn cùng cốc nào đó và tuyệt vô âm tín suốt 35 năm nay mới thấu được nỗi thống khổ trong tâm can họ!
Điều 7 của Đạo Luật Rome đã định nghĩa những hành động độc ác của tội ác chống loài người này như sau:

Những hành động độc ác có cùng một tính cách với chủ tâm gây thống khổ hay thương tích nghiêm trọng cho thân xác hay cho sức khoẻ về thể chất và tinh thần. "Other inhumane acts of a similar character intentionally causing great suffering or serious injury to body or to mental or to physical health."

Theo định nghĩa trên đây, cộng sản đã phạm tội ác chống loài người khi chúng chôn giấu trong rừng sâu 165,000 bộ hài cốt của quân dân cán chính VNCH đã chết dưới đòn thù của chúng với chủ tâm gây thống khổ "intentionally causing great suffering" suốt đời cho thân nhân của họ. Đây là cung cách trả thù phi pháp (extrajudicial retribution) của quân thảo khấu sống ngoài vòng pháp luật. Tội ác này cũng thuộc quyền xét xử của ICC.

Bổn phận của chúng ta, những người tù còn sống sót sau cơn đại hồng thủy là phải cất tiếng nói công chính, nêu rõ tội ác của chúng để mang bọn tội phạm này ra trước công lý và mang công lý đến cho những nạn nhân của chúng. Đây là bổn phận phải làm để trả lại danh dự cho 165,000 quân dân cán chính VNCH đã bị sát hại vì đòn thù của Việt Cộng trong những cái gọi là trại cải tạo và để xoa dịu một phần nỗi đau thương của thân nhân những nạn nhân.

Hai tội ác chống loài người trên đây của Việt Cộng là những tội ác hình sự có tính quốc tế và. được dự liệu tại Đạo Luật Rome. Trước khi đưa bọn tội phạm ra xét xử trước công lý, xin trình bày tóm lược về Đạo Luật Rome của Toà Án Hình Sự Quốc Tế. Đạo Luật Rome của Toà Án Hình Sự Quốc Tế (The Rome Statute of the International Criminal Court)

Sau một thời gian dài cố gắng thành lập một Toà Án Hình Sự Quốc Tế để xét xử và trừng phạt các cá nhân phạm bốn loại tội ác nghiêm trọng được cộng đồng quốc tế đặc biệt quan tâm gồm: 1/ tội ác diệt chủng (the crime of genocide), 2/ tội ác chống nhân loại (crimes against humanity, 3/ tội ác xâm lược (the crime of aggression), 4/ và tội ác chiến tranh (war crimes), cuối cùng thì một hội nghị đã được Liên Hiệp Quốc triệu tập tại Rome, Italy trong thời gian từ ngày 15/6/1989 đến ngày 17/7 /1989 với 160 quốc gia tham dự. Sau năm tuần lễ thảo luận và điều đình căng thẳng, 120 quốc gia đã bỏ phiếu chấp thuận Đạo Luật Rome của Toà Án Hình Sự Quốc Tế cùng với bẩy quốc gia bỏ phiếu chống (Hoa Kỳ, Do Thái, Trung Cộng, Iraq, Qatar…) và 21 quốc gia bỏ phiếu trắng. Đạo Luật Rome gồm có – ngoài Lời Mở Đầu (Preamble) – 13 Phần (Part) với 28 Điều (Article). Các Điều 6, 7 và 8 liệt kê và định

nghĩa các tội ác diệt chủng, tội ác chống nhân loại và tội ác chiến tranh. Các Điều còn lại nói về quyền hạn, tổ chức và điều hành… của Toà Án.

Theo quy định, Đạo Luật Rome sẽ có hiệu lực sau khi được 60 quốc gia phê chuẩn. Senegal là quốc gia phê chuẩn đầu tiên và quốc gia thứ 66 đã phê chuẩn vào ngày 11 tháng 4 năm 2002. Đạo Luật Rome có hiệu lực kể từ ngày 1-7-2002. Toà Án Hình Sự Quốc Tế cũng được mở ra trong năm đó tại The Hague, Netherlands. Hiện nay đã có 110 quốc gia phê chuẩn Đạo Luật Rome và trở thành quốc gia hội viên (State party) của đạo luật này. Quốc hội Hoa Kỳ đã không phê chuẩn đạo luật này, nên Hoa Kỳ không phải là quốc gia hội viên của Đạo Luật Rome.

Toà Án Hình Sự Quốc Tế là một tổ chức quốc tế độc lập, không trực thuộc Liên Hiệp Quốc. Điều này có nghĩa là Toà Án Hình Sự Quốc Tế độc lập về quyền tài phán, xét xử. Kể từ ngày 1-7-2002 trở đi, các quốc gia hội viên của Đạo Luật Rome phải chấp nhận quyền xét xử (jurisdiction) của Toà Án Hình Sự Quốc Tế về những tội ác được dự liệu tại Đạo Luật Rome khi những tội ác đó diễn ra tại các nước hội viên. Công dân của các quốc gia không phải hội viên (non State party) gây tội ác trên lãnh thổ của các quốc gia hội viên cũng phải chịu sự xét xử của Toà Án Hình Sự Quốc Tế.

Công Tố Viên Trưởng của Toà Án Hình Sự Quốc Tế (The ICC's Chief Prosecutor) bắt đầu thụ lý và mở một cuộc điều tra về một vụ án khi nhận được tin tức về tội ác đang diễn ra do các quốc gia hội viên hoặc Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc chuyển tới. Ngoài hai nơi cung cấp tin tức nói trên, Công Tố Viên còn có thể nhận tin tức từ các nguồn cung cấp khác như các cá nhân hay các tổ chức ngoài chính phủ (non-governmental organizations).Khi tội ác diễn ra trên lãnh thổ của một quốc gia không phải hội viên, chỉ có Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc mới có quyền chuyển thông tin về những tội ác đó cho Toà Án Hình Sự Quốc Tế để thụ lý. Đây là trường hợp đã được áp dụng đối với Sudan, một quốc gia không phải hội viên. Bằng Nghị Quyết số 1593 năm 2005, Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc đã chuyển tới Toà Án Hình Sự Quốc Tế tình trạng tội ác đã và đang diễn ra tại Darfur. Phòng công tố đã mở các cuộc điều tra, và ngày 14-7-2008, Toà Án đã ban hành trát bắt giữ Ahmad Muhammed Harun (Ahmed Haroun), Bộ Trưởng Nội Vụ của Sudan và Ali Muhammed Ali Abd-Al-Rahman (a.k.a Ali Kushayb), một tư lệnh dân sự. Hai người này bị quy trách nhiệm về các tội ác chống nhân loại và tội ác chiến tranh đã và đang diễn ra tại Darfur. Chính quyền Sudan đã từ chối bắt giữ và giải giao hai nhân vật nói trên cho Toà Án Hình Sự Quốc Tế.

Ngày 14-7-2008, Công Tố Viên Luis Mereno-Ocampo đã trình bày những chứng cứ chứng minh rằng Tổng Thống Sudan phải chịu trách nhiệm về các tội ác diệt chủng, tội ác chiến tranh và tội ác chống nhân loại đã và đang diễn ra tại Darfur. Ngày 4-3-2009, Toà Án Hình Sự Quốc Tế đã ban hành trát bắt giữ Tổng Thống Omar Hassan Al-Bashir của Sudan để trả lời trước công lý về năm tội ác chống nhân loại được dự liệu tại Điều 7 của Đạo Luật Rome: 1/ Tội giết người (Murder), 2/ Tội huỷ diệt chủng tộc (Extermination), 3/ Tội cưỡng bức chuyển vùng cư trú (Forcible transfer), 4/ Tội hành hạ (Torture), 5/ Tội hiếp dâm (Rape), và hai tội ác chiến tranh được dự liệu tại Điều 8 của Đạo Luật Rome: 1/ Tội cướp bóc (Pillaging), 2/ Tội trực tiếp tấn công có chủ tâm vào cư dân hay những cá nhân không đứng vào phe nào trong cuộc tranh chấp thù địch.

Cùng với việc ban hành trát bắt giữ Tổng Thống Bashir, Toà Án Hình Sự Quốc Tế cũng gửi một công văn yêu cầu nhà cầm quyền Sudan giải giao Tổng Thống Bashir cho Toà Án. Theo Nghị Quyết số 1593 năm 2005 của Hội Đồng Bảo An LHQ đã nói ở trên, chính quyền Sudan có bổn phận phải hợp tác với Toà Án. Tuy nhiên, không có hy vọng chính quyền Sudan sẽ bắt và giải giao Tổng Thống Sudan cho Toà Án. Chính quyền này đã nhiều lần

tuyên bố rằng họ không nhìn nhận thẩm quyền của Toà Án Hình Sự Quốc Tế.

Nếu Tổng Thống Bashir không ra trình diện hoặc chính quyền Sudan không giải giao ông này cho Toà Án Hình Sự Quốc Tế, ông ta sẽ bị coi như một kẻ đang đào tẩu, trốn tránh công lý (a fugitive from justice). Và kể từ nay, khi nào ông Bashir bước chân ra khỏi Sudan, đến một quốc gia hội viên của Đạo Luật Rome và ngay cả những quốc gia không phải hội viên nhưng sẵn sàng hợp tác với Toà Án, ông ta sẽ bị bắt và giải giao cho Toà Án để trả lời trước công lý về những tội ác mà ông ta phải chịu trách nhiệm. Một điều quan trọng cần ghi nhận rằng lệnh bắt giữ để đưa ra toà án xét xử một tổng thống đang tại chức vì những tội ác chống nhân loại, tội ác chiến tranh…là hồi chuông cảnh báo nghiêm khắc cho những kẻ cầm quyền đang phạm những tội ác chống nhân loại có tổ chức quy mô tại Việt Nam như những tên Nông Đức Mạnh, Nguyễn Minh Triết và Nguyễn Tấn Dũng rằng chúng sẽ phải đối diện với công lý bất kể quyền lực và cương vị của chúng.

Tội ác thủ tiêu mất tích 165,000 quân dân cán chính VNCH đã hiển nhiên không thể chối cãi. Ngoại trừ một số rất ít hài cốt của họ đã được thân nhân tìm cách chạy chọt cải táng, tuyệt đại đa số 165,000 bộ hài cốt còn lại đã và đang bị cộng sản chôn giấu để thủ tiêu với chủ tâm trả thù. Chánh phạm của tội ác chống loài người này là tên Lê Duẩn và các thủ phạm tiếp theo là những tên Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Lê Khả Phiêu, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt, Phan Văn Khải…và ba tên tòng phạm hiện nay là Nông Đức Mạnh, Nguyễn Minh Triết và Nguyễn Tấn Dũng. Ngoại trừ những tên đã chết, tất cả những tên còn sống - sớm hay muộn - sẽ phải ra trước vành móng ngựa để trả lời về những tội ác giam cầm phi pháp và thủ tiêu mất tích 165,000 quân dân cán chính VNCH và nhiều tội ác khác mà chúng đã phạm đối với dân tộc Việt Nam trong suốt thời gian kể từ khi chúng cướp được chính quyền bằng khủng bố từ ngày 19/8/1945. Đảng cộng sản VN, một chi bộ của Đệ Tam Quốc Tế, là một tổ chức tội ác tay sai có tính quốc tế. Sớm hay muộn, tội ác phải bị trừng phạt.

Ngụy quyền Việt Cộng không ký và phê chuẩn Đạo Luật Rome, nên cộng đồng người Việt hải ngoại không thể trực tiếp chuyển các tội ác chống nhân loại của chúng cho Công Tố Viên của Toà Án Hình Sự Quốc Tế để thụ lý. Tuy nhiên, chúng ta có thể tố cáo tội ác của chúng đến Uỷ Ban Nhân Quyền LHQ (United Nations Human Rights Council) để yêu cầu uỷ ban này mở cuộc điều tra về tội ác thủ tiêu mất tích 165,000 quân dân cán chính VNCH và chuyển thông tin về những tội ác này cho Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc để chuyển tiếp tới Toà Án Sự Hình Sự Quốc Tế để thụ lý. Sự kiện này đã có tiền lệ và chúng ta có thể áp dụng.

Trước dư luận quan tâm đặc biệt của cộng đồng quốc tế về tội ác trong cuộc chiến tại Gaza, ngày 3-4-09, Uỷ Ban Nhân Quyền LHQ đã mở một cuộc điều tra về tội ác chiến tranh đã diễn ra tại dải Gaza trong cuộc chiến 22 ngày từ 27-12- 2008 tới 18-1- 2009. Toán điều tra gồm bốn chuyên viên cầm đầu bởi Thẩm Phán Richard Goldstone. Sau năm tháng điều tra, ngày 29-9-2009, Thẩm Phán Richard Goldstone đã trình cho Uỷ Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc tại Geneva báo cáo kết quả điều tra gồm 575 trang và kết luận rằng cả Do Thái và Palestine cùng phạm tội ác chiến tranh mang tính chất tội ác chống loài người. Báo cáo yêu cầu Hội Đồng Bảo An LHQ đòi hỏi cả hai bên trong cuộc chiến - trong thời hạn sáu tháng - phải điều tra và xét xử những kẻ phạm tội. Nếu hai phe không thi hành, tội ác sẽ được chuyển cho Toà Án Hình Sự Quốc Tế để thụ lý.

Ngoài sự kiện kể trên, sau đây là hai trường hợp điển hình về pháp lý quốc tế mà người Việt hải ngoại có thể áp dụng đối với những tên đầu sỏ Việt Cộng khi chúng ra khỏi nước.

Ngày 14/12/09, trang mạng của báo Guadian.co.uk đã đưa tin về việc Ông Moshe Yaalon, Phó Thủ Tướng Do Thái, đã quyết định không đến tham dự một buổi lễ gây quỹ tại

Luân Đôn trong tháng 11/09, sau khi được cảnh báo rằng ông ta có thể bị bắt giữ vì bị cho là đã phạm tội ác chiến tranh tại Gaza. Quyết định của ông ta được đưa ra trong Tháng 10/09, một tuần lễ sau khi các luật sư của 16 người Palestine đã không thành công trong việc vận động một toà án tại Anh ban hành trát bắt giữ Ông Ehud Barak, Bộ Trưởng Quốc Phòng Do Thái, khi ông này viếng thăm Anh vì bị cho là đã phạm tội ác chiến tranh tại Gaza.

Cũng nguồn tin nói trên cho biết ngày Thứ Bẩy 12/12/09, một toà án tại Luân Đôn đã ban hành trát bắt giữ Bà Tzipi Livni, cựu Bộ Trưởng Ngoại Giao Do Thái, cũng bị cho là đã phạm tội ác chiến tranh tại Gaza. Lệnh bắt giữ này đã được hủy bỏ vào ngày Thứ Hai 14/12/09 sau khi được biết Bà Tzipi Livni đã hủy bỏ, không tham dự một buổi hội họp tại Luân Đôn vào ngày Chủ Nhật 13/12/09. Toà án đã ban hành trát bắt giữ Bà Tzipi Livni chiếu theo yêu cầu của các luật sư đại diện cho các nạn nhân người Palestine trong cuộc chiến tại Gaza. Bà Tzipi
Livni là thành viên của nội các chiến tranh và bộ trưởng ngoại giao của Do Thái khi diễn ra cuộc tấn công vào dải Gaza vào cuối năm 2008.

Khi những người Palestine vận động một toà án của Anh quốc ban hành trát bắt giam Ông Bộ Trưởng Quốc Phòng và Bà cựu Bộ Trưởng Ngoại Giao Do Thái khi hai người này đến Anh quốc, họ đã dựa trên nguyên tắc pháp lý quốc tế về quyền xét xử phổ biến "universal jurisdiction or universality principle." Quyền này dựa trên lập luận rằng tội ác đã phạm được coi như một tội ác chống lại tất cả "a crime against all" và bất cứ quốc gia nào cũng có quyền trừng phạt. Do đó, những nạn nhân và cũng là thân nhân của những người đã bị Việt Cộng thủ tiêu mất tích cũng có thể vận động để áp dụng nguyên tắc pháp lý quốc tế này đối với những tên Nông Đức Mạnh, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Tấn Dũng… khi chúng bước chân ra khỏi nước và đến những quốc gia có áp dụng nguyên tắc pháp lý quốc tế về quyền xét xử phổ biến.

Tổng Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị Việt Nam là tổ chức chính danh nhất đại diện cho cộng đồng người Việt hải ngoại để yêu cầu Uỷ Ban Nhân Quyền LHQ điều tra về tội ác thủ tiêu mất tích 165,000 quân dân cán chính VNCH. Nếu Việt Cộng từ chối không cho Uỷ Ban Nhân Quyền LHQ vào Việt Nam để mở cuộc điều tra này, điều đó chứng tỏ rằng chúng tìm cách chốn tránh tội ác của chúng.

Nếu chúng ta vận động mà LHQ - một tổ chức giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành Toà Án Hình Sự Quốc Tế - vì một lý do nào đó, không chuyển những tội ác chống loài người của Việt Cộng cho Toà Án Hình Sự Quốc Tế để thụ lý, chúng ta vẫn còn cách đưa bọn tội phạm này ra trước công lý. Sớm hay muộn, chế độ cộng sản vô tổ quốc, phi dân tộc sẽ bị huỷ diệt. Chính những tên đầu sỏ đang tiếm quyền trong nước cũng đang thú nhận rằng chế độ của chúng đang tự diễn biến, đang tự chuyển hoá để tự huỷ diệt…Ngày đó không còn xa và một chính quyền chính thống của toàn dân Việt Nam sẽ hợp tác với LHQ để tổ chức một toà án hình sự đặc biệt có tính quốc tế như Toà Án Đặc Biệt tại Cam Bốt có tên Anh ngữ là Extraordinary Chamber in the Courts of Cambodia (viết tắt là ECCC) đang xét xử bọn tội phạm cộng sản Khờ Me Đỏ tại Nam Vang vì các tội ác chống loài người, tội ác chiến tranh và tội ác diệt chủng. Đây là một tiền lệ sẽ được thực thi tại Việt Nam sau này để xét xử những tên chánh phạm Việt Cộng đã phạm bốn nhóm tội ác có tính quốc tế được dự liệu tại Đạo Luật Rome trong suốt những năm tiếm quyền của chúng. Mang Việt Cộng, bọn tội phạm có tính quốc tế, ra trước công lý và mang công lý tới các nạn nhân của chúng là điều cần thiết bởi vì công lý là một thành tố không thể thiếu trong tiến trình hoà giải dân tộc. "Justice is an indispensable ingredient of the process of national reconciliation." Dân tộc Việt Nam đã bị phân hoá và chia rẽ, xã hội Việt Nam đã bị băng hoại trầm trọng bởi những di sản độc hại mà chế độ phi nhân cộng sản đã để lại cho dân tộc suốt 80 năm nay kể từ khi Hồ Chí Minh lén lút du nhập cái chủ nghĩa cộng sản vào Việt Nam. Mang bọn tội phạm này ra trước

công lý là để mang lại hoà bình cho xã hội. "Justice and peace go hand in hand." Sau hết, mang bọn tội phạm Việt Cộng ra trước công lý là một bài học cho các thế hệ tương lai để tránh những vết xe đổ của lịch sử.

Đi Vào Bất Tử: 165,000 quân dân cán chính VNCH đã chết dưới đòn thù của cộng sản trong các trại tù cải tạo phải được tôn vinh là những người đã hy sinh vì chính nghĩa quốc gia dân tộc. Tổ quốc sẽ ghi ơn họ như đã ghi ơn những người chiến sĩ QLVNCH đã chiến đấu và hy sinh ngoài mặt trận để bảo vệ quê hương. Về phương diện tâm linh, tôi không tin rằng những người này đã chết mà chỉ tan mờ đi như hình ảnh những người lính trong cái điệp khúc của khúc ballad nổi tiếng một thời mà Đại Tướng Douglas MacArthur đã nhắc đến trong phần cuối của bài diễn văn từ biệt đọc tại Lưỡng Viện Quốc Hội Hoa Kỳ ngày 19-4-1951. Xin ghi lại nguyên văn và không chuyển ngữ:
"Old soldiers never die; they just faded away."

Cũng xin ghi lại đây và không chuyển ngữ câu kết của bài diễn văn từ biệt nổi tiếng đã đi vào lịch sử của Đại Tướng MacArthur để những người lính chúng ta chiêm nghiệm.

"And like the old soldier of that ballad, I now close my military career and just fade away, a soldier who tried to do his duty as God gave him the light to see that duty."

"Good bye,"

Đây cũng chính là hình ảnh của những chiến binh QLVNCH, những người đã đi chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc dưới ánh hào quang dẫn đường của Tổ Tiên Lạc Việt và đi vào bất tử.
Và những hình ảnh hiên ngang đi vào bất tử của người chiến binh QLVNCH khi bị sa cơ trong tay quân thù cũng đã được nhà thơ Cung Trầm Tưởng ghi lại trong bài hành Vạn Vạn Lý được viết tại một trại tù trong vùng rừng núi Hoàng Liên Sơn vào năm 1977.

Trong khi viết bài này, tôi luôn luôn nghĩ đến những người bạn tù đã chết vì đòn thù của cộng sản trong đó có anh bạn tại trại 6, liên trại 2 tại Hoàng Liên Sơn. Chúng tôi cùng thuộc đội "lao động nặng." Anh nằm cách tôi một người bạn. Vào một tháng cuối năm 1977, cả đội tù chúng tôi khoảng 50 người phải đi phát quang một khu đồi rộng 300 mẫu để trồng khoai mì. Khu đồi này cách trại giam khoảng 15km đường rừng. Ban ngày đi làm khổ sai; đêm đông về, đói và lạnh, chúng tôi phải ngủ trong những túp lều trống gió, mái che bằng những tấm nylon cá nhân, dựng tại chân đồi. Tuy là lính nhưng dáng người anh nho nhã. Trong đầu anh chứa cả một bộ từ điển bách khoa. Năm đó anh chừng 45 tuổi. Sau hai tháng khổ sai tại khu đồi 300, trở lại trại tù ít ngày thì anh chết vì suy dinh dưỡng và kiệt sức nhưng tinh thần anh luôn luôn vững mạnh. Giờ này, thân xác anh có thể còn đang bị cộng sản chôn giấu tại một góc rừng nào đó trong vùng Hoàng Liên Sơn trong nỗi đau khôn nguôi của vợ con anh. Tên anh là Đặng Vũ Ruyến, Trung Tá, Chánh Sở Địa Hình tại Đà Lạt.

Kể từ ngày đó đến nay đã hơn 30 năm, mỗi khi nhớ đến Anh, tôi vẫn không tin là Anh đã chết mà Anh đang bay…bay vào Vạn Vạn Lý, và…fade away…vào nơi bất tử.

Đỗ Ngọc Uyển
(Khoá 4 Thủ Đức)
Tháng 1 năm 2010
SanJose, California

Tài liệu tham khảo:
http://untreaty.un.org/cod/icc/statute/99_corr/2.htm, The Rome Statute of the ICC
http://www.geocities.com/cabvoltaire.geo/MacAthure, Douglas MacAthur's Farwell Speech to Congress.

Hoa Mai Vàng Ngày Tết

Dương Hà

Trước tháng Tư Đen 1975, dân chúng miền Nam Việt Nam đón Xuân rộn ràng qua những cành mai nở vàng rực rỡ, rất nhiều nhà có trồng một vài cây mai ngay bên lối ra vào hay trong sân nhà. Người miền Nam quý bông mai lắm vì từ ngàn xưa người ta vẫn cho rằng hoa Mai đã đem đến nhiều may mắn nên được xếp vào loại hoa quý nhất trong hàng nhiều thứ hoa, nó nở rộ vào dịp Xuân về Tết đến, mà lại nở đúng vào ngày mà người chủ đã ước định, miễn là gia chủ khéo căn khi lặt lá trước thời gian, hoặc biết kích thích cho hoa nở đúng hạn kỳ. Trong nhiều bức tranh cổ xưa vẫn còn còn lưu truyền cho đến ngày nay thì bức tranh Tứ Bình, đã vẽ bốn loại hoa quý là Mai, Lan, Cúc, Trúc. Ngoài ra còn lưu truyền bức tranh tứ thời, cũng vẽ bốn loại hoa cảnh nổi tiếng nữa là Tùng, Cúc, Trúc, Mai hay Lan, Sen, Cúc, Mai. Tựu chung thì dù người ta ở thời đại nào, dù có thay đổi quan niệm việc thưởng ngoạn, có những năm tiết trời trở lạnh thì chúng ta vẫn thấy có sự hiện diện của hoa Mai:

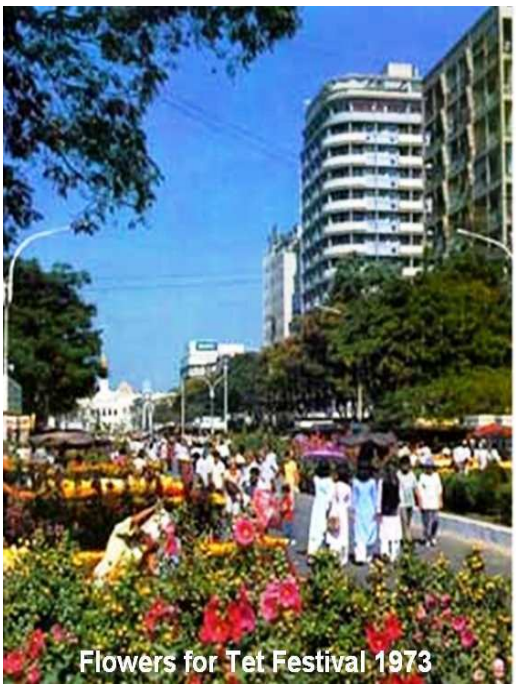

Hoa mai năm cánh giữa mùa đông
Bừng ngát hương thơm thắm mộng lòng
Trong tôi bỗng nở mai vàng thắm
Một đóa hoa lòng thơm ngát trong.
(Mai Vàng Nở Giữa Mùa Đông- Nguyễn Thị Tê Hát)

hay:
Đua chen thu cúc, xuân đào
Lựu phun lửa hạ, mai chào gió đông
(Bích Câu kỳ ngộ)

Như đã nói ở trên, trước 30-4-1975 (mà ta thường gọi là tháng Tư Đen -75), miền Nam Việt Nam chưa bị nạn Cộng sản nhuộm đỏ thì nơi đây có rất nhiều hoa Mai, tại miền Trung có hoa Mai nhiều nhất là hai tỉnh Quảng Nam và Bình Thuận. Riêng tại thủ đô Sài Gòn vào những ngày sắp Tết nguyên đán thì những cây Mai hoặc cành Mai từ khắp các tỉnh miền lục tỉnh, nhiều nhất là từ Sa Đéc, và các tỉnh miền Trung như Đà Lạt, Lâm Đồng đổ vào Sài Gòn hàng trăm loại hoa, đáng kể nhất là hoa Mai vàng rực rỡ.

Giữa muôn hoa bày tại chợ hoa Nguyễn Huệ như hoa hồng, lay-ơn, hoa cúc v.v. khoe hương sắc, nhưng người ta vẫn nườm nượp ùa tới những gian hàng bán Hoa Mai, để tha hồ mà nhìn ngắm rồi so sánh để lựa chọn những cành mai vàng năm cánh mỏng như lụa, hay những cây Mai trồng trong chậu nở hoa vàng đang rung rung nhẹ trước cơn gió. Hoa Mai chính là bạn lâu đời nhất của dân Miền Nam, quanh năm sống gần gũi trước ngõ hay sau vườn. Mai còn sống heo hút trong rừng sâu núi thẳm, mà hy vọng của nó thì chỉ có những ngày Xuân về Tết đến thì mới được hiện diện vui Xuân nơi chốn thị thành vui với mọi nhà. Hoa mai thường chỉ có năm cánh.

Nhưng ngày nay theo phương pháp lai cành chiết giống nên người ta đã tạo ra được rất nhiều loại giống mai mới, có loại người ta tạo cho Hoa Mai nở tới mười cánh, có loại hoa mai tới hai mươi cánh với các màu sắc loè loẹt sặc sỡ đủ màu như trắng, vàng hoặc có tay chơi đã ghép đủ màu sặc sỡ nên nhiều khi trở nên lố bịch kịch cỡm. Đây là sản phẩm tự chế của những kẻ ở cái xã hội chủ nghĩa việt cộng, câu tục ngữ ‘’ở bầu thì tròn, ở ống thì dài’’ cho nên những kẻ ở với chế độ này đã làm biến đổi loạn xạ, họ quen xét đời qua giá trị của sản phẩm vật chất mà không cần biết tới cõi hồn tinh khiết bên trong, dù đó là hồn nước, hồn người hay hồn hoa tươi thắm đượm, bởi thế đã tạo hình hoa mai một cách kỳ quái như vậy.

Cây Mai có thân hình khẳng khiu nhưng khó gẫy nên vẫn ẻo lả duyên dáng dễ thương, cánh hoa thì màu sắc thắm tươi, mỏng manh cho đến khi lìa cành mà màu sắc vẫn không thay đổi. Mai được xếp đầu trong các loại hoa. Hoa mai nở rộ trong những ngày đầu Xuân. Hoa Mai cũng là đề tài tạo hứng nên đã làm cho các tâm hồn của những văn nhân thi sĩ, họa sĩ, hay nghệ nhân sáng tạo những tác phẩm để đời. Chính vì như thế mà họ đã lưu truyền cho hậu thế rất nhiều tác phẩm nghệ thuật, nói về các loại Hoa Mai rất đặc sắc và trữ tình, như loại Mai chiếu thuỷ dưới đây

Khiêm nhường đứng giữa mênh mông
Buồn vui thế sự… đục, trong… cõi người
Biết mình phận chẳng thắm tươi
Li ti cánh trắng mỉm cười trao hương
Không như muôn thuở lẽ thường
Nhởn nhơ khoe sắc, hướng dương phô mình
Thăng trầm lòng vẫn lặng thinh
Thản nhiên dưới lá, dấu mình sau cây.
Gương soi mặt nước hồ đầy
Bốn mùa thơm một sắc gầy thủy chung
Đơn côi quen với lạnh lùng
Nắng mưa chẳng cậy bách tùng chở che.
Xốn xang nắng dội trưa hè
Bóng mình nghiêng xuống lắng nghe nỗi đời…
Với ai cuối đất cùng trời
Một loài hoa… một kiếp người hóa thân!
(Mai Chiếu Thủy - Lệ Thu).

Mai Vàng tại miền Nam VN: Tại Miền Nam VN có loại Mai vàng: Tên khoa học của loại Mai vàng này là Dohna Harman, nó thuộc họ Hoàng Mai Ochnaceae. Mai vàng không có mùi thơm, còn trái của nó thì chỉ nhỏ bé bằng hạt đậu, khi còn tươi có màu xanh, khi cây chết thì trái biến thành màu đen, trái cây này không ăn được. Còn có một giống Mai thuộc họ Tre vì thân nó thì dài lại thẳng đứng, có nhiều đốt như cây tre mà vỏ thì dầy, có lá to. Loại Mai này thường mọc trong rừng, người ta thường đốn với tre đem về làm nhà cưa từng khúc làm ống đựng nước uống, tuy nó dược gọi là Mai nhưng lại rất khác biệt với hai loài hoa Mai vừa nói ở trên.

Miệng ăn măng trúc, măng mai
Những tre cùng nưa lấy ai bạn cùng
(Tục ngữ Phong dao)

Được biết các giống Mai đều chịu đựng được các thời tiết đổi thay, dù cho ấm áp hay giá buốt, thường vào mùa Xuân về Tết đến, Mai luôn ngạo nghễ nở hoa, để chào đón chúa Xuân, trong phút giây giao mùa. Bởi vì Mai có bản sắc cuồng ngạo đó nên nó đã lôi cuốn nhiều người kể cả nghệ nhân vào cuộc chơi với Mai vì Mai chính là hiện thân của hàng kẻ sĩ, của các đấng trượng phu, anh hùng mã thượng, tượng trưng cho sức chịu đựng tất cả tang thương dâu biển của cuộc đời, bất chấp cả cuồng phong bão táp cốt sao đạt cho được mục đích cuối cùng đó là ích nước, lợi dân, làm đẹp cho xã hội loài người. Và chỉ có Mai mới đủ làm biểu tượng cho lớp người có chí anh hùng, đấng trượng phu, coi thường danh lợi và phú quý coi như tất cả là phù vân, trong mắt họ thì vua, quan hay những kẻ cầm quyền thối nát là loài cỏ rác, họ coi bọn khoa bảng trí thức là xu thời, nịnh bợ, a dua chỉ biết nhắm mắt chạy theo bả vinh hoa phú quí, chẳng khác nào sâu bọ, cầm thú đội lốt người.

Thời đại của Chu Thần Cao Bá Quát, với chí hiên ngang ông đã viết:

Thập tái luận giao cần cổ kiếm
Nhất sinh đề thủ bái mai hoa

Cũng như hoa Đào, hoa Mai cũng được các văn nhân thi sĩ dùng làm cảm hứng để diễn tả nét đài trang, thanh nhã của những người đàn bà đẹp trong các thời đại cổ cũng như tân. Trong Đoạn Trường Tân Thanh mà ta thường biết với tên Kim Vân Kiều hay Truyện Kiều, cụ Tiên Điền Nguyễn Du đã viết khi tả về sắc đẹp của hai chi em Thúy Kiều và Thuý Vân :

Mai cốt cách, tuyết tinh thần
Một người một vẻ, mười phân vẹn mười.
(Kim Vân Kiều - Nguyễn Du)

Những Người Lịch Lãm, Kẻ Bình Dân Với Mai:

Mỗi độ Xuân về, người chơi Mai một cách khác nhau chứ không ai giống ai cả, nhất là đối với những tao nhân mặc khách. Còn đối với giới bình dân, khi lựa chọn một cành mai để vui ba ngày tết thì chỉ cần có nhiều hoa nở đúng vào lúc giao thừa. Và sau đó hoa Mai vẫn còn tiếp tục nở rộ và lâu tàn ít nhất là trong ba ngày Tết, như thế cũng là quá đủ rồi vì đối với họ, đó là điềm báo trước có được sự may mắn cho năm mới mà họ mong chờ. Nhưng đối với lớp người khá giả, tức là những người có tiền thì khi chọn mai để thưởng thức phải là Mai còn trong chậu, cây Mai phải to và cao, hoa lá xum xuê, nhìn vào là thấy cây hoa Mai đồ sộ để chứng tỏ với hàng xóm láng giềng về sự giàu sang sung túc của chủ nhân nó. Còn đối với những tao nhân mặc khách, hoặc giới nghệ sỹ sành điệu, thì cây hoa mai không phải là loài vô tri, mà nó có sức sống tiềm ẩn như là một sinh vật có cảm giác, biết vui biết buồn hoà chung với người thưởng ngoạn, nên nhiều người đã mệnh danh cho rằng " Hoa Mai là hoàng hậu của các loài hoa" nên đã được ái mộ, nâng niu, chiều chuộng đúng với câu tục ngữ - Nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa Và tuỳ theo màu sắc người đã đặt tên cho hoa Mai :

-Bạch mai, Chi Mai, Mai Ngự sử là tên hoa Mai có màu sắc trắng như tuyết.
-Mai Thanh Đài là tên hoa mai có sắc màu xanh
-Hoàng Mai, Lạp Mai là tên hoa mai có sắc màu vàng (loại hoa Mai này chỉ nở vào những ngày cuối mùa đông)
-Hồng Mai là tên hoa mai có sắc màu đỏ.
-Mai Thanh Đài Lục Ngạc là tên hoa mai có 6 cánh đan chéo vào nhau như sừng nai, màu xanh. -Mai Chuỗi là tên hoa mai có hoa và trái kết thành chuỗi.
-Mai Chiếu Thủy là tên hoa mai có sắc màu trắng, cánh nhỏ, thường mọc nghiêng xuống mặt nước, nếu ta trồng bên bờ hồ hay sông nước (loại hoa mai này quý hiếm).
-Mai tứ Thời, Mai tứ quý là tên hoa mai có hoa suốt năm, cả bốn mùa ta đều thấy nó trổ bông.

Không rõ loài Hoa Mai xuất hiện vào thời đại nào trên mặt địa cầu, có người cho rằng có lẽ nó xuất hiện từ lâu lắm rồi vì Mai là một loài hoa có sức chịu dẻo dai, không chết trong thời tiết băng giá của mùa đông để có thể trổ nụ đâm bông vào buổi giao mùa giữa tiết đông giá rét, trỗi dậy để nở hoa khi qua mùa xuân tiết trời ấm áp, có nghĩa là chuyển tiếp từ lạnh lẽo qua ấm áp, năm cũ qua năm mới.

Hoa Mai có năm cánh nó kết thành vòng tròn, ta có thể nói đó là biểu tượng ánh thái dương lan tỏa của tiết trời ấm áp, nắng ấm toả xuống chan hoà cho trái đất hồi sinh và nhân gian được vui vẻ, nhất là vào buổi sáng của những ngày đầu xuân. Với các đặc tính như thế nên loại hoa này mới được gọi là Hoa Mai. Hoa Mai là giống hoa mà người ta đã đặt cho nó nhiều tên rất trân quí nên cũng có nhiều giai thoại làm nền cho văn chương phong phú thành những điển tích :

1.-Cái ngày mà Vương Ông gặp nạn khiến con gái của ông là Vương Thuý Kiều phải bán mình chuộc mạng cho cha, khi nàng phải theo tên Mã Giám Sinh về Lâm Tri thì có một đêm nàng buồn bã và ôm mặt khóc dưới bóng đèn khuya leo loét, buồn đứt ruột tím gan khi

nhớ đến Kim Trọng, người yêu của mình đang rong ruổi xa ngoài muôn dặm. Để diễn tả cảnh đau thương bi đát đó Nguyễn Du tiên sinh đã mượn điển tích Trúc Mai mà viết :

Tái Sinh chưa dứt hương thề
Làm thân trâu ngựa đền bù Trúc Mai
(Kim Vân Kiều - Nguyễn Du)

Vậy Trúc-Mai là gì ? Nó chính là hai loại cây vẫn xanh tốt trong mùa đông băng giá. Nói về đặc tính của hai loại cây này là ''Trúc bất chỉ thiên, Mai bất chỉ địa'', nên cho là một sự hòa hợp âm dương tuyệt diệu. Cũng có sách lại cho rằng ''Lưỡng bạn thư vũ tùy bút '' vì sách này có ghi lại câu chuyện Trúc Mai như sau: Vào những mùa đông, các tao nhân mặc khách, không ai bảo ai mà vẫn thường hay tới Đầm Long Môn của tỉnh Quảng Đông để vãn cảnh và thưởng ngoạn rừng Trúc-Mai vì nơi đây họ thích thú khi thấy những cây Trúc Mai vẫn xanh tươi giữa mùa đông trong cảnh tuyết rơi hay đã đóng băng giá buốt lạnh lẽo. Nơi đây có hai giai nhân tài tử tên Hoàng Kỳ Mai và Lam Bá Trúc đã có dịp làm quen với nhau rồi yêu nhau thắm thiết. Nhưng mà nghịch cảnh nào đó nên họ phải chia tay nhau, trước lúc phân kỳ Lam Bá Trúc bẻ một cành Mai còn Hoàng Kỳ Mai thì lại bẻ một nhánh Trúc trao đổi lẫn nhau để làm kỷ vật. Kết quả đôi trai tài gái sắc được kết hợp nên duyên vợ chồng nên từ đó hễ nói tới tình yêu trai gái, vợ chồng, người đời thường dùng điển tích Trúc Mai để tả lại cảnh đoàn tụ và sự yêu nhau khắng khít.

2.-Trong tập ''Kiến Văn Tiểu Lục'' của nhà học giả Lê Quý Đôn, nói về đời tư của Hồ Quý Ly có nhắc tới một điển tích Nhất Chi Mai. Vậy Nhất Chi Mai là gì ? Theo sách vở cho biết tổ phụ của ông Hồ Quý Ly là người Tàu, đã tỵ nạn vì chiến tranh nên di cư sang Đại Việt và định cư tại đây. Khi ông khôn lớn đi tìm công việc làm và tạo danh giá cho chính bản thân mình, cho nên Hồ Quý Ly đã bỏ làng quê ra đi để đến chốn thị thành. Ông đã đi về phía kinh đô Thăng Long. Trên đường đi ông đã lượm được một cuốn sách lăn lóc cạnh đường đi, cầm lên đọc, ông thấy nhan đề là ''Quảng Hàn Cung Lý Nhất Chi Mai''. Nhờ nó nên ông đã có được nhiều kiến thức chính trị và quân sự nên Ông được vua Trần Nghệ Tông trọng dụng, được thăng quan tiến chức thật nhanh. Rồi có một hôm nhân các triều thần hội họp, các quan văn võ đều có mặt trong cung, Vua Nghệ Tôn mới chỉ vào rừng quế, quanh điện Thiên Thủ mà ra một câu đối:

Thanh thủ điện tiền thiên phụ quốc

Trong lúc các quan chưa kịp ứng đối, thì Hồ Quý Ly chợt nhớ tới nhan đề của cuốn sách mà trước đây mình đã tình cờ lượm được trên đường đi khi đến Thăng Long, nên đã đối đáp được ngay:

Quảng Hàn cung lý Nhất Chi Mai

Nhà vua vui mừng, cho đó là duyên kỳ ngộ nên đã đem công chúa gả cho Hồ Quý Ly. Từ lúc đó họ Hồ mới có được cơ hội xây dựng thế lực để cướp ngôi nhà Trần sau khi Thượng Hoàng Trần Nghệ Tông băng hà.

3.-Một điển tích nữa đó là "Mai Trường An" hay còn có tên là ''Mai Tứ Quý''

Điển tích này được rút ra từ câu chuyện về nàng Tây Thi, một cô gái nước Việt đã giúp Vua Việt Câu Tiễn đánh bại Ngô Phù Sai, rửa nhục và thu hồi lại đất nước đã mất. Điển tích trên cũng như đã nhắc tới câu chuyện nàng Dương Thái Chân, tức là Dương Quý Phi, ái thiếp của vua Đường Minh Hoàng. Vào thời đó có Lục Khải làm quan tại tỉnh Giang Nam. Một hôm nhân có lính trạm (tức là người lính cỡi ngựa để đưa thư), người lính là phu trạm ấy mang thư về kinh đô Trường An nên ông Lục Khải đã bẻ một cành Mai để gửi về tặng bạn là Phạm Việp, có kèm theo một bài thơ:

Chiết Mai phùng dịch sứ
Ký dữ lũng đầu nhân
Giang Nam vô sở hữu
Liễu tặng Nhất Chi Mai

Cảm động và thương nhớ người bạn quý nên Phạm Việp đã đem cành mai đó trồng và chăm sóc vun xới cẩn thận. Sau đó cành Mai này trở thành cây Mai có hoa nở cả bốn mùa, các nhà văn nhà thơ đã lấy hình ảnh Mai Tứ Quý hay còn gọi là Mai Trường An, để ám chỉ về nhan sắc chim sa cá lặn của các giai nhân nổi tiếng, mà ta đã thấy trong lịch sử Trung Hoa, nhất là về Tây Thi và về Thái Chân. **DH**

NHẤT CHI MAI

Hàng năm cứ độ xuân về, các giai phẩm xuân, báo xuân đều trình làng những bài thơ mới. Tuy nhiên có một bài thơ cũ cách đây gần ngàn năm một cao tăng đời nhà Lý (1045-1096) là Mẫn Giác đại sư đã hứng khởi viết ra mấy câu kệ rất nổi tiếng ‘’Cáo Tật Thị Chúng’’, vẫn thường được nhắc đi nhắc lại nhiều lần hàng năm mà không làm ai chán cả. Bản Hán Việt như sau:

Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai
Sự trục nhãn tiền quá
Lão tùng đầu thượng lai
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai

Bài thơ này được Cụ Ngô tất Tố dịch như sau:

Xuân đi trăm hoa rụng
Xuân đến trăm hoa cười
Trước mắt việc đi mãi
Trên đầu già đến rồi
Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai

Về phương diện văn chương, bản dịch của cụ rất hay. Nó được thi nhân lồng vào đó cảm xúc của mình và thi vị hóa thêm (hoa cười- việc đi mãi- già đến rồi). Cái đẹp thi văn chú trọng nhiều vào nét thẩm mỹ hơn.. Để cho phù hợp với góc nhìn của mình, mang tính khoa học quy luật hơn. Đồng thời giữ được nét thản nhiên của thiền và hai cặp đối đại nhị nguyên (bốn chữ cuối của bốn câu đầu) mà thiền sư rất chú trọng. (Tôi xin mở ngoặc ở đây một chút. Mỗi góc nhìn đều có một sắc thái riêng và giới hạn của nó.

Nói tóm lại bài thơ trên thiền sư Mãn Giác đã dẫn dắt hành giả từ thế giới nhị nguyên đến thế giới trường tồn bất diệt một cách mạch lạc và đầy hương vị của thiền học. Thiền sư ân cần nhắc nhở dù cho sắc tướng có biến thiên thế nào cũng đừng lầm lẫn. Hình tướng bị hủy diệt, tan biến đó chỉ là những biến ảo của thế giới nhị nguyên đầy sắc tướng mà thôi. Hành gỉa phải hiểu rằng còn có "**một cành mai** " một **Sự Sống Duy Nhất** vẫn trường tồn, một **Bản Ngã duy nhất** vẫn bất diệt đang ẩn tàng trong đó. Theo chu kỳ tiến hóa, **Phàm Nhơn** ẩn, hiện - chết, sống nhiều kiếp làm cho chúng ta có cảm giác mất mát. Sự mất mát, sự ẩn rồi hiện chỉ là sắc thái của những chu kỳ tiến hóa mà thôi .Nên dẫu Phàm Nhơn có ẩn,hiện ,biến mất nhưng **Chơn Nhơn** vẫn còn đó bất diệt.

Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai.

Theo **Nguyễn như Hải**
www.thongthienhoc.com

CHUYỂN GIAO CÁC TRẠI LLĐB BIÊN PHÒNG
QUA BIỆT ĐỘNG QUÂN

Vào ngày 4 tháng Giêng năm 1971, câu chuyện về lực lượng Dân Sự Chiến Đấu (Civilian Irregular Defense Group) được coi như chấm dứt. Vấn đề cải tuyển các trại LLĐB biên phòng này qua Biệt Động Quân đã hoàn tất. Một điều thành công trong giai đoạn Việt Nam Hóa chiến tranh.

Trong những năm 1961, 1962, Lực Lượng Đặc Biệt Hoa Kỳ đã thiết lập một dẫy các trại biên phòng, biệt lập dọc theo đường biên giới miền nam Việt Nam. Việc xây dựng các tiền đồn biên phòng này nhắm vào ba mục tiêu:

1. Nới rộng ảnh hưởng của chính quyền miền nam đến các vùng xa xôi, hẻo lánh.
2. Bảo đảm vấn đề an ninh cho dân chúng trong vùng.
3. Tách dân chúng ra khỏi sự lệ thuộc vào địch quân.

Các quân nhân LLĐB Hoa Kỳ góp phần vào việc xây dựng các trại biên phòng đến từ Okinawa. Họ chỉ đóng vai trò tạm thời cho đến năm 1964, khi liên đoàn 5 LLĐB Hoa Kỳ đóng trong căn cứ Fort Bragg, tiểu bang North Carolina được gửi sang Việt Nam.Binh sĩ trong các trại biên phòng này được tuyển mộ, đa số từ sắc dân trong vùng và một ít người tình nguyện từ đời sống dân sự. Do đó họ được gọi là Dân Sự Chiến Đấu. Lúc mới bắt đầu, LLĐB Hoa Kỳ hoạt động với người Rhade trong khu vực xung quanh Ban Mê Thuột. Phần lớn binh sĩ trong lực lượng Dân Sự Chiến Dấu là người Thượng, một số ít người Miên và người Việt. Văn hóa miền nam có nhiều mầu sắc, kết hợp bởi nhiều sắc dân tộc thiểu số. Người Thượng là sắc dân tộc đông đảo nhất trên vùng cao nguyên.

Họ khác biệt với người Việt về bản chất, mộc mạc, đơn sơ và về ngôn ngữ (họ có tiếng nói, ngôn ngữ riêng của họ). Mặc dầu không có cuộc kiểm tra dân số chính xác trên vùng cao nguyên, nhưng đồng bào Thượng được ước chừng khoảng một triệu người.

Trước đây, họ là nhóm người chiếm đa số trên vùng cao nguyên, nhưng bị loại ra khỏi chính quyền trung ương vì vấn đề nếp sống lệ thuộc vào địa dư biệt lập của họ, và họ không thể cạnh tranh với người Việt, tiến bộ hơn. Ngoài ra vấn đề kinh tế đơn giản làm cho họ không cần thiết phải tiếp xúc với thế giới bên ngoài. Tuy vậy, chính quyền miền Nam vẫn công nhận nếp sinh hoạt của đồng bào Thượng, và rất cần cảm tình cũng như sự ủng hộ của họ.

Trong việc xây dựng các trại biên phòng, lý thuyết căn bản đầu tiên là tổ chức đồng bào Thượng, đặt dưới sự kiểm soát của chính phủ, sau đó huấn luyện họ chống lại quân địch. Lực lượng Dân Sự Chiến Đấu được quân Mũ Xanh, LLĐB Hoa Kỳ tổ chức thành những đơn vị chiến đấu. Mỗi trại DSCĐ (CIDG) được trao cho mộ số nhiệm vụ đặc biệt.

- Tổ chức thám thính biên giới và ngăn chặn đường xâm nhập, giao liên, tiếp vận của địch.

- Mở các trận tấn công tiêu diệt, phá hoại hậu phương của địch.
- Nhận diện và phá hủy hạ tầng cơ sở của địch (nằm vùng).
- Bảo đảm an ninh trong khu vực.

Miền nam đã có tổ chức Lực Lượng Đặc Biệt từ năm 1957, gọi là liên đoàn 77 Quan Sát. Đến năm 1961, đổi tên thành Lực Lượng Đặc Biệt. LLĐB Việt Nam đưa sĩ quan đến các trại DSCĐ để chỉ huy và tham mưu, trong khi đó quân Mũ Xanh LLĐB Hoa Kỳ chỉ đóng vai trò cố vấn. Mỗi trại có ba đại đội với quân số 132 người trong mỗi đại đội, ba trung đội viễn thám (Recon), một đơn vị súng nặng với hai đại bác 105 ly, một ban tâm lý chiến và một BCH. Như vậy tổng cộng có 530 người theo bảng cấp số cho mỗi trại.

Để cố vấn cho LLĐB/VN, quân Mũ Xanh Hoa Kỳ gửi đến mỗi trại biên phòng một toán A LLĐB gồm ba sĩ quan và 11 binh sĩ. Một khía cạnh khác của lực lượng DSCĐ là tổ chức, huấn luyện một số đơn vị tác chiến lưu động, để tiếp ứng cho các trại biên phòng như một lực lượng trừ bị chiến thuật. Điều đáng ghi chú là các trại biên phòng chỉ huy bởi sĩ quan LLĐB Việt Nam, người Hoa Kỳ chỉ làm cố vấn. Các đơn vị lưu động được chỉ huy hỗn hợp Việt-Mỹ. Vai trò chính yếu của LLĐB Hoa Kỳ là phát triển khả năng chiến đấu cho lực lượng DSCĐ. Người Hoa Kỳ trả lương, huấn luyện và làm nhiệm vụ cố vấn. Có lúc quân số lên đến 60.000 người, lực lượng DSCĐ đã đóng góp một vai trò quan trọng trong việc phòng vệ lãnh thổ trên vùng cao nguyên và dọc theo đường biên giới miền nam Việt Nam kể từ năm 1961.

Đến năm 1967, LLĐB Hoa Kỳ bắt đầu chương trình cải tuyển các trại nội địa sang Địa Phương Quân, chỉ giữ lại 38 trại biên phòng trên khắp miền nam. Đến tháng Năm năm 1970, liên đoàn 5 LLĐB Hoa Kỳ bắt đầu thực hiện đợt cải tuyển cho các trại biên phòng qua Biệt Động Quân. Họ được lệnh chấm dứt tất cả các hoạt động trên toàn lãnh thổ miền nam Việt nam. Việc cải tuyển qua Biệt Động Quân Biên Phòng bắt đầu từ đầu năm 1971.

Thay đổi từ một Dân Sự Chiến Đấu sang Biệt Động Quân QLVNCH bao hàm một ý nghiã, người Thượng trở thành một quân nhân trong QLVNCH. Tuy nhiên, đồng bào Thượng không bị chi phối bởi luật động viên của chính quyền miền nam, quyết định "ở lại" là một nhiệm ý. Nếu không muốn trở thành một Biệt Động Quân, họ có thể giã từ nếp sống quân ngũ, trở về nơi họ sinh sống trước khi gia nhập lực lượng DSCĐ. Ngoại trừ không muốn, hoặc bị loại vì lý do sức khoẻ, già yếu, các binh sĩ gốc người Thượng được trả lương như một người lính BĐQ cùng với tất cả quyền lợi, trợ cấp, hưu trí, v.v...

Trong thời gian 90 ngày hoán chuyển, các trại DSCĐ được tổ chức lại như khuôn mẫu của các tiểu đoàn BĐQ Việt Nam, gồm ba đại đội tác chiến, một BCH cùng đại đội công vụ.

Sự thành công của một trại Biệt Động Quân Biên Phòng tuỳ thuộc vào vị tiểu đoàn trưởng và viên sĩ quan cố vấn Hoa Kỳ. Người Thượng có vẻ sẵn sàng cho một thử thách mới, gần 90% binh sĩ gốc người thiểu số được cải tuyển. Họ chấp nhận đổi mầu mũ beret xanh qua mầu nau của binh chủng Biệt Động Quân Việt Nam.

Vũ Đình Hiếu

GIỌT BUỒN DĨ VÃNG

MN Nguyễn Thế Đỉnh

Chuyện kể về những người vợ thăm chồng cải tạo. Đọc để căm thù và biết thêm một Tội Ác nữa của bè lũ Cộng nô

Trước khi vào chuyện: Đây là một câu chuyện có thật, đã xẩy ra trong khoảng thời gian 1980 tại Thanh Hóa. Nơi có những trại giam giữ các cựu quân nhân, công chức VNCH từ miền nam đưa ra và do Quân Đội Nhân Dân chuyển giao cho Công An trông coi tù chuyên nghiệp. Những trại giam tàn độc, man dại và sâu hiểm nằm trong hệ thống trại tù Lý Bá Sơ. Đó là các trại "5 Lam Sơn", Thanh Phong, Thanh Lâm và Thanh Cẩm. Những trại tù này, ai đã vào, ngày ra thật xa vời, khó khăn...

Nhân vật trong câu chuyện này hiện đang định cư tại Orange County, bệnh hoạn, lẻ loi. Hàng ngày, anh chìm đắm trong đau khổ với những giọt buồn từ dĩ vãng. Dĩ nhiên câu chuyện đã được thay tên đổi họ và cũng được sửa đổi cho có vẻ tiểu thuyết một chút.

Trời Cali mấy bữa nay mưa rả rích, thứ mưa như bụi bay ở nơi quê nhà. Từng cơn gió heo may thổi về từ phương bắc, lạnh và ẩm. Mây từng mảng đùn lên ở góc trời, một lát lại tan biến đi, nhưng nó vẫn ủ ê buồn. Từ trong tiệm bán quần áo của người Á châu, Tưởng bước ra, định băng qua con đường sát bên hông cửa tiệm, ra bãi đậu xe. Đúng lúc một giải mây xám giăng ngang rồi những giọt nước mưa đan nghiêng chạy van vát trên mặt đường phố. Con đường này, mọi ngày xe cộ nối đuôi nhau ngược xuôi, sáng nay bỗng dưng biến đâu cả. Cảm giác bâng khuâng chợt dâng lên trong lòng, Tưởng muốn được đứng lại đôi chút để thụ hưởng những êm đềm trong quá khứ. Những ngày còn đi học bậc trung học, với chiếc áo dài trắng, cùng bằng hữu sánh đôi, đạp xe đến trường. Nàng tạt vào dẫy phố bên đường để tránh mưa dưới một cửa tiệm nào đó

Ngay bên lề đường, một chiếc xe bus chớp đèn, dừng lại nơi đón khách. Cánh cửa mở ra và một người đàn ông duy nhất trên xe bước xuống. Tưởng đang miên man trong nỗi nhớ, chợt bị cắt ngang vì hình ảnh người đàn ông vừa xuống xe. Mưa càng lúc càng nặng hạt, nàng để ý cử chỉ của người đàn ông. Anh ta đưa tay nâng nhẹ cổ áo jacket cao lên một chút. Nơi anh ta có điều gì hơi lạ, ngoài trời đang mưa, bầu trời xám đen nhưng anh ta vẫn đeo cặp kính đen, không lẽ anh ta bị bệnh khiếm thị?

Và rồi, người đàn ông thay vì đi vào thương xá, nhưng trời mưa nên cũng tạt vào trú dưới mái hiên. Dáng đi của anh không được vững vàng, hơi lệch về phiá bên trái, gợi thêm nỗi tò mò của nàng. Nét mặt, dáng đi đã biểu lộ nỗi cô độc, khổ hạnh nơi người đàn ông. Chợt anh ta dừng lại trước mặt Tưởng, nhưng không nhìn nàng, đưa tay vuốt nhẹ những giọt nước mưa còn đọng trên khuôn mặt. Có lẽ hơi nước làm mờ cặp kính, anh gỡ cặp mắt kính, rồi rút trong túi áo ra mảnh giấy lau. Nhìn rõ khuôn mặt người đàn ông, Tưởng đứng chết sững, cảm thấy nghẹn nơi cổ họng. Nỗi ngạc nhiên đến quá nhanh, làm nàng trở nên bất động.

Đúng rồi, anh Khâm đây mà, người bạn cùng khoá sĩ quan trừ bị, cùng ở chung trại tù với anh ruột của nàng, người mà đã mười mấy năm qua, Tưởng vẫn cố đi tìm để trao lại một kỷ vật của vợ anh, và cũng để kể lại sự ra đi tức

tưởi, đau đớn của một người đàn bà trên nẻo đường vạn dặm, tìm chồng. Tưởng thốt lên.

- Khâm, anh Khâm...

Người đàn ông nghe ai gọi mình đứng lại, dụi mắt (như một thói quen), rồi lắp bắp.

- Vâng. Chính tôi là Khâm... Xin lỗi sao bà biết tên tôi? Và tôi có thể biết bà là...?

- Trời! Anh Khâm. Sao thế này! Đã gần hai mươi năm rồi, anh Tường (anh của cô Tưởng) và vợ chồng em đã tìm anh bằng nhiều cách, nhưng vẫn vô vọng. May quá, hôm nay lại gặp anh ở đây, thật bất ngờ. Tạ ơn trời đất đã run rủi. Có lẽ chị Thùy (vợ Khâm) linh thiêng đã chỉ đường dẫn lối, xui khiến cho em đứng ở đây, để em hoàn thành lời trăn trối cuối cùng của chị.

Chợt nhận ra mình đã nói... quá nhiều, Tưởng ngập ngừng... "Xin lỗi anh... Tưởng không giữ được lời nói cẩn thận..." Nhưng Khâm vẫn chậm rãi trả lời.

- Cô Tưởng đấy hả? Tôi làm sao có thể tin được là hôm nay lại gặp Tưởng như thế này. Thằng Tường, thằng Hoành đâu cả rồi? Chúng nó ra sao rồi? Khỏe mạnh không?

- Anh Tường em có lẽ không được khỏe mấy vì chứng thấp khớp. Ông xã em, nhờ trời vẫn còn khỏe mạnh, đi làm nuôi các cháu. Còn anh, mười mấy năm nay anh đi đâu? Anh đi H.O. hay vượt biên? Từng ngày một, anh Tường và chúng em luôn nhắc đến anh. Nhất là anh Tường đã nhắn tin tìm anh trên đài phát thanh mà vẫn không có kết quả gì về anh cả.

- Tôi đi H.O. năm 1994. Không phải ở đây, định cư mãi tận tiểu bang xa, rất ít người Việt. Đài phát thanh, báo chí đều không có. Mới chuyển về Cali được hơn sáu tháng, cô Tưởng ạ. Có cách nào cho tôi gặp thằng Tường, và Hoành không nhỉ?

- Thế lúc nẫy, anh xuống xe bus định đi công việc gì hôm nay? Anh làm cho xong việc của anh đi, rồi Tưởng mời anh về nhà để gặp anh Tường và ông xã em. Họ mừng lắm đấy anh ạ.

- Tôi có mua bán gì đâu. Ở mãi trên Pomona, mỗi tháng ghé về đây một lần. Ngồi một mình với ly cà phê, để nhìn người ta qua lại, ngẫm lại đời mình, chứ chẳng có gì quan trọng... Cho hết ngày ấy mà!

- Vậy anh đứng đây nhé, để em đi lấy xe ở bên kia đường.

Tưởng liếc nhìn lên trời, quay đầu nhìn xe rồi đưa túi xách tay lên che đầu, bước vội ra chỗ đậu xe. Khâm đứng đợi, nghe nhắc đến tên Thùy, vợ anh, chàng cảm thấy như có mũi dao nhọn đâm vào trong tim...

Khâm ngồi bất động như tượng đá trên ghế sofa trong phòng khách nhà Tưởng. Ly cà phê dường như không còn chút vị ngọt, khi anh hớp ngụm đầu tiên. Phòng khách trống trải và lạnh, hai anh em Tường và Hoành đi làm chưa về. Hai đứa con trai của Tưởng và Hoành, theo lời cô em gái ông bạn Tường, thằng lớn đang còn ở trong trường, còn thằng út đang ngồi tập vẽ trong phòng, đã hơn mười bốn tuổi rồi.

-Anh Khâm uống cà phê, đợi một chút, để em lục tủ tìm trả cho anh cái này của chị Thùy.

Một lúc sau, Tưởng trở ra phòng khách, nàng kéo cái gối lót sau lưng, ngồi xuống chiếc ghế đối diện với Khâm. Nàng đặt chiếc ví tay bằng da mềm, mầu đen đã bạc và sờn lên mặt bàn, đẩy đến trước mặt Khâm, giọng nghẹn ngào.

- Em chỉ giữ được cái này của chị Thùy... và mấy lời cuối của chị căn dặn nói lại với anh, nếu gặp. Em mong anh thật bình tĩnh, dẫu sao thì chuyện cũng đã qua lâu rồi anh ạ! Cố gắng nhé anh Khâm.

- Vâng, tôi đang rất bình tĩnh và tỉnh táo. Mười mấy năm nay, tôi luôn luôn hy vọng, chờ đợi để được nghe, cô Tưởng ạ. Chị Thùy chết đau đớn và u uất lắm phải thế không? Tuy nói thế nhưng giọng Khâm như sũng nước, đưa tay cầm cái ví da nhỏ. Anh dở phiá bên trong ra, mùi da ẩm mốc bay lên mũi. Tấm ảnh Thùy chụp chung với chàng, ngày anh được thăng cấp tại mặt trận và được về phép 48 giờ. Hai vợ chồng rủ nhau đi bát phố. Chẳng hiểu sao Thùy đòi chụp hình, và nàng thích tấm ảnh này nhất. Nàng đã xén bớt cạnh, cất vào trong bóp tay. Khâm nhìn tấm ảnh cũ, người vợ nghiêng đầu trên vai anh, với vẻ hãnh diện vì bộ quân phục

rằn ri. Mắt nhìn phù hiệu con báo đen của binh chủng Biệt Động Quân với nụ cười hồn nhiên.

Khâm không dám nghĩ xa xôi... lắng nghe từng lời nói của cô em ông bạn thân Tường...

- Em còn nhớ, hôm ấy là ngày 21 tháng Tám năm 1980. Chúng em gồm có bốn người, chị Thùy, cháu Khôi, em và một bà nữa mà em đã quên mất tên, cùng đi chuyến tầu "chợ" (loại xe lửa dừng lại ở nhiều ga đón khách), từ ga Bình Triệu ra Thanh Hóa thăm các anh ở trại Lý Bá Sơ. Chúng em không có đủ tiền để mua vé đi tầu tốc hành, giá gấp đôi, nên rủ nhau đi tầu "chợ".

Hy vọng lâu thì cuối cùng cũng vẫn đến nơi. Loại tầu này đầy trộm cắp và chật chội. Người và vật như heo, chó, gà chung một toa, chồng chất lên nhau, có được chỗ ngồi là đại phúc. Suốt bốn ngày ba đêm, chúng em không dám ngủ, hở một chút là mất cắp, không còn một thứ gì anh ạ. Dẫu sao em vẫn còn đỡ cực vì nhỏ tuổi hơn chị Thùy, lại còn phải lo cho cháu. Tội nghiệp thằng bé Khôi, mới 10, 11 tuổi đi đường xa, cứ dựa vào vai mẹ ngủ gà ngủ gật. Nó cũng không đòi ăn, thỉnh thoảng uống nước, nhưng cháu đáng mặt dòng dõi con nhà binh, không kêu ca, than van một lời. Lúc đó, em nghĩ đến các anh đang bị giam trong tù, nhìn cháu Khôi và chị Thùy, em thấy xót xa quá.

Khôi vẫn ngồi lặng yên, tay chống cằm, nhìn về nơi xa xăm... Tưởng đưa tay vuốt nhẹ lên mặt, giọng nàng trở nên khó khăn, như nghẹn lại.

- Qua đến sáng ngày thứ tư thì tầu dừng lại ở ga Thanh Hóa. Chúng em xuống tầu, đem theo những gói thực phẩm mang ra tiếp tế cho các anh. Đó cũng là lần đầu tiên, kể từ khi các anh đi tù cải tạo, họ mới cho phép đi thăm nuôi tù. Đã đến nơi, mấy chị em mừng quá là mừng anh ạ, chị Thùy và cháu Khôi dường như quên cả mệt nhọc. Tuy vậy, đã đi xa cả ngàn cây số, đến một nơi hoàn toàn xa lạ, bọn em lúng túng cả giờ trên sân ga, không biết phải giải quyết ra sao.

Nhìn ai cũng đội nón cối, chị Thùy bắt đầu lo sợ, nói nhỏ với em "Hình như tất cả là bộ đội. Tôi lo quá". Cuối cùng, chị Thùy vào một căn nhà gần đó mua được cái đòn gánh, họ cho thêm mấy sợi giây. Mấy giỏ đồ của em và chị Thùy cột quai thật chắc cho vào đòn gánh, rồi em và chị Thùy gánh đi bộ vào trại cải tạo. Thương nhất là cháu Khôi, nó cũng cúi xuống để mẹ đeo cái ba lô trên lưng đem đồ ăn vào cho Bố.

Lúc bắt đầu khởi hành đã mười giờ rưỡi, đường vào trại toàn là núi rừng trùng điệp và những công trường. Nắng mỗi lúc một gắt, mồ hôi từ trên trán tuôn xuống làm cay mắt. Đi được khoảng chừng 100 mét hay hơn chút là phải dừng lại để nghỉ lấy sức. Anh thử nghĩ coi, em và chị Thùy, từ lúc cha sanh mẹ đẻ có biết khuân vác là gì đâu, lúc đó hai vai đau đớn, tê cóng. Cháu Khôi cũng thế, lúc mới đầu vừa đi vừa hỏi mẹ về những tiếng chim hót trong rừng, rồi càng về sau càng uể oải, ít nói nhưng vẫn bước theo mẹ. Trước khi đi thăm, em đã hỏi dò và được biết từ ga xe lửa vào đến trại cải tạo xa hàng mấy chục cây số. Sức lực mỗi lúc một hao hụt, vừa đi vừa lê lết. Đến khoảng hơn hai giờ chiều thì gặp một toán có cả đàn ông, đàn bà đạp xe thồ từ phiá sau vượt qua mặt. Họ dừng lại, rồi một bà cũng cỡ tuổi chị Thùy lên tiếng hỏi.

- Có phải các chị đi thăm các anh cải tạo không?

- Vâng.

- Đường còn xa lắm, lại phải qua phà sông Chu. Gần thì cũng còn khoảng 30 cây nữa, đi không kịp đâu. Đề nghị hai chị để chúng tôi thồ các chị và đồ đến bến phà nhé. 15 đồng một người, thằng bé thì giảm cho, chỉ lấy 10 đồng thôi (1$ lúc đó bằng 500$ VNCH).

Suy nghĩ một lúc, chị Thùy mặc cả.

- Quý vị chở giúp chúng tôi cháu bé và các túi đồ, chị em tôi đi bộ theo sau cũng được. Xin lấy 20 đồng tất cả nhé, chúng tôi hết tiền rồi. Còn chút đỉnh để phòng hờ thôi.

Ngay lúc ấy, em liếc nhìn nét mặt của một tên mặc quần công an nhưng áo bộ đội và

nón cối, hay chớp mắt. Sinh nghi, em sợ nếu làm theo ý chị Thùy, chúng nó chở đồ và cháu Khôi đi luôn thì khốn khổ. Em nói nhỏ với chị Thùy "Thôi cứ đi, em còn tiền ứng cho chị mượn, rồi mình tính sau", rồi em mặc cả với họ.

- Thế này nhé. Các anh chị giúp chị em tôi và cháu, xin giảm cho 10 đồng tất cả.

Họ bằng lòng ngay và chở chúng em đến bên này bờ sông Chu, còn nếu còn phà qua sông thì sẽ tính sau. Có điều em lấy làm lạ, toán của họ có bẩy người mà bốn người đàn ông không chở, để cho ba người đàn bà chở bọn em và đồ thăm nuôi. Họ đạp xe chậm chạp và dường như cố tình không muốn chạy nhanh. Vừa đi vừa trao đổi những câu chuyện mà em không hiểu. Họ cố ý ngăn bọn em nói chuyện với nhau bằng những người đàn ông đạp xe, chen vào giữa. Em có cảm giác xốn xang, trong lòng bứt rứt khó chịu. Nhìn phiá sau, thấy chị Thùy có vẻ tỉnh, nhưng khuôn mặt... như thế nào ấy, khó tả lắm anh ạ. Em cảm thấy lo, mà không biết lo chuyện gì! Đâu ngờ, tai ương đã bám theo bọn em từ lúc đó.

Đến bến phà sông Chu thì trời đã ngã chiều, khoảng bốn, năm giờ thôi nhưng thời tiết ngoài miền trung vào tháng Tám, trong vùng rừng núi trời tối nhanh hơn. Bên kia sông có hai chiếc phà đậu như ngủ, có vài người qua lại trên đường. Phiá bên này, ngoài mấy chiếc bè cặp sát mạn sông, ngoài ra là tịnh không. Suốt một giải sông, hai bên bờ toàn ruộng bắp mầu xanh, u buồn. Nhóm người dừng lại, người đàn bà nói chuyện với chúng em lúc đầu với giọng thành thật.

- Hai chị ạ. Bây giờ hết phà qua sông rồi, phải chờ đến sáng mai. Cũng có thuyền chở tư nhưng đắt lắm, các chị không đủ tiền đâu. Tôi có ý kiến là các chị nên vào xóm trọ gần đây. Nếu nhất trí, chúng tôi dẫn đến, thuê phòng trọ một đêm, sáng đi tiếp cũng không muộn. Tôi thấy thằng bé mệt và đói rồi đấy.

Thật tình bọn em cũng mệt lả người, khát nước và đói quá rồi. Lúc đó mới nhớ ra, từ sáng sớm cả ba người mới ăn mỗi người một miếng cơm nắm (cơm vắt) trên toa xe lửa. Tội nghiệp cháu Khôi, đói mệt mà chẳng hé môi vẫn im lặng theo sát bên mẹ. Do vậy, bọn em đành phải theo mấy người đó đi cặp theo bờ sông khoảng 100 mét, trông thấy khoảng sáu, bẩy căn nhà, từ vách đến mái lợp bằng những tấm tranh nứa. Chắc đã lâu rồi, cũ và già nua.

Ngay đầu xóm là một quán hàng, bán vài nải chuối, hai, ba lọ kẹo bột và mấy cái bánh tráng. Đặc biệt, nước uống là chè tươi và có một điếu cầy để hút thuốc lào, đặt kế bên cái đèn dầu... Lúc tụi em bước vào, trong quán đã có hai người đàn bà cũng đi thăm chồng cải tạo, đang ngồi uống nước, đợi thuê phòng trọ. Trong hai bà có bà ngồi cùng toa xe lửa với bọn em.

Cũng lại mụ đàn bà trong toán xe thồ, có lẽ là người "chỉ huy" của cả bọn, hăng hái giới thiệu chị Thùy, và em với bà chủ quán. Mụ nói lia chia.

- Chị thu xếp cho ba người này chỗ ngủ, sáng mai họ sang sông đi thăm nuôi chồng cải tạo. Tội nghiệp lắm, từ trong nam ra, vất vả quá, thương ghê.

Ngay từ đầu, em đã có cảm giác lạ về nhóm người này, nên luôn luôn để ý hành động của họ. Sau khi lấy tiền công "thồ" của bọn em xong, họ ngồi nói chuyện huyên thuyên, ăn chuối, hút thuốc lào. Cả đàn bà cũng hút, tên trẻ nhất trong đám nói "Bây giờ chúng tôi về trong xã đây, mai ra sớm". Nói thế nhưng bốn người đàn ông vẫn chưa đi, chỉ ba người đàn bà đạp xe theo triền sông, đi ngược trở lên. Chị Thùy lúc đó không để ý gì cả, ngồi bóp chân, xoa vai cho cháu Khôi. Hai mẹ con đã quá mệt và đói... muốn xỉu.

Nghỉ ngơi chừng ba mươi phút, cả năm người (kể cả hai bà đến trước) được dẫn đi vòng qua sân sau đến nhà trọ. Họ cho thuê mỗi giường 20 đồng, nhất định không bớt. Em với chị Thùy đòi thuê chung một giường, họ không chịu, dứt khoát phải hai. Một người thì nằm chõng nhỏ, giá 10 đồng. Đành chịu vậy, gian phòng rộng chừng tám, chín mét vuông có hai cái chõng tre, mùng, mền có sẵn. Chúng em chỉ xử dụng mùng thôi vì nhiều muỗi. Chị Thùy nói

với em và cháu Khôi "Hai dì cháu ngủ đi, mình nên ngủ sớm, kẻo ngày mai dậy không nổi". Ai ngờ đó là lời nói gở cuối cùng. Trước khi chui vào giường nằm nghỉ, chị Thùy dặn em vặn lớn ngọn đèn dầu "Có gì mình còn thấy đường, cô Tưởng ạ".

Từng giờ phút một trôi qua, có lúc mệt quá thiếp đi chừng năm, mười phút em lại tỉnh vì nhiều thứ, lạ chỗ, mùi ẩm mốc của cái mùng, và rệp thì vô số. Nhất là trong bụng em đang sợ, mà sợ điều gì thì chỉ có linh cảm chứ không biết được. Chị Thùy đã cẩn thận, dồn đồ thăm nuôi vào sát vách nứa, cháu Khôi nằm giữa và chị nằm bên ngoài. Tiếng cú rừng rơi từng tiếng như quỷ gọi từ xa, lẫn trong tiếng gió từ sông thổi vào vách nứa nghe lạt xạt. Cứ như thế, em nằm nghe tiếng trăn trở qua lại của chị, tiếng thở đều của cháu Khôi. Cả hai chị em cùng không ngủ được nhưng không ai buồn nói chuyện.

Đột nhiên, em nghe có tiếng chân người di chuyển gấp rút phiá bên hông nhà, rồi tiếng la thất thanh "Cướp, cướp... bớ người ta cướp... Cứu, cứu..." Chưa kịp định hồn thì cánh cửa buồng bung ra, ba bốn tên nhảy bổ vào. Phản ứng tự nhiên em nhẩy bừa ra khỏi giường, húc vào vách nứa, lọt ra ngoài rồi chạy trối chết. Em ngã, nhưng vẫn bò, choài người vào trong khu ruộng bắp. Tiếng kêu la, ằng ặc từ hai căn nhà trọ phát ra, em nghe rõ tiếng cháu khôi "Bố ơi. Cướp. Mẹ, mẹ... họ cướp". Tiếng chị Thùy "Không, không... Bớ, bớ người ta. Anh ơi, anh ơi. Nó... nó..." Tiếp theo là tiếng vật lộn, rồi tiếng chân chạy, dã man là có cả tiếng cười...

- Em sợ đến độ tê liệt cả người. Tim như ngừng đập, miệng lẩm bẩm, chỉ biết lậy trời Phật cứu con. Chuyện xẩy ra đến cả ba mươi phút mà không thấy có dấu hiệu gì tiếp cứu, can thiệp của hàng xóm. Em như người mê, trôi bềnh bồng trong nỗi kinh khiếp, nhưng hơi lạnh và da thịt bị xước, trầy trụa nên tỉnh lại, nằm nghe ngóng.

Em cứ nằm như thế, không biết được bao lâu, đến khi nghe tiếng xình xịch của ca nô nơi bến sông và có tiếng người nói xôn xao từ dưới xóm "Cướp đâu? Cướp của ai?". Đợi đến khi có thật nhiều người cầm đuốc lên tiếng gọi "Những ai trọ đêm đâu? Những ai ẩn ở đâu xin ra đi. Chúng tôi là công an xã đây".

- Từ trong ruộng bắp, em hé mắt nhìn ra. Lúc đó mới cảm thấy an toàn, nghĩ đến chị Thùy và cháu Khôi, em chui ra khỏi chỗ lẩn trốn. Trời đã bắt đầu sáng, em chạy vội vào trong căn phòng trọ... Giọng Tường như nghẹn lại, nước mắt tuôn ra... Trời ơi! Cháu Khôi nằm trên giường, bị bẻ gẫy cổ. Chị Thùy quần áo rách nát, lộ liễu, máu đầy ở bụng, ở cổ, vẫn còn thở thoi thóp. Em oà lên khóc, cúi xuống bên chị. Chị Thùy nói thật nhỏ "Đừng, đừng cho anh Khâm biết... Cái bóp của tôi dấu ở dưới chiếu... Cô Tưởng ơi... cháu Khôi... Chị đau quá..."

- Em la khóc thật to "Các ông, các bà ơi. Cách mạng ơi! Cứu chị tôi. Đưa chị tôi đi ngay, đi bệnh viện ngay... Chị ấy nguy đến nơi rồi". Họ nói cố chờ chừng mười phút, xe từ huyện xuống sẽ đưa đi ngay.

- Anh Khâm, em làm sao kể hết cho anh rõ, những gì trong đầu em lúc đó. Cháu Khôi nằm đó, đầu vẹo qua một bên. Lúc công an huyện và xe cứu thương đến nơi, chị Thùy đã đi rồi. Hai mẹ con dắt díu nhau đi mất, không kịp nói với em lời từ biệt. Chết tức tưởi, oan khiên.

Tưởng dừng lại, hỉ mũi, nhìn sang Khâm. Anh đang gục đầu trên bàn, vai anh rung lên như người đang lên cơn sốt rét. Ly cà phê đổ từ lúc nào, ướt mặt bàn, rơi xuống thảm. Rôi chàng tự chủ lại, nói với cô Tưởng.

- Thế mà đến năm 1984 (bốn năm sau), người ta gửi giấy cho tôi báo tin. Vợ và con tôi chết vì tai nạn trên đường ra thăm chồng. Thân nhân tìm không được nên chôn cất hai mẹ con tại nơi xẩy ra tai nạn. Những thằng Cướp ấy đã làm gì vợ tôi hả cô Tưởng.

- Chẳng làm được gì. Chị đã chống cự quyết liệt, chọn cái chết để khỏi bị nhục. Chuyện xẩy ra đêm đó, hai bà bên kia bị làm nhục, đánh gẫy tay, bị bóp cổ để khỏi kêu la nhưng không chết.

- Dĩ nhiên, công an cũng làm biên bản, cũng khám nghiệm và các thủ tục giấy tờ. Xong rồi, họ quyết định và cho em biết. Hai bà kia được chở ra bệnh huyện Thanh Hóa. Huyện sẽ cung cấp hai quan tài để an táng hai mẹ con

chị Thùy trên một ngọn đồi trong xã. Có dựng tấm bia bằng mảnh gỗ viết sơn trắng. Tất cả đồ đạc của em, chị Thùy và hai bà kia đều mất sạch. Em chỉ dấu được 200 đồng lúc chạy ra ngoài ruộng lúa... Đến đây, nàng xin phép vào phòng toilet lau mặt...

- Anh Tường, Em và anh Hoành xin chia xẻ nỗi đau buồn cùng anh và xin anh tha lỗi bấy lâu nay. Tội của em nặng nhất. Em sợ anh sẽ chịu không nổi lúc đang ở trong trại cải tạo khi biết được tin này nên dấu anh. Bên gia đình anh đã di tản năm 1975, chẳng còn ai. Bên chị Thùy

bị đưa đi vùng kinh tế mới, chẳng biết ra sao.

- Chết cả rồi! Bố mẹ Thùy thương con, thương cháu (Khôi), kiệt quệ tinh thần nên từ trần sớm. Hai đứa em bỏ qua Cao Miên cũng biệt tăm.

- Anh uống cà phê thêm, chờ anh Tường, anh Hoành về tâm sự nhá?

- Cám ơn cô Tưởng, cám ơn Tường, cám ơn Hoành. Tôi phải đi... Tháng sau, không chừng trở lại, ở chơi cả ngày.

Nói xong Khâm đứng lên, bước ra cửa. Tưởng nhìn theo bóng dáng người bạn năm xưa của anh trai mình... Người đã từng vào sinh ra tử biết bao phen... nghiêng vai đang đi, những bước chân nghiêng. Cơn gió lùa trên tóc anh như chia xẻ nỗi đau đớn trong lòng.

Nàng là đóa hoa của vũ trụ... sẽ nở mãi không tàn! She is a universal flower... it will last forever!

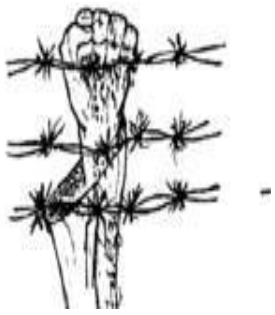

HOA XUÂN 1

- Nếu tuyết rơi mãi không tan,
Chôn ta lạnh cóng, ai than thở cùng?
- Thời thế chửa tạo anh hùng
Tuyết rơi mặc tuyết, lửa nung đường trường!
Nửa đời, mình vẫn ly hương
Cứu dân phải quyết một phương hướng về
Anh ơi đưa em về quê
Bằng Cờ-Vàng-Rực lời thề đã mang
Xuân này thắp thêm nén nhang,
Xuân sau phải hát Khải Hoàn nhé anh!
Đừng đua đòi những ghét ganh,
Loanh quanh đánh phá tan tành sức… Ta.
Khuyên anh, em khuyên thật thà
Bạo quyền giả dối bán Nhà, mua vui
"Mắt sáng" đừng cậy "mù đui"
Cờ Sáng Chính Nghĩa chớ vùi hố sâu
Ngòi bút Chiến Đấu: mỗi câu
Phải như điểm huyệt vào đầu Cộng nô!
Xuân này hoa giấy, mai khô
Xuân sau Hoa phải điểm tô rực Vàng
Tuyết rơi mặc tuyết nhé chàng
Văn thơ viết, phải ấm Trang Sử Nhà!!!

MAI CHỊ VỀ

Chị về, cưng gửi gì không?
Chị cho em biếu Thương Binh ít quà
Vui xuân, quên cảnh… mù lòa
Sang năm em lại bánh, trà gửi thêm

Chị hỏi: -Em đi có nhớ nhà?
Chị ơi em nhớ mỗi đài hoa
Thẹn-thùng trinh nữ bờ mi khép
Nghịch-ngợm mỗi lần tay lén thoa

Chị hỏi: -Em đem theo những gì?
Chị ơi theo mỗi bước em đi
Bụi tre, bó mạ xanh mùa cấy
Đất Mẹ thương hoài lắm lụy bi!

Chị bảo:-Sao em chẳng trở về?
Chờ xuân! Em nhắc lại lời thề
Bao năm rễ bứng lìa như thế
Xứ lạ đem trồng úa tái tê

Ý Nga.

RỪNG KHÓC GIỮA MÙA XUÂN

Phạm Tín an Ninh

Hơn hai mươi năm nay, từ ngày đến định cư ở Na-Uy, một nước Bắc Âu nổi tiếng với những mùa đông dài băng giá, nhưng lại rất đẹp vào những ngày hè và lãng mạn vào thu, tôi vẫn giữ thói quen đi len lỏi trong rừng, không chỉ vào những ngày nghỉ cuối tuần mà bất cứ lúc nào thấy lòng mình trăn trở. Không phải tò mò vì những cuộc tình cháy bỏng trong "Rừng Na-Uy", cuốn tiểu thuyết nổi tiếng mới đây của một ông nhà văn Nhật Bản, nhưng để được lắng nghe những tiếng khóc. Tiếng khóc của cây lá, của gỗ đá trong rừng. Tiếng khóc có mãnh lực quyến dụ tôi, thúc bách tôi, cho dù nó đã làm cho tôi đau đớn, khốn khổ gần cả một đời.

Tôi sinh ra ở Huế, nhưng lớn lên ở thành phố Nha Trang, sau khi cùng cả nhà theo cha tôi vào đây nhận nhiệm sở mới. Có lẽ ngày ấy tôi là một cô gái khá xinh. Ngay từ năm tôi học lớp đệ lục trường Nữ Trung Học, cũng đã có vài chàng học trò khờ khạo si tình, đạp xe theo tôi sau những buổi tan trường. Lên năm đệ tam, cũng có vài chàng SVSQ Hải Quân, Không Quân chờ trước cổng trường tán tỉnh. Nhưng như là số trời, trái tim tôi chỉ rung động trước một người. Anh là bạn chí thân với ông anh cả của tôi, hai người học cùng lớp từ thời còn ở trường Võ Tánh. Tháng tư năm 68, chúng tôi làm đám cưới, kết thúc một cuộc tình đầu thật dễ thương, không có nhiều lãng mạn, cũng chẳng có điều gì trắc trở. Ông xã tôi là lính biệt động quân. Hậu cứ đóng ở Pleiku. Ngày về làm đám cưới, đôi giày saut của anh còn bám đầy đất đỏ hành quân. Đám cưới chúng tôi được tổ chức tại một nhà hàng nằm gần bờ biển, không xa tòa tỉnh, nơi vừa mới trải qua khói lửa Mậu Thân.

Sau đám cưới, cha mẹ chồng cho tôi theo anh lên Pleiku một tháng, rồi phải trở về sống ở nhà chồng, bởi anh đi hành quân liên miên, không an toàn khi tôi phải sống một mình. Chỉ những khi nào tiểu đoàn về hậu cứ dưỡng quân, anh đánh điện tín để tôi lên với anh.

Mãi đến ba năm sau, tôi mới sinh cho anh đứa con đầu lòng. Một đứa con trai bụ bẫm. Có lẽ vì nặng nợ với núi rừng, anh đề nghị tôi đặt tên cho con là Cao Nguyên, Lê Cao Nguyên. Anh về phép thăm con khi cháu vừa đầy tháng. Càng lớn Cao Nguyên càng giống cha. Đôi mắt to, sóng mũi cao, và đặc biệt là trên đầu mỗi vành tai đều có một "lỗ tai nhỏ" như ba nó.

Chỉ đúng một tuần sau khi chia tay vợ con về đơn vị, anh bị thương nặng trong lúc đơn vị hành quân giải vây căn cứ Pleime. Tôi bồng con lên Pleiku. Hậu cứ lo cho mẹ con tôi nơi ăn chốn ở và có xe đưa đón mỗi ngày để tôi thăm và săn sóc anh trong quân y viện. Sau khi xuất viện, đôi chân còn đi khập khiễng, nên anh được chuyển về Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn đảm trách một công tác tham mưu ở hậu cứ. Mẹ con tôi ở lại B Hồ với anh kể từ ngày ấy. Mẹ chồng tôi rất nhân từ, thường xuyên lên thăm chúng tôi và thuê cho tôi một người giúp việc. Cuối năm 1973, trong một lần VC pháo kích vào trại gia binh làm một số đàn bà con nít bị thương, trong đó có cháu Cao Nguyên. Rất may, mảnh đạn gây một vết thương khá lớn ở cánh tay, nhưng không vào xương. Sau hôm ấy, chúng tôi ra thuê một căn nhà bên ngoài doanh trại để ở. Năm sau, khi Cao Nguyên vừa tròn hai tuổi, tôi sinh đứa con thứ nhì. Lần này là con gái. Con bé giống mẹ, được chúng tôi đặt tên Thùy Dương để nhớ thành phố biển Nha Trang, nơi hai chúng tôi lớn lên và yêu nhau .

Mấy năm sống ở Pleiku, cái thành phố "đi dăm phút trở về chốn cũ" ấy, những ngày

nắng chỉ thấy toàn bụi đỏ, còn những ngày mưa bùn bám dính gót chân. Pleiku đúng là một thành phố lính. Những người vợ lính sống ở đây dường như chỉ để chờ chồng trở về sau những cuộc hành quân, hoặc để chăm sóc chồng những ngày bị thương nằm trong quân y viện. Với họ thì đúng là "may còn có anh đời còn dễ thương".

Giữa tháng 3/75, sau đúng một tuần Ban Mê Thuột mất vào tay giặc, một buổi sáng, từ bản doanh Liên Đoàn về, chồng tôi hối hả bảo mẹ con tôi và chị giúp việc thu dọn đồ đạc gấp, bỏ lại mọi thứ, chỉ mang theo những gì cần thiết, nhất là thức ăn và sữa cho các con, theo anh vào hậu cứ. Khi vừa đến cổng trại, tôi ngạc nhiên khi thấy tất cả mọi người đều đã ngồi sẵn trên xe. Chúng tôi rời khỏi doanh trại. Thành phố Pleiku như đang ngơ ngác trước những người từng bao năm sống chết với mình nay vội vàng bỏ đi không một tiếng giã từ. Đang giữa mùa xuân mà cả một bầu trời u ám. Pleiku tiễn chúng tôi bằng một cơn mưa đổ xuống khi đoàn xe vừa ra khỏi thành phố. Đến ngã ba Mỹ Thạnh, đoàn xe dừng lại. Phía trước chúng tôi dày đặc xe và người, vừa dân vừa lính, đủ các binh chũng, đủ các loại xe, kể cả xe gắn máy. Tôi nghe chồng tôi và bạn bè nói là một số đơn vị Biệt Động Quân được chỉ định đi sau, ngăn chận địch quân tập hậu để bảo vệ cho đoàn quân di tản! Đây là trách nhiệm nguy hiểm và nặng nề nhất trong một cuộc hành quân triệt thoái.

Hơn một ngày mò mẫm trên Tỉnh Lộ 7, chúng tôi đến thị xã Hậu Bổn vào lúc trời sắp tối. Vừa dừng lại chưa kịp ăn cơm thì bị pháo kích và súng nổ khắp nơi. Xe và người dẫm lên nhau trong cơn hốt hoảng. Địch đã bao vây. Các đơn vị BĐQ chống trả kiên cường, và bên ta thì vừa quân vừa dân chen chúc nhau hỗn độn. Trong lúc nguy nan này trời lại giáng xuống cho bên ta thêm một điều bất hạnh: Một chiếc phản lực cơ dội bom nhầm vào quân bạn. Đoàn xe vội vã rời Hậu Bổn, di chuyển đến gần Phú Túc thì lại bị địch tấn công từ khắp hướng. Nhiều xe bốc cháy và rất nhiều người chết hoặc bị thương. Cả đoàn xe không nhúc nhích được. Chúng tôi có lệnh bỏ lại tất cả xe cộ, băng rừng tìm đường về Củng Sơn. Chồng tôi, vừa chiến đấu vừa dẫn đường chúng tôi cùng một số binh sĩ, vợ con. Tôi dắt theo Cao Nguyên còn chị giúp việc bồng cháu Thùy Dương. Chúng tôi lầm lũi trong rừng. Tiếng súng vẫn còn ầm ĩ, những viên đạn lửa như muốn xé màn đêm. Khi chúng tôi mệt lả cũng là lúc đến bờ một con sông nhỏ. Chồng tôi lo chỗ ngủ cho mẹ con tôi dưới một gốc cây, rồi cùng một số đồng đội chia nhau canh gác. Mệt quá, tôi ngủ vùi một giấc, thức dậy thì trời vừa sáng. Chúng tôi lại tiếp tục lên đường. Tôi không còn đủ sức để bồng Cao Nguyên, nên chồng tôi phải dùng cái võng nilon gùi cháu sau lưng, bên ngoài được phủ bằng cái áo giáp. Vừa ra khỏi bìa rừng tôi ngạc nhiên khi thấy từng đoàn người lũ lượt kéo nhau đi cùng hướng chúng tôi, trong đó có nhiều người vừa bị thương, mình đầy máu. Tôi nghĩ họ cũng là những vợ chồng, con cái, cha mẹ dắt dìu nhau đi tìm sự sống. Hình như họ không còn mang theo bất cứ thứ gì. Nhìn nét mặt ai nấy cũng kinh hoàng. Chồng tôi bàn bạc cùng một số bạn bè trong đơn vị, chúng tôi lại tách khỏi đám đông này, tìm một lộ trình khác mà đi, để tránh sự phát hiện của địch. Vừa rời đoàn người vài phút thì đạn pháo thi nhau rót xuống. Tiếng la khóc thất thanh cộng với tiếng súng nổ khắp nơi làm cho cả một khu rừng như trải qua một cơn địa chấn. Trong nhóm chúng tôi cũng đã có một số người chết. Đến lúc này thì mạnh ai nấy tìm đường sống. Gia đình tôi cùng gia đình vài người bạn nữa chạy vào khu rừng phía trước, nơi không nghe tiếng súng. Kinh nghiệm bao nhiêu năm chiến trận, bây giờ chồng tôi chỉ còn dùng để mong cứu được vợ con mình. Địch quân tràn ngập.. Tôi không thể tưởng tượng được số mệnh bi thảm của những người lính biệt động một thời oanh liệt trên khắp chiến trường, giờ này lại tan tác trong bất ngờ, tức tưởi! Chồng tôi suýt bật khóc, khi nghe cấp chỉ huy truyền lệnh từ ông tướng tư

lệnh Quân Đoàn: “Đạp lên mà đi!” Trong cả đời binh nghiệp, chắc những người lính không còn nhận cái lệnh nào đau đớn hơn thế nữa! Sau chừng một tiếng đồng hồ băng rừng, chúng tôi bất ngờ gặp một toán lính hơn 20 người thuộc tiểu đoàn cũ của chồng tôi. Thầy trò chưa kịp nắm tay mừng rỡ thì súng nổ. Địch quân phía trước mặt. Trở lại cương vị chỉ huy, chồng tôi lưng mang con, điều động anh em xông vào trân mạc. Một cuộc đánh tốc chiến, toán địch quân bị tiêu diệt. Chồng tôi quay lại tìm và hướng dẫn đám đàn bà con nít chúng tôi đi tiếp. Trong núi rừng đêm xuống thật nhanh. Cái bóng tối bây giờ thật rợn người. Tôi hình dung đến cái bóng của tử thần. Chúng tôi dừng lại trên một ngọn đồi thấp. Tội nghiệp cho những người lính trung thành. Đáng lẽ họ lợi dụng bóng đêm để đi tiếp, vì đó là sở trường của họ, nhưng thấy một số vợ con bạn bè cùng vài anh em bị thương không thể đi nổi, nghe lời chồng tôi, tất cả cùng ở lại qua đêm. Sau khi sắp xếp anh em phòng thủ, chồng tôi trở lại phụ lo chỗ nằm cho mẹ con tôi. Tối hôm ấy, dù mệt, nhưng sao tôi cứ trằn trọc, không ngủ được. Chồng tôi ôm tôi dựa vào một gốc cây. Anh ôm tôi thật chặt vào lòng, thỉnh thoảng hôn nhẹ tôi trên tóc. Trong hoàn cảnh này chẳng ai còn lòng dạ nào để lãng mạn yêu thương, nhưng có lẽ anh đang tội nghiệp cho một người con gái đã trót chọn chồng là lính chiến. Và không ngờ đó lại là những nụ hôn cuối cùng anh dành cho tôi. Buổi sáng sớm khi vừa xuống chân đồi, chúng tôi chạm súng với địch. Cũng là lần cuối cùng tôi chứng kiến những người lính biệt động can trường. Các anh phân tán từng toán nhỏ, xông vào lòng địch mà đánh, tiếng thét “Biệt Động Quân Sát” vang dội cả một vùng. Nghe súng nổ, tôi đoán lực lượng địch đông lắm. Một anh trung sĩ bị thương ở cánh tay trong trận đánh hôm qua, được chỉ định dắt tất cả đám đàn bà con nít chúng tôi ra khỏi vùng giao chiến. Đã vậy anh còn phải dìu theo một người lính bị thương khác.Vợ chồng tôi thất lạc nhau kể từ phút ấy. Tôi còn lạc mất cả cháu Cao Nguyên, được ba nó gùi theo phía sau lưng ngay cả những khi lâm trận. Không biết chiếc áo giáp có đủ che chắn hình hài bé nhỏ của con tôi. Hình ảnh này trước đây tôi nghĩ chỉ có diễn ra trong mấy cuốn truyện Tàu mà tôi đã đọc. Tiếp tục di chuyển chừng vài giờ đồng hồ nữa, khi tới một con đường mòn, chúng tôi lại nghe súng nổ. Anh trung sĩ dẫn đường chúng tôi nhận ra từng loạt lựu đạn nổ, bảo tất cả chúng tôi nằm rạp xuống. Chờ im tiếng súng, đám chúng tôi rời con đường mòn, chạy về hướng rừng bên phải, mà theo anh trung sĩ, có thể an toàn hơn. Khi đến bìa rừng, tôi bàng hoàng nhìn thấy mấy người lính nằm chết bên cạnh xác quân thù, máu me lai láng. Sau này tôi được biết những người này bị địch bao vây, đã tự sát để cùng chết chung với giặc. Đi vào cánh rừng bên phải chỉ vài trăm mét nữa thì chúng tôi bị một đám khá đông VC chặn lại. Tất cả chúng tôi bị lùa vào bên bờ suối nhỏ cùng với một số đông người khác . Lòng tôi lo âu vô hạn. Từ lúc ấy, tiếng súng tạm im. Tất cả chúng tôi bị lùa về địa điểm tập trung, một ngôi trường nằm trong huyện Củng Sơn (Sơn Hòa). Trong cảnh khốn cùng này, tôi chỉ còn lại một điều may mắn. Chị giúp việc rất tốt bụng và trung thành. Vừa bồng bế, bảo bọc cho cháu Thùy Dương, vừa lo lắng cho tôi. Chị đi đâu đó xin cho tôi nửa bát cơm, nhưng tôi không nuốt nổi, mặc dù đã trải qua hai ngày đói khát. Nhìn đứa con gái vừa mới lên hai lây lất bên cạnh và nghĩ tới chồng tôi và đứa con trai giờ này không biết sống chết ra sao, lần đầu tiên tôi bật khóc.

Cuối cùng thì tôi cũng lần mò về đến Nha Trang, khi thành phố này cũng vừa lọt vào tay giặc. Khi nhận ra tôi, mẹ tôi ôm tôi vào lòng và khóc như mưa. Tôi không đủ can đảm mang tin buồn đến nhà chồng, nhờ cha tôi sang báo tin tôi và cháu Thùy Dương vừa mới về nhà, chồng tôi và cháu Cao Nguyên còn đang mất tích. Cả nhà chồng kéo sang thăm tôi, bồng cháu Thùy Dương về nhà săn sóc. Mẹ chồng tôi thẫn thờ cả mấy ngày liền khi nhận được tin này. Nằm nhà hơn một tuần,

nhờ mẹ tận tình chăm lo, sức khỏe tôi đã gần bình phục, tôi xin được trở lại Phú Bổn tìm chồng và cháu Cao Nguyên. Cả nhà tôi và cha mẹ chồng đều ái ngại, âu lo. Nhưng qua sự nài nỉ của tôi, cuối cùng cha mẹ chồng cho đứa em trai út của chồng tôi, dùng xe honda chở tôi ngược đường lên Tỉnh Lộ 7. Mặc dù đã chứng kiến bao nhiêu máu lửa tang tóc, cũng như đã chuẩn bị tinh thần, nhưng tôi thực sự kinh hãi những gì trước mắt, khi nhìn thấy ngổn ngang bao nhiêu xe cộ bị đốt cháy, những bộ xương người con vương vãi đó đây, bao nhiêu nấm mộ lấp vội bên đường. Cả một vùng xông mùi tử khí. Chiếc khăn bịt miệng tẩm ướt dầu Nhị Thiên Đường đã giúp tôi và cậu em vượt qua chặng đường gần 100 cây số. Đến Cheo Reo, hỏi thăm một vài người dân, được biết một số sĩ quan đang còn giam ở Thuần Mẫn. Chúng tôi đến đó, trình giấy phép đi tìm chồng. Sau khi tên VC trực ban cho biết không có tên chồng tôi trong danh sách tù binh, Đang lúc thất vọng quay về thì may sao vô tình được gặp anh đại đội phó lúc chồng tôi còn ở tiểu đoàn. Anh cho biết là có gặp một số binh sĩ cùng chồng tôi chiến đấu dưới ngọn đồi gần đèo Tu Na. Họ cho biết chồng tôi bị thương, nhưng cố tìm cách đưa cháu Cao Nguyên đến một nơi nào đó. Tôi sáng lên niềm hy vọng. Ngay hôm ấy tôi thuê năm người Thượng, theo tôi lần theo con đường dọc bờ sông mà tôi còn nhớ, trở lại khu đồi thấp, rồi bung ra xa đi tìm. Liên tục trong một tuần, chúng tôi chỉ tìm được mấy bộ xương người, một số ngôi mộ vô danh, nhưng không thấy dấu vết của chồng tôi. Tôi trở về mang theo niềm tuyệt vọng, không chỉ cho tôi mà cho cả nhà chồng.

Cha mẹ chồng tôi lập bàn thờ cho chồng tôi và Cao Nguyên, đứa cháu đích tôn của ông bà. Ngày 19 tháng 3 là ngày giỗ của hai cha con. Hàng năm, cứ đến ngày này, tôi và Thùy Dương đều trở lại Phú Bổn, tìm đến chân đồi, dưới gốc cây nằm giữa đỉnh đồi, mà đêm cuối cùng chồng tôi ôm tôi vào lòng, thắp hương tưởng niệm anh và cháu Cao Nguyên. Tôi đã dùng dao khắc đậm tên anh và cháu Cao Nguyên vào thân cây.Và lần nào, khi nước mắt ràn rụa, trong tiếng gió rừng, tôi mơ hồ như có tiếng khóc từ gốc cây này, rồi văng vẳng bao nhiêu tiếng khóc từ những thân cây khác, từ những khúc gỗ nằm vương vãi do bom đạn hôm nào, tạo thành một thứ âm thanh não nùng, xé ruột.

Tôi đã mang dư âm của tiếng khóc ấy đến tận Bắc Âu, nơi mẹ con tôi định cư sau chuyến vượt biển được một chiếc tàu của vương quốc Na Uy cứu vớt. Tháng 5 năm 1985, cha mẹ chồng tôi góp vàng cùng một người bạn ở vùng biển Lương Sơn đóng ghe vượt biển. Tôi, cháu Thùy Dương và một đứa em trai của tôi được đi cùng với gia đình chồng. Tôi cũng xin được một chỗ cho chị giúp việc lúc trước (chị đã về quê trên vùng Diên Khánh, sau ngày cùng tôi thoát chết trở về), nhưng chị chối từ. Tôi âm thầm gom nhặt tài sản của nhà chồng và của tôi mang lên biếu chị trước khi rời khỏi quê nhà.

Hai mươi năm sau, khi Thùy Dương vừa làm đám cưới, tôi muốn đưa vợ chồng cháu về lại Việt Nam trình diện ông bà ngoại, và đến địa điểm cuối cùng khi chồng tôi và Cao Nguyên còn sống, như là một nghĩa cử để cháu tưởng nhớ đến cha và anh mình. Chúng tôi đến đây đúng vào giữa mùa Xuân, một ngày trước ngày giỗ chồng và đứa con trai. Con đường Tỉnh Lộ 7 ngày xưa bây giờ đã được tráng nhựa và đổi tên thành Quốc Lộ 25. Chúng tôi thuê bao một chiếc xe tám chỗ ngồi. Ngoài tôi và vợ chồng cháu Thùy Dương, còn có cậu em trai út của tôi và vợ chồng chị giúp việc ngày xưa. Chúng tôi đến Cheo Reo, bây giờ có tên mới là A Yun Pa thuộc tỉnh Gia Lai. Tất cả không còn gì dấu vết của chiến tranh. Người ta đã cố tình trát phấn tô son lên thành phố núi này để có dáng dấp của thời kỳ đổi mới. Màu sắc lòe loẹt, vài ngôi nhà cao tầng quê mùa kệch cỡm, những ngôi nhà sàn "cải biên" thành những biệt thự của các ông quan lớn, nằm chơ vơ giữa một vùng nghèo nàn được mang tên "thị xã". Nhìn dãy núi Hàm Rồng từ xa, ẩn hiện trong những đám

mây mù, lòng tôi chùng xuống. Nơi ấy, đã bao lần tôi đến thăm chồng, để được hòa mình vào đơn vị với những người lính trẻ, sẵn sàng chết cho quê hương. Cũng ở nơi ấy tôi đã vinh dự chứng kiến chồng tôi cùng nhiều anh em đồng đội được ông tướng Vùng gắn huy chương lên ngực áo khi ban quân nhạc trỗi khúc quân hành. Tất cả bây giờ đã trở thành huyền thoại.
Sau khi thuê phòng trọ, tắm rửa và cơm nước xong, chúng tôi hỏi đường đến tháp Yang Mun và tháp Drang Lai. Vì nghe dân ở đây bảo các vị thần Chàm trong hai ngôi tháp này linh thiêng ghê lắm. Tôi khấn vái và xin xăm. Tôi ngạc nhiên vô cùng khi lá xăm tôi bốc trúng lại là bốn câu Kiều của ông Nguyễn Du:

Từ phen chiếc lá lìa rừng
Thăm tìm luống những liệu chừng nước mây
Rõ ràng hoa rụng hương bay
Kiếp sau họa thấy kiếp này hẳn thôi

Tôi bán tín bán nghi, vì nghe nhiều người nói ở Việt Nam, chuyện cúng bái, mê tín dị đoan, bây giờ là một business. Chẳng lẽ ông thần Chàm này lại thuộc cả truyện Kiều. Nghĩ như vậy, nhưng thấy bốn câu thơ lại đúng vào trường hợp của mình, tôi cũng thấy lòng buồn vô hạn. Trở về phòng trọ, bà chủ nhà cho biết ngày mai có chợ phiên của người dân tộc, vừa đông vui vừa có thể mua nhiều thứ thổ sản, gia cầm với giá rất rẻ. Tôi cũng muốn mua mấy con gà, để cúng chồng tôi. Khi còn sống anh thích ăn gà luộc. Bà còn cho biết thêm dân chúng ở vùng này đa số là người Thượng thuộc các sắc tộc Djarai, Bahnar, Hroi và M'dhur. Có một số sống trong các bản rất xa, cách thị xã này từ 10 tới hơn 20 cây số.
Sau một đêm trằn trọc với những cơn ác mộng, vừa mới chợp mắt tôi đã nghe tiếng người réo gọi nhau. Ngôn ngữ của các sắc tộc, tôi không hiểu họ nói gì. Chợ phiên nhóm rất sớm. Chúng tôi vội vàng ăn sáng rồi kéo nhau ra khu chợ, nằm không xa trước nhà trọ. Tôi có cảm giác lạ lẫm vì đây là lần đầu tiên tôi đến một buổi chợ phiên của người sắc tộc. Đã vậy vợ chồng cháu Thùy Dương cứ theo hỏi tôi điều này điều nọ. Khi đang cố giải thích về nguồn gốc của người Thượng, chúng tôi đến một quày gà. Những con gà tre nhỏ xíu được nhốt trong mấy cái lồng đan bằng tre. Tôi ngồi xuống lựa hai con gà béo nhất, bảo người chủ bắt hộ hai con gà này ra khỏi lồng. Người chủ là một anh đàn ông Thượng vừa đen vừa ốm, nói tiếng Việt chưa sõi. Khi anh xăn tay áo lên và thò tay vào lồng gà, tôi bỗng giật mình khi phát hiện vết sẹo trên cánh tay trái. Vết sẹo có hình dáng đầu một con cọp. Tôi nhớ tới Cao Nguyên, đứa con trai ba tuổi, bị thương trong trận pháo kích của VC vào trại gia binh ở B Hồ. Vết thương trên cánh tay cháu sau khi chữa lành cũng để lại một vết sẹo có hình ảnh đầu một con cọp. Biểu tượng binh chủng BĐQ mà chồng tôi luôn mang trên vai áo.Tôi biến sắc, nắm chặt cánh tay anh người Thượng và nhìn vào mặt anh ta. Cũng hai con mắt khá to, cũng cái sóng mũi cao, nhưng khuôn mặt cháy nắng, mái tóc màu nâu sậm như màu đất đỏ Pleiku. Không có nét đẹp của Cao Nguyên ngày trước. Anh người Thượng ngượng ngùng, cúi mặt xuống, khựng lại. Nhưng tôi kịp nhớ ra trên vành tai của Cao Nguyên có một lỗ tai nhỏ, giống như ba nó, tôi cúi xuống để nhìn kỹ vào tai anh người Thượng. Tôi bàng hoàng khi nhận ra hai cái lỗ tai nhỏ trên hai vành tai. Bất giác, tôi ôm chầm lấy anh và nước mắt trào ra. Nhưng anh bán gà đẩy mạnh tôi ra rồi nói một tràng tiếng Thượng. Vợ chồng cháu Thùy Dương ngơ ngác nhìn tôi, không biết xảy ra điều gì. Nghĩ tới chị giúp việc ngày trước có thể xác nhận cùng tôi đôi điều kỳ lạ, tôi bảo cháu Thùy Dương đi gọi chị từ gian hàng hoa lan phía trước. Tôi kéo chị ra xa, nói vào tai chị:

- Chị nhìn kỹ anh người Thượng này xem có giống ai không ?

Sau một lúc nhìn không chớp mắt, mặt chị biến sắc, rồi không trả lời tôi mà thì thầm một mình :

- Thằng Nguyên? Chẳng lẽ là thằng cu Nguyên?

Rồi chị nhìn thẳng vào mặt anh ta hỏi:

Mày có phải là thằng Nguyên, Lê Cao Nguyên không?

Anh người Thượng lắc đầu:

- Tao là thằng Ksor Tlang,

Tôi mua hết những lồng gà hôm ấy và đưa cho anh một nắm tiền. Sau khi đếm xong anh trả lại cho tôi hơn một nữa, rồi buột miệng:

- Mày bắt cái con gà nhiều tiền quá!

Tôi mất hết bình tĩnh, bảo vợ chồng chị giúp việc đứng giữ anh ta, rồi chạy vào phòng trọ tìm bà chủ nhà. Tôi kể rất vắn tắt những gì đã xảy ra. Có lẽ bà ta là người tai mắt ở đây, nhưng là một người tốt bụng, nhấc điện thoại gọi công an. Chưa đầy ba phút, hai gã công an chạy tới bằng xe gắn máy, một Kinh một Thượng, cúi đầu chào bà chủ. Chưa kịp nói gì, bà chủ kéo tay hai gã công an ra chợ. Vừa đi bà vừa giải thích. Đến nơi, gã công an nói một tràng tiếng Thượng. Tôi không hiểu gì nhưng thấy anh bán gà gân cổ cãi lại. Cuối cùng hai người công an kéo anh đi, mặc dù anh cố tình chống lại. Chúng tôi đi theo phía sau trở về phòng trọ. Qua trung gian của bà chủ nhà trọ, tôi nhờ gã công an giúp tôi, dịch lại các điều trao đổi giữa tôi với anh bán gà, và cố gắng bằng mọi cách tìm ra tông tích của anh ta. Tôi nhét vào tay bà chủ nhà trọ hai tờ giấy bạc 100 đô la.

- Em có cha mẹ không? Tên ông bà là gì?
- Tôi có cha mẹ. Cha tôi tên Ksor H'lum, mẹ tôi tên H'Nu.
- Có anh em không?
- Không.
- Anh có nhớ ngày sinh không?
- Không

(Gã công an nhìn sang tôi, bảo là sẽ tìm khai sinh sau)

- Anh có nhớ lúc còn nhỏ, khi ba, bốn tuổi anh ở đâu không?
- Không! Thì chắc tôi ở với cha mẹ tôi mà.
- Cái sẹo trên cánh tay trái, anh biết vì sao mà có cái sẹo này không?

(Gã công an bảo anh xăn tay áo lên và chỉ vào vết sẹo)

- Không ! Chắc là bị cành cây đâm trúng.

Tôi thở ra thất vọng. Nhưng vừa chợt nghĩ ra điều gì, tôi lại hỏi:

- Cha mẹ anh đang ở đâu?
- Buôn Ban Ma Dek .

(Gã công an nhìn tôi, bảo Ban Ma Dek cách đây hơn 10 cây số)

- Anh ở chung với cha mẹ anh ?
- Không, ở bên cạnh, với vợ và hai đứa con.
- Đã có vợ con rồi à ! Tôi buột miệng.

Tôi đề nghị hai gã công an cùng đi với chúng tôi và anh bán gà về buôn Ban Ma Dek. Sau khi hỏi nhỏ bà chủ nhà trọ, hai gã công an gật đầu. Nhưng bảo là chúng tôi phải thuê xe ôm, vì về buôn Ban Ma Dek chỉ có đường rừng, xe ô tô không chạy được. Bà chủ nhà trọ gọi hộ chúng tôi bảy cái xe ôm. Cha mẹ của anh bán gà đã khá già, trước đây chỉ sống lẻ loi trong núi nên không nói được tiếng Việt. Chúng tôi lại trao đổi qua sự thông dịch của gã công an người Thượng. Vợ và hai con của Ksor Tlang thấy có nhiều người cũng chạy sang nhìn .Ông bà cứ nhất quyết Ksor Tlang là con đẻ của ông bà. Nhưng thấy tôi khóc lóc, năn nỉ và nhờ gã công an gạn hỏi, cuối cùng ông cha mới kể lại sự thực:

- Năm ấy, lâu rồi, sau mấy ngày chiến trận ác liệt, mà vợ chồng tôi phải nằm suốt sau tảng đá to trước nhà để tránh đạn. Bỗng một buổi chiều có người lính mặc áo rằn ri, bị thương nặng lắm, nhưng cố lết vào dưới căn nhà sàn của tôi rồi gục chết, trên lưng có mang một đứa bé. Nó là thằng Ksor Tlang bây giờ.
- Rồi xác người lính ấy ở đâu ? Tôi hỏi .

Ông chỉ tay ra rừng cây phía trước:

- Tôi đã chôn ông ta dưới gốc cây ấy, rồi rào lại, sợ thú rừng bới lên ăn thịt.

Chúng tôi theo hai người công an dìu ông già đi về phía khu rừng.

Tôi khóc ngất khi nhìn thấy nấm mồ thấp lè tè nằm dưới tàng cây, được rào lại bằng những que gỗ nhỏ. Vợ chồng cháu Thùy Dương cũng quỳ xuống ôm vai tôi mà khóc. Tôi ngước lên dáo dác tìm Ksor Tlang, thằng

Cao Nguyên, đứa con trai duy nhất của vợ chồng tôi. Nó đang đứng bất động, hai tay nắm chặt hai đứa con trần truồng, đen đúa. Tôi chạy lại ôm hai đứa nhỏ vào lòng, nhưng cả hai đứa trố mắt nhìn tôi dửng dưng, xa lạ.
Tôi khóc lóc, năn nỉ lắm, ông già mới cùng vợ chồng và hai đứa con thằng Ksor Tlang về nhà trọ với tôi. Nhờ bà chủ thuê một cậu học trò thông dịch. Suốt một đêm, tôi, cháu Thùy Dương và vợ chồng chị vú giúp việc ngày xưa, giải thích, khóc hết nước mắt, xin vợ chồng Ksor Tlang và hai đứa con theo chúng tôi về Nha Trang ở với ông bà ngoại, rồi tôi sẽ tìm cách đưa sang Na Uy. Cả hai ông bà già, nếu muốn, chúng tôi sẽ mua nhà cửa ở Nha Trang và chu cấp tiền bạc cho ông bà sống gần Ksor Tlang. Nhưng cả Ksor Tlang và ông già một mực chối từ, bảo là họ không thể nào bỏ bản mà đi. Núi rừng mãi mãi là nhà của họ. Họ không thể sống xa rừng cũng như loài cá không thể sống mà không có nước.

Dự trù lên đây ba ngày. Vậy mà chúng tôi đã ở lại đây hơn hai tuần rồi. Ban đầu tôi dự định xin phép cha mẹ nuôi của Ksor Tlang cho tôi cải táng phần mộ của chồng tôi, mang về an táng trong nghĩa trang gia tộc ở Nha Trang, nhưng rồi tôi đã đổi ý. Bởi anh phải nằm ở đây, bên cạnh đứa con trai và hai đứa cháu nội của anh, mặc dù bây giờ tất cả đã trở thành người Thượng và chắc không biết gì về anh. Và có lẽ anh cũng muốn nằm lại với bao nhiêu đồng đội, một thời cùng anh vào sinh ra tử, mà linh hồn chắc đang còn phảng phất ở quanh đây. Tôi mướn thợ xây lại ngôi mộ. Trên tấm bia không có hình chân dung của anh, mà có tấm ảnh anh chụp chung với tôi cùng hai cháu Cao Nguyên và Thùy Dương trong ngày sinh nhật bốn tuổi của Cao Nguyên, chỉ hơn một tháng trước ngày anh mất. Tấm ảnh này lúc nào tôi cũng mang theo.

Tôi cũng không thể bắt Cao Nguyên và vợ con phải rời khỏi núi rừng, nơi đã cưu mang nó. Có lẽ cái tên Cao Nguyên mà ngày xưa chồng tôi đề nghị đặt cho nó đã vận vào cuộc đời của nó. Điều làm tôi đau đớn hơn là tôi chẳng làm được điều gì cho đứa con trai ruột thịt máu mủ của mình, ngoài việc nhờ bà chủ nhà trọ thuê người dựng cho vợ chồng nó và ông bà cha mẹ nuôi một ngôi nhà sàn chắc chắn và rộng rãi hơn, sắm cho vợ chồng nó và hai đứa con một số quần áo mới. Nhưng phải năn nỉ khóc lóc mãi nó mới chịu nhận, cùng số tiền 200 đô la. Bằng đúng số tiền mà tôi đã trả công cho hai gã công an!

Ngày cuối cùng, chúng tôi ở lại với vợ chồng Cao Nguyên trên ngôi nhà sàn mới. Buổi chiều , tôi bảo Cao Nguyên và vợ con nó, thay quần áo mới, cùng với tôi và vợ chồng Thùy Dương ra thắp hương trước mộ ba nó. Nó quỳ bên cạnh tôi, cúi đầu nói điều gì lầm thầm trong miệng và khi ngước lên, đôi mắt đỏ hoe. Suốt đêm hôm ấy, tôi ngồi khóc một mình.Tôi nghĩ tình mẫu tử thật thiêng liêng, nhưng có lẽ ông trời đã phạt tôi. Tôi sinh ra Cao Nguyên, nhưng không bảo vệ được con mình, để mất nó trong núi rừng này từ ngày chỉ vừa lên bốn tuổi.

Tôi rời khỏi Cheo Reo, chạy ngược về cầu sông Ba theoTỉnh Lộ 7 ngày xưa, mang theo trong lòng nỗi đau đứt ruột. Đang giữa mùa xuân nhưng cả bầu trời nhuộm màu ảm đạm. Nhìn núi rừng hai bên đường, trong ràn rụa nước mắt, tôi mơ hồ như cây lá không còn nữa, mà tất cả đều mang hình dáng của những bộ xương người nối tiếp nhau, trùng điệp. Tai tôi nghe trăm ngàn tiếng khóc quyện vào trong gió. Không biết đó là tiếng khóc của người hay tiếng khóc của cây?

Phạm Tín an Ninh

(phỏng theo lời kể của một người vợ lính BĐQ)

Quyên Góp Cho Việt Nam và Luật Hoa Kỳ

TS. NGUYỄN ĐÌNH THẮNG

Người Việt ở Hoa Kỳ, dù ở cộng đồng lớn hay nhỏ, rất chịu khó đóng góp cho những công tác từ thiện ở Việt Nam. Ngay cả trong tình hình kinh tế khó khăn hiện nay, người mình vẫn tiếp tục hưởng ứng các chương trình quyên góp cho đồng bào ở trong nước. Điều này nói lên tình của người Việt tị nạn và di dân. Đã nói đến tình thì cũng phải nói đến lý.

Về lý, trong một bài trước tôi nêu lên sự thiếu quân bình trong vấn đề quyên góp: Hầu hết các đóng góp của người ở hải ngoại đều dồn cho Việt Nam; rất ít ai quan tâm đến nhu cầu của chính cộng đồng Việt ở Hoa Kỳ. Vì sự chểnh mảng này, cộng đồng của chúng ta kém phát triển so với các cộng đồng bạn, kể cả những cộng đồng nhỏ bé hơn nhiều. Ở đây tôi muốn nêu lên một khía cạnh về lý khác của sự quyên góp cho các chương trình ở Việt Nam: tính cách hợp pháp của những quyên góp ấy.

Theo luật Hoa Kỳ, mọi thu nhập đều phải đóng thuế, ngoại trừ thu nhập của các tổ chức được quy chế miễn thuế của chính phủ liên bang. Vì miễn thuế có thể hiểu là được bao cấp bởi tiền thuế của quần chúng, cho nên các tổ chức được hưởng quy chế này phải tuân thủ các đòi hỏi rất chặt chẽ của luật pháp.Một đòi hỏi căn bản là sự minh bạch về tài chánh, bao gồm sự minh bạch về thu, về quản lý, và về chi tiêu.

Về chi tiêu, sự minh bạch đòi hỏi mọi khoản chi đều phải truy cứu được, nghĩa là nhất nhất đồng xu nào chi ra cũng phải có biên nhận và được ghi vào sổ sách. Đối vơi tiền quyên góp ở Hoa Kỳ nhưng chi ở Việt Nam thì sự minh bạch không dễ thực hiện. Phần lớn người ở Việt Nam không xem sự truy cứu bằng giấy tờ là quan trọng và dễ bị tự ái khi được yêu cầu minh bạch. Đó là chưa kể tình trạng tham nhũng tràn lan khắp xã hội. Nhiều khi muốn đưa phẩm vật hay chuyển tiền cho dân, tổ chức từ thiện phải "trà nước" cho cán bộ, công an. Có tâm lý cho rằng thôi thì đành du di về nguyên tắc minh bạch để được việc, nhất là khi việc đó là việc nhân đạo; và dù biết du di như vậy là vi phạm luật pháp Hoa Kỳ, nhưng khéo che đậy thì đâu ai biết.

Hoa Kỳ, một đất nước non trẻ, đã phát triển nhanh chóng chính nhờ vào ý thức tôn trọng luật pháp nơi người dân. Ý thức ấy vừa thể hiện qua tinh thần tự giác của từng cá nhân vừa được thiết kế ngay vào các điều khoản luật chặt chẽ áp dụng đồng đều trong xã hội. Chính tinh thần thượng tôn luật pháp này đã giúp phát triển niềm tin và phát huy những quy ước hành sử chung trong xã hội, hai yếu tố căn bản của xã hội dân sự. Nhờ có một xã hội dân sự vững mạnh, Hoa Kỳ đã phát triển rất nhanh trong một thời gian tương đối ngắn kể từ khi lập quốc. Còn Việt Nam có gần năm ngàn năm văn hiến nhưng lại rất chậm phát triển và đang có chiều hướng đi lùi vì luật pháp lỏng lẻo; từ trên xuống dưới, từ lớn đến nhỏ đều sinh hoạt mờ ảo, tuỳ tiện và có ít nhiều gian dối. Trong xã hội như vậy, người ta chẳng ai muốn góp vào mà chỉ chực lấy ra, chỉ chực bòn rút của xã hội. Xã hội ngày càng hỗn độn và xơ xác.

Do đó những ai đứng ra quyên góp cho các chương trình từ thiện ở Việt Nam cần cảnh giác để không nhượng bộ về nguyên tắc minh bạch và không vi phạm luật pháp Hoa Kỳ. Chính những người đóng góp phải đòi hỏi sự minh bạch tuyệt đối trong mọi khoản chi tiêu và tuyệt nhiên không thoả hiệp với nạn tham nhũng ở Việt Nam.. Có vậy, chúng ta mới tránh không để những con sâu ở xã hội Việt Nam đục khoét nền móng pháp trị của Hoa Kỳ.

Kinh Tế Mỹ 2010

Tiến sĩ Tạ Cự Hải

LTS: Tác giả là Chủ Tịch Điều Hành các công ty tài chánh, địa ốc và luật tại vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Ông là cựu học sinh Trần Quốc Tuấn Quảng Ngãi và Chu Văn An Saigon, tốt nghiệp Kỹ Sư tại Saigon. Thạc Sĩ Khoa Học và Tiến Sĩ Luật Khoa Hoa Kỳ. TS Tạ Cự Hải viết tham khảo về kinh tế tài chánh và văn học trên một số tạp chí và diễn đàn, cũng như xuất hiện trên các hệ thống truyền hình và truyền thanh hải ngoại. Trong những ngày đầu năm mới 2010, với những quan tâm về tình hình (phục hồi) kinh tế của Hoa Kỳ ...Xin được giới thiệu đến Quý Vị, Quý NT và CH bài viết Kinh Tế Mỹ 2010 của TS Tạ Cự Hải, ông cũng là một cựu Sĩ Quan Chiến Tranh Chính Trị của QLVNCH...

Kinh tế Mỹ bắt đầu dao động từ tam cá nguyệt thứ ba của 2006, mốc thời gian mà thị trường địa ốc quá giá và các chương trình cho vay tiền dưới tiêu chuẩn đã lên đến tuyệt đỉnh, vượt khỏi tầm kiểm soát của các thành phần tham dự. Số người mua nhà và vay tiền mỗi ngày càng thêm giảm sút, thị trường địa ốc suy sụp, ngân hàng cho vay bắt đầu thua lỗ vì càng ngày càng có thêm những trường hợp trả trễ hoặc rơi vào tình trạng sắp sửa bị tịch thu. Vì vậy giá trị chứng khoán loại bảo đảm bởi nợ vay mua nhà (mortgage-backed securities) cũng bị giảm giá theo với vận tốc phi mã. Mặc dù kinh tế Mỹ đã bắt đầu có dấu hiệu chậm chạp từ tháng 12, 2007 nhưng bởi nhiều yếu tố khác nhau, có cả yếu tố chính trị của mùa tranh cử Tổng Thống và Quốc Hội Mỹ, nên phải tới chín tháng sau cuộc suy trầm kinh tế mới nổ bùng. Và như hậu quả tất nhiên của những phản ứng dây chuyền, nước Mỹ đi vào khủng hoảng tài chánh rồi kinh tế vào khoảng tháng 9, 2008, nặng nhẹ, sớm muộn là tùy địa phương. Trong hơn một năm qua, ngành hành pháp qua Bộ Ngân Khố, Quỹ Dự Trử Liên Bang, và Quốc Hội Mỹ cũng như các công ty đầu tư tài chánh lúng túng, cố tìm những giải pháp thich hợp để cứu chữa nhằm đưa kinh tế và hệ thống tài chánh Mỹ ra khỏi một trong những cuộc khủng hoảng trầm trọng nhất của lịch sử hiện đại. Tới giờ phút này, sắp sửa kết thúc năm 2009 và bước vào năm 2010, các biện pháp giải cứu chỉ được coi là thành công trong việc chận đứng sự rơi tự do của kinh tế nhưng về khả năng phục hồi thì có tính cách vá víu, chưa có những chính sách khả tín và lâu dài.

Kinh tế Mỹ cuối 2009

Đơn giản hóa, có ba dạng khủng hoảng kinh tế: (1) hình chữ V, đột ngột sụp xuống tận đáy rồi vọt lên lại liền, chỉ kéo dài 3-6 tháng; (2) hình chữ U, đi xuống, đi ngang 1 vài năm rồi mới lên lại; (3) hình chữ L, rớt xuống, đi lang thang khá lâu, có khi quá lâu làm ta mỏi mệt chừng như vô vọng. Cuộc khủng hoảng kinh tế Mỹ và toàn cầu lần này được xếp vào dạng chữ U.

Đại loại, một cuộc khủng hoảng kinh tế dạng hình chữ U có thể được chia làm 3 giai đoạn: (1) rơi tự do, (2) ổn định và (3) phục hồi. Giai đoạn rơi tự do chắc chắn đã qua rồi, kể từ cuối tháng 6, 2009. Tùy mỗi địa phương, kinh tế đã dần đổi sang giai đoạn ổn định hay đã đi vào giai đoạn phục hồi, ở những mức độ và vận tốc khác nhau. Một cách tổng quát, chúng ta có thể chia ra 3 vùng địa lý kinh tế: (1) vùng nóng, (2) vùng ôn hòa và (3) vùng nguội. Những vùng nóng, trong giai đoạn kinh tế phát triển, thường cung ứng rất nhiều công ăn việc làm trong ngành xây cất nhà cửa hay kỹ nghệ xe hơi hoặc những ngành thiết yếu và dịch vụ khác. Chính vì có nhiều công việc làm nên vùng này thu hút nhiều nhân công, lợi tức

theo đầu người gia tăng, do đó giá địa ốc nhảy vọt, khả năng tiêu thụ rất cao. Khi kinh tế suy sụp, nạn thất nghiệp gia tăng, nhiều gia đình bị giảm hoặc mất lợi tức, không còn khả năng trả tiền nhà, thẻ tín dụng, mua sắm nhu yếu phẩm, v.v. Vùng kinh tế nóng sẽ bị ảnh hưởng nặng nề nhất trên nhiều thị trường khác nhau một khi kinh tế bị khủng hoảng. Đây là trường hợp của một số địa phương chóng lớn như Cali, Arizona, Nevada, Michigan, Florida đã có một thời gian dài hàng chục năm kinh tế phát triển quá mức đưa đến trị giá ảo trong thị trường địa ốc. Những vùng kinh tế nóng, cùng với hệ thống đầu tư tài chánh thiếu kiểm soát trong nhiều thập niên, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp đã đóng góp đáng kể vào sự suy sụp của hệ thống tài chánh và kinh tế Mỹ hiện nay.

Những vùng kinh tế ôn hòa, các lãnh vực kinh tế địa phương nói chung thường có tính cách bình thường. Công ăn việc làm có tính bền, lợi tức tính theo đầu người vừa phải, không thay đổi đột ngột trong một thời gian ngắn. Kinh tế những vùng này cũng bị ảnh hưởng bởi sự suy trầm của kinh tế nhưng ở mức độ vừa phải, không nặng nề như vùng nóng. Chúng ta có thể kể đến Hawaii, Alaska,Washington state, Texas, Oklahoma, New Mexico, Idaho, North Carolina, South Carolina, Virginia, Maryland, Pennsylvania, New York, Connecticut, New Hampshire, Vermont, v.v. Giai đoạn ổn định và phục hồi cũng đến sớm và nhanh hơn so với vùng nóng.

Sau cùng là những vùng nguội, có tính trơ, tương đối ít nhạy cảm đối với những thay đổi của sinh hoạt kinh tế bên ngoài. Kinh tế Mỹ lên, giá nhà vẫn không lên theo. Kinh tế suy trầm, giá nhà vẫn đứng yên không xuống theo, tỉ số thất nghiệp không thay đổi, đôi khi còn là nơi có nhiều công ăn việc làm hơn những vùng khác, nhất là trong thời kỳ kinh tế bị khủng hoảng. North Dakota, South Dakota, Nebraska, Wyoming, Montana, New Mexico, Iowa, v.v. nằm trong số các địa phương hầu như được miễn nhiễm đối với căn bịnh kinh tế suy trầm.

Điều chắc chắn là sớm muộn gì cuộc khủng hoảng kinh tế nào rồi cũng sẽ phục hồi. Chỉ là vấn đề thời gian mà thôi. Ở thời điểm cuối năm 2009 này, chúng ta nhận thấy có những cải thiện trong một số lãnh vực: (1) tổng sản lượng nội địa (GDP), (2) Công việc làm, (3) hàng bán lẻ, (4) giá nhiên liệu (5) kỹ nghệ xe hơi, (6) địa ốc, (7) thị trường chứng khoán (8) nhà tịch thu. Bảy trong 8 lãnh vực kể trên là chỉ dấu phát triển hoặc suy trầm của một nền kinh tế. Hiện tại tất cả các lãnh vực nói trên đều cho thấy có sự cải thiện trong sáu tháng vừa qua.

(1) Tổng sản lượng nội địa (Gross Domestic Product)

Hầu hết các kinh tế gia đồng ý rằng kinh tế Mỹ đang trên đà phục hồi. Trong tam cá nguyệt thứ 3 của 2009 GDP đã tăng 2.2% điều chỉnh theo năm. Tam cá nguyệt 3/2008: -2.5%, tam cá nguyệt 4/2008: -5.5%, tam cá nguyệt 1/2009: -6.4%, tam cá nguyệt 2/2009: -0.4%, tam cá nguyệt 3/2009: +2.2%. GDP ở mức 2% trở lên có nghĩa là kinh tế đang ở vị trí bắt đầu tạo công việc làm, xí nghiệp sẽ mướn thêm nhân công, tỉ số thất nghiệp sẽ giảm từ từ (từ 10.2% xuống 10% theo phúc trình tháng 12/2009), dân chúng sẽ có thêm lợi tức, sẽ tái tạo niềm tin, sẽ bắt đầu mua sắm, do đó sẽ kích thích kinh tế bởi ảnh hưởng dây chuyền.

(2) Công việc làm

Tỉ lệ thất nghiệp hiện nay tính trung bình trên toàn nước Mỹ là 10%, nhưng thay đổi theo từng tiểu bang và địa phương. Cao nhất là Michigan (15.3%), thấp nhất là North Dakota (4.2%). Tỉ số thất nghiệp trên 11% ở CA, MI, OR, NV, RI, FL, SC, DC. Tỉ số thất nghiệp thấp dưới 8% gồm có ND, SD, NE, MT, WY, UT, CO, KS, OK, AR, LA, MD, VA, VT, NH, HI. Các tiểu bang còn lại có tỉ số thất nghiệp từ 8.1% đến 11%. Bị thất nghiệp, nghĩa là không có việc làm, nghĩa là mất lợi tức, không còn khả năng tiêu thụ, sẽ trực tiếp

ảnh hưởng đến khả năng trả tiền nhà, thẻ tín dụng, mua sắm, v.v. Sự kiện này dẫn đến hậu quả rất tai hại là hàng tồn kho ứ đọng, các xí nghiệp ngưng sản xuất, sa thải nhân công, đóng cửa, gây ảnh hưởng dây chuyền vô cùng tác hại, dẫn đến
tình trạng suy trầm kinh tế. Tỉ số thất nghiệp xuống mức 10% trung bình toàn quốc hiện nay chưa có gì đáng kể, nhưng là một chỉ dấu của xu hướng cải thiện. Đây là lần đầu tiên tỉ số thất nghiệp trong tháng giảm nhiều nhất kể từ khi kinh tế suy trầm từ 3 năm trước.
Diễn dịch một cách khác, công việc làm đã có xu hướng phục hồi phần nào.Suy sụp kinh tế luôn luôn dẫn đến nạn thất nghiệp. Số người mất việc càng gia tăng, mức tiêu thụ càng thấp, kinh tế càng đi xuống, càng có nhiều đe dọa dẫn đến khủng hoảng trầm trọng hơn. Khi nhận thấy tỷ số thất nghiệp trên đà gia tăng người ta sẽ phải quan ngại đây là báo hiệu đi xuống sâu hơn của kinh tế.
Bình thường nước Mỹ có khoảng gần 5% người tự ý thất nghiệp vì họ không xin việc, riêng vùng thủ đô Washington khoảng 2.5%. Tùy địa phương và khu vực kinh tế, tỷ số thất nghiệp tại Mỹ thay đổi. Trong 10 tháng đầu của 2008, Mỹ mất 1 triệu 200 ngàn việc làm, nâng tỷ số thất nghiệp trên toàn quốc lên 6.1% và vùng thủ đô lên 4.1%. Hiện nay, tháng 12, 2009, tỉ số thất nghiệp trên toàn quốc đã lên tới 10%. Trong khi đó tỷ số thất nghiệp tại Nhật Bản là 5.5% và các nước thuộc khối liên hiệp Âu châu trung bình là trên dưới 9%, ngoại trừ Tây Ban Nha có tỉ số thất nghiệp gần 19%. Riêng tại bắc Cali, Michigan, Ohio hiện nay có nơi thất nghiệp trên 15% tùy khu vực. Năm 1982 và 1983 nạn thất nghiệp tại Mỹ lên đến 9.6-9.7% và hạ dần xuống 5.5% năm 1988. Thời kỳ đại khủng hoảng kinh tế thế giới1929 tỷ số thất nghiệp tại Mỹ đã lên đến 25%. Vì thất nghiệp hiện nay gia tăng, dân chúng không có hoặc bị giảm lợi tức nên sống thắt lưng buộc bụng, ít mua sắm. Hàng hóa bị ứ đọng, theo luật cung cầu, phải hạ giá mới bán được. Hẳn nhiên người tiêu thụ hưởng lợi đoản kỳ nhưng một vấn nạn mới đã sinh ra. Thay vì trước đây sợ bị lạm phát (inflation) do vật giá leo thang thì nay lại lo sự mất giá của hàng hóa trên thị trường (deflation), làm tăng giá đồng Mỹ kim. Trong tuần lễ vừa qua đã có dấu hiệu của sự tăng giá đồng Mỹ Kim so với đồng Euro. Tình trạng này có thể sẽ dẫn đến sự thua lỗ của các công ty sản xuất, buộc phải sa thải bớt nhân công và do đó sẽ gia tăng tỷ số thất nghiệp. Sự kiện này đã gây ảnh hưởng dây chuyền đẩy nền kinh tế mỗi ngày càng thêm sâu vào suy sụp trong gần một năm qua. Mặc dù kinh tế đang có những dấu hiệu đi dần về tình trạng ổn định và phục hồi, các kinh tế gia dự đoán tỉ số thất nghiệp tại Mỹ sẽ có thể vượt lên trên mức 10% vào cuối năm 2009 và kéo dài đến mùa Xuân 2010.

(3) Hàng bán lẻ

Hàng bán lẻ đã có dấu hiệu phục hồi sinh lực trong 5 tháng vừa qua. Theo phúc trình của Bộ Thương Mại Hoa Kỳ, hàng bán lẻ tăng 1.3% trong tháng 11, gấp đôi mức dự đoán của các kinh tế gia. Điều này là chỉ dấu bước đầu của sự gia tăng niềm tin của người tiêu thụ vào hệ thống tài chánh và nền kinh tế Mỹ. Khả năng tiêu thụ của người dân ảnh hưởng đến 70% các sinh hoạt kinh tế quốc gia. Thế nên, hàng bán lẻ được tiêu thụ mạnh mẽ là chìa khóa cho một sự phục hồi kinh tế tốt.

(4) Nhiên liệu

Kinh nghiệm cho thấy giá dầu luôn luôn ảnh hưởng trực tiếp đến sức mạnh của kinh tế. Kinh tế đang trên đà ổn định và phục hồi, nên có người tiên đoán rằng giá dầu sẽ tăng trở lại, không phải ở giá $145 một thùng dầu thô hồi tháng 7/2008, nhưng sẽ ở mức $100 trong tương lai gần và có thể trên mức $145 trong những năm tới. Trung Cộng đang phát triển mạnh về kinh tế, kỹ nghệ nên có lắm tiền và là chủ nợ lớn nhất của Mỹ. Mỗi chú Ba Tàu đều sẽ mua một chiếc xe Cadillac nuốt xăng dữ lắm. Kỹ nghệ Trung Cộng với cơ xưởng máy móc còn lạc hậu, quá cũ nên thiếu hiệu năng, cần số lượng xăng dầu gấp 3 lần kỹ nghệ Mỹ mới có thể sản xuất cùng một sản phẩm tương tự như của Mỹ và châu Âu. Vì vậy cũng có người tiên đoán rằng giá dầu sẽ

tăng vì số cung không đáp ứng nổi số cầu. Nhưng theo tôi, chúng ta có thể an tâm và quên nỗi ưu tư đó đi. Trong vài ba năm tới, giá dầu thô sẽ vẫn ở dưới $100 vì kinh tế Mỹ cũng như toàn cầu vẫn còn phục hồi chậm chạp và đồng thời những biện pháp tiết kiệm nhiên liệu sẽ được phát triển, khai thác và áp dụng để thích ứng với nhu cầu mới. Các nhà phân tích của Deutsche Bank đã viết trong một tài liệu khảo cứu mới đây "thế giới sẽ chẳng bao giờ hết dầu đâu" với lý luận rằng thời kỳ đồ đá của loài người chấm dứt không phải vì thế giới hết đá. "Nếu thời kỳ dầu hỏa phải chấm dứt, không phải vì trái đất cạn dầu mà rất có thể là chúng ta trở nên hiệu quả hơn và đơn giản là chúng ta dùng ít dầu hơn". Thật vậy, từ thập niên 1980, kinh tế Mỹ đã giảm độ năng lượng (energy intensity) 2% mỗi năm. Deutsche Bank cũng tiên đoán rằng độ năng lượng sẽ giảm khoảng 3% trong vài ba năm tới bởi vì dân Mỹ sẽ mua nhiều xe ít tiêu thụ xăng, sẽ phản ứng một cách tích cực hơn khác với những cuộc khủng hoảng giá dầu 2004-2008. Ngoài ra chính phủ Mỹ sẽ có những biện pháp tiết kiệm hơn trong chinh sách về nhiên liệu. Năm 2005, Mỹ tiêu thụ khoảng 21 triệu thùng dầu thô mỗi ngày, ngày nay chỉ còn lại 19 triệu, theo Văn Phòng Thông Tin Năng Lượng. Có lẽ mức tiêu thụ nhiên liệu của Mỹ đã ra khỏi thời kỳ cao điểm và đang đi xuống và có thể sẽ ở mức này cho tới năm 2029.

(5) Kỹ nghệ xe hơi

Đây là một trong hai kỹ nghệ dẫn đầu trong sự thăng trầm của kinh tế Mỹ. Sau hơn 6 tháng thử thách với những chương trình giải cứu, tái tổ chức nội bộ hầu tiết giảm ngân sách và cải thiện kỹ thuật nhằm chế tạo xe tiết kiệm nhiên liệu đáp ứng thị trường mới, kỹ nghệ xe hơi Hoa Kỳ đã ra khỏi tình trạng suy sụp. Trong 3 tháng vừa qua số lượng xe bán đã gia tăng. Kinh tế gia tin rằng thị trường xe hơi sẽ cải thiện ở mức độ vừa phải trong năm 2010. Hẳn nhiên điều này còn tùy thuộc rất nhiều vào sự cải thiện của kinh tế nói chung và đặc biệt là sự gia tăng công ăn việc làm cho giới tiêu thụ.

(6) Thị trường địa ốc

Nguyên nhân gây ra cuộc khủng hoảng trầm trọng về kinh tế và tài chánh tại Mỹ là sự nổ bùng của thị trường địa ốc leo thang với giá ảo vào 2007. Giá nhà đi xuống gây mất mát tài chánh đáng kể làm rung chuyển các hệ thống tài chánh quan trọng trên toàn cầu cũng như tài sản của chính người dân Hoa Kỳ. Thế nên sự ổn định của thị trường địa ốc là mục tiêu thiết yếu trong việc phục hồi kinh tế.

Giá nhà bán đã và đang tiếp tục cải thiện trong gần suốt năm 2009 với những bước khá vững chắc cho ta cảm tưởng là giá nhà đã xuống tận đáy rồi. Số lượng nhà cũ bán gia tăng 10% trong tháng 10 và 7.4% tháng 11. Tuy nhiên số lượng nhà mới bán đã giảm 11.3% trong tháng 11, có lẽ vì chương trình giảm thuế $8000 cho người mua nhà lần đầu, thường là nhà nhỏ, giá thấp, đã ảnh hưởng đến ưu tiên chọn lựa của người tiêu thụ. Hẳn nhiên cũng có người cho rằng giá nhà hiện còn quá cao so với lợi tức người dân, nên còn có thể giảm thêm nữa. Chương trình giảm thuế của chính phủ liên bang cho người mua nhà lần đầu và lãi suất vay tiền hiện rất thấp dưới 5% cho 30 năm cố định không biết chắc sẽ còn tiếp tục được bao lâu. Thái độ bi quan vẫn còn chỗ đứng trong tâm lý người dân nhất là họ đang còn lo sợ cho công ăn việc làm trong nền kinh tế còn bấp bênh hiện nay. May mắn là hầu hết các tiểu bang bị ảnh hưởng nặng vì có thị trường địa ốc rất nóng trong thời kỳ cực thịnh và giá ảo trước đây nay đã dần dần trên đà ổn định và phục hồi với vận tốc khác nhau tùy theo khu vực kinh tế địa phương. Giá nhà có xu hướng được điều chỉnh xuống giá trị thực của thị trường hiện nay ở mức độ phải chăng so với lợi tức của người dân. Đây cũng chính là cơ hội cho những người mua nhà lần đầu hoặc có ý định đổi nhà.

(7) Thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán thường là chỉ dấu sớm nhất của chiều hướng kinh tế, có nghĩa là chứng khoán thay đổi trước khi kinh tế thực sự đổi hướng từ giai đoạn ổn định sang phục hồi hay ngược lại. Sở dĩ như vậy là vì

niềm tin lạc quan vào hệ thống tài chánh và kinh tế đã và đang được củng cố trong giới đầu tư và được thể hiện qua giá chứng khoán họ mua và dám tiên đoán sẽ tốt đẹp hơn trong thời gian sắp tới. Giá trị của chứng khoán là giá trị của sự kỳ vọng từng giờ từng phút và từng giây của giới đầu tư vào tương lai của nền kinh tế.

Kể từ tháng 3, 2009 (DJ: 6500) là thời điểm xấu nhất đến giữa tháng 12, 2009 (DJ: 10500) thị trường chứng khoán Mỹ đã phục hồi một cách đáng kể, 61.5%. Tính đến ngày hôm nay, trong năm 2009 Down Jones đã tăng gần 20%, và đang ở mức cao nhất trong vòng 14 tháng là 10,500, NASDAG gần 45% ở mức 2,280 và S&P 500 gần 25% ở mức 1,125. Có thể thị trường chứng khoán đang ở "bull market" đã lên quá cao, quá sớm, không tương xứng so với lợi tức của các doanh nghiệp trong giai đoạn này và một sự điều chỉnh thị trường chứng khoán cũng có thể xảy ra một cách nhẹ nhàng, không đe dọa gây ra một sự suy trầm kinh tế lần nữa. Trái lại nếu thị trường điều chỉnh 20% xuống "bear market" lại có thể tạo một cơn sốc cho hệ thống tài chánh có thể gây phản ứng dây chuyền xấu cho sự phục hồi kinh tế hiện đang còn yếu kém. Chúng ta không thể vừa vứt bỏ hàng ngàn tỉ đô-la tài sản vừa tiếp tục tin rằng chúng ta đang trên đường trở lại kinh tế bình thường được. Bởi lẽ nếu chúng ta rơi vào lại tình trạng khủng hoảng một lần nữa, thật khó mà có đường nào êm ả để thoát ra khỏi nó.

(8) Nhà tịch thu

Số lượng lớn lao về nhà bị tịch thu tự nó không phải là nguyên nhân chính đưa đến sự khủng hoảng tài chánh và kinh tế mà chỉ là hậu quả phải có tiếp theo sự sụp đổ của thị trường ảo của địa ốc. Sự suy sụp của ngành cho vay dẫn đến tình trạng hỗn loạn bán tháo chạy của hệ thống tài chánh Mỹ và thế giới đã lỡ đầu tư rất lớn vào các chứng khoán loại bảo đảm bởi giá trị của nợ cho vay mua nhà (MBS = Mortgage-Backed Securities). Hiện tại có tới 23% gia chủ có tiền nợ nhà cao hơn trị giá thực của ngôi nhà. Tình trạng này thường dẫn đến một trong hai hậu quả: (1) gia chủ không còn khả năng tiếp tục trả tiền hàng tháng và cũng không có thể bán được vì không có tài chánh để bù cho ngân hàng cho vay, do đó nhà sẽ bị tịch thu, (2) dù còn đủ khả năng trả tiền nhà nhưng không tương lai của sự cải thiện đáng kể của giá nhà, không đáng để tiếp tục giữ, gia chủ quyết định bỏ cho nhà bị tịch thu. Tuy nhiên, số hồ sơ nhà bị tich thu đã giảm trong ba tháng liên tiếp, 1% trong tháng 8, 4% trong tháng 9 và 3% trong tháng 10, 2009 là chỉ dấu tình trạng nhà bị tịch thu đã đổi chiều. Hẳn nhiên vẫn còn cơ sở để người ta có thể nghĩ rằng vẫn còn những ngày âm u phía trước vì những loại tiền vay dưới tiêu chuẩn có độ rủi ro rất cao, nợ nhà cao hơn trị giá nhà và nhất là nạn thất nghiệp vẫn còn cao và tiếp tục ít nhất là tới hết mùa Xuân năm 2010 sắp tới. Nói một cách khác, nhịp độ phục hồi của kinh tế hiện nay còn quá chậm chạp, chưa đủ sức lấn lướt các dữ kiện bi quan kể trên hầu có thể gia tốc sự phục hồi. Tình trạng nhà bị tịch thu vẫn còn là một trong những gánh nặng thực tế ảnh hưởng đến vận tốc phục hồi.

Viễn ảnh Kinh tế Mỹ 2010:

Dân chúng tự hỏi nhiều lần mỗi ngày khủng hoảng kinh tế trầm trọng tới mức nào và liệu bao giờ mới ra khỏi cuộc khủng hoảng?

Như tôi đã trình bày nhiều lần trên các chương trình truyền hình và phát thanh, cũng như trong các bài bình luận năm rồi trên mạng của các diễn đàn hải ngoại, sự phục hồi đúng nghĩa và hoàn toàn cần phải có thời gian và còn tùy thuộc vào vận tốc cải thiện của nạn thất nghiệp, yếu tố an ninh quốc gia, phản ứng của chính phủ Mỹ và toàn cầu qua các chương trình giải cứu đúng đối tượng theo những thứ tự ưu tiên hợp lý và các yếu tố bất ngờ khác. Hằng tuần suốt năm 2009 tôi đã thường xuyên phát biểu trong các chương trình phát thanh hải ngoại: "Nếu không có những biến cố bất ngờ và như lịch sử đã từng chứng minh, tôi nghĩ rằng hệ thống tài chánh nói riêng và kinh

tế Mỹ nói chung sẽ có xu hướng ổn định trong 3 tháng cuối của 2009 và bắt đầu phục hồi ở vận tốc khiêm tốn vào mùa Xuân 2010." Điều này hôm nay đã trở thành sự thật.

Hai kỹ nghệ dẫn đầu cho thấy kinh tế Mỹ đang bước vào suy thoái hay phục hồi là địa ốc và xe hơi. Kể từ tháng 6, 2009 đến nay hai kỹ nghệ này đang bước tới tuy chậm chạp nhưng vững chắc về vị trí ổn định và phục hồi. Có lẽ kỹ nghệ xe hơi sẽ tiến nhanh hơn vì họ đã nhận thức được sự lạc hậu của xe Mỹ đối với nhu cầu mới của thị trường tiêu thụ nhằm tiết giảm nhiên liệu và bớt lệ thuộc vào nhiên liệu ngoại quốc, tiết kiệm ngân sách bằng sự cải tổ nhân sự và kỹ thuật nhằm hạ giá thành của xe Mỹ để có thể cạnh tranh với xe ngoại quốc. Dân Mỹ cũng đã thay đổi thói quen dùng xe và phong cách sống thích ứng với nhu cầu kinh tế mới. Điều này kỹ nghệ xe hơi và dân Mỹ đang làm và tôi tin tưởng người Mỹ sẽ làm được và nhanh chóng trong năm 2010 và vài năm tới. Và do đó vấn đề tiết giảm mức tiêu thụ nhiên liệu cũng sẽ được cải thiện đáng kể.

Thị trường địa ốc phần lớn đã ổn định hoặc trên đà phục hồi tùy theo từng địa phương. Có thể sẽ phải cần từ 2 tới 5 năm để trở lại thị trường bình thường. Thị trường địa ốc ổn định sẽ kéo theo sự ổn định về hệ thống tín dụng cho vay tiền mua nhà. Hệ thống tài chánh ổn định cũng sẽ ảnh hưởng dây chuyền đến giới đầu tư hăng hái hơn trong việc xuất vốn cho doanh nghiệp vay, nhất là các doanh nghiệp nhỏ mà hiện nay chưa thấy có ưu tiên được chính phủ cũng như các ngân hàng cứu trợ hoặc cho vay.

Trong một năm qua, nhất là thời gian trước và sau ngày bầu cử Tổng Thống và Quốc Hội Mỹ, vì nhiều lý do, chính phủ TT Bush và Obama đã tỏ ra hốt hoảng và bối rối trong các biện pháp giải nguy hệ thống tài chánh và kinh tế Mỹ một cách quá vội vã và thiếu thứ tự ưu tiên hợp lý trong việc chọn lựa đối tượng cần được yểm trợ. Trong 787 tỉ Mỹ kim của chương trình TARP nhằm cứu nguy kinh tế Mỹ, phần lớn đã được tập trung vào các đại công ty tài chánh Mỹ thuộc loại "too big to fail" (quá lớn để sụp đổ) nên các công ty này nay đã phục hồi và phát triển. Đồng thời dân Mỹ và các doanh nghiệp nhỏ phải can qua bao khó khăn tài chánh, không còn khả năng trả tiền nhà khiến nhà bị tịch thu; không còn vốn để tiếp tục hoạt động đành phải đóng cửa doanh nghiệp. Nạn thất nghiệp và mất nhà đã gia tăng ở vận tốc khó lường. Chỉ mới bắt đầu tháng 12 này chính phủ mới muộn màng nghĩ đến việc dùng một phần của 200 tỉ còn lại của quỹ TARP trong việc tạo công việc làm cho dân Mỹ và giúp vốn cho các doanh nghiệp nhỏ vay để tiếp tục hoạt động. Đây là một trong những sai lầm trong thứ tự ưu tiên mà cả hai chính phủ Bush và Obama đã vấp phải, khiến cho dân chúng Mỹ và giới doanh nghiệp nhỏ phải chịu khủng hoảng trầm trọng trong hơn một năm qua. Đó cũng là lý do tại sao mặc dù kinh tế đang phục hồi mà tỉ số thất nghiệp vẫn sẽ còn tiếp tục gia tăng sang mùa Xuân năm tới. Tôi cũng đã từng viết trên diễn đàn: "Tôi nghĩ mục tiêu tối hậu của những chương trình cứu nguy phải là tạo công ăn việc làm và tạo quỹ tín dụng cho vay trở lại bình thường để dân chúng cũng như doanh nghiệp dễ dàng vay mượn. Kinh tế Mỹ sẽ được giải quyết trên căn bản đó." Thực vậy, doanh nghiệp nhỏ cung cấp khoảng 65% công việc làm cho người dân nên luôn luôn giữ một vai trò quan trọng trong sinh hoạt kinh tế Mỹ.

Hậu quả thảm hại của một cuộc khủng hoảng kinh tế là nạn thất nghiệp. Dân bị thất nghiệp, không có lợi tức. Không có lợi tức, dân không thể mua sắm. Dân không mua sắm, tồn kho ứ đọng, doanh nghiệp ngưng sản xuất và sa thải nhân công. Tệ hại hơn, doanh nghiệp lớn nhỏ có thể phải đóng cửa. Thế nên ưu tiên một trong giai đoạn này phải là tạo công việc làm cho người dân và cung cấp tín dụng cho vay dành cho doanh nghiệp nhỏ. Từ đó mọi khó khăn khác sẽ được nhịp nhàng giải quyết.

Kinh tế gia đồng ý với nhau rằng kinh tế Mỹ đang trên đường phục hồi nhưng lại

thiếu lạc quan và thống nhất về dự đoán khi nào các công việc làm đã mất sẽ trở lại tình trạng trước khi bị khủng hoảng. Tới 53.80% kinh tế gia đự đoán rằng công việc làm sẽ trở lại như cũ vào năm 2012; 33.30% tin là năm 2013; 5.10% sẽ là năm 2011; 2.6% dự đoán lạc quan là năm 2010 và sau cùng 5.10% dự đoán bi quan sẽ là sau năm 2013. Huntington Bank ở Columbus mới đây đã thăm dò hơn 200 chủ doanh nghiệp cho biết: 24% dự định sẽ bắt đầu thuê mướn nhân công vào tam cá nguyệt thứ 2 của 2010; 22% sẽ đợi đến 2011; và đáng sợ nhất là 16% nói sẽ chẳng bao giờ mướn trở lại nhân công bằng với số lượng trước cuộc khủng hoảng.

Mặc dù thị trường công việc có dấu hiệu cải thiện nhưng thực sự chưa đáng kể vì đa số người bị thất nghiệp chưa tìm lại được việc làm toàn thời gian như trước. Là dòng chính của xã hội nhưng tới giờ phút này trên thực tế dân Mỹ vẫn chưa thực sự được giúp đỡ vay tiền và ưu tiên cứu giúp từ chính phủ. Cũng do sự sai lạc và chậm trễ trong thứ tự ưu tiên của chính phủ Obama, phần lớn doanh nghiệp nhỏ không vay được tiền, thiếu ngân khoản điều hành, nên còn phải tiếp tục sa thải nhân công để sống sót. Thành thử tỉ số thất nghiệp sẽ tiếp tục gia tăng, có thể ở mức 10-10.5% cho tới mùa Xuân 2010 mới ngưng. Bắt đầu tam cá nguyệt thứ 2 của 2010 các xí nghiệp bắt đầu mướn lại nhân công và tỉ lệ thất nghiệp từ từ đi xuống. Tỉ lệ thất nghiệp sẽ ở mức 7-8% trong 3-4 năm trước khi cuối cùng về lại mức bình thường 5% của một sự phục hồi kinh tế hoàn toàn. Riêng những vùng có thị trường việc làm rất nóng trước đây sẽ có thể phải cần thời gian dài hơn để đem tỉ số thất nghiệp về lại mức bình thường. Quỹ tín dụng cho vay cấp thời dành cho doanh nghiệp nhỏ và người tiêu thụ là liều thuốc hồi sinh khẩn thiết trong giai đoạn này. Nạn thất nghiệp là yếu tố quan trọng nhất làm trì trệ vận tốc phục hồi của một nền kinh tế.

Một trong những phương thức quan sát dấu hiệu phục hồi của kinh tế là "yield curve" đo lường mức chênh lệch lãi suất giữa trái phiếu 2 năm và 10 năm. Sự sai biệt càng nới rộng, nghĩa là đường biểu diễn càng lên cao, thường đó là chỉ dấu tiêu biểu của kinh tế đang hướng về sự phục hồi. Một năm trước chỉ số sai biệt là 1.29. Tháng 1/2009 là 1.50. Tháng 6/2009 là 2.76. Ngày 22/12/2009 lên mức cao nhất 2.86. Kết luận là kinh tế Mỹ đang trên đà phục hồi.

Đồng thời Tổng Sản Lượng Nội Địa (GDP) đã cho thấy xu hướng cải thiện. Chỉ số GDP này là tín hiệu phản ảnh ngược chiều của tỉ số thất nghiệp. GDP lên, thất nghiệp xuống. Nếu GDP tăng từ 2.5% trở lên cho mỗi tam cá nguyệt thì đó là môi trường tốt để tạo công việc làm cho người dân. Kinh tế đang dần dà đi sang giai đoạn phục hồi vào khoảng cuối năm nay (2009) và mùa Xuân năm tới (2010) tùy theo từng địa phương. Theo kết quả thăm dò mới nhất của National Association of Business Economics, 48 kinh tế gia hàng đầu dự đoán kinh tế Mỹ trong tam cá nguyệt chót của 2009 sẽ phát triển ở mức 3% một năm. Ngoài ra họ cũng tiên đoán trong 4 tam cá nguyệt sắp tới của năm 2010, các sinh hoạt kinh tế Mỹ sẽ gia tăng 3.2%, cao hơn mức 3% như đã dự đoán trước đây.

Ánh sáng ở cuối đường hầm:

Chắc chắn là cuộc khủng hoảng kinh tế Mỹ đã ra khỏi giai đoạn hiểm nguy của sự rơi tự do và đang lần lượt đi vào giai đoạn ổn định hoặc phục hồi tùy theo địa phương. Vận tốc phục hồi sẽ chậm chạp trong 4, 5 năm tới. Tỉ số thất nghiệp sẽ ngừng gia tăng ở mức 10-10.5% vào mùa Xuân 2010 và bắt đầu giảm dần cũng ở vận tốc chậm trong thời gian 4, 5 năm tới. Ở giai đoạn và thời điểm này, nạn thất nghiệp là gánh nặng căn bản làm trì trệ sự phục hồi của kinh tế. Chừng nào tỉ số thất nghiệp còn cao hơn 5% thì cuộc khủng hoảng chưa hoàn toàn phục hồi theo đúng nghĩa của nó. Ngoài ra một khi kinh tế phục hồi, lạm phát sẽ trở thành vấn đề và tôi nghĩ rằng do vậy lãi suất sẽ có thể đi lên vào mùa hè 2010. Ánh sáng đã le lói ở cuối đường hầm. Có lẽ

chỉ còn khoảng từ 3 tới 6 tháng nữa là kinh tế Mỹ sẽ ra khỏi đường hầm. Chúng ta cần nuôi dưỡng một tinh thần lạc quan, củng cố niềm tin, sẵn sàng hăng hái bước vào một vận hội mới của nền kinh tế Mỹ của năm 2010 và nhiều năm phúc lợi trước mặt.

Bạn sẽ trả lời sao, nếu có ai nhỏ nhẹ hỏi bạn chừng nào nước Mỹ, nơi gia đình bạn từng hưởng không khí tự do và đời sống phúc lợi trong nhiều năm, sẽ ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế này?

Tạ Cự Hải, MS, JD
Virginia 25-12-2009

Thơ TRÚC LÂM

Xác Pháo

Xác pháo Xuân xưa đẹp lạ thường
Rực trời sắc thắm của quê hương
Gót hài, xiêm áo trên thảm đỏ
Ôi Xuân! Dáng nhỏ nét nghê thường

Xác pháo Xuân qua rợp góc làng
Quay đi lòng nặng cánh vương mang
Người ơi! Rồi bao mùa Xuân đến
Nhặt xác pháo hồng nhớ tình lang
Xác pháo Xuân nay chợt võ vàng
Vườn Xuân âm ẩm lạnh hơi sương
Trăng ngà nghiêng bóng sầu đối bóng
Thầm gọi tên người nỗi nhớ thương.

Trạm Nhớ Đầu

Anh vẫn nhớ mùa xuân năm cũ
Chuyến xe lam đưa khách qua cầu
Câu hỏi nàng trong dạ khắc sâu
Sao nỡ để tình đầu lỗi nhịp?

Xe lăn bánh đi xuôi về ngược
Trời chợt mưa, nắng chẳng hề đâu
Anh vô tình trời đổ mưa Ngâu
Nên duyên thắm hai đầu Ô Thước

Trách ai làm tình nhạt phai màu
Trạm nhớ đầu...xe lam một chuyến
Tơ không giăng dây đàn chùng phím
Gõ cung sầu...tri kỷ về đâu?

Anh phiêu bạt cuộc đời mây gió
Em âm thầm vàng võ chiều thu
Anh tung bay vào chốn sương mù
Em về đâu? Đường đời muôn ngõ

Em chờ đợi bao mùa mưa đổ
Nẻo sơn khê mong bước anh về
Dòng đời thay đổi, lìa xa quê
Quanh em sông núi bốn bề...
Ngổn ngang!

Gió Đầu Mùa

Gió đầu mùa chợt về se lạnh
Nơi quân hành anh chạnh nhớ em?
Nắng nơi đây vàng ấm bên thềm
Anh chợt về nổi nhớ diụ êm

Trúc Lâm

Ngày Xuân đọc Phiếm Luận:

ƯU THẾ và TÀ NGHĨA

Từ Đình Trần bá Đàm

Dẫn nhập: Cảm tác, nhân dịp giỗ quốc tổ trùng thời điểm tưởng niệm quốc hận ngày 30 tháng 4 năm 1975. ***Vua Hùng dựng nước, hậu duệ có bổn phận giữ nước.***

1 - Hội nghị Ba Lê năm 1973, Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ ký kết với việt cộng, Mỹ rút quân về nước giao chiến trường cho QLVNCH. Còn lực lượng việt cộng xâm lăng miền nam Quốc Gia không rút về bắc. Đến nay, khi chấp nhận cho cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào tổ chức WTO. Mỹ lại đồng ý cho văn hóa phẩm xã nghĩa được tự do nhập vào Mỹ. Còn văn hóa phẩm nói chung ở bên Mỹ khi nhập vào xã nghĩa phải kiểm duyệt.

2 – Dư luận, năm 1973 Mỹ ký hiệp định Ba Lê rút ra miền nam quốc gia để việt cộng tiến chiếm. Là chiến lược tương kế với trung cộng nhằm mục đích lật đổ cộng hòa liên bang sô viết và đã kết quả vào đầu thập niên 1990. Đến nay, Mỹ lại để cho xã nghĩa được tự do nhập văn hóa phẩm vào Mỹ. Là nhìn thấy chỉ là tuyên truyền một chiều cố hữu, không tạo được ảnh hưởng quan tâm mà còn để lộ mặt thật. Riêng tác phẩm của Mỹ khi ấn hành tùy giá trị văn chương, thời sự. hữu xạ tự nhiên hương phải mua với giá "Best sellers". Điển hình hồi ký của bà Hillary Clinton bán ở Trung hoa và thế giới.

3 - Đặc biệt về văn hóa phẩm của người quốc gia tỵ nạn cấm nhập vào Việt Nam, thì hiện nay đâu có phải là thời kỳ bức màn sắt. Nên ở hải ngoại nếu có tác phẩm nào giá trị, thì dân nội địa khi nghe thấy là đi tìm mua chui để đọc rồi phổ biến rỉ tai. Do đó, bây giờ có những bài viết ở trong nước đưa lên mạng, nhờ tham khảo các tác phẩm này. Mà có nhận định **trung thực về quốc gia cộng sản** đã bị bưng bít bấy lâu nay, rất bất lợi cho xã nghĩa.

4 - Còn nói về văn hóa phẩm của việt cộng đang lưu hành ở Mỹ, để trong thư viện, trường đại học. Xét chỉ là sách tạp kiến thức để dân chúng, sinh viên đọc tìm hiểu, đâu có qua mặt được cơ quan văn hóa Mỹ đưa qua những sách gây hại. Tóm lại văn hóa phẩm nói chung của tim óc Việt Nam phải tốn kém in, ấn. dù ở trong hay ngoài nước được lưu hành bên Mỷ hiện nay. Đều phục vụ cho nước Mỹ mà sở tại không phải tốn phí gì cả. Sự thật là vậy, nhưng khi thấy Mỹ giải quyết về giao lưu văn hóa theo mong muốn của việt cộng ở nghị trường, Phái đoàn xã nghĩa tưởng là Mỹ kém biết đánh giá tuyên truyền nên tuyên bố đã thắng lợi, không biết đó là **diễn tiến hòa bình**!

5 – Danh tác thơ của đại tướng Lý Thường Kiệt triều đại nhà Lý 1010-1225 sau Công nguyên:

Nam quốc sơn hà nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Sơ lược ý nghĩa: Giang sơn của nước Nam vua Nam ở. Định phận do mệnh trời. Bất khả xâm phạm…Tác dụng, phục vụ tâm lý chiến trong quân ngũ thời bấy giờ, được phổ biến dưới dạng thi nhạc ca ngâm. Diễn tả ý xuất thần, giọng hào

khí trượng phu, **kinh viện giáo khoa giữ nước.** Nói về võ nghiệp thì nhà thơ còn là vị danh tướng lợi dụng lúc tình hình nước Trung Hoa bất ổn. Đã thống xuất đạo quân vượt qua biên giới tấn công Châu Ung và Châu Liêm rồi rút về, tỏ khí thế làm nước lớn phải nể mặt khi có toan tính xấu.

6 – Đề cập thơ nhạc tâm lý chiến địch vận cổ kim cận đại:

a - Truyện cổ Trung hoa, tiếng sáo điêu luyện của Trương Lương đã làm tan rã 1 đạo quân. Vì gợi trúng tâm lý quân sĩ chinh chiến lâu năm nhớ nhà, đời sống gian nguy không biết ngày trở về quê, còn khải hoàn ca thì xa vời!

b – Trong chiến tranh Việt minh - Pháp 1946 - 1954, địch vận thâu vào đĩa hát thể nhạc mà lính Pháp ưa thích, Rồi phái du kích ban đêm bò đến gần đồn bắn đánh động, tiếp mở nhạc có loa phóng thanh hướng về đồn Pháp. Trong đồn phản ứng bắn bich kích pháo 81 về phía du kích nấp dưới hố đào hàm ếch, nhưng đạn phải rơi trúng hố thì mới tiêu diệt được. Khó lắm!

7 – Nói về quân đội viễn chinh Pháp ngoài thành phần hiện dịch chuyên nghiệp, còn có lính đăng tình nguyện thời hạn, lính đi quân dịch 03 năm, nên địch vận việt minh không thể tác dụng như tiếng sáo Trương Lương. Tuy nhiên, sau một thời gian tham chiến, quân Pháp đã bị sa sút tinh thần vì gặp khó khăn không tiên liệu. Khí hậu mùa hè ở Việt Nam tuy thuộc ôn đới nhưng có ngày nóng tới 40 độ **+.** Mùa đông miền bắc tuy không xuống âm độ nhưng rét khí ẩm lạnh thấu xương, **trong ruột lạnh ra** phải sưởi bằng lửa mới ấm. Còn dù mặc hai, ba lớp áo mà đi ngoài gió rét thì vẫn run, có khi bị cảm lạnh về nhà nằm liệt. Quá khứ, quân tầu xâm lăng Việt Nam cũng đã bị khốn đốn khí hậu khắc nghiệt này, gọi là **" Thủy thổ bất phục**" làm mất sức. Trời sinh, trời dưỡng mọc cho cây thuốc **Lào** hút điếu bát, điếu cầy chất liệu âm dương ngũ hành. (*) Quý vị Quân Cán Chính nào bị ra ngoài bắc cải tạo, lúc lạnh run hai hàm răng đánh cầm cập. **Mà được hút thuốc lào dít điếu cầy, rồi hãm khói bằng ngụm trà nóng là thấy bớt run liền.**

8 - Vì áp xuất nhiệt đới nên thường xuyên mưa to, gió lớn, bão lụt, cao nguyên sương mù, rất trở ngại nói chung cho bộ binh, thiết giáp và phi, pháo. Nói về hành quân tảo thanh, càn quét, truy lùng trên địa thế làng mạc vườn ruộng, rừng núi sình lầy vất vả mà không gập địch. Chỉ gặp nút chặn có 01 du kích, nấp chỗ thuận tiện ngụy trang cách đường đi của quân Pháp ít trăm thước. Thiện xạ dùng ống nhòm tìm đội hình có cần ăng ten truyền tin, nhắm **bắn tỉa cấp chỉ huy** đeo súng ngắn đi gần đó, rồi bỏ chạy khuất vào bóng cây rậm dù bắn trúng, trật. Vì mục tiêu di chuyển nên bắn khó trúng, nhưng nếu bị trúng thì khó sống vì đạn bắn tỉa ở cự ly gần xuyên phá.

9 - Trên đường di chuyển lính Pháp gặp dân không phân biệt được địch trà trộn. Còn tình báo việt minh nhờ dân làm tai mắt nên nắm thế chủ động, dồn Pháp vào thế thụ động. Đôi khi Pháp còn bị phản gián nội công, ngoại kích, vì tuyển nhầm người cộng sự do việt minh gài vào. Trường hợp quân Pháp bị phục kích tuyến, phục kích vùng, bị công đồn, giao tranh trận địa chiến. Phải đối phó với quân số địch tập trung đông hơn, hỏa lực mạnh hơn, địa hình giao tranh do việt minh chọn lựa, để áp dụng chiến thuật, điển hình:

a – **Công đồn đả viện**. Đánh đồn vây hãm, để phục kích diệt viện binh.

b - **Tứ khoái:** Là 4 nhanh: Xung phong, tấn công, truy kích và rút lui để tránh phi pháo của ta truy dập. **Nhất màn**: Là một chậm, cấp chỉ huy đơn vị đì thám sát trận địa về lập sa bàn rồi hội lại tập dượt. Lên kế hoạch phân nhiệm sau quyết định bàn thảo. Ấn định ngày, giờ ra quân xung trận. Kết thúc chiến dịch, hội thảo toàn đơn vị rút ưu khuyết điểm, kinh nghiệm, để sử dụng kế tiếp. Thưởng, phạt quân sĩ hữu công, vi phạm kỷ luật. Lối đánh này do tướng Trung cộng Lâm Bưu tham khảo từ Tôn-Ngô binh pháp. Đã áp dụng trong nội chiến Quốc Cộng ở đại lục đạt chiến thắng năm 1949, Mao trạch Đông cộng sản tấn chiếm Hoa lục, Tưởng giới Thạch Trung Hoa Dân Quốc phải chạy ra đảo Đài Loan. Đến năm 1950 quan thầy trung cộng đã cử cố vấn sang huấn luyện cho vệ quốc đoàn,

tiền thân quân đội nhân dân thao luyện chiến thuật, chiến lược này để áp dụng ở chiến tranh Việt Nam

10 - Việt cộng ca tụng cách đánh của trung cộng bách chiến bách thắng, nhưng đối với QLVNCH trải qua thử lửa, vẫn sáng kiến đối phó hữu hiệu bằng **phản tấn kích**. Đơn vị tinh nhuệ hàng đầu của việt cộng khi đối tuyến đều ngán ngẩm phản ứng của đơn vị tổng trừ bị của QLVNCH. Trong lúc quân miền nam súng đạn phải nhờ viện trợ. Về chiến thuật, chiến lược không được toàn quyền và phải ảnh hưởng Mỹ. Nói về chiến thuật, chiến lược của Mỹ về trận địa chiến ỷ thế kho chất nổ dồi dào. Còn đối với du kích chiến thường đánh gió tốn kém mà ít kết quả, điển hình hàng rào điện tử Mac Namara. Vì không phân biệt được hơi nóng của người và súc vật, nên bắn pháo ra ngoài đồng trống phí đạn. Một trái đạn đại bác 105 ly giá khoảng 800 đô la và dù là viện trợ nhưng vẫn tính theo giá thị trường vũ khí. Nợ viện trợ phải nai lưng ra trả đến đời con, cháu mới hết. Một đàn trâu giắt đi ăn cỏ không ngờ gần máy điện tử gài ở đường đi kế đó, đã bị bắn hai loạt 8 trái đạn 105 ly. Tiếp đó máy bay thám thính tới quan sát thấy kết quả chỉ có trâu và người chăn chết. Một chuẩn úy trong đơn vị là chuyên viên đi đặt máy cảm ứng điện tử kể với tôi như vậy. Còn về cộng sản, Phạm văn Đồng đã ký nhượng đảo Hoàng sa để đổi viện trợ và nhờ tầu bảo vệ, yểm trợ chống Mỹ. **Thê thảm quá**! Chiến tranh Việt Nam do Hồ chí Minh gây chiến kéo dài từ năm 1946 đến năm 1975, dân tộc Việt đã được hưởng cái gì? (*)

11 – Nói về trận Khe Sanh, Võ nguyên Giáp được Trung - Sô yểm trợ vũ khí hiện đại, còn cộng sản Việt Nam dùng chiến thuật " Nhân Hải" biển người như ở **chiến trường Cao ly** đầu thập niên 1950, để tạo chiến thắng Điện biên phủ lần thứ hai. Nếu Mỹ kém hỏa lực phi, pháo như Pháp thì Điện biên phủ thứ 2 ở miền trung đã xẩy ra rồi. Nhưng kết cuộc Mỷ thấy Khe sanh là hiểm địa bất lợi, nên đã rút bỏ sau khi đổ cả núi của xuống đó. Theo binh pháp cũng là thua, vì khi lập căn cứ phòng thủ chiến thuật nhưng mới thử lửa có một lần mà đã phải rút lui, tham mưu dở quá. Mặc đù Mỹ có khả năng dùng cứ điểm như là cục đường nhử kiến đến bu rồi dùng hỏa lực phi pháo tiêu diệt! Trong trận này Mỹ thử giò, yêu cầu quân của ta tham chiến vào lúc cao điểm bị bao vây. Một tiểu đoàn Biệt động quân Việt Nam được tăng phái đã phải chiến đấu cam go với cường tập của địch. Ngoài giữ vững tuyến phòng thủ, **BĐQ** sát còn gan dạ bung ra xung sát địch tịch thu vũ khí. Do Majeur, **đơn vị đã bị tổn thất xót xa đến chảy máu mắt.**

Khe Sanh những ngày sôi động

Sau trận này lính nhà giầu to con ăn Ration C, trong đó có thuốc lá hộp giấy 10 điếu **Pall Mall**. hay **Salem** hấp dẫn. Đến ngày, còn được phát **cà rem và trái cây cam nho, lê, táo**. Lính nhà giầu đã phải nể tinh thần chiến đấu của lính nhà nghèo nhỏ con ăn cơm gạo sấy với thịt lợn hộp quân tiếp vụ. Vì lính nghèo và khi đói ăn cái gì cũng ngon, nhưng cơm gạo xấy ăn khô lại thiếu rau nên khó đi cầu. Trông mặt lính chiến bị táo bón thấy **nhăn nhó** trong lúc phải **căng thẳng** đối đầu với địch, còn xin thuốc xổ của quân y thì lấy đâu ra cho đủ. **Phần hành trách nhiệm về dinh dưỡng QLVNCH, ai đã sáng chế ra cơm sấy và thịt hộp lát nạc ít mỡ nhiều đa đoan này?** Nói về bị thương lính Mỹ

thường tỏ kém chịu đựng hơn lính Việt, nhất là to họng rên la có người còn khóc lóc thảm thiết nữa, làm ảnh hưởng đến tinh thần đồng đội. Ngôn ngữ Mỹ **"Đồi thịt bầm"** phát ra từ trận Khe Sanh.

12 - Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ thường tự hào chưa bao giờ thua trận là nhờ giầu có, ngân sách quốc phòng dồi dào, trang bị, tiếp vận hữu hiệu , phi pháo cực mạnh. **1 lính chiến được 4 lính yểm trợ tham mưu, tiếp vận**. Còn bộ chiến đã thấy ở Việt Nam, về kỹ thuật tác chiến được khổ luyện, nhưng không xuất chúng. Trong đệ nhị thế chiến Mỹ thắng Nhật là nhờ bom nguyên tử, trận oanh tạc khủng khiếp xuống đất Nhật bằng pháo đài bay B29, **đội hình hàng 9 dài 9 cây số**, bay trên độ cao súng cao sạ bắn không tới. Từ các căn cứ Mỹ bay rợp trời đến rải bom thảm đủ loại lên thủ đô Đông Kinh. Nhà cửa ở đây phần lớn làm bằng vật liệu nhẹ để ngừa động đất nên tạo ra biển lửa, thế mà tinh thần võ sĩ đạo đâu có nao núng. Trích tài liệu chiến tranh (…Terrible bombarder sur le capital Tokyo Japonaise… B29 colonne par neuf et neuf kilomètres de long…) Phát xít Nhật chỉ chịu đầu hàng khi bị ném 2 bom nguyên tử xuống Quảng Đảo và Trường Kỳ.

13 - Hiệp định Genève năm 1954 chia đôi Việt Nam, miền bắc cộng sản, miến nam Quốc Gia. Thời gian hòa bình để chuẩn bị chiến tranh được 6 năm từ 1954 đến 1960 thì tái phát. Bình luận trong ngoài nước tiên đoán đây là trận chiến khốc liệt, song hành chiến tranh lạnh giữa 2 khối cộng sản – tư bản. Siêu cường lấy Đông Dương làm chiến trường đọ sức, thử nghiệm vũ khí, đối đầu ý thức hệ. Kết thúc chưa rõ thắng bại, nhưng tầm cỡ tàn phá và chết người sẽ khủng khiếp để địa phương phải lãnh trọn.

14 - Trước thời sự bi quan, dân chúng miến Nam nhận thức là nhược tiểu bị áp đặt số phận khắc nghiệt nhưng làm sao đây, đành chịu đựng tới đâu hay tới đó. Riêng giới trẻ có số tiêu cực sợ bị động viên, nên phát sinh tâm lý "Yêu cuồng sống vội'. Trong môi trường này sách thuyết hiện sinh điển hình của Jean Paul Sartre và Albert Camus, được chuyển ngữ in phổ biến bán rất chạy. Rõ nét, giới sinh viên rất chuộng, giá mua rẻ bằng bữa điểm tâm sáng.

15 - Đề cập về âm nhạc lấy mốc từ năm 1965 Mỹ đổ quân vào Việt Nam, chiến tranh leo thang. Lúc cao độ, quân số tham chiến của QLVNCH khoảng 1 triệu quân, còn quân Mỹ và đồng minh khoảng 1/2 triệu quân. Thời kỳ Saigon đã tự phát thể nhạc tên "Hippy", mô phỏng, sao chép từ nhạc Mỹ, chuyển ngữ lời Việt. Khi hát biểu diễn bộ điệu tây phương nên gọi là kích động nhạc, giật gân. Ngoài ra còn có thể nhạc buồn than thở cám cảnh thời đại chiến tranh tàn phá chết chóc, ly tán. Ca nhạc thời thượng đưa lên phổ biến trên đài phát thanh, đài vô tuyến truyền hình và các tụ điểm, được ưa chuộng vì mới lạ và giúp người ta khuây khỏa được thực tại trong chốc lát.

16 – Nhạc Hippy vì trúng thị hiếu nên đã lên **"Ngôi"**, tổ chức nhạc hội hàng tuần đông nghẹt, giúp vui ở các câu lạc bộ đồng minh. Đồng thời, mỗi khi cục **Tâm lý chiến** làm công tác phục vụ tiền tuyến, quyên góp ủng hộ chiến sĩ, đều phải nhờ đến nhạc trẻ để thu hút người tham dự đạt số đông nhiều ngàn. **Cơ hội này có số người phát tài, phát tướng hãnh điện**, **nhưng nếu *TRI* thức nghe nhạc bằng trái tim, bằng cái đầu nhân bản hay bằng cọ sát bản năng?** Độc đáo có một ca nhạc sĩ đào hoa khoe lấy mấy vợ gồm da vàng, da trắng, da mầu. Đông phương, trong tứ thư, ngũ kinh có chương **Nhạc**. Giải trí tao nhã đại chúng, **Nhạc** xếp hạng **"Cầm Kỳ Thi Họa**". Nhưng trong lúc giặc giã nạn nước mà vô tâm như vậy, bị gọi là **"Xướng Ca Vô Loài".** Tuy nhiên, có khen, có chê, vì quân nhân đi phép đến xem nhạc trẻ ở các tụ điểm điển hình: Đêm mầu hồng, Givral vv…Có cảm nghĩ thủ đô Saigon ăn chơi thụ hưởng ích kỷ, trong lúc ở tiền tuyến quân sĩ phải nằm sương, gối đất. **Gian nguy hy sinh chiến đấu, thấy đấy mất đấy rửa cẳng lên bàn thờ**. Saigon ban đêm đèn mầu nhấp nháy, xe động cơ bóng loáng đủ loại chạy ngược xuôi náo nhiệt tung bụi mù. Tài tử giai nhân y phục thời trang dập dìu ăn chơi như thời bình, nếu không có tiếng đại bác ru đêm vọng về. Nhạc Hippy, trẻ

con chơi ngoài đường tụ tập bắt trước, vỗ tay nhịp hát Hippy choi choi **lỗ đít có giòi.**

17 – ***Đề cập thể nhạc phản chiến tranh (*) thấy bi thảm với lời ca điền hình: “”Ngày mai đi nhận xác chồng. Cuồng si thủa ấy, bây giờ hiển linh…” “Anh trở về hàng cây nghiêng ngả, anh trở về dang dở đời em. Quan tài phủ quốc kỳ, hai hàng nến trong.” “Lá vàng còn ở trên cây, lá xanh rụng xuống, trời ơi hỡi trời?”*** **Ngút ngàn xót thương cô nhi, quả phụ, tổ phụ! Loại nhạc này đã bãi bỏ trên truyền thông và hát chỗ công cộng**

18 – Thời điểm đó đem so sánh tâm lý chiến hai miền, thì miền bắc áp dụng một chiều, thần thánh hóa hồ chí minh, ca tụng lý tưởng thế giới đại đồng, mơ một mùa xuân không biên giới. Học tập căm thù Mỹ - Ngụy. “Diệt chủng, diệt sinh, diệt môi trường sống ”, quân sĩ ngụy tàn bạo… Vì lý tưởng vô sản sinh bắc tử nam vv… Về văn nghệ giải trí phục vụ công – nông - binh bằng thơ văn chuyên chính vô sản, ca múa Son- Đố- Mì (*). Tuyệt đối cấm nhạc vàng văn hóa phong kiến, tiểu tư sản đồi trụy. Nhà thơ, đại đội trưởng vệ quốc đoàn Tây tiến thời điểm khởi thủy kháng Pháp năm 1946. Sáng tác thơ trữ tình: **Thoáng hiện em về trong đáy cốc – Nói cười như chuyện một đêm mơ.** Thơ chiến đấu**: Áo bào thay chiếu anh về đất – Sông Mã gầm lên khúc độc hành,** đã bị trù dập cấm sáng tác cho đến cuối đời.

19 – Sau năm 1975 thi văn nhạc ca kịch nghệ của dân di, tỵ nạn cộng sản ở hải ngoại đã một thời khởi sắc nhạc mới, tài năng mới, phục vụ sinh hoạt chánh trị mà cựu quân nhân QLVNCH là mũi nhọn tiếp tục đấu tranh chống cộng, lấy nguyên quốc kỳ cờ vàng ba sọc đỏ làm biểu tượng. Nhưng sau đó phải đối phó với kiểu vận dồi dào nhân lực, vật lực cấp nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cao điểm đưa nghị quyết 36 vào trận hiện nay, với ưu thế dùng âm nhạc, ca kịch nghệ. Cử nghệ nhân ra hải ngoại hoạt động với âm mưu từng bước thao túng, khuất phục cộng đồng Việt Nam làm công cụ cho chế độ độc tài toàn trị tồn tại. **Chúng ta đang bị thử thách!**

20 – Trên đây chỉ là góc độ thuật lại quá khứ, căn cứ từng trải, sách truyện khả tín thì thấy cộng sản luôn nắm ưu thế. Nhưng chỉ vì **tà nghĩa** nên đến nay vẫn chưa hạ được biểu tượng cờ vàng ba sọc đỏ, dứt điểm được người Quốc gia chính nghĩa. Tôi trích dẫn hồi ký tường thuật của tác giả Bùi đức Lạc nguyên sĩ quan nhảy dù, chỉ huy trong trận tết Mậu thân năm 1968 ở Huế. Đăng trên Đặc san **CHIẾN SĨ CỘNG HÒA xuân Kỷ Sửu năm 2009**. Để thấy tinh thần chịu đựng và anh dũng **hy sinh vô biên** của chiến sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, dù gặp hoàn cảnh thất thế nào vẫn cố vượt qua:

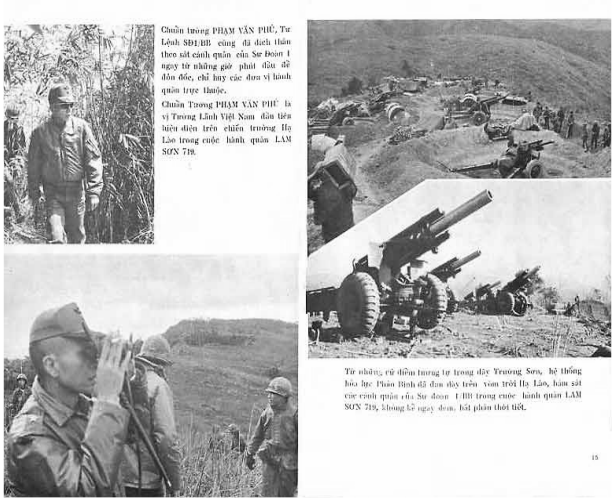
Chuẩn tướng PHẠM VĂN PHÚ, Tư Lệnh SĐ1/BB cùng đi dích thân theo sát cánh quân của Sư Đoàn 1 ngay từ những giờ phút đầu để đôn đốc, chỉ huy các đơn vị hành quân trực thuộc.

Chuẩn Tướng PHẠM VĂN PHÚ là vị Tướng Lãnh Việt Nam đầu tiên hiện diện trên chiến trường Hạ Lào trong cuộc hành quân LAM SƠN 719.

Từ những cứ điểm trong tự trong dãy Trường Sơn, hệ thống hỏa lực Pháo Binh đã đan dày trên vòm trời Hạ Lào, bảo vệ các cánh quân của Sư đoàn 1 BB trong cuộc hành quân LAM SƠN 719, không kể ngày đêm, bất phân thời tiết.

15

Tướng Phạm Văn Phú tại mặt trận Hạ Lào 1972

…**Trang 30 và 40. Sau liên tục giao tranh ác liệt với địch 1 chống 3, các tiểu đoàn 2, 5 và 7 nhảy dù, về quân số khiển dụng của mỗi đơn vị chỉ còn khoảng không trên 150. Vì kho hết đạn nên pháo binh của ta phải xin phía Mỹ tiếp tế vào ngày 02 tháng 02 năm 1968. Tuy khẩn cấp vẫn phải đợi 6 ngày đạn mới gửi tới, nhưng khi nhận được thì thật não nề vì là 3000 đạn trái khói. Nội vụ xẩy ra thật khó hiểu nếu nói là bị nhầm thì vô lý, vì thùng đạn nổ và thùng đạn khói ngoài tiêu đề rõ ràng, còn phân biệt bề ngoài như cô con gái với bà già (Nguyên văn). Trong chiến tranhViệt Nam đã có xẩy trường hợp phi, pháo Mỹ đánh trúng đơn vị ta rồi nói là nhầm...?**

Đến nay, ra hải ngoại các chiến sĩ VNCH đủ Quân Binh Chủng ngoài lo thích ứng hòa nhập thăng tiến trong xã hội mới. Có một số lại tiếp tục cơm nhà vác ngà voi, cơm nhà vác tù và hàng tổng phục vụ cộng đồng và thể hiện nguyện vọng nước Việt có thể chế tự do **tam quyền phân lập** làm quốc kế dân sinh.

21 – Hồi nhớ Kissinger –Lê đức Thọ chủ động ký hiệp định Ba Lê 1973, bỏ rơi chế độ miến nam quốc gia mà ta thấy: **không có đồng minh vĩnh cửu. không có kẻ thù truyền kiếp mà chỉ có quyền lợi muôn đời!** Do đó, nếu là nước nhỏ phải **tương kế tựu kế** xử trí thì mới không bị chi phối và lệ thuộc.

a – Mỹ dở chứng làm khó, giảm viện trợ để QLVNCH mất tinh thần đi đến tan rã, nhưng thấy quân ta vẫn bòn mót tiết kiệm chiến đấu giữ vững không để mất một địa phương nào cho đến cuối cuộc chiến. Điển hình, nói riêng về quân chủng lục quân, đạn đại bác đang được tiếp vận theo nhu cầu chiến trường, giảm khoán mỗi ngày còn 9 viên. Nhiên liệu thiếu, xe của đơn vị trưởng cũng phải giảm săng đi chung xe, trong lúc địch gia tăng hoạt động.
b – Áp lực, tạo hỗn loạn rút quân ở Quân khu I và Quân khu II, giúp cho quân việt cộng tổng tiến công chiếm thủ đô Saigon trong 55 ngày chiến dịch.
c - Sử dụng Dương văn Minh **(mạt tướng),** đã cầm đầu lật đổ chế độ Đệ I Cộng Hòa và sát hại Tổng Thống Ngô đình Diệm cùng 2 bào đệ năm 1963. (*) Đến cuối tháng 4 năm 1975 dành quyền 3 ngày làm tổng thống, để ra lệnh cho QLVNCH buông súng, rã ngũ vào 30 tháng tư. **Quốc hận!**
d **–** Sát phạt quân bại trận bất chấp luật tù binh quốc tế, hành xử Đại Tá **Hồ Ngọc Cẩn** vì gương anh dũng chống trả đến phút cuối cùng không tuân thủ lệnh đầu hàng, tướng **Lê minh Đảo, Trần bá Di, Lê văn Thân và Đỗ kế Giai**. Là 4 vị tướng chót bị giam 17 năm đến năm 1992 mới được ra tù, quý vị này hiện còn sống ở bên Mỹ.

22 - Hiện nay, nguyên cựu quân nhân QLVNCH thế hệ 1920 và 1930 ở hải ngoại đã có nhiều người khuất bóng, ai còn lại thì già cỗi. Chỉ còn thế hệ 1940 và 1950 cũng đã lên lão(*)nhưng có số vẫn hoạt động vì tinh thần ái quốc không có tuổi. Kế thừa là **hậu duệ** ở trong khối trên 3 triệu người Việt Nam ở hải ngoại hiện nay, với niềm tin chánh nghĩa Quốc Gia tất thắng.

23 - Đề cập chế độ xã nghĩa toàn trị hiện nay trên đã "Hủy thể", điển hình:
Cực quyền không còn tin tương lai bất trắc, nên đã vơ vét tiền viện trợ của nước ngoài và tước đoạt của dân để thủ thân. Xuẩn động đã gây ra đối đầu với dân nghèo, trong đó có cả những người có công của chế độ xã nghĩa. Đàn áp tôn giáo chính thống, dựng lên tôn giáo quốc doanh thờ quỷ vương hồ chí minh chung với chư Phật. Hiến đất biển và cho trung hoa khai thác mỏ Bô xít ở cao nguyên, bất chấp dân chúng phản kháng vì tai hại môi trường sống. Bán nước, buôn dân để nhờ cậy ngoại lai củng cố chế độ toàn trị chống diễn tiến hòa bình. Mặc dù biết kẻ thù truyền kiếp hiện đang thi hành âm mưu "Tàm Thực", để từng bước đồng hóa Việt Nam. **Đây là cơ hội ngàn năm một thủa của đại hán bành trướng. từ thời nhà tiền Lê thế kỷ thứ X sau công nguyên cho đến nay. Nhưng hồn thiêng sông núi Việt tộc, cũng là đến ngày XÓA BỎ CỜ ĐỎ 5 NGÔI SAO, NHƯ XOÁ BỎ CỜ BÚA LIÊ`M. *Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư*. Thông Điệp.**

24 - Truyền thống Việt Nam khi quốc gia lâm nguy thì xuất hiện nhân tài cứu nước, về người ái quốc và sĩ phu thì hàng hàng, lớp, Điển hình hiện nay có Hòa Thượng Thích Huyền Quang đệ tứ tăng thống giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (đã viên tịch). Trí huệ ban hành giáo chỉ số 9 cứu vãn Phật Giáo. Hòa Thượng **Thích Quảng Độ** xử lý tăng thống kêu gọi biểu tình tại gia chống xã nghĩa buôn dân, bán nước, được cộng đồng di, tỵ nạn cộng sản hải ngoại nhiệt liệt hưởng ứng nhất tâm.

Khẩn cầu quốc tổ Hùng Vương soi sáng cho hậu duệ ý thức được sự đe dọa của kẻ thù truyền kiếp, không ai vong bản bàng quang trước sự tồn vong của Việt tộc. (*). Lẽ biến dịch: **Cùng tắc biến - Biến tắc thông – Thông tắc cửu.**

Tôi xin phép dẫn sách giáo khoa, phải tự cứu thì trời mới cứu, giặc đến nhà đàn bà phải đánh, còn tranh đấu dẹp được xã nghĩa thì đường còn dài. Nên người Việt Nam nói chung, **phải củng cố niềm tin, kiên trì và tôi luyện cập nhật kiến thức để hành động. Ở Đồng tháp mười có giống lúa tự nhiên, vào mùa nước nổi nước dâng tới đâu lúa mọc tới đó để sống còn. Quốc Gia tồn tại quy luật, vì có từ ngàn xưa, tiếp nối, tồn tại. Quá khứ trải 1000 bắc thuộc, anh hùng Ngô Quyền vẫn dành lại được nước.**

Từ Đình Trần bá Đàm
Hội viên hội Cựu Quân Nhân QLVNCHOntario

Chú thích: (*) Đông phương, tuổi 50 **Ngũ thập chi thiên mệnh** lên lão làng.

(*) Chế tác điếu hút thuốc Lào: **Kim**, nõ điếu bằng đồng. **Mộc**, se điếu cây trúc. **Thủy**, điếu đổ nước. **Hỏa**, lửa đốt thuốc. **Thổ**, bát điếu đất nung tráng men. Khi hút tiếng nước sóc kêu dòn, say tê mê. **Nhớ ai như nhớ thuốc Lào. Đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên. Hút thuốc lào ít bị ung thư phổi, tôi đã hút khoảng 40 năm cho đến năm 1992 di dân đến Toronto.**

(*) Thời quốc gia thấy hình hồ chí minh ca múa Son Đố Mì với phụ nữ nên đã có vè: **Son Đố Mì** là ôm nhau đi, nhờ bác hồ mà ta mê ly.

(*) Nhà ái quốc bất bạo động Gandhi Ấn Độ đã thắng đế quốc Anh Cát Lợi

(*) Mục sư Martin Luther King người Mỹ da mầu, đã ôn hòa tranh đấu dân quyền mầu da nên bị ám sát, trở thành danh nhân. Đến nay, người Mỹ mẹ da trắng lai da mầu gốc Kenya tên Barack Obama, đầu tiên được bầu làm Tổng thống Hoa kỳ số phiếu bầu cao. **Ra lãnh trách nhiệm trong lúc nước Mỹ khủng hoảng kinh tế, sa lầy chiến tranh ở Iran và có nhiều kẻ thù!**

(*) Cộng sản, trong tham vọng nhuộm đỏ thế giới, sách động dân chúng đình công bãi thị. Còn Quốc gia đấu tranh chống chế độ toàn trị buôn dân, bán nước và đại hán bành trướng, Hô hào biểu tình tại gia. **Dân sự bất tuân. Riêng đám tiếm danh được PHÉP TRÍ TRÁ ĂN THEO RA THÔNG CÁO THUÊ ĐĂNG BÁO, chống khai thác bô xít, chống đe dọa đồng hóa, NHƯNG KHÔNG NHẬP CUỘC BIỂ?U TÌNH TẠI GIA. VÌ ĐÂY LÀ RANH HẠN ĐỊNH. TÔ'I KỴ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.**

(*) Nhạc Hippy và nhạc cám cảnh chiến tranh ra đời do thời thế, chừng mực có giá trị nghệ thuật, nhưng không giúp ích gì cho công cuộc chống xâm lăng cộng sản. Đến nay ca nhạc giải trí theo nhu cầu, lại tiếp bị xã nghĩa khai thác **ru ngủ dân và phá rối cộng đồng hải ngoại** để củng cố chế độ toàn trị.

(*) Các tướng nhận tiền thuê của Mỹ lật đổ chế độ đệ nhất cộng hòa, sát hại Tổng thống, Trích giải mã, Tổng thống Johnson phát biểu: A GỞDDAM BUNCH OF THUGS. **Nguyền rủa đám tham của giết người.** Trong số này hiện nay có người đã chết bệnh, chết già. Mai hữu Xuân vào cuối đời vì sám hối có lúc nói sảng "Lạy **cụ tha thứ cho con**". Nguyễn cao Kỳ về Việt Nam làm tay sai thi hành nghị quyết 36 đi hô hào hòa hợp, hòa giải. Theo gót nhóm thông luận Nguyễn gia Kiểng ở Ba Lê Pháp đã làm từ thập niên 1980.

(*) Sau 34 năm thống nhất 1975- 2009 nhưng chưa thống nhất được lòng người, chưa có độc lập tự do hạnh phúc. Đất nước vẫn xếp hạng nghèo trên thế giới, từ ngữ xóa đói giảm nghèo, cứu trợ, viện trợ được nhắc đến mỗi ngày. Cùng với những dự án dời non lấp biển trên giấy tờ, mặc dù kiến trúc đang làm đã bị đổ sập. Còn đến nay năm 2009 mới dự tính lập trường đại học **tiêu chuẩn quốc tế** ở Hà nội, Huế, Đà nẵng và Saigon. Vân hóa không dạy tiếng cám ơn cá

nhân, vì chỉ có cám ơn đảng, Trước năm 1954 thân hữu gặp nhau hỏi có khỏe không, trả lời đúng lập trường: **Cám ơn bác, đảng. tôi khỏe**. Sau đó, bị dân đồng dao là lố lăng nên không duy trì nữa.

Thanh niên hải ngoại về thăm Hà nội **hết hồn** khi thấy thiếu nữ xinh như mộng mà chửi thề dòn tan. Vào nhà hàng uống rượu, hút thuốc cùng thanh niên. Ai nói tử tế là người lẩm cẩm. Lớn bé già trẻ đều gọi là anh chị. Dân đi biểu tình khiếu nại nhà đất bị cướp đoạt và chống đại hán bành trướng lấn chiếm đất biển bị công an đàn áp. Xây chùa bạt ngàn, đào tạo sư xã hội chủ nghĩa học tư tưởng mác-lê-hồ. Đưa hồ chí minh lên thờ chung với chư Phật. Xếp chùa vào dịch vụ du lịch, làm lễ nghi tôn giáo hình thức biểu diễn bóng sắc! Đời sống xã hội đầy dẫy kẻ ăn không hết, người lần chẳng ra! Dân đau ốm phải trả tiền trước thì bệnh viện mới cho vào nằm điều trị, nghèo là chịu chết. Giáo dục cấp sơ, tiểu học phải đóng phí khoản. **Nhà nghèo bỏ học!**

Vì đạo đức xã nghĩa xuống cấp bị xấu danh trên thế giới đến nỗi tổng giám mục Ngô quang Kiệt nói, khi xuất ngoại lấy làm nhục nhã mang hộ chiếu Việt Nam. Hiện nay xã nghĩa đang tính nhờ Khổng giáo giúp chừng mực sửa sai, nhưng nếu theo Khổng Tử thì cũng sai. Vì sau thời gian áp dụng đã lộ có điểm không thức thời trái tự nhiên và tàn ác dã man điển hình: **Nam giới, Quân Sư Phụ. Ngu trung-Ngu hiếu. Nữ giới, tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử. Làm vua cha truyền con nối, ghét ai là chém và còn chém cả họ tộc người ta.** Mạnh tử ra đời sau Khổng tử khoảng thế kỷ có tư tưởng tiến bộ: **Dân vi quý-Xã tắc thứ chi-Quân vi khinh.** Hiện tình, nếu xã nghĩa ngoan cố không làm theo ý dân theo xu thế thời đại, lập chế độ dân chủ tam quyền phân lập. Thì dù có sửa thế nào thì cũng vậy thôi vì càng sửa càng sai. Còn ngoan cố để dân vùng lên lật đổ thì hậu quả, **hãy nhìn gương ở đông Âu!** NAM MÔ CỨU KHỔ CỨU NẠN QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT MA HA TÁT. XIN CHÚA THƯƠNG XÓT CHÚNG TÔI.

MỘNG NGÀY XANH

Lấp lánh sương mai chạm đầu cành
Mộng ngày xanh yến anh đúng hẹn
Dõi tin đưa cánh én quay về
Ngát hương thề đượm thắm tình xuân

Làn gió mới bâng khuâng khóm trúc
Bướm vờn quanh thôi thúc cành mai
Nắng hiên ngoài trở giấc hương xưa
Chiều Ba Mươi vẳng đưa tiếng pháo

Rộn ràng tà vạt áo trinh nguyên
Nơi đầu tuyến lòng người lính trẻ
Bao lần xuân hẹn sẽ trở về
Vén trừ tịch cơn mê đến vội

Cánh sen nồng màu môi thắm đọng
Buổi ban đầu xây mộng duyên sau
Em dáng mỏng anh đào rực rỡ
Tuổi ngây thơ ngan ngát nụ hồng

Thơ dăm câu chờ mong khao khát!

MÀU ÁO EM

Ô kìa! Trên khoảng trời xanh
Ẩn trong mây trắng thiên thanh áo nàng
Xuân sang điểm cánh mai vàng
Phất phơ tà lụa lẫn hàng trúc xanh
Đàn én thoáng thấp lượn quanh
Dệt mơ mộng báo tin lành trúc mai
Hóa thân cánh bướm vờn bay
Thỏa lòng mong nhớ thôi rày tương tư
Lòng đà ngoài mặt dường như
Ngẩn ngơ màu áo…kể từ biết nhau

Đoan Khánh
Xuân 2010

MÙA HOA ANH ĐÀO NỞ

(Người Con Dâu)

LƯU HỒNG PHÚC

Tháng tư thường cho tôi nhiều nỗi buồn và nhớ. Buồn vì từ đó ta làm thân mất nước không nhà và nhớ vì trước đó có quá nhiều kỷ niệm không bao giờ còn tìm lại được. Giữa lúc lòng tôi đang chơi vơi thì chị bạn rủ theo đoàn người về thủ đô Hoa thịnh Đốn để coi hoa Anh Đào nở và nhất là đi thăm bức tường đá đen, ghi lại tên tuổi của hơn năm mươi tám ngàn tử sĩ Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ, đã bỏ mình để bảo vệ tự do của miền Nam xưa. Với tôi đó là một dịp may đến thật tình cờ. Tôi vẫn thường nghe nói về vườn hoa Anh Đào mà vương quốc Nhật tặng cho nhân dân Mỹ khi xưa ở thủ đô, đang khoe sắc mỗi độ xuân về. Thật như thỏa tấm lòng vì cả hai, được nhìn những cành hoa mà cả một thời tuổi trẻ ước mơ và đến tận nơi bức tường đá đen để tìm một người đã là điều tôi mong muốn từ lâu. Thế nên tôi thu xếp hành trang vội vã đi ngay. Hơn hai mươi bốn giờ ngồi trên xe theo nhóm người du ngoạn đã đưa tôi từ miền Texas xa xôi về tới thủ đô. Con đường Ohio chạy dọc theo bờ sông Potomac hoa Anh đào đã nở rực rỡ một màu hồng phơn phớt trắng. Hơi lạnh đầy trong không khí của một mùa đông dài còn sót lại, vương qua mùa xuân, đọng trên những cánh hoa dọc theo con đường Constitution dẫn đến bức tường đá đen nằm kia, trầm mặc u buồn.

Tháng Tư, hoa đã nở từ lâu. Xác hoa rơi lả tả làm hồng cả một khoảng không gian quanh những con đường chạy dọc theo công viên. Hoa Anh Đào thật đây rồi, những cánh hoa mà tươi xinh ngày xưa tôi chỉ được nhìn thấy trong phim ảnh rồi thầm cảm mến những kiếm sĩ của xứ Phù tang, cô đơn vung đường gươm, để hoa rơi trong tuyết lạnh, thì hôm nay đang rực rỡ khoe sắc trước mắt tôi đây. Tôi tách ra khỏi nhóm người đi bộ một mình dưới những tàn cây. Tôi vẫn thích được đi một mình để nhớ về những ngày tháng đã dần qua.

Ngày xưa chưa mất miền Nam gia đình tôi đã có một cuộc sống ấm êm hạnh phúc. Chồng tôi, một người lính trận, mỗi lần về phép thường hay cùng đi với một quân nhân Mỹ, cố vấn trong đơn vị. Hai người cùng làm việc, cùng chung sở thích và ý nguyện nên rất thân nhau. Thuở ấy tôi không biết nhiều về đất Mỹ như bây giờ nhưng qua lời anh diễn tả, cũng đủ hiểu rằng người lính Mỹ ấy đến từ một vùng quê xa xôi miền trung bắc Hoa Kỳ. Ngoài cái vẻ bên ngoài rất tài tử, râu ria xồm xoàm vì những ngày tháng lăn lóc trong chiến trận chưa kịp cắt tỉa thì Mike Wright thật nhân hậu và hiền lành. Tôi cũng ngạc nhiên với tấm lòng rộng lượng hồn nhiên của người Mỹ. Họ đã mang biết bao nhiêu tài sản, cả sinh mạng khi đến giúp đất nước tôi, hòa nhập vào đời sống người dân bản xứ, tươi vui trong cuộc sống. Bởi thế, anh chàng râu tia xồm xoàm Mike chiếm được cảm tình của gia đình, nhất là bà chị lớn chưa chồng của chúng tôi ngay. Chuyện tình của một người lính viễn

chinh từ một đất nước xa xôi với người con gái Việt Nam còn nguyên nền nếp gia phong diễn ra thật êm đềm hạnh phúc với một đám cưới đậm chất phương Đông. Chị tôi khăn đóng, áo dài bên cạnh anh Mike cũng áo dài khăn đóng. Trông họ cũng thật vừa đôi.

Từ đó tôi không còn cô đơn trông ngóng hằng đêm mà có cả chị tôi là kẻ đồng tình, đồng cảnh. Chúng tôi đã có những ngày đợi chờ trong lo lắng, đã có những ngày đoàn viên trong hạnh phúc. Những tháng tươi vui của một thời son trẻ tưởng như không bao giờ dứt cho đến một ngày kia. Tôi không quên được cái ngày người chỉ huy hậu cứ tiểu đoàn đích thân đến báo cho tôi biết là chồng tôi và đơn vị của chàng không về nữa. Cả người cố vấn Mỹ dễ thương đang là anh rể của tôi cũng cùng chung số phận. Một đơn vị oai hùng, thiện chiến, tưởng như là không bao giờ thua trận đã nằm lại đâu đó trên vùng đất Hạ Lào của mùa hè khói lửa. Tôi và người chị ngày ấy thực sự bị cuốn vào những cơn ác mộng, nhất là khi chị tôi biết được rằng mình vừa khó ở, chưa thông báo cho Mike biết về đứa con vừa thành hình trong bụng chị.

Sau khi miền Nam lọt vào tay phương Bắc là một quãng đời địa ngục trần gian đến với chúng tôi. Nhất là chị với đứa con lai đã hứng chịu trăm đắng ngàn cay bởi vì sự dè bỉu, khinh khi cũng như phân biệt đối xử của người cai trị mới. Chị tôi bị hành hạ, bị lăng nhục, bị đe dọa đưa vào cái trại gọi là phục hồi nhân phẩm mà thực chất là tước đoạt hết nhân phẩm con người. Chịu đựng bao nhiêu đắng cay khổ sở nhưng chị tôi vẫn cắn răng làm việc nuôi dạy con khôn lớn nên người. Có một điều làm tôi lạ lùng là tình yêu của chị dành cho anh hơn hẳn những thường tình. Chị luôn nhắc tới anh với những lời yêu thương trang trọng, với sự bùi ngùi thương tiếc của một người góa phụ tưởng nhớ thương chồng. Chị không đòi hỏi gì ở anh cũng như đất nước anh. Khi chương trình tái định cư những người con lai bắt đầu, tôi cũng tưởng chị vui sướng lắm. Nhưng không, chị từ chối ra đi chỉ vì còn nặng lòng với mảnh đất được sinh ra và đứa cháu tôi cũng vui vẻ vâng theo lời mẹ. Tôi không giống và cũng không chịu đựng được như chị. Tôi chọn ra đi để đưa các con tôi về với tự do. Khi con thuyền mong manh đưa chúng tôi ra biển, tôi đã thầm cầu nguyện ơn trên cho chúng tôi vượt sóng được bình an. Tôi đã chọn tự do hay là chết và chân thành cầu xin đó là sự chọn lựa đúng đắn và may mắn nhất trong đời...

Cứ mải suy nghĩ và đi theo con đường hoa, tôi đến trước bức tường đá đen tự bao giờ. Con đường dần xuống thấp để những dòng tên trắng hiện ra. Một cặp vợ chồng người Mỹ trắng đã già lắm, run rẩy dắt tay nhau bước lên bực thang. Mắt người đàn bà còn ướt đỏ. Tôi đoán rằng bà vừa mới khóc. Gặp nhau trên bực thang đầu tiên, tôi vui vẻ chào hai người rồi hỏi lớn:

-Ông bà từ đâu tới.

-Chúng tôi từ Ohio, còn cô.

- Thưa ông bà tôi từ Texas.

Người đàn ông râu dài nhưng cắt tỉa gọn gàng, dáng vẻ hiền từ thân thiện. Ông ta mỉm cười hỏi lại.

-Tôi muốn hỏi cô người nước nào. Phi, Tàu, Nhật hay Thái lan.

-Thưa ông tôi là người Việt Nam.

Bỗng nhiên tôi thấy gương bặt người đàn bà dường như đổi sắc. Hình như một sự giận dữ bất ngờ chợt làm bà ta vùng vằng cố bước lên bậc thang ngắn tiến về phía trước. Tôi ngạc nhiên nhìn ông già chờ đợi một lời giải thích về cử chỉ bất thường của bà. Chắc có một điều gì không ổn vì tôi biết đa số người Mỹ thường lịch sự, ít ai bày tỏ ngay những điều khó chịu trong lòng. Như đóan được ý nghĩ của tôi ông buồn rầu giải thích.

-Cô đừng buồn với thái độ của vợ tôi. Bà ấy đang buồn rầu. Chúng tôi mất đứa con trai duy nhất ở Việt Nam, nên mỗi khi thấy người Việt Nam vợ tôi lại xúc động, không ngăn được cảm xúc nên có những cử chỉ bất thường.

Tôi nhìn bà già đã ngồi xuống chiếc ghế đá bên lối đi, đang run rẩy cố chống hai tay lên đùi, mắt vô hồn nhìn vào quãng không gian phía trước. Nếu tôi mất con cho một cái xứ sở xa lạ nào chắc gì tôi còn giữ được bình tĩnh như bà. Lòng tôi rạt rào niềm thương xót để nói với ông rằng tôi thông cảm tâm tình của những bà mẹ mất con cho một dân tộc họ không hề mảy may biết tới. Trong lúc xúc động tôi cũng nói với

ông là chính tôi và gia đình tôi cũng mất mát rất nhiều trong cuộc chiến chống cộng sản xâm lăng đó. Và đau đớn hơn thế nữa, chúng tôi đã mất cả quê hương, tổ quốc. Ông già Mỹ luôn luôn lập đi lập lại rằng tôi biết, chúng tôi biết, rồi xin phép tôi chạy đến săn sóc cho bà đã ngồi xuống ghế đá cách đó không xa lắm . Ông nói lớn, chào từ giã khi tôi đi lần xuống phía dưới để dò tìm những hàng chữ mang tên người anh rể ngoại chủng năm xưa đã nằm xuống ở Việt Nam. Tôi biết vần W sẽ nằm ở hàng cuối cùng nhưng cũng mất một lúc lâu mới tìm thấy cái tên Mikes Wright, tên người anh rể tôi năm kia, khiêm nhường giữa tên của bao nhiêu người. Nhỏ bé và đơn giản trong một không gian bao la, nhưng thật hào hùng độ lượng như cuộc đời anh và đất nước đang cưu mang chúng tôi đây. Tôi lặng chìm trong những giấc mơ xưa về một gia đình hạnh phúc mà nhớ đến chồng tôi. Tên của Mikes người ta còn nhớ chứ tên của chồng tôi kẻ thù đã xóa đi. Ngay cả miếng đất nhỏ bé mà chồng tôi an nghỉ người ta cũng đang toan tính cướp mất của anh. Tôi nhớ nghĩa trang quân đội Biên Hòa. Nhớ đến giây phút vật vã khóc lóc nhìn thi hài anh được truy thăng cấp bậc. Nhớ đến những khuôn mặt lầm lỳ, chai sạn vì gió bụi của những người lính bồng súng chào chồng tôi lần cuối khi đưa chàng về với đất mẹ năm xưa. Giữa lúc lặng yên tưởng nhớ thì mấy bà bạn tôi xuất hiện. Các bà gọi la tên tôi ơi ới, trách tôi xé lẻ tìm vui một mình. Cả bọn trầm trồ, chỉ trỏ reo vui với những cái tên lạ, nói cười vui vẻ như không cần biết gì về những niềm đau. Ôi nhân thế thường mau quên để sống, chỉ có mình tôi hay đi ngược thời gian về những dòng sông cũ. Chúng tôi lại rủ nhau đi thăm viện bảo tàng không gian gần đó. Một đoàn người vừa đi vừa cười, vừa hỏi thăm đường rộn vui lên góc phố nhưngchẳng thấy phiền hà.

Đến trưa lúc sắp ra về tôi lại gặp cặp vợ chồng người Mỹ ban sáng. Lạ một điều là tôi thấy ông già có nét gì rất quen. Lần này bà có vẻ vui hơn, mỉm cười khi tôi chào gặp lại. Chắc ông đã giải thích cho bà biết rằng ai cũng có những nỗi buồn, những mất mát khác nhau chứ không phải riêng bà. Chúng tôi đứng ngoài hành lang nói chuyện. Ông bà cho tôi biết sẽ về lại Ohio chiều mai, một nông trại xa xôi nằm sát biên giới tiểu bang Indiana. Ông nói thế nhưng tôi chẳng hình dung được gì ngoài những con số mà tôi đoán rằng đất đai chắc là rộng lớn. Tôi cũng cho ông biết chúng tôi ở đây thêm vài ngày, đi thăm một vài nơi nữa rồi chào từ giã theo dòng người thăm viếng.

Buổi sáng hôm sau tôi có thói quen thức dậy thật sớm trong lúc mọi người còn say trong giấc ngủ. Tôi mở cửa bước ra ngoài, đi bộ theo con đường Ohio dọc theo bờ sông, rồi tình cờ bước dần về phía bức tường đá đen. Trời còn sớm quá nhưng tôi thấy dưới chân bức tường thấp thoáng bóng người. Bước tới gần hơn tôi bất ngờ nhận ra ông bà già Mỹ hôm qua đang ở đó tự bao giờ. Bà ngồi hẳn xuống đưa tay sờ lên những hàng tên như vuốt ve một vật gì quý giá. Gặp lại nhau tôi lên tiếng:

- Chào ông bà. Ông bà ra đây sớm quá. Tôi cứ tưởng chỉ mình tôi đi bộ trong khu này. Ông ôn tồn giải thích:

- Chiều nay chúng tôi trở về Ohio rồi nên thu xếp thời gian thăm lại nơi đây lần nữa.

Bà vẫn không nói, đưa tay sờ lên phiến đá. Tôi chắc bà thương yêu người con và đau đớn lắm khi nhìn lên hàng chữ có tên con mình. Mắt tôi tò mò nhìn theo và ngạc nhiên thấy tay bà đang đặt trên hàng chữ của vần W. Như có một linh tính báo trước chuyện lạ lùng tôi buột miệng hỏi ông:

- Con trai của ông bà tên là gì nhỉ. Anh ấy mất ở Việt nam năm nào?

- Con trai tôi tên là Mikes Wright, Tử trận ở Việt năm năm 1972. Tên nó đây, ngay đây này...

Vừa nói ông vừa chỉ về phía tay bà đang xoa xoa che khuất cái tên mà trước đây tôi đã đặt tay vào. Chính đó là tên anh rể của tôi. Cha của đứa cháu mồ côi mà chị tôi yêu quý như báu vật của cuộc đời mình. Tôi đứng lặng người nhìn ông rồi lại nhìn bà. Sao cuộc đời lại có sự tình cờ kỳ diệu đến thế này. Để chắc chắn mình không nằm mơ tôi hỏi lại những chi tiết rất chung chung mà tôi còn nhớ về anh.

- Anh Mikes của ông bà rất nhiều râu và vui tính lắm phải không?

- Cô nói gì tôi không hiểu. Dĩ nhiên ngày ấy Mikes còn trẻ lắm nên râu ria mọc là thường.

Tôi nhìn lại ông và mơ hồ thấy nét quen thuộc mà tôi chợt khám phá ra hôm qua, là ông trông rất giống Mike ở cái cằm vuông vức và bộ râu rậm dài. Ông già bùi ngùi nói tiếp.

- Vợ tôi buồn một điều là đáng lẽ ra Mikes đã hết hạn phục vụ ở Việt nam trở về Mỹ nhưng vì yêu thương một người con gái bản xứ nên tình nguyện phục vụ thêm một thời hạn nữa và cái thời hạn đó không bao giờ chấm dứt..

- Thế ông bà có biết tin tức gì về người con gái ấy không.?

- Mikes có gởi cho chúng tôi một tấm hình, thông báo là đã thành hôn. Lâu quá rồi nhưng chúng tôi còn giữ tấm hình ấy trong tập ảnh gia đình ở Ohio. Chỉ có thế mà thôi.

Tôi muốn nói với ông chính tôi là em người con gái Việt Nam ấy nhưng sợ rằng mình nhận lầm, vì biết đâu có một anh Mike nào khác nữa nên chỉ nói với ông:

- Hơn ba mươi năm trước đây tôi cũng có một người anh rể tên là Mike Wright, quê quán ở miền trung bắc Mỹ. Tôi chỉ biết thế không biết có phải là anh Mikes con của ông bà không. Tôi từ Texas lên đây chơi nhưng chính là để nhìn thấy tên anh Mikes Wright một lần trên tấm bia đá này.

Ông mở mắt nhìn tôi kinh ngạc rồi kéo bà lên, nói với bà tin tức quan trọng đó. Ông luống cuống, mời tôi ngồi xuống tấm ghế đá trong khi bà cứ há miệng ra thẫn thờ chờ đợi. Rồi ông dồn dập hỏi.

- Tôi chắc là đúng rồi. Đấy cô coi có cái tên Mikes Wright nào khác đâu. Thế chị cô bây giờ ở đâu. Tôi muốn hỏi thăm tin tức về Mikes trong những ngày cuối cùng.

- Thưa ông bà, chị tôi vẫn còn ở Việt Nam. Chắc rằng chị tôi cũng chẳng biết gì hơn ông bà. Như chính tôi đây chẳng biết gì hơn tin tức cuối cùng của chồng tôi và Mikes. Đầu tiên người ta chỉ thông báo cho chúng tôi là hai người đã mất tích sau một đợt tấn công của địch và cả tuần lễ sau mới tìm thấy xác mang về.

- Thế thì đúng như cô nói, chắc đúng là Mikes rồi.

- Nhưng tôi có một tin quan trọng về anh Mikes, không biết ông bà có muốn nghe không?

- Tin gì vậy, thưa cô. Chúng tôi không còn gì trên đời này ngoài hình ảnh của Mikes và những gì liên quan đến đứa con yêu thương của chúng tôi.

- Chị tôi có một người con với anh Mikes. Chính anh Mikes cũng không biết vì lúc vừa mới có thai, chưa kịp thông báo thì anh Mikes và chồng tôi đã không về nữa.

Ông bà liên tục kêu lên những lời thống thiết, không rõ là lời đau khổ hay mừng vui.

- Chúa ơi, thật thế sao! Chúa ơi! Chúa ơi!

- Thật thế thưa ông bà. Cháu giống Mikes lắm. Nếu ông bà thấy cháu là nhận ra ngay thôi.

- Thế bây giờ cháu ở đâu thưa cô.

-Cháu vẫn còn ở Việt nam. Vì thương m9 nên cháu không về Mỹ theo chính sách trở về quê cha của những đứa con lai.

Tôi và ông bà Wright cùng bước đi như trong cơn mơ vì sự gặp gỡ bất ngờ. Tôi cho ông bà địa chỉ, số điện thoại của tôi và nhận lại địa chỉ số điện thoại của ông bà ở Ohio để tiện bề liên lạc. Những thông tin ban đầu mặc dù đã chính xác, nhưng tôi muốn biết chắc tấm ảnh ngày xưa có phải là của chị tôi hay không. Chiều hôm đó ông bà Wright về lại Ohio. Tôi đoán ông bà vui vẻ lắm. Mất một đứa con cho cái xứ Việt Nam xa xôi nhưng ông bà sẽ được nhận lại một đứa cháu ngoan ngoãn và đứa con dâu còn giữ đúng truyền thống Việt Nam. Tôi biết chị tôi là một người đàn bà Việt Nam hiền thục. Tôi đã đoán không sai vì ba hôm sau khi tôi còn ở khách sạn thì tiếng điện thoại lại reo. Lần này ông bà Wright theo xe trở lên, mang cả gia đình đứa con gái gồm con rể và hai đứa cháu. Họ lái một chiếc xe van lớn mang theo cả tấm ảnh ngày xưa.

Gặp nhau tại công viên ông bà đưa tôi tấm ảnh và giải thích:

- Vội quá nên chúng tôi không book được vé máy bay. Vả lại Nathalie, em gái của Mikes và chồng con nó ở gần đó cũng muốn đi nên chúng tôi lái xe cho tiện.

Tấm ảnh chụp cách đây hơn ba mươi năm giờ đã ố vàng. Màu sắc phai theo thời gian

nhưng vẫn còn sắc nét. Tôi cầm tấm ảnh như đưa tay chạm vào một phần quá khứ xa xăm. Trong ảnh, chị tôi người con dâu đất Mỹ, e ấp đứng bên người chồng râu ria xồm xoàm, đang đưa cánh tay khỏe mạnh ôm vòng lấy người con gái như ôm ấp chính cuộc đời cô.

- Đúng là chị tôi rồi....

Ông bà Wright mừng vui như mở hội. Bà như trẻ trung hẳn lên. Bao nhiêu bệnh tật gần như tan biến. Mấy người đi theo cũng lộ nét mừng vui hớn hở. Bà hỏi tôi những chuyến bay về Việt Nam với những dự định đi thăm viếng đứa cháu, con của người con tưởng như đã mất, bỗng dưng còn để lại trong cuộc đời này cả một phần huyết nhục. Tôi thưa với ông bà rằng tôi đã nói chuyện với chị tôi qua điện thoại. Chi cũng rất vui mừng về sự gặp gỡ này. Chị sẵn sàng cho cháu về quê nội cũng như chính chị sẵn sàng về làm dâu ông bà, chăm sóc cho ông bà trong lúc tuổi già đúng như truyền thống của người Việt nam. Tôi đã biết tình yêu của chị dành cho Mikes nên không ngạc nhiên với quyết định này. Ông bà chăm chú nghe tôi giải thích phong tục Việt Nam là người vợ phải làm dâu phụng dưỡng cha mẹ chồng. Ông kêu Chúa ôi liên tục sau mỗi câu nói làm tôi có cảm tưởng như đang kể cho ông bà nghe về chuyện phong thần, nhưng tôi biết bây giờ đối với ông bà, đất trời là cả một mùa Xuân.

Sau đó một thời gian dài, tôi lại bận bịu vì phải lo lắng dẫn ông bà Wright về lại Việt Nam. Bận bịu nhưng lòng tôi sung sướng. Tôi không giấu được xúc động khi nhìn thấy ông bà lần đầu tiên gặp lại đứa cháu nội sau hơn ba mươi năm thương nhớ người con đã khuất. Ông bà cứ kêu lên những lời vui mừng vang một góc sân và làm ngạc nhiên những người hàng xóm Việt Nam vốn không thiếu sự tò mò.

-Oh my God! He just looks like his father! Oh my God!

Bây giờ chị tôi, một người con gái Việt nam về làm dâu muộn màng trên đất Mỹ, đang thay cha mẹ chồng cai quản một nông trại trồng bắp ở Ohio với đứa con duy nhất của một cuộc tình nở vội trong cuộc chiến Việt Nam.

LƯU HỒNG PHÚC

Xuân Mục Trăm Năm

...
Em có mùa ve để gợi sầu
Ve buồn đâu chỉ vắng tin nhau
Mà thương kiếp lá rồi mai mốt
Sẽ úa xa cành khi chớm thu

Em có mùa đông để lạnh lùng
Nên tình ta buốt đỉnh sầu chung
Ngày xưa hoa nắng ngời xanh mắt
Nay đã tan hoang chốn mịt mùng

Em có mùa Xuân để khóc thầm
Còn ta Xuân mục đã trăm năm
Đủ ươm thơ mọc gai thành nhím
Như giữa quê mình mọc oái oăm...

Quên Đời Cũng Có Xuân

Ví dụ chỉ vì chưa có thật
Như mình hai đứa cách hai phương
Nên tim vẫn đập không hòa nhịp
Dù vẫn chung buồn xa cố hương

Ví dụ bởi niềm đau hiện hữu
Nghe trời rét mướt biết là đông
Quê người em có ngồi nhen lửa
Sưởi ấm vần gieo đỡ buốt lòng..?

Ví dụ bởi nguồn vui giấu mặt
Thoáng nhìn nắng ấm đoán là Xuân
Đàn chim lưu xứ bay mòn mõi
Vổ cách bao giờ hết cách ngăn...

Ví dụ bởi đời không lập lại
Một lần đồng nghĩa của trăm năm
Mùa thu nếu chẳng thay màu lá
Ta chắc quên đời cũng có Xuân

Ví dụ bởi vì em hiện diện
Trong miền cổ tích lững lờ xa
Mùa Xuân cũng sắp về đâu đó
Nhưng chắc không về nữa với ta..

Nhược Thu

SỐ PHẬN CỦA NGƯỜI THƯƠNG PHẾ BINH MIỀN NAM VIỆT NAM *

Yoshigata Yushi

Trong khi nhiều tờ báo lớn trên thế giới đến Việt Nam trong hai tháng 3 và 4 vừa qua để tìm hiểu và viết về những thay đổi tại Việt Nam sau 30 năm kết thúc chiến tranh, thì ký giả Yoshigata Yushi của Nhật Bản, cũng đến Việt Nam nhưng với tâm tư khác. Ông đến Việt Nam để tìm hiểu điều mà Hà Nội hay nói là 'xoa dịu vết thương quá khư' trong lòng người dân miền Nam. Bài viết sau đây của ông đề cập về số phận chung của những Thương Phế Binh Miền Nam.

"Hãy quên quá khứ, đoàn kết lại để xây dựng đất nước" là câu nói thường được các nhà lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam nhắc lui nhắc tới kể từ khi quốc gia này áp dụng chính sách "đổi mới" vào năm 1986 dưới thời ông Nguyễn Văn Linh. Ngày 30 tháng 4 vừa qua tại Việt Nam, các lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam cũng lập lại câu này trong những buổi lễ tổ chức mừng "Chiến thắng 30/4". Lời kêu gọi này có gì sai, mà sao người dân Việt Nam không đáp ứng, phải để cho lãnh đạo hô hào hoài suốt gần 19 năm trời. Bất cứ chuyện gì được coi là đúng khi lý thuyết phải phù hợp với thực tế. Lời kêu gọi phải đi đôi với việc làm còn không thì tất cả đều vô nghĩa. Kêu gọi người ta hãy quên quá khứ thì chính mình cũng phải hòa đồng, cởi mở, đối xử công bằng với tất cả mọi người chứ không được kỳ thị. Ở đây tôi muốn nói đến số phận chung của người thương binh miền Nam hiện nay vẫn còn bị chính quyền kỳ thị cho dù chiến tranh đã kết thúc đúng 30 năm. Họ đang là nạn nhân của một xã hội bị phá sản mọi thứ tại Việt Nam và đang cần, rất cần sự giúp đỡ của mọi người trong chúng ta.Từ khi áp dụng chính sách "đổi mới", chính quyền Hà Nội đã hé cửa cho một số hội đoàn thiện nguyện (NGO) nước ngoài vào Việt Nam làm công tác từ thiện, giúp đỡ những người đang ở trong hoàn cảnh khó khăn. Tôi đã được một người trong tổ chức NGO hướng dẫn đến trung tâm trị liệu phục hồi cho người tàn tật ở Cần Thơ.

Tại đây tôi được gặp ông N. V. Công (73 tuổi, một thương phế binh của Việt Nam Cộng Hòa) khập khểnh bước đi bằng đôi nạng gỗ đã quá cũ mèm mà ông ta sử dụng từ năm 1973 đến bây giờ. Một người thương phế binh khác là ông N. C. Hùng (53 tuổi) cụt cả hai chân mà chẳng có một phương tiện nào khác để di chuyển ngoại trừ hai bàn tay. Muốn đi phải dùng hai bàn tay chống để lết. Cả ông Công và ông Hùng chẳng được một cơ quan nào của nhà nước giúp đỡ phải tự kiếm sống bằng những công việc như đan thúng, đan giỏ... Người nhân viên NGO này cho biết lý do tại sao tổ chức NGO của ông ta lại quyết định chọn con đường giúp đỡ những người thương binh miền Nam. Lý do Sài Gòn là nơi đầu tiên họ được đặt chân đến để hiệp tác cho chương trình xóa đói giảm nghèo mà Hà Nội kêu gọi. Sau khi đi tham quan nhiều nơi tại miền Nam, phái đoàn của tổ chức NGO này ra Hà Nội để tiếp tục cuộc tham quan. Tại Hà Nội và nhiều nơi khác ở miền Bắc, họ cũng được gặp nhiều thương binh bộ đội miền Bắc có người thì ngồi xe lăn. Có người thì đi bằng chân giả hay chống nạng. Người thương binh đã mất đi một phần thân thể của mình cho đất nước thì chính phủ ít ra phải lo cho họ có những thứ đó để giảm bớt trở ngại trong cuộc sống hàng ngày là chuyện đương nhiên.

Nhìn những thương binh miền Bắc, chúng tôi không khỏi ngậm ngùi cho hoàn cảnh của những thương binh miền Nam mà chúng tôi

đã gặp tại Sài Gòn, hay những vùng Lục Tỉnh... là họ đã bị bỏ rơi một cách tàn nhẫn. Đó là lý do chính để tổ chức NGO chúng tôi quyết định công việc giúp đỡ thương phế binh miền Nam. Người nhân viên NGO này còn cho biết thêm là họ được chính quyền Hà Nội chấp thuận cho làm công việc giúp đỡ này nhưng với điều kiện là phải đặt dưới sự quản lý của chính quyền địa phương. Chúng tôi đã đến nhiều quốc gia làm việc thiện nguyện, nhưng chẳng có một quốc gia nào đặt ra điều kiện kỳ quái như thế, nhưng họ đành phải chấp nhận để mong sao giúp đỡ được những người cần được giúp đỡ. Nhóm NGO này còn kể tôi nghe rằng họ đã trao tặng các trung tâm trị liệu phục hồi cho người tàn tật nhiều xe lăn, chân giả, nạng gỗ và nhiều thứ khác. Vì thấy mức độ tàn tật quá nặng của ông Hùng cần đặc biệt phải giúp đỡ nên tổ chức chúng tôi tặng riêng cho ông Hùng một chiếc xe lăn. Tặng xong, họ yên chí là từ đây ông Hùng không còn quá nhọc nhằn như trước mỗi khi muốn di chuyển vì đã có phương tiện. Tháng sau họ trở lại gặp ông Hùng thì vẫn thấy ông ta lết đi bằng hai tay. Hỏi xe lăn đâu thì ông Hùng trả lời rằng đã bị nhà cầm quyền địa phương tịch thâu vì cơ quan cho xe không qua trung gian chính phủ, bắt phải đóng tiền phạt mới được nhận xe. Mà ông Hùng lấy đâu ra tiền để đóng phạt. Cuối cùng họ lại phải bỏ tiền túi đóng phạt để nhận xe lăn cho ông Hùng.. Nghe xong câu chuyện về ông Hùng nói trên, tôi không thể hiểu nổi một chính quyền cứ ra rả nói về 'quên đi quá khứ' mà lại có những hành động vô nhân đạo đối với những người đã thua cuộc cách nay 30 năm. Rõ ràng là về mặt ý thức, chiến tranh Việt Nam chưa chấm dứt. Bởi vì nếu bảo rằng đây là hành động sai phạm có tính cách cá biệt của những quan chức chính quyền địa phương thì cũng đáng buồn cho Việt Nam vì tại đất nước này ngay đến người tàn tật, bần khốn tận cùng cũng không tránh khỏi nạn bóc lột. Tôi rất chia sẻ vì sao sau 30 năm, người Việt Nam vẫn tiếp tục đấu tranh cho sự tự do, dân chủ và nhân quyền được tôn trọng tại Việt Nam..

Yoshigata Yushi

*Chúng tôi nhận được bài này qua một email cuả một chiến hữu nhưng không rõ xuất xứ bài viết từ đâu. Nhận thấy đây là sự thật hiển nhiên đang xảy ra tại VN do chính sách phân biệt đối xử tàn tệ với không những người lính VNCH cũ mà còn ngay cả với những thương binh bất hạnh, nên CSCH xin đăng lên đây để qúy Chiến hữu và độc giả cùng chia sẻ với số phận hẩm hiu của những đồng đội TPB VNCH tại quê nhà.. CSCH

Chiến sĩ Việt Nam Cộng Hoà.

Chiến sĩ Miền Nam của chúng Ta,
Dễ thương, dễ mến lại ôn hòa.
Ngày đêm gác giặc luôn chu đáo,
Sớm tối canh chừng cố tối đa.
Bảo vệ Quê Hương niềm hãnh diện,
Dù cho vất vả cũng cam mà.

Nhớ Anh Lính Cộng Hòa.

Xuân tha hương chợt nhớ Xuân xưa,
Anh Lính Cộng Hòa chịu nắng mưa.
Đứng gác tiền đồn chờ Tết đến,
Đi tuần đêm vắng đón giao thừa.
Đề cao cảnh giác từng giây phút,
Thương Anh biết mấy, mấy cho vừa!.

Mai-huyền-Nga

NGƯỢC GIÒNG

Nguyên Nhung

Hai người đàn bà đứng trước quầy tính tiền của một tiệm thực phẩm Á Châu, họ đang trao đổi với nhau về cách làm món bún chả. Nếu cứ nhìn những thực phẩm khô và rau tươi trên quày hàng, người ta liền liên tưởng đến những món ăn Việt Nam quen thuộc trên mâm cơm hằng ngày của người Việt

Nhưng lạ lắm, một người Mỹ, một người Việt, hai người này rõ ràng là một đôi bạn, vì họ đang trò chuyện cười nói ríu rít. Người đàn bà Mỹ khoảng hơn bốn mươi, đôi mắt xanh hiền hậu với mái tóc vàng óng, nước da trắng lốm đốm những điểm tàn nhang trên đôi má phơn phớt hồng. Còn người phụ nữ Á Đông là một người Việt Nam, dáng người nhỏ nhắn, vẻ mặt xinh tươi, ăn mặc thật giản dị. Hai người lại trao đổi tiếp tục câu chuyện dở dang, người đàn bà Mỹ lắng nghe với tất cả sự chăm chú, hình như bà ta dự định sẽ làm thêm món bún chả vào ngày lễ Tạ Ơn năm nay, bởi vì món gà Tây đút lò và món bánh bí đỏ tuy thích hợp cho đám trẻ con và gia đình bên ngoại đến chơi, lại vẫn không hợp khẩu vị với bà mẹ chồng và hai cô em gái.

Cứ nghe hai người nói chuyện thì người ta cũng đoán ra bản tính của hai dân tộc đã có tý chút khác nhau khi làm một việc gì. Người Mỹ có thói quen làm theo sách vở, còn người Việt lại chỉ làm theo cảm tính hay bằng sự hiểu biết quen thuộc hằng ngày. Tuy nhiên, cuối cùng thì họ cũng đồng ý với nhau rằng cái lưỡi của loài người là dụng cụ đo lường chính xác nhất, để biết rằng món ăn ấy ngon hay dở, có thể làm hài lòng khẩu vị hết thảy mọi người. Người phụ nữ Việt còn hóm hỉnh bảo bạn, cũng không nên tin hoàn toàn vào cái lưỡi của mình, vì còn tùy theo lúc ấy cái bụng no hay đói, hay khi người không được khỏe, sự nêm nếm cũng vì thế sẽ không chính xác như mình tưởng. Hóa ra, hai người này là hai người bạn cùng xóm, hay đi chung nhà thờ mỗi sáng chủ nhật. Họ kết thân với nhau cũng chỉ vì có cùng hoàn cảnh khá ngộ nghĩnh, một người phụ nữ Mỹ có chồng Việt Nam và một người đàn bà Việt Nam lấy chồng Mỹ. Đó là lý do khiến họ tìm đến với nhau để trao đổi một vài khía cạnh khác biệt giữa con người, đối với cuộc hôn nhân dị chủng thì dẫu có hòa hợp bao nhiêu, vẫn xảy ra những điều không hiểu nổi về tâm hồn cũng như văn hóa của hai dân tộc.

" Chị biết không? Tôi gặp nhà tôi khi chúng tôi học cùng một phân khoa ở trường Đại Học Clear Lake, nơi ấy có một cái hồ rất đẹp và cũng là thành phố mà gia đình tôi đang cư ngụ. Tôi cũng không hiểu tại sao chúng tôi lại trở thành đôi bạn thân, rồi yêu nhau lúc nào không biết nữa.

Anh ấy sang đây có một mình, tôi nghe anh kể về chuyến vượt biển cam go của anh, và những thảm cảnh xảy ra với những người vượt biển tìm tự do, tôi đã không ngăn được xúc động. Hồi ấy, tôi đã ngạc nhiên mỗi lần thấy anh chăm chú theo dõi tin tức, khi nghe có những thuyền nhân được vào định cư ở Hoa Kỳ, tôi đã hỏi anh rằng tại sao anh và những người đồng xứ lại có thể bỏ quê hương mà đi. Khi nghe anh cắt nghĩa tới hai chữ Tự Do thì tôi hiểu ngay, thông cảm với anh ấy liền vì từ lúc còn nhỏ, mới bắt đầu đi học, chúng tôi đã được biết thế nào là

quyền tự do của một con người. Hóa ra, ở quê hương anh con người bị tước đoạt nhiều thứ tự do mà tôi tưởng nó phải được tôn trọng bất cứ ở đâu, nơi nào có con người là phải được hưởng đồng đều như nhau. Ngoài giờ học, hai đứa tôi cùng làm thêm ở thư viện, có điều kiện gần gũi nhau nên chúng tôi trở thành một đôi bạn thân. Nhìn lối làm việc chăm chỉ của anh, cần mẫn, ngăn nắp, tôi thật sự bị rung cảm với con người đầy vẻ chịu đựng đó. Bản tính anh hiền hòa, dường như trong đôi mắt đen kia còn chất chứa một nỗi buồn sâu kín nào đó mà tôi không hiểu nổi, khi anh ngồi hằng giờ nhìn ra mặt hồ sóng lăn tăn, im lặng như có một cõi riêng mà tôi rất muốn chia xẻ.

Người Mỹ chúng tôi là thế. Chúng tôi không chủ trương xâm phạm vào đời sống riêng tư của nhau, nhưng nhìn nét u uẩn trong đôi mắt anh với dáng ngồi lặng lẽ hằng giờ, tôi đoán anh đau khổ mà nếu anh cho phép, tôi rất muốn chia xẻ. Anh càng buồn tôi càng băn khoăn, và từ nỗi băn khoăn đó tôi đã yêu anh ấy, khi ra trường thì hai đứa quyết định lấy nhau.

Vào mùa hè, tôi thường rủ anh đi biển với gia đình tôi. Lúc ngồi bên ghềnh đá, nhìn từng cơn sóng vỗ vào bờ, tôi thường bắt gặp anh chìm đắm trong một nỗi niềm xa xăm, dường như mỗi lần tới biển, anh thường bị ám ảnh vì một điều gì không xóa được trong tâm khảm. Tôi chưa hề xa đất nước này bao giờ, chỉ có những chuyến du lịch ngắn đầy vui tươi với gia đình, cho nên hồi ấy tôi chưa thể thông cảm hết được nỗi nhớ nhà của một kẻ xa quê, mà anh ấy gọi là tình hoài hương.

Thật ra, khi yêu anh, tôi cũng bị ảnh hưởng phần nào lối suy nghĩ của một tâm hồn Á Đông, thì ra nó có nhiều điều phức tạp mà nếu không có tình yêu, người ta không dễ gì hòa hợp được với nhau để trở thành một. Cuối cùng khi hai đứa lấy nhau, tôi mới thực sự thấy được sự ngược nguồn của những giòng sông. Anh qua đây có một mình, gia đình còn ở lại Việt Nam, cho nên khi chấp nhận lấy anh, là tôi cũng phải chấp nhận luôn việc chia xẻ gánh nặng vật chất với gia đình ở bên kia. Tuy nhiên, tôi có nhận thấy điều này, khi cho rằng chia xẻ chỉ là tự nguyện và tùy theo khả năng, chứ còn lúc biến nó thành bổn phận thì nặng nề quá. Tôi thẳng thắn bày tỏ với anh điều này, nhưng không ngờ tôi thực sự bị " xốc" khi anh phản kháng lại tôi ngay lập tức, mà nếu không khéo thì cuộc hôn nhân có mòi bị tan vỡ. Biết làm thế nào bây giờ, vì người Mỹ chúng tôi nghĩ khác. Tôi không ích kỷ để bỏ mặc anh với những điều trăn trở vì gia đình ở bên kia, nhưng tôi cũng không thể bằng lòng khi anh phải lo lắng quá nhiều như vậy.

Hình như người Việt của chị có quan niệm hướng về gia đình, và những người thân yêu của họ. Cũng vì thế mà đi hơi xa mức giới hạn của họ trong đời sống gia đình của người khác. Cái này chị cho tôi nói hết nghe, vì theo tôi nó có hợp lý và cũng bất hợp lý theo cách nhìn của một người Mỹ. Nó có cái hay vì nó biểu hiện được sự chia xẻ và tình thương yêu của một gia đình thuần nhất, nhưng mà ... biết nói thế nào nhỉ, ăn nhiều quá cũng mất ngon, mà nói nhiều quá cũng có thể lỡ lời (câu này tôi học được từ chồng tôi đấy nhen chị). Tuy vậy, theo tôi mình phải tìm ra một giải pháp để quân bình giữa hai cái với nhau, để không vì được cái này mà lại mất cái kia đó mà.

Từ ngày lấy anh ấy đến nay, tôi thấy mình đổi khác nhiều lắm. Một cuộc hôn nhân dị chủng, nhưng giờ đây ngôn ngữ không là vấn đề nữa vì chúng tôi đã có thể hiểu nhau sau khi cùng nhau ngồi xuống nói chuyện, thành thật bày tỏ cho nhau hiểu nỗi khó khăn vì khác biệt tư tưởng, và cách hành xử sao cho dung hòa với nhau để gia đình hạnh phúc. Cuối cùng thì anh ấy cũng làm đầy đủ giấy tờ để mang gia đình sang bên này, sau khi nói với tôi rằng nếu không làm được điều đó, anh cảm thấy như mình có lỗi, khi việc ra đi tìm Tự Do của anh, là do sự hy sinh của tất cả người thân trong gia đình. Chúng tôi đã hoàn toàn hiểu nhau, và tôi cũng hiểu khi chấp nhận làm vợ anh, là tôi cũng phải hy sinh phần nào chút riêng tư để cùng anh ấy làm tròn bổn phận. Ba anh ấy đã qua đời, nhưng mẹ anh ấy lại thật hiền. Chúng tôi đã một lần về thăm

nhà ở Việt Nam, nhìn bà cụ già ôm mấy cháu nội hai giòng máu vào lòng, nụ cười móm mém, đôi mắt bà đầy những thương yêu, tôi nghĩ mình không thể ích kỷ để chỉ lo cho hạnh phúc của riêng mình, mà phải cùng anh ấy giúp đỡ mẹ anh và các em của anh. Bây giờ mẹ anh và hai cô em gái đã sang đây, mới đầu tôi cũng hơi lúng túng khi không biết giải quyết thế nào để cuộc sống đừng bị xáo trộn. Nhưng chị à, nhà tôi anh ấy cũng thật tế nhị, cho nên vì thế mà chưa có gì đáng tiếc xảy ra. Hai cô em đã đi làm, họ sống chung với mẹ trong một căn chung cư hai phòng ngủ, và bây giờ khi tôi muốn đi đâu xa mà không dẫn con theo, có thể gửi bé út cho bà nội và hai cô trông giùm.

Hồi gia đình anh ấy chưa sang, tôi chỉ hay làm thức ăn theo lối Mỹ để cả nhà cùng ăn. Sau này, anh ấy dẫn tôi và các con đi ăn nhà hàng Việt Nam, tôi lại thấy thích những món ăn Việt. Thế là tôi đề nghị anh ấy chỉ dẫn, và cho tới khi gặp chị, tôi mới hoàn toàn thực hiện được cho thật hoàn chỉnh. Đàn ông mà chị, anh ấy nói hồi còn ở nhà, anh ấy có bao giờ phải lo gì đến việc bếp núc, đã có mẹ, chị hay em gái làm tất cả. Người Việt của chị hình như quý con trai hơn con gái, cho nên cách đối xử cũng hơi bất công đấy nha! Tôi không hoàn toàn đồng ý chuyện này đâu, vì con trai hay con gái cũng là người mà thôi, có lẽ vì vậy mà người ta khó có thể tìm được cái họ gọi là dân chủ ở nước chị, vì trong phạm vi nhỏ bé gia đình, đã không thực hiện được dân chủ rồi, huống gì cho một quốc gia "độc đảng chuyên chế" như vậy thì chuyện ấy lại càng khó.

Tuần trước, chị chỉ cho tôi làm món chả cá Thăng Long theo kiểu Hà Nội. Chị biết không? Hôm ấy nhà tôi ngạc nhiên lắm, vì anh không thể ngờ tôi lại có thể làm được một món ăn cầu kỳ như vậy. Cá ướp nghệ, riềng, mẻ, mắm tôm, thêm ít gia vị mà nướng trên lửa than thơm phức, sau đó lại rắc thìa là sắt nhỏ lên mặt trước khi ăn, cùng những thứ rau phải có để ăn kèm với bánh tráng cuộn lại, chấm nước mắm chua ngọt hay mắm tôm chanh ớt. Tuyệt lắm chị à, nhưng lúc phải pha chế món mắm để ăn với nó, thú thật với chị tôi ớn quá. Sao lại có thứ mắm gì nặng mùi quá sức như vậy, tôi không đủ can đảm để làm món đó ở trong nhà, vì nó sẽ bám vào thảm và đồ đạc, cho nên tôi phải nhờ chị giúp là vậy.

Người ta bảo " tình yêu đi qua bao tử ". Mới nghe thì có vẻ nặng mùi vật chất, nhưng công nhận từ hồi tôi biết nấu nướng, thỉnh thoảng hay làm những món ăn mà chồng tôi thích, tôi thấy hình như anh ấy thương tôi nhiều hơn, hạnh phúc nhiều hơn. Thứ nhất là được ăn ngon, thứ hai là anh ấy cũng nhận thấy được tình yêu của tôi dành cho anh ấy và gia đình, đã phải bỏ nhiều thì giờ hiếm hoi trong cuộc sống vật lộn với vật chất của xứ này, khi thực hiện những bữa ăn tốn kém khá nhiều thì giờ như vậy. Lũ con tôi mê món cơm chiên với chả giò nhất hạng, người Tàu cũng có món này nhưng chúng không thích vì nó trộn nhiều bắp cải và món cơm chiên thì nhiều dầu quá.

Lễ Tạ Ơn năm nay có gia đình bên ngoại cuả mấy nhỏ đến chơi, nghe tôi kể về món bún chả ai cũng tò mò muốn được thưởng thức. Riêng mẹ chồng tôi chắc hẳn bà cụ sẽ ngạc nhiên lắm, nếu cần hai cô em chồng sẽ phụ tôi một tay để làm món này, cách pha nước mắm chị chỉ hôm nọ, ngon đến nỗi ăn xong rồi húp luôn nữa đó. Mẹ chồng tôi chắc sẽ không thể ngờ rằng con dâu Mỹ cũng biết chiều mẹ chồng như phụ nữ Việt Nam vậy."

" Đúng ra tôi không thích lấy chồng ngoại quốc đâu, nhất là lúc còn ở quê nhà, người xứ sở tôi hay nhìn những người phụ nữ lấy chồng nước ngoài với cái nhìn không đẹp. Đừng trách họ nghe chị, vì thời đó họ còn bảo thủ lắm. Với lại, hồi đó là thời kỳ chiến tranh, đa số những người đàn ông đến nước tôi chỉ đi tìm đàn bà để giải quyết sinh lý, ít có những cuộc tình trọn nghĩa yêu thương. Cho đến bây giờ, trên xứ sở này, vẫn có nhiều gia đình phản đối con cái khi kết hôn với người nước ngoài. Điều ấy cũng dễ hiểu thôi, vì nói cho cùng thì sự khác biệt về phong tục cũng như văn hóa dễ đưa đến sự đổ vỡ. Tôi công nhận điều này không phải là

họ hoàn toàn sai, vì chính tôi lắm lúc cũng vẫn ngược nguồn với nhà tôi để trở về với những gì của dân tộc, nhất là về mặt tư tưởng thì thật sự có khác nhau đó, khi tôi đã được ảnh hưởng nó từ hồi còn thơ bé.

Đôi khi người ta vẫn có cái nhìn thiển cận khi đánh giá một sự việc hời hợt bên ngoài, chứ thật ra tôi rất cảm phục những người phụ nữ Mỹ như chị. Chị có thể thay anh làm được tất cả những việc đòi hỏi sức khỏe của người đàn ông, sửa chữa nhà cửa, xốc vác nhiều việc nặng nhọc mà người đàn bà xứ tôi không làm được, vì quan niệm đàn bà "chân yếu tay mềm". Thế nhưng những việc nấu nướng, thêu thùa, vá may tỉ mỉ thì công nhận người đàn bà Á Đông có năng khiếu hơn, và họ thường tự hào về điều đó.

Bây giờ tôi kể lại chị nghe chuyện tại sao tôi lại kết hôn với nhà tôi nghe, cái ông David "gà tồ" lúc nào cũng hay cười nói huyên thuyên vui vẻ đó. Người nhà tôi trách tôi tại sao lại ly dị với người chồng Việt Nam, để kết hôn với một người Mỹ, nhưng câu chuyện này nó dài lắm, tôi chỉ tóm gọn để chị hiểu tại sao tôi thương yêu ông David nhà tôi nghe chị.

Chị còn nhớ những thập niên trước, lúc làn sóng những người đi tìm Tự Do ào ạt bỏ quê hương ra đi, chắc chị đã nghe anh kể chuyện và cũng thông cảm với anh lý do tại sao lại có những người phải bỏ quê hương, xứ sở ra đi. Tôi là một trong những người ấy đó chị. Bây giờ chuyện đã cũ, nhưng nhắc lại tôi vẫn bàng hoàng và tưởng như cả đời mình chẳng bao giờ quên nổi những ô nhục, đớn đau mà mình phải chịu.

Tôi là người phụ nữ không được may mắn vì chuyến vượt biển của tôi đã gặp tụi hải tặc Thái Lan, và cũng như bao phụ nữ trong chuyến tàu hôm ấy, tôi đã bị chúng nó làm nhục. Chị là người phụ nữ, có lẽ chị thông cảm cho một người đàn bà khi bị tước đoạt những gì cao đẹp nhất, do sự đòi hỏi thô bỉ của đàn ông, không do sự dâng hiến của tình yêu. Bởi vậy khi được cứu thoát, và cho đến lúc được định cư ở xứ này, tôi vẫn bị ám ảnh vì những bất hạnh đau đớn đó. Thú thật với chị là trước khi gặp David, tôi cũng có yêu thương một người cùng quê, anh ấy là người bảo trợ cho tôi từ đảo sang, dù rằng tôi có nói với anh những điều nhục nhã mà tôi cũng như những người phụ nữ gặp phải trong chuyến đi ngày đó. Anh ấy nói với tôi là hoàn toàn thông cảm và cho đấy là nỗi bất hạnh của người con gái Việt Nam, nỗi đau chung của cả một dân tộc chứ không phải cho riêng ai. Thế nhưng nói một đằng mà đến khi sống với nhau lại không phải vậy, chỉ vì những lời đàm tiếu thiếu tế nhị của những người cùng hoàn cảnh với chúng tôi. Mỗi khi nhắc nhau về những chuyện cũ, họ vẫn hay nói ra những điều đau đớn riêng tư của người khác, không biết với ý đồ gì, nhưng cũng chỉ vì quá khứ cứ quấn quýt họ hoài, mà không nghĩ là lại lôi kéo chúng tôi trở lại niềm đau cũ. Họ hoài niệm dĩ vãng của họ, nhưng cũng hay nhớ đến dĩ vãng của người khác, như lại làm vết thương mưng mủ khi nó đã thành sẹo. Điều đó thật là kỳ cục phải không chị?

Thật mệt mỏi cho một số người hẹp hòi hay đàm tiếu trên nỗi bất hạnh của người khác. Chính vì thế mà làm cho cuộc hôn nhân của tôi tan vỡ, vì tôi cũng không chịu nổi vẻ mặt buồn rầu, đóng kín trong sự im lặng riêng tư của người chồng cũ. Anh ta thương tôi chứ không phải không, nhưng chính vì không bỏ qua được cái đau khổ của dĩ vãng, nó chỉ là chuyện chẳng ai mong đợi, để mỗi khi nghe ai nói đến vấn đề này, anh lại có mặc cảm như tôi làm điều gì xấu xa vậy.

Tôi có một quan niệm. Đời bình thường chưa chắc gì tránh khỏi lầm lỡ, huống gì đây chỉ là một tai nạn cho những người phụ nữ Việt Nam, mà hoàn cảnh đất nước đưa đẩy đã phải tội tình gánh chịu. Cuộc sống đâu phải một mặt nước phẳng lặng, cho nên khi có xung đột trong gia đình, tôi vẫn phải cúi đầu chịu đựng nỗi cay đắng một mình. Cho nên giải pháp cuối cùng là chia tay. Đồng ý là khi tan vỡ, tôi cũng đau khổ vậy, nhưng nhờ thế tôi mới có cơ hội biết rằng đời vẫn có những người đàn ông tốt, không

quẩn quanh mặc cảm, đầy thành kiến với thứ dĩ vãng buồn khổ, mà đúng ra cần phải gột bỏ để vươn lên những điều tốt đẹp.

Tôi gặp David khi đến một cơ quan xã hội để nhờ giúp đỡ tìm việc làm. Không hiểu sao tôi kể cho ông ấy nghe hết những gì xảy ra trong đời tôi, và chị biết điều gì xảy ra không? Ông ấy đã khóc khi nghe tôi kể hết những bất hạnh tôi phải chịu. Ông ấy nói rằng chính đất nước ông cũng phải chịu trách nhiệm trước những bất hạnh này, vì đã không hết lòng giúp đỡ người anh em bé nhỏ của mình, để gây ra bao thảm cảnh cho người dân Việt Nam. David đưa tôi đi nhà thờ, sinh hoạt với người bản xứ, giúp tôi quên đi quá khứ tủi hờn để hòa nhập vào một xã hội hoàn toàn hướng tới tương lai. Những gì xảy ra hôm qua là dĩ vãng, những gì hôm nay là hạnh phúc và sự hiến tặng của Thượng Đế trong mỗi ngày cho con người, và những gì sắp tới sẽ là những khám phá kỳ thú hơn.

Tại sao lại cho rằng việc kết hôn với một người ngoại quốc là một sự lầm lẫn để không tìm được hạnh phúc. Mỗi dân tộc đều có những cái hay cái dở, cái xấu cái tốt, vậy thì tại sao không dung hòa với nhau để tìm ra điều tốt để theo, điều xấu phải loại bỏ để cuộc đời tươi đẹp hơn. Từ ngày lấy David, không bao giờ tôi nghe ông ấy nhắc nhở những riêng tư của tôi trong quá khứ, và vẫn rất hãnh diện khi giới thiệu tôi với gia đình, bè bạn. Họ chấp nhận và yêu thương tôi, khiến tôi tự tin và tự nhiên tâm hồn cũng theo chiều hướng đó mà thích yêu thương, chia xẻ với mọi người.

Tôi đã đưa David về thăm quê hương, bởi vì anh ấy muốn nhìn rõ sự vươn lên của một đất nước sau chiến tranh ra sao. David cùng công nhận với tôi một điều, tất cả những mặt nổi của bên ngoài không giúp gì cho người dân bao nhiêu, đất nước vẫn còn qúa nhiều người nghèo, một xã hội loè loẹt màu sắc và băng hoại vì chạy theo đồng tiền khiến tôi cũng cảm thấy đau lòng cho quê hương của mình.

Chuyến trở về quê hương của chúng tôi vừa qua thực sự làm tôi xúc động lắm chị à. Tôi với David đi thăm những người thương phế binh bị bỏ rơi sau cuộc chiến, hiện tại họ vẫn là những cái bóng lẻ loi, đơn độc trong một xã hội lắm thành kiến chính trị. Chúng tôi cũng vào thăm chỗ nuôi trẻ mồ côi hay khuyết tật, thật sự ái ngại cho đời sống của chúng nó, mong sao sự giúp đỡ cuả những tấm lòng nhân ái, có thể những con người vô tội ấy được sống một cuộc sống tối thiểu no ấm để làm người. Tôi vẫn giữ trong lòng những cái đẹp của dĩ vãng trên quê hương, nhưng đồng thời tôi cũng phải mang ơn xứ sở tôi đang sống, đã giúp tôi có cơ hội để nhìn lại quê hương của mình, bản thân mình mà biết cái gì phải quên và cái gì phải nhớ.

À quên. Chị hỏi tôi về món bún chả để ăn vào ngày Lễ Tạ Ơn năm na y phải không chị? Có lý lắm khi chị đã nghĩ tới bà mẹ chồng Việt Nam, chắc hẳn không quen với món gà tây và món bí đỏ tuyệt cú mèo cuả người Mỹ. Nhưng chị muốn làm theo kiểu nào, vì quê tôi có tới ba miền Trung, Nam, Bắc, mỗi nơi cũng dùng thịt heo để nướng nhưng lối dùng gia vị thì có khác nhau tý chút. Người Nam hay cuộn tròn miếng thịt bên ngoài một miếng mỡ heo xắt mỏng, họ ướp đường nhiều hơn nên khi ăn có vị ngọt ngọt. Còn người Bắc lại dùng thịt pha mỡ, họ chỉ ướp củ hành và chút nước mắm ngon với tiêu thôi. Riêng người miền Trung thì không thể thiếu ít hột mè cho miếng thịt thơm và bùi hơn đó chị. Nhưng với tôi, kiểu nào cũng ngon hết, miễn là mình gửi vào đó cái tình của mình đến với những người mình yêu thương và muốn phục vụ, phải không chị?"

NGUYÊN NHUNG

RẠNG DANH NGƯỜI VIỆT TỴ NẠN

CHUYẾN HỒI-HƯƠNG LỊCH SỬ CỦA HẢI-QUÂN TRUNG TÁ HOA-KỲ LÊ BÁ HÙNG.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, hàng triệu người Việt đã phải rời quê cha đất tổ tỵ nạn Cộng Sản, sống rải rác tại hầu hết các quốc gia tự do trên thế giới. Riêng tại Hoa Kỳ, cộng đồng người Việt sinh sống lên tới gần hai triệu người, Trong số này có rất nhiều Cựu Quân nhân cũng như Công chức Việt Nam Cộng Hòa. Thế hệ di dân đầu tiên này đã tích cực tham gia và khá thành công trong việc hội nhập vào xã hội mới. Tới nay, sau trên 30 năm định cư, người Việt tỵ nạn đã đóng góp không nhỏ vào sự phát triển và phồn thịnh của những quê hương thứ hai của mình.

Hình: BBC

Từ thuyền nhân trở thành hạm trưởng, Trung Tá Lê Bá Hùng của Hải quân Hoa Kỳ đã chỉ huy con tàu trị giá 800 triệu USD, với thủy thủ đoàn 300 người cập cảng Đà Nẵng hôm 7/11/2009.(BBC)

Riêng về địa hạt quân sự, những thành quả lại càng nổi bật, có lẽ vì một số con cháu người Việt tỵ nạn là hậu duệ của các Cựu Quân Nhân QLVNCH. Tiếp nối ý chí và binh nghiệp của cha anh đã bất thần bị gián đoạn, thế hệ thứ hai này đã gia nhập mọi quân binh chủng thuộc quân lực Hoa Kỳ trong và đạt được nhiều thành quả rỡ rạng. Vào năm 1999, những ai theo dõi trên truyền hình về lễ mãn khóa tại Trường Sĩ Quan Hải Quân Hoa Kỳ ở Annapolis đều đã thấy một thiếu nữ Việt Nam là cô Nguyễn Thị Cẩm Vân. Năm đó, cô Vân tốt nghiệp Á Khoa trong một lớp có tới 737 sinh viên sĩ quan gồm cả nam lẫn nữ. Cách đây không lâu, chúng ta đã được nghe nói tới nữ Đại Úy phi công Elizabeth Phạm của Binh Chủng TQLC Hoa Kỳ, là người phụ nữ Việt Nam và cũng người phụ nữ Á Châu đầu tiên, trong lịch sử Không Quân Hoa Kỳ đã là phi công của một oanh tạc cơ chiến đấu tối tân F-18 Hornet. Đại Úy Elizabeth Phạm là nữ phi công cừ khôi, phục vụ trong Phi Đoàn 242 xuất sắc nhất của TQLC Hoa Kỳ (Marine All Weather Attack Fighter Squadron 242). Đây là những phi công thượng thặng có thể yểm trợ cận phòng rất chính xác, đôi khi chỉ cách quân bạn vài trăm thước. Năm 2005 cô đã đeo lon Đại Úy, bây giờ chắc cấp bậc và chức vụ đã cao hơn nếu còn trong quân đội.

Hình: BBC

…và Cộng Sản VN đã huy động lực lượng quân sự và dân chúng để tiếp đón long trọng con của một cựu sĩ quan Hải Quân VNCH mà chúng từng kêu là "ngụy". Được biết, Hải Quân Trung Tá Lê Bá Hùng, là con trai cuả cựu Hải Quân Trung Tá Lê Bá Thông, Khoá 10 SQHQ Nha Trang.

Bên binh chủng nhảy dù, cũng có Đại Tá Lương Xuân Việt đã nhận chức Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 3 thuộc Sư Đoàn 82 Dù vào ngày 5 tháng 2 năm 2009 vừa qua. Trước đó khi còn đeo lon Trung Tá, ông là Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2 Dù cũng thuộc Sư Đoàn 82. Thân phụ của Đại Tá Việt là Thiếu Tá Thủy Quân Lục Chiến Lương Xuân Đương, từng phục vụ trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Gia đình Thiếu Tá Đương rời Việt Nam năm 1975 và định cư tại Hoa Kỳ. Đại Tá Việt cùng vợ và ba con hiện nay ở hậu cứ Fort Campbell, tiểu bang Kentucky.

Gần đây nhất, chúng ta lại nhận được tin mừng, đó là Hải Quân Trung Tá Lê Bá Hùng vừa được bổ nhiệm vào chức vụ Hạm Trưởng Khu Trục Hạm USS Lassen (DDG 82) của Hải Quân Hoa Kỳ. Lễ bàn giao đã được cử hành vào ngày 23 tháng 4, 2009 tại căn cứ hải quân Hoa Kỳ ở Yokosuka, Nhật Bản. Việc bổ nhiệm này là một diễn biến khá quan trọng trong quân sử Hoa Kỳ vì đây là lần đầu tiên, một sĩ quan Hải Quân người Mỹ gốc Việt được làm Hạm Trưởng một chiến hạm tối tân trong lực lượng hải quân mạnh nhất thế giới,

Theo **Nguyễn Mạnh Trí & Trần Đỗ Cẩm**

CỜ VIỆT-NAM CỘNG-HÒA TRÊN XỨ IRAQ.

…Đại úy Michael Đỗ, nguyên là một thuyền nhân, theo gia đình đến định cư tại Hoa Kỳ năm 1980 khi vừa 4 tuổi. Và là con trai duy nhất của một cựu Đại úy QLVNCH đã từng trải qua bao tháng năm trong trại tù "học tập cải tạo", vì thế sau khi học xong Trung Học, Michael Đỗ đã quyết định tiếp tục xứ mạng dở dang của thân phụ mình để gia nhập quân đội Hoa Kỳ. Anh đã tốt nghiệp trường đại học quân sự nổi tiếng West Point, và đồng thời anh còn theo đuổi việc học để trở thành một kỹ sư ngành chế tạo hỏa tiễn hay thiết kế phi đạn (missile design). Ngoài ra, anh còn có bằng Tiến sĩ ngành Quản trị Hành chánh.

Vào năm 2005, Đại úy Michael Đỗ nhận lệnh đi chiến đấu tại Iraq, và đồn trú tại một thành phố đầy biến động là Fallujah. Với tư cách là một kỹ sư trong quân đội, anh được biệt phái làm việc trong Bộ Tham Mưu của Thiếu tướng Stephen Johnson. Anh tham gia trong những kế hoạch bình định xứ sở nhiều nhương Iraq. Anh luôn luôn dựng ngọn cờ vàng ba sọc đỏ tại Bộ Chỉ Huy hành quân của đơn vị mình.

Quả thật đáng khen cho một tấm lòng son sắt với cội nguồn Việt Nam.

Theo **Việt Hải**

Lịch Sử Trường Sĩ-Quan Thủ-Đức và Liên Hội cựu Sinh-Viên tại Hoa Kỳ

Trường Sĩ-Quan Trừ Bị Thủ-Đức và Nam-Định được thành lập năm 1951 để đáp ứng nhu-cầu phát triển của Quân-Đội Quốc-Gia Việt-Nam đã được thành lập từ ngày 11/5/1950. Trường có danh xưng bằng tiếng Pháp là Écoles des Cadres de Réserve de Thu-Duc et Nam-Dinh (Trường Sĩ-Quan Trừ-Bị Thủ-Đức và Nam-Định). Đối với người Việt, trường được gọi là Trường Võ-Khoa Thủ-Đức hay Trường Sĩ-Quan Trừ-Bị. Trường tại Nam-Định được đóng cửa năm 1952 và Trường tại Thủ-Đức là trường duy nhất đào tạo sĩ-quan trừ-bị tại Việt-Nam. Chính-phủ Pháp trực tiếp quản-trị và điều-hành cả hai trường từ bên nước Pháp. Năm 1954, sau hiệp-định Geneva (chia đôi Việt-Nam) thì Quân-Đội Pháp giao Quân-Trường Thủ-Đức cho Quân-Đội Việt-Nam và có tên là Liên-Trường Võ-Khoa Thủ-Đức.

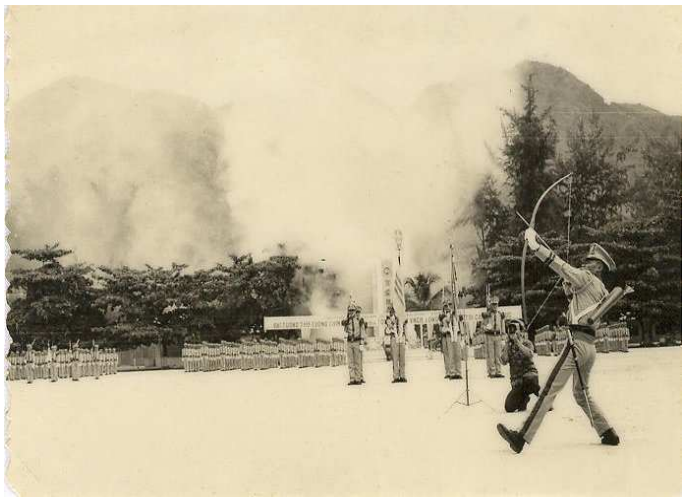

Sự cố-vấn của người Mỹ được bắt đầu từ năm 1955, và chương-trình đào tạo được phát-triển cho phù hợp với sự thành hình của một lực-lượng quân-sự mới, đó là Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa (QLVNCH).
QLVNCH, tên Anh-ngữ là Army of Republic of Vietnam (ARVN). Sứ-mệnh của Trường Thủ-Đức là đào-tạo, huấn-luyện, và truyền sức cảm hứng cho những người trai, để họ trở thành những sĩ-quan đầy chí-khí và tận-tụy; sẵn sang nhận lãnh trách nhiệm chỉ-huy trong QLVNCH để phục-vụ tổ quốc.

Hầu hết các Trường Sĩ-Quan và Học-Viện Quân-Sự của Việt-Nam đều đã một thời nằm trong hay liên hệ với Trường Thử-Đức, gồm cả trường Bộ-Binh, Pháo-Binh, Thiết-Giáp, Truyền Tin, Công-Binh, Hành Chánh, Chuyển-Vận, Quân-Nhu, Tình Báo, Biệt Kích Đặc-Công, Hậu-Cần, Xã-Hội, và Đại-học Chiến-Tranh Chính Trị. 65% sinh-viên trở thành Sĩ-Quan Trừ-Bị, 20% sinh-viên trở thành Sĩ-Quan Hiện Dịch, và 5% sinh-viên không là sĩ-quan trừ-bị hay hiện dịch vì họ trở thành sĩ-quan của các ngành khác như Cảnh-Sát Quốc-Gia, Trung-Ương Tình-Báo Việt Nam, Biệt-Kích của CIA Hoa-Kỳ, và nhiều ngành khác nữa.

Qua 66 lớp, Trường Thử-Đức đã tốt nghiệp 81,115 sinh-viên sĩ-quan. Những người tốt nghiệp gồm cả một Phó Tổng-Thống, 2 Thủ-Tướng, 3 Tư-Lệnh Vùng Chiến-Thuật, 3 Tư-Lệnh Không-Quân, Tư-Lệnh Thiết-Giáp, Tư-Lệnh Pháo-Binh, 2 Tư-Lệnh TQLC, 2 Tư-Lệnh Nhẩy-Dù, Tư-Lệnh Biệt-Động-Quân, Tư-Lệnh Biệt Kích, 2 Tư-Lệnh Cảnh-Sát Quốc-Gia, Tư-Lệnh Cảnh-Sát Thủ-Đô, Tư-Lệnh Cơ-Quan Tình-Báo Trung-Ương, và 24 vị Tướng Lãnh tài ba khác xuất thân từ Khóa 1 đến Khóa 16. Sự cao cả của sứ-mệnh và những thành công gặt hái được của sinh-viện tốt nghiệp, đã ghi dấu Trường Võ-Khoa Thử-Đức là một tổ-chức quan-trọng nhất của Miền Nam Việt-Nam.

Hiện có 21 Hội Cựu Sinh-Viên Sĩ-Quan Thủ-Đức tại Hoa-Kỳ và nhiều Hội tại các quốc-gia khác. Liên-Hội Cựu SVSQ/TB Thủ-Đức được thành lập tại Hoa Kỳ ngày 14/11/2009, để củng cố mối quan hệ "Cư An Tư Nguy", khẩu-hiệu lý-tưởng của Trường. Danh xưng tiếng Anh của Liên-Hội là Thu Duc Military Academy Alumni Federation (Thu Duc MAAF). **Kim Loan**

Nhân Ngày Hoàng Sa 19/01/1974

nhắc đến sự hy sinh của một Nữ Phóng viên chiến trường HK

Thật khó có ai tin rằng trận đánh đảo Nhật Tảo thuộc chiến trường Hoàng Sa ngày 19 tháng Giêng 1974 giữa Hải quân VNCH và Hải quân Trung Cộng lại chính là một chiến thắng oanh liệt về phía Hải quân VNCH. Vào những ngày đến gần mùa Xuân chúng ta con dân Việt không sao quên được những hy sinh cao cả mà các chiến sĩ Hải quân VNCH hy sinh trên chiến trường Hoàng Sa đã làm rạng rỡ non sông dòng giống Việt. Hầu hết các phân tích trận đánh Nhật Tảo đã được trình bày trên trang Web NewsForce1 Di Sản VNCH đã tiến đến một kết luận khẳng định các chiến hạm Trung Cộng hoàn toàn bị tê liệt, bị thương nặng và đã bỏ chạy trốn khỏi hai mặt trận hải chiến đảo Nhật Tảo.

War reporter Dickey Chapelle, born Georgette Louise Meyer in Milwaukee, Wisconsin, March 14 1918, became the first American woman correspondent to die in action when she fell in South Viet Nam on November 4, 1965. Dickey was not on assignment for the GEOGRAPHIC when killed, but had been a contributor since 1953, and the article that follows was awaiting publication. Here, in the field in Viet Nam, she wears insignia earned by jumping into battle with U. S. and Vietnamese paratroopers

Chúng ta không quên xem lại Bạch Thư Bản Tuyên Bố Chủ Quyền của nước VNCH trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vào năm 1974, một tài liệu quý báu được coi như một Tuyên Ngôn khẳng định Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư mà giá trị của nó vượt thời gian và không gian trước thế giới và trở thành bất tử trong lòng dân tộc Việt Nam.

Trong bài viết này, khi xem xét lại những điểm trên, chúng tôi bất chợt tìm ra một số hình ảnh cũ do Dickey Chapelle, một nữ phóng viên chiến trường người Mỹ đã hy sinh trên quê hương Việt Nam ta năm 1965. Dickey Chapelle chắc chắn còn nhiều hình ảnh Hảiquân VNCH trong album của chị, nhưng các hình ảnh ấy không biết hiện giờ ở đâu. Một số hình ảnh được đăng trên National Geographic bộ 129, số 2, tháng Hai 1966 sau khi chị chết tại chiến trường Việt Nam. W.E. Garrett đã viết về chị như sau “Chị đã biết những khó khăn xãy đến cho các con mối khi bay quá gần với ngọn lửa, nhưng trong nhiều năm chị đã đánh bại những khó khăn này. Chị đã sống giống như hằng trăm cuộc sống của những người mà chị đã viết và chụp ảnh họ. Cuộc sống thật quý giá đối với chị; cuộc sống của chị đã bị tước đi quá sớm. Nhưng chị đã sử dụng nó đúng nghĩa.

Là một phóng viên nhiếp ảnh tự do, chị đã đến Việt Nam rất thường. Dickey Chapelle thật ra đã mãi mãi sống với các trang sử Việt Nam, trong quân phục chiến binh dù và trên chiến nón rộng vành của người lính dù năm 1965, chị hãnh diện mang hai huy hiệu bằng nhãy dù, một của VNCH và một của Hoa Kỳ. Người nữ phóng viên chiến trường Dickey Chapelle sinh tại Wisconsin 14 tháng Ba 1918 trở thành người nữ thông tín viên người Mỹ đã chết khi làm nhiệm vụ khi chị gục ngã tại miền Nam Việt Nam 4 tháng 11, 1965.

Sông Hồng
Biên tập NewsForce1

*Ảnh trong National Gegraphic Vol. 129, No. 2, Feb.1966. page 271

PHỎNG VẤN TỔNG THỐNG THIỆU

Bài của Oriana Fallaci, Vân Hải Nguyễn Xuân Hùng chuyển ngữ

(Tiếp theo và Hết)

Oriana Fallaci: Được tăng cường, thưa tổng thống? Ông có nhiều máy bay mà. Nào máy bay trực thăng, máy bay thám thính, máy bay vận tải trong lúc Bắc Việt chỉ có lèo tèo vài ba chiếc Mig.

Nguyễn văn Thiệu: Chúng tôi có máy bay nhưng không có đủ phi công. Chúng tôi không có chuyên viên kỹ thuật và chúng tôi vẫn còn phải huấn luyện họ. Chuyện ấy phải mất một hai năm. Tại sao trước đây chúng tôi không làm cái chuyện ấy. Sở dĩ như vậy là bởi vì trước hết chúng tôi phải đặt nặng vào vấn đề trang bị cho quân đội cái đã. Tôi luôn luôn nói là chúng tôi vẫn chưa sẵn sàng trước năm 1973. Đó là lý do vì sao mà bọn cộng sản yêu cầu dẹp bỏ chương trình Việt Nam hoá chiến tranh, và sợ chương trình ấy. Cô có biết là muốn có một đội quân trang bị bằng vũ khí tối tân thì phải mất thời gian là bao lâu không?

Orianna Fallaci : Thưa tổng thống, tôi không hiểu gì thêm cả. Chúng tôi ít nhiều bắt đầu nói đến hoà bình, và ở đây mình lại nói về chiến tranh. Ông muốn chấm dứt chiến tranh hay là muốn chiến thắng trong cuộc chiến?

Nguyễn Văn Thiệu: Tôi muốn chấm dứt cô à. Tôi không mưu tìm chiến thắng như Giáp. Và tôi phát biểu với tư cách một quân nhân chứ không phải một chính trị gia. Hãy để chúng tôi nói là chúng tôi phải làm gì để thắng trong cuộc chiến tranh này. Nếu chúng tôi ký vào bản hiệp ước hoà bình ngày mai thì chúng tôi sẽ thắng cái gì ở miền Nam Việt Nam? Này nhé! Lạm phát. Hàng trăm ngàn người chết. Thượng đế có biết là có bao nhiêu đô thị bị tàn phá, một triệu người di cư, một triệu lính phải trả lương mỗi tháng không? Chiến đấu ở ngay trên phần đất của mình thực sự có nghĩa là mình thua trận rồi cho dù cuộc chiến thắng đã ghi rõ ràng bằng giấy trắng mực đen trong một cuộc đình chiến. Thực ra nghệ thuật chiến tranh là đưa chiến tranh vào trong lãnh thổ của địch, tiêu diệt địch ngay trên lãnh thổ của chúng như Giáp đã giải thích cho cô rõ rồi. Theo ý nghĩa ấy thì ông ta có đủ lý lẽ để nói rằng mình đã thắng trong cuộc chiến. Và tôi hỏi lại cô như thế này nhé: "Nếu ngày mai chúng tôi ký vào hiệp ước về hoà bình thì chúng tôi thắng cái gì nhỉ? Hẳn chúng tôi đã chiếm được một phân vuông lãnh thổ ở Bắc Việt Nam sao? Hẳn chúng tôi sẽ chiếm được một cái ghế trong cái quốc hội cộng sản miền bắc chăng? Chúng tôi chẳng thắng được cái gì cả. Đó là con số không. Chúng tôi đã thua để trao đổi lấy cái thất bại của mình lấy hiệp ước hoà bình sao? Thưa cô, họ gọi tôi là con người sắt đá cứng cỏi. Làm thế nào mà con người được gọi là sắt đá, cứng cỏi lại có thể sẵn sàng đi thương thuyết với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, một người sẵn sàng từ nhiệm một tháng trước khi có cuộ tổng tuyển cử. Có phải mấy cái anh Phạm Văn Đồng, Lê Duẫn, Võ Nguyên Giáp sẵn sàng thương thuyết với tôi? Họ có sẵn sàng từ chức không?

Oriana Fallaci: Thưa tổng thống, vậy thì cuộc chiến này kéo dài bao lâu nữa? Năm, tháng, hay tuần?

Nguyễn Văn Thiệu: Cô đã từng đặt câu hỏi này ra với ông Giáp chưa?

Oriana Fallaci: Có ạ, nhưng cách đây gần bốn năm.

Nguyễn Văn Thiệu: Vậy ông ta trả lời cô thế nào?

Oriana Fallaci: Ông ta bảo tôi rằng chiến tranh có lẽ vẫn còn phải tiếp diễn ngay cả đến cả hai chục năm nữa.

Nguyễn Văn Thiệu: Thấy chưa. Thấy câu trả lời của ông ta chưa? Chiến tranh này sẽ tiếp tục chừng nào mà ông ấy muốn, nghĩa là cứ tiếp diễn chừng nào mà ông ta còn muốn áp đặt cuộc chiến lên chúng tôi. Nếu tôi có khả năng đưa chiến tranh lên đất bắc như ông ta đã mang chiến tranh vào miền Nam, lúc ấy cô sẽ có quyền để đặt câu hỏi ấy với với tôi và yêu cầu tôi trả lời. Tuy nhiên bây giờ tôi chỉ có thể cho cô một ý kiến thôi: Hoặc là hoà bình sẽ trở về trong vòng một vài tuần lễ nữa. Chúng ta cứ cho là một tháng đi, hoặc là chiến tranh sẽ tiếp tục thêm một thời gian ba hay bốn năm nữa, Vấn đề ở đây là khó có thể chấm dứt được một cuộc chiến tranh dựa trên căn bản du kích. Có bao nhiêu tên du kích ở Mã Lai? Mười ngàn? Và người Anh đã phải mất bao lâu mới tiêu diệt hết được bọn này? Mười hai năm thật khó để có thể chiến đấu trong một cuộc chiến do bọn du côn phát động.

Oriana Fallaci: Ông có nói với ông tướng Haig khi ông này tới đây không?. Theo chỗ tôi hiểu thì hai người không có ôm nhau thắm thiết.

Nguyễn Văn Thiệu: Này cô, như cô cũng đã biết đấy.. ông ta gọi tôi: thưa tổng thống thì tôi cũng gọi ông ta là "thưa ông tướng" hay nói một cách đúng hơn là "ông tướng", như vậy đó... chúng tôi chẳng có gì nhiều để trao đổi với nhau cả. Tôi nói với ông ta: "Vâng, ông tướng, bây giờ ông có mặt ở đây. Ông hãy cho tôi biết ông tới đây với vai trò gì? Và ông ta trả lời: "Tôi tới đây để giải thích quan điểm của tổng thống Nixon." Rồi tôi vạch ra cho ông ta thấy rằng ông ta đến đây ngay cả với tư cách của một nhà thương thuyết cũng không phải, mà ông ta tới đây chỉ với tư cách của một sứ giả đưa tin mà thôi. Ông tướng, chúng ta cùng nhau hãy nghe lập trường này. Ông ta giải thích cho tôi nghe. Tôi lắng tai nghe và rồi chỉ bảo với ông ta rằng là tôi sẽ trả lời trực tiếp với Nixon qua một bức thư cá nhân. Và tôi sẽ trao bức thư này cho ông ta đem về với tư cách là một liên lạc viên. Haig từ giã và hôm sau ông ta trở lại và tôi giao bức thư ấy cho ông ta, tôi nói: "Bức thư đây, ông tướng. Chúc thượng lộ bình an. Tạm biệt." Tôi tiếp tục tự mình giải thích cho người Mỹ biết.

Và cứ tiếp tục, tiếp tục giải thích với hy vọng là họ sẽ hiểu tôi. Cái ngày mà họ nói với tôi: "Chúng tôi không hiểu ông, ông Thiệu à, và vì thế chúng tôi bỏ rơi ông đấy...Vâng, ông sẽ thấy chúng tôi phản ứng đối với nền hoà bình. Cho tới ngày đó. Dĩ nhiên là tôi lại sẽ sẵn sàng tiếp đón Kissinger. Lúc nào tôi cũng mong ông ta tới Saigòn để gặp tôi. Tôi không hiểu tại sao ông ta chưa đến nhỉ? Có lẽ ông ta nghĩ rằng chưa phải lúc chăng. Có lẽ ông ta sắp sửa đạt được một thoả hiệp mà đối với ông ta thì hình như ông ta cho là thành thực.. có lẽ ông ta sắp sửa tới và nói với tôi: "Thưa ông tổng thống, theo ý tôi thì đã tới lúc ký hiệp định hoà bình rồi đó." Rồi tôi sẽ nói với ông ta: "Mời ông ngồi. Chúng ta hãy để mắt tới cái loại hoà bình mà ông đề cập đến."

Oriana Fallaci: Và ông có sẵn sàng mời ông ta ăn sáng như ông đã mời tôi không?

Nguyễn Văn Thiệu: Tại sao không chứ? Nếu người Bắc Việt Nam mời ông ta uống trà và ăn bánh bích qui thì tại sao tôi lại không thể mời ông ta ăn sáng chứ. Tôi có phải không tốt bằng ông Lê Đức Thọ đâu. Và lúc nào cô cũng có thể cố gắng để thảo luận về những câu chuyện trong lúc ăn uống, chừng nào mà câu chuyện ấy không có hại cho sự tiêu hoá. Tôi không phải là kẻ thù của Kissinger, mà tôi cũng không phải là kẻ thù của người Bắc Việt Nam, mà kẻ thù của

của tôi là bọn cộng sản, những kẻ muốn mang chủ nghĩa cộng sản vào phần đất miền Nam này. Họ có thể giữ cái chủ thuyết cộng sản ở trong nhà họ, chừng nào mà họ muốn. Cô ạ, một khi chiến tranh chấm dứt, tôi sẵn sàng bắt tay với ông Giáp, và dĩ chí cả đến chuyện đến nhà ông ta dùng cơm tối nữa. Và tôi nói với ông ta: "Này ông tướng. Chúng mình nói in ít chứ. Ông ở miền bắc, tôi ở miền nam. Ông có nhiều than và tôi có nhiều gạo. Chúng mình hãy xây một con đường sắt từ Hà Nội đến Saigòn và trao đổi hàng hoá với nhau. Bây giờ cám ơn ông đã đãi tôi ăn tối và lúc nào thì tôi có cái hân hạnh được đón tiếp ông với tư cách là một người khách đến Saigòn?

Oriana Fallaci: Thưa tổng thống, ông đã nhắc đến tên ông Giáp bao nhiêu lần rồi? Người ta nói ông luôn luôn bị ám ảnh bởi cái tên ấy. Ông nghĩ sao về ông Giáp?

Nguyễn Văn Thiệu: Cô à, tôi nghĩ ông ta là một tướng giỏi, nhưng chẳng phải là một Nã Phá Luân của Châu Á như ông ta tưởng mình là như thế., Cái vĩ đại của Giáp đã được báo chí Pháp tâng bốc, phóng đại sau trận Điện Biên Phủ. Và Điện Biên Phủ cũng vẫn còn là một chiến thắng vĩ đại của ông ta, mặc dầu không phải là một chiến thắng dị thường như ông ta nghĩ và đó là cái mà báo chí Pháp lúc nào cũng khư khư nói với cái lập luận ấy trên báo chí của họ.

Đứng trên quan điểm quân sự, Điện Biên Phủ là một trân chiến dễ thắng cho Giáp. Người Pháp chẳng có gì ở Điện Biên Phủ cả. Không máy bay, không xe tăng, không pháo binh. Giáp chỉ phải xứ dụng chiến thuật biển người cùng chiến thuật xa luân chiến với các sư đoàn của ông ta. Chúng ta phải thành thực với nhau nhé. Người Pháp thực sự thua gì ở Điện Biên Phủ? Ngay cả một phần mười của quân đội cũng không mất. Bất cứ một tướng Pháp nào có mặt tại Đông Dương hồi đó cũng sẽ nói cho cô biết rằng quân đội Pháp không hoàn toàn bại trận chút nào nếu Paris gửi viện binh thì họ có khả năng chống đỡ trên toàn miền Bắc Việt Nam chứ đâu chỉ riêng có Điện Biên Phủ mà thôi đâu. Không phải vì Giáp mà người Pháp thất trận tại Điện Biên Phủ. Trận Điện Biên bị thua bởi vì cuộc chiến ấy đã thua ở tại chính quốc Pháp rồi: thua về chính trị, thua về tâm lý, thua về tinh thần, thua về đạo đức. Chính Giáp đã có cái ý tưởng ấy trong đầu của ông ta rằng mình đã có một hành động dứt khoát về phương diện quân sự tại Điện Biên Phủ. Và kể từ đó ông ta chẳng làm gì nữa mà chỉ mong tìm kiếm một Điện Biên Phủ mới nhưng chẳng hề bao giờ hiểu rằng một quân đội hiện đại ngày nay chẳng có chút gì giống với cái quân đội Pháp của thập niên 1950. Cái lầm lỗi của Giáp trong cuộc chiến tranh này là đã không nhận thức được cái sức mạnh dị thường của quân đội Mỹ và đồng thời cũng đánh giá thấp quân đội Cộng hoà chúng tôi.

Oriana Fallaci: Thưa tổng thống, chúng ta đang nói về Bắc Việt Nam và ngoài ra không có cái gì khác. Vì thế tôi nghĩ đã tới lúc chúng ta nói về Việt Cộng và sự bất hoà khác giữa ông và ông Kissinger.

Nguyễn Văn Thiệu: Hay lắm. Tôi xác nhận rằng cái công thức chính trị mà người Mỹ chấp thuận hồi tháng 10 là một thứ công thức không đáng tin cậy, theo đó Bắc Việt Cộng sản đang cố gắng áp đặt một chính phủ liên hiệp lên chúng tôi. Tôi tuyên bố rằng chúng tôi sẽ chẳng bao giờ chấp nhận một công thức như vậy, bất kể công thức ấy được nguỵ trang dưới bất cứ hình thức nào, vì chúng tôi không có áp đặt bất cứ một hình thức chính phủ nào lên Hà Nội và tôi không muốn Hà Nội áp đặt một cái gì lên Saigòn cả. Hiến Pháp của Bắc Việt nói rằng Việt Nam là một quốc gia bất khả phân từ Lào Cai đến Cà Mâu. Hiến pháp của Việt Nam Cộng Hoà chúng tôi cũng nói thế. Lãnh thổ Việt Nam là từ Cà Mâu đến Lao Cai vậy. Tuy nhiên cũng còn có một hoàn cảnh thực tế: hai quốc gia trong một quốc gia: Bắc Việt và Nam Việt, mỗi quốc gia có chánh phủ riêng, quốc hội riêng, hiến pháp riêng. Vì vậy mỗi bên phải quyết định tương lai chính trị của mình và phía bên kia không được can thiệp vào, giống như Đức quốc, Hàn quốc. Như thế là tôi đã nói rõ

ràng chưa cô?. Tôi nói hai quốc gia, hai quốc gia, hai quốc gia. Giống như Hàn quốc. Giống như Đức quốc. Hai quốc gia đợi thống nhất làm một. Khi nào thì đi đến thống nhất thì chỉ có Trời mới biết. Đối với cá nhân tôi, tôi chẳng nhìn thấy chuyện ấy xẩy ra ít nhất là hàng vài chục năm nữa hay như thế. Và cũng chính vì lý do này mà tôi luôn luôn yêu cầu rằng cả hai miền Bắc và Nam Việt Nam phải được cho gia nhập Liên Hiệp Quốc.

Oriana Fallaci: Nhưng thưa còn Việt cộng, tổng thống. Họ cũng là người miền Nam Việt Nam. Họ phải được gia nhập vào đời sống chính trị của miền Nam chớ.

Nguyễn Văn Thiệu: Đúng như vậy nhưng không có sự can thiệp của Bắc Việt. Vì thế tôi nói: Hãy để tương lai chính trị của miền Nam để cho chúng tôi và những người cộng sản ở miền Nam định đoạt. Tôi đồng ý thương thuyết với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, tôi đồng ý tổ chức tuyển cử với họ, tôi đồng ý cho họ có một đảng phái chính trị trong tương lai. Tuy nhiên đây là vấn đề chính trị của miền Nam Việt Nam chứ không phải là vấn đề chính trị của miền Bắc Việt Nam. Tôi không đồng ý với những áp đặt của Hà Nội. Tôi muốn thương thuyết tự do với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Tuy nhiên làm thế nào mà tôi có thể thực hiện được điều ấy khi cán binh miền bắc còn ở lại đây nguỵ trang thành Việt Cộng? Cô à, ngay cả Mặt Trận Giải Phóng cũng không thể nào thương thuyết một cách tự do với chúng tôi trong lúc có cả ba trăm ngàn quân Bắc Việt vũ trang bằng pháo binh ở sau lưng họ? Vì thế tôi lặp lại: hãy để cho chúng tôi yên, chúng tôi và Việt Cộng. Chúng tôi sẽ hiểu nhau hơn và nhanh hơn. Chúng tôi đều là người miền Nam Việt Nam và tôi biết rằng đa số những người Việt Cộng đã chiến đấu trong suốt hai mươi năm không muốn xâm lăng Nam Việt Nam. Làm thế nào mà họ có thể xâm lăng được khi họ là người miền Nam Việt Nam. Tôi biết rằng họ chỉ muốn tham gia vào đời sống chính trị của xứ sở và..

Oriana Fallaci: Thưa tổng thống, ông đã từng bao giờ cố gắng mở những cuộc đối thoại công khai với họ chưa?

Nguyễn Văn Thiệu: Nhưng mà làm sao tôi có thể làm điều ấy được khi có sự hiện diện của quân cộng sản Bắc Việt ở đây chứ. Đây là điều mà tôi cứ lặp lại mãi với người Mỹ, cái điều mà họ không hiểu gì cả. Hãy giả thử rằng tôi muốn nói chuyện với bà Bình bằng cách nào đó. Làm sao được đây. Mà bà ta cũng làm thế nào hơn được. Bà Bình cũng không được tự do để nói chuyện với tôi, và phát ngôn viên của bà ta là người Bắc. Cô ơi, tôi nói với cô rằng là chỉ khi nào quân Bắc Việt ra đi thì Việt Cộng mới cảm thấy họ có tự do để có thể đến nói chuyện với tôi. Và họ sẽ tới, bởi vì tôi sẽ mời họ, và bởi vì lúc ấy họ sẽ không còn bị những người khác kiểm soát nữa. Sự thực là... vài ba năm cách đây chúng tôi có chính sách chiêu hồi. Và hồi chánh viên có nghĩa là người Việt Cộng đào ngũ về với chính sách quốc gia. Phải, có lúc hồi chánh viên lên rất cao đến khoảng hai trăm ngàn. Và điều này đã làm cho cộng sản Bắc Việt âu lo vô cùng bởi vì rõ ràng là nếu chương trình này mà mà tiếp tục thì sẽ chẳng còn cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam nữa. Như thế Bắc Việt cộng sản sẽ làm gì? Chúng tản mác trong các làng mạc và trong các đơn vị Việt Cộng để thay thế Việt Cộng hoặc là để ngăn cản không cho Việt Cộng đào ngũ nữa. Và chẳng phải cô không hiểu rằng sự bất hoà lần thứ hai của tôi với tiến sĩ Kissinger là hậu quả của sự bất hoà lần đầu sao? Chẳng phải cô không hiểu rằng vấn đề chính vẫn còn là sự hiện diện của ba trăm ngàn quân Bắc Việt

Oriana Fallaci: Nhưng thưa tổng thống, nếu ông đi xa hơn một chút bằng cách bác bỏ cái sự kiện đã được nêu ra là vấn đề chính phủ liên hiệp. Nếu ông sẵn sàng chấp thuận cho Việt Cộng tham gia vào trong sinh hoạt chính trị ở miền Nam Việt Nam thì tại sao ông lại bác bỏ

cái khái niệm về một chính phủ liên hiệp?

Nguyễn Văn Thiệu: Bởi vì những cái gì mà tôi đã nói cho tới bây giờ không có đề cập đến chút gì gọi là chính phủ liên hiệp cả. Và điều ấy chỉ đơn giản là sự tham gia của Việt Cộng vào trong các cuộc tuyển cử. Bởi vì cái mà tôi bác bỏ là cái điều đòi hỏi của những người khác đòi một chính phủ liên hiệp. Một chính phủ phải là kết quả của những cuộc bầu cử dù phải hay không phải. Vì thế cho nên cho dù nếu một ngày kia có một chính phủ ở Saigòn hoàn toàn bị người cộng sản kiểm soát thì kết quả này dứt khoát cũng phải xuất phát từ cuộc bầu cử mà ra. Yes or No. Không phải là một chính phủ "tiền chế" mà lại càng không phải là một chính phủ do Hà Nội áp đặt. Căn bản là tôi đang đòi hỏi gì đây? Ba tháng nói chuyện với Mặt Trận Giải Phóng, cộng thêm ba tháng để đi đến một thoả hiệp với họ, tổ chức các cuộc bầu bán trên căn bản mỗi người một phiếu bầu. Nào, vậy thì họ mong đợi ở tôi cái gì? Cái gì nào? Hơn thế nữa sao? Tôi đại diện cho một chính phủ hợp hiến hợp pháp và tôi phải từ chức để có thể tổ chức những cuộc thương thảo với những kẻ muốn chiếm đoạt địa vị của tôi một cách bất hợp pháp ư. Tôi đồng ý để cho họ tham dự vào trong các cuộc tuyển cử. Mẹ kiếp! Ngay cả chuyện tôi còn phải chấp nhận sự khả dĩ họ có thể thắng qua các cuộc tuyển cử mặc dầu tôi sẵn sàng đánh cuộc rằng chuyện đó chẳng bao giờ có thể xẩy ra cả. Nếu họ thắng cử, tôi sẽ xin cưa cái đầu tôi đây này... Nhưng mà không.. không đâu cô ạ. Họ chỉ là một nhóm thiểu số có phần trăm quá nhỏ trong tổng số dân chúng. Con số của họ vào khoảng một trăm ngàn. Từ năm chục ngàn đến một trăm ngàn...

Oriana Fallaci: Cộng với số người hiện đang bị giam giữ trong tù. Thưa tổng thống, sự phân tích của ông lúc ban đầu nghe có vẻ đáng thuyết phục. Tuy nhiên làm thế nào mà ông có thể có được những cuộc tổng tuyển cử thực sự với hàng ngàn Việt Cộng và những kẻ tình nghi là Việt Cộng hiện nằm đầy trong các nhà tù và những trại tập trung ở miền Nam Việt Nam.

Nguyễn Văn Thiệu: Tôi sẽ trả lời cái lời phê bình ấy ngay. Khi có chiến tranh thì rõ ràng là người ta sẽ bỏ tù bất kỳ kẻ nào khai chiến với mình. Chuyện ấy thì bất cứ ở xứ sở nào thì cũng phải xẩy ra như vậy thôi. Đó là một việc rất bình thường cô ạ. Và những kẻ nào ngày nay ngồi tù là nhưng kẻ đã nhúng tay vào tội ác giết người hay những sự tàn ác khác. Và số ấy cũng ít hơn là cô tưởng. Tuy nhiên khi hoà bình vãn hồi, ngay cả vấn đề của họ cũng sẽ được giải quyết. Tôi không đòi hỏi gì hơn là một sự trao đổi tù binh, dân sự, quân sự, mọi người. Ấy vậy mà phía Bắc Việt cũng từ chối đề nghị này của tôi. Và tôi nói: tại sao? Tôi sẵn sàng trao đổi mười ngàn tù binh Bắc Việt và mấy ngàn tù dân sự đổi lấy năm trăm tù binh Mỹ. Tôi sẵn sàng trả tự do cho tất cả những người này: người miền Bắc, người Căm bốt, người Lào, người Việt Cộng, người dân sự, tất cả, vậy mà họ cũng vẫn còn chưa bằng lòng đấy. Chắc chắn một sự trao đổi như vậy sẽ phải xẩy ra khi chiến tranh chấm dứt chứ không phải khi chưa chấm dứt. Cô có biết vấn đề thực sự ở đây là gì không? Đó là vấn đề người Mỹ đã chứng tỏ sự họ quá âu lo, quá quan tâm về năm trăm tù binh của họ hiện đang bị giam giữ tại Hà nội và bây giờ Cộng sản bắc Việt xử dụng đám tù binh này y như là những thứ hàng hoá để áp đặt những điều kiện chính trị của chúng. Thật là ghê tởm.

Oriana Fallaci: Và còn những người chủ trương trung lập, thưa tổng thống? Theo chỗ tôi hiểu họ bao gồm tuyệt đại đa số dân chúng là những người đã chán đủ mọi thứ rồi: Thiệu, Việt Cộng, Mỹ, Bắc Việt, cuộc chiến tranh.

Nguyễn Văn Thiệu: Họ không chiếm thành phần đa số trong dân chúng. Cô à, nếu cứ như lời cô nói tôi sẽ không có ngồi ở đây đâu. Hãy tin tôi đi, đại đa số dân chúng Nam Việt Nam chán bọn cộng sản lắm rồi. Một sự sợ hãi quá độ đã được kết tinh bằng cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân và bằng những sự tàn sát xẩy ra trong thời gian có vụ tấn công mùa Phục sinh rồi. Chẳng có cách nào khác giải thích cho cô hay những gì đã xẩy ra suốt trong chiến dịch cắm cờ. Tất cả những gì tôi phải làm là bảo mọi người mua một lá cờ hoặc sơn lá cờ vàng ba sọc đỏ ở mặt tiền nhà của họ. Cô có thực sự nghĩ

răng có một vài chuyện có thể được áp đặt bằng một cái lệnh không? Cô à, tôi xem những người chủ trương trung lập như là những người ngây thơ tội nghiệp, hay nói đúng hơn là những kẻ dại khờ tội nghiệp và đừng có để cho tôi phải âu lo về họ. Tôi thấy thương cảm cho họ, những kẻ gọi là trung lập, bởi vì họ đã cho cộng sản vay mượn họ trong cái trò chơi của chúng. Họ quá ngây thơ đi. Họ nghĩ họ đang đóng một vai trò chính trị và để cho bọn cộng sản xỏ mũi dẫn đi. Tôi nghĩ giá đám người này gia nhập vào trong hàng ngũ Việt cộng để chiến đấu chống lại chúng tôi bằng vũ khí thì có lẽ còn tốt hơn và tôi còn kính trọng họ hơn. Trung lập cái kiểu này thì càng không phải là chính trị gia, lại càng không phải là người lính nữa. Họ đã liều chấp nhận đứng về phía này hay phía bên kia. Cô ơi, chúng ta hãy nghiêm chỉnh một chút nghe. Làm thế nào mà bất cứ kẻ nào cũng có thể là một người trung lập ở Việt Nam được chớ.

Oriana Fallaci: Phải chăng đấy là nguyên nhân tại sao ông đã ra lệnh đàn áp những đảng phái đối lập ở Việt Nam? Thưa tổng thống?

Nguyễn Văn Thiệu: Trời! Sắc lênh không phải dùng để đàn áp họ mà nhằm mục đích khuyến khích họ kết hợp lại. Có hai mươi bảy đảng phái chính trị hợp pháp ở miền Nam Việt Nam cộng thêm khoảng trên bốn chục chính đảng bất hợp pháp khác. Nhiều đảng phái sẽ là một sự không cần thiết ngay cả trong thời bình- và cô hãy tưởng tượng ở thời chiến thử coi. Và đừng quên là hiến pháp của chúng tôi khuyến khích một hệ thống lưỡng đảng. Bây giờ chúng ta cứ cho là hiệp ước hoà bình được ký ở Paris và chúng ta cứ cho là trong vòng ba tháng chúng tôi đạt được một sự thông cảm với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam thì chuyện gì sẽ xảy ra đây? Điều gì xảy ra vào cái lúc mà chúng tôi chiến đấu chống lại cộng sản trong cái trò chơi dân chủ thì một mặt trận bầu cử xảy ra ở một nơi mà những người cộng sản đứng về một phía và hai mươi bảy chính đảng hợp pháp và bốn chục chính đảng bất hợp pháp một phía. Chẳng phải tốt hơn là thống nhất lại nếu chúng tôi muốn chiến thắng. Vì thế tôi mới nói là các đảng phái nhỏ hãy kết hợp lại với nhau thành sáu chính đảng lớn. Cô à, như thế là đủ. Với tôi thì điều ấy đủ cho một quốc gia có mười bảy triệu rưỡi dân. Chính trị không phải là vô trách nhiệm. Như vậy đó.

Oriana Fallaci: Thưa tổng thống, chúng ta đã nói nhiều về thể chế dân chủ và bầu cử. Vì thế tôi cảm thấy mình được phép đặt một câu hỏi không mấy hài lòng cho ông. Ông phải nói gì với những người gọi ông là nhà độc tài của Nam Việt Nam?

Nguyễn văn Thiệu: Này cô, tôi biết là cô sẽ hỏi điều ấy. Tôi không biết là chúng ta có nên ghi âm điều này vào trong máy ghi âm hay không.. tuy nhiên cô hãy nhìn qua những quốc gia ở Đông Nam Á châu và rồi hãy nói cho tôi biết những nước nào có thể được gọi là dân chủ theo quan niệm về dân chủ của cô. Thái Lan chăng? Đại Hàn, Phi Luật Tân chăng? Thưa cô? Với tất cả sự thành thực đối với tôi hình như Nam Việt Nam vẫn còn là một quốc gia dân chủ nhất. Có lẽ không dân chủ bằng với quan niệm của cô, tuy nhiên dân chủ không phải là một tiêu chuẩn có thể đem áp dụng một cách đồng nhất ở khắp mọi nơi. Dân chủ như ở Mỹ hay ở bên Âu châu chưa thể nào có ở đây được. Và chúng tôi vẫn chưa sẵn sàng thực hiện được một nền dân chủ ở đây. Đừng quên rằng Việt Nam từ trước đến giờ chưa biết đến một cuộc sống dân chủ theo cái nghĩa mà cô bảo dân chủ phải là gì. Mãi cho tới năm 1945 chúng tôi cũng vẫn còn là một thuộc địa của Pháp. Cho tới năm 1954 chúng tôi nằm dưới ách thống trị của Việt Minh. Cho tới năm 1963 chúng tôi ở dưới thể chế Ngô Đình Diệm. Vì thế tôi lại cho phép mình phát biểu rằng một nền dân chủ ở đây chỉ bắt đầu có vào năm 1963 khi Thiệu trở thành tổng thống (Có lẽ ở đây Oriana Fallaci ghi sai niên biểu, bởi vì năm 1963 là năm tổng thống Diệm bị ám sát chết thì ông Thiệu chưa làm tổng thống. Lời ND)

Oriana Fallaci: Tuy nhiên nền dân chủ nào là một nền dân chủ chỉ đưa ra có mỗi một ứng cử

viên duy nhất trong những cuộc bầu cử? Trong cuộc bầu cử năm 1971 ngay cả một đối thủ cũng không có, thưa tổng thống?

Nguyễn Văn Thiệu: Này cô, chúng ta phải suy xét nhửng điều này theo hoàn cảnh của Nam Việt Nam vào thời điểm ấy. Chúng ta phải nhớ rằng người tổng thống được bầu năm 1971 sẽ là tổng thống bàn thảo về vấn đề hoà bình. Chúng ta phải nhớ rằng vào thời điểm đó, nghĩa là khi không còn sự ổn định chính trị nữa bởi vì các đối thủ của tôi đã rút lui tư cách ứng cử của họ thì Bắc Việt đang tái tập họp lại các sư đoàn của chúng ở bên kia khu phi quân sự và dọc theo biên giới với Căm bốt để chuẩn bị cho một cuộc tấn công mới. Vâng, trong lúc chuyện này đang xẩy ra thì nhiều người đến với tôi và nói: "Ông Thiệu, nếu những người khác rút đơn ứng cử của họ thì ông cũng phải rút tên chứ, nếu không thì còn có đâu là dân chủ nữa." Và tôi trả lời họ là: "Hiến pháp của chúng ta đâu có điều khoản nào qui định rằng các cuộc tuyển cử phải được bãi bỏ nếu chỉ có một ứng cử viên. Hiến pháp cũng không nói ngay cả đến việc một ứng cử viên duy nhất phải tìm một đối thủ. Việc ấy phải mất ít nhất là từ sáu đến bẩy tháng. Trong sáu hay bẩy tháng ấy thì Bắc Việt có đủ số thời gian cần thiết để hoàn tất những cuộc chuẩn bị của họ cho một cuộc tổng tấn công chúng tôi như chính tôi đã nói. Tấn công chúng tôi ngay vào lúc chúng tôi không có người lãnh đạo về chính trị cũng như quân sự. Thôi ta tạm gác chuyện Nam Việt Nam. Vì thế cô hãy nói cái điều gì cô thích đi. Tôi sẽ vẫn ở lại nghe cô đây. Câu hỏi kế tiếp của cô là gì?

Oriana Fallaci: Thưa tổng thống, tôi sẽ hỏi ông một câu tàn nhẫn. Tôi ghét sự tàn nhẫn nhất là từ lúc ông đối xử rất đẹp với tôi, mời tôi ăn sáng vv.. tuy nhiên tôi có trong đầu một loạt những câu hỏi tàn nhẫn. Đây là câu hỏi tàn nhẫn thứ nhất: Ông nghĩ sao và nói gì về việc người ta gọi ông là một tên bù nhìn của Mỹ và là một người của Mỹ?

Nguyễn Văn Thiệu: Ai nói vậy?

Oriana Fallaci: Mọi người. Hầu hết mọi người. Điều đó có thực sự làm ông ngạc nhiên không?

Nguyễn Văn Thiệu: Thế người Mỹ cũng nói như vậy ư?

Oriana Fallaci: Đúng như thế. Nhiều lắm.

Nguyễn Văn Thiệu: À mà này cô.. Ừm. Tôi là người của dân Việt Nam chúng tôi chứ không phải là một người của Mỹ, lại càng không phải là một bù nhìn của Mỹ như tôi vừa nói với cô. Ngay cả trong cuộc phỏng vấn này. Tôi là một đồng minh của người Mỹ, thế thôi. Tiếp tục câu hỏi của cô đi.

Oriana Fallaci: Tôi sẽ tiếp tục. Bây giờ đến câu thứ hai. Ông sẽ phải nói gì với những người tố cáo ông là tham nhũng, một người tham nhũng nhất Việt Nam?

Nguyễn Văn Thiệu: Cô à. Không đáng bận tâm để trả lời câu hỏi này. Tôi phải trả lời cái gì đây? Một khi cái bộ máy thoá mạ một vị tổng thống bắt đầu lăn bánh thì không có cái gì có thể làm cho nó ngưng được. Những sự tố cáo ấy không xẩy ra vì một lỗi lầm mà lại xẩy ra đúng cho một chủ đích. Tôi chỉ có thể nói với cô như sau: "Có bao giờ cô thấy con gái của một vị tổng thống sống trong một nhà nội trú do các dì phước điều hành ở Luân Đôn không? Đó là nơi con gái tôi đang cư ngụ đấy cô ạ."

Oriana Fallaci: Vâng, vậy thì chúng ta lại đặt câu hỏi theo một cách khác. Có phải ông chào đời trong khung cảnh một gia đình nghèo túng không?

Nguyễn Văn Thiệu: Đúng là như thế cô ạ. Mới lên mười cha tôi đã là một trẻ mồ côi. Khi ông lập gia đình thì vợ ông tức là mẹ tôi đã phải bương chải tần tảo nuôi nấng gia đình bằng cách gánh gạo và gánh dừa ra chợ làng bán. Hạ sinh đứa con đầu lòng mới được mười ba ngày thì bà đã phải bán túp lều tranh của mình và dọn sang ở mé bên kia sông bởi vì bà chẳng có tiền. Và

nhờ ở sự tần tảo sớm hôm của mẹ tôi cho nên anh cả của tôi đã có thể sang Ba Lê du học. Em tôi thì đi học ở Huế, nhưng tôi thì theo học ở một ngôi trường làng. Chúng tôi, một gia đình gồm những người con tự lập- ngày nay các anh tôi đều làm đại sứ. Tuy nhiên ngày nay các chị em tôi cũng vẫn còn gánh gà và gánh gạo ra chợ bán như mẹ tôi đã từng làm. Vâng, đó là sự thật.

Oriana Fallaci: Và ngày nay có phải là ông giầu vô cùng với những trương mục ở ngân hàng và nhà cửa ở Thuỵ sĩ, Luân Đôn, Ba Lê và Úc châu.

Nguyễn văn Thiệu: Không đúng như vậy. Tôi thề với cô trên đầu hai đứa con trai và con gái của tôi rằng tôi chẳng có gì ở ngoại quốc cả. Chẳng có nhà ở Luân Đôn mà thậm chí cũng chẳng có ở Ba Lê, ở Úc châu, ở Thuỵ sĩ gì cả. Tôi nghe câu chuyện về căn nhà ở Thuỵ Sĩ cách đây ít lâu qua miệng của một số người Mỹ. Và tôi trả lời là: "thưa các ông Mỹ, các ông có tất cả các kỹ thuật cần thiết để khám phá xem căn nhà ấy ở đâu. Hãy mang đến cho tôi tấm hình chụp căn nhà này đi."
Tôi chỉ có một chút ở Việt Nam và cô có muốn biết cái gì không? Một căn chung cư ở Bộ Tổng Tham Mưu, nơi đó với tư cách là một tướng lãnh tôi được cấp phát một chung cư hai phòng. Do đó tôi đã biến thành một và tân trang nó chút chút và tôi giữ nó như là một nơi nghỉ ngơi những ngày cuối tuần. Tuy nhiên căn chung cư ấy không thuộc về tôi mà thuộc về quân đội. Và tôi sẽ hiến cho quân đội để rồi biến nó thành một bảo tàng viện. Và tôi có một căn nhà gỗ ở trên sông, nơi ấy tôi thường đến để đi trượt nước. Đó là một căn nhà tiền chế rẻ mạt. Căn nhà ấy do Hiệp Hội Khai Thác Lâm Sản tặng cho tôi. Rồi tôi có một căn nhà nơi tôi chào đời, đó là căn nhà nghèo nhất trong làng. Người ta đi ngang qua đấy và cười: "Kìa, nhìn căn nhà của tổng thống Thiệu kìa." Cuối cùng tôi có một miếng đất nơi đó tôi thường tiêu khiển bằng việc làm những thí nghiệm về nông nghiệp. Và ở đó tôi trồng lúa, trồng dưa hấu. Tôi sẽ nuôi gà, nuôi ngỗng, nuôi heo và nuôi cá vì có một cái ao. Đó tài sản vậy đó. Từ ngày tôi làm tổng thống ngay cả một chiếc xe hơi tôi cũng không mua. Thay vì vậy tôi dùng chiếc công xa ngày xưa cố tổng thống Diệm từng dùng. Đó là chiếc Mercedes cũ kỹ với một cỗ máy luôn luôn bị liệt. Cô có thể tưởng tượng được rằng, một vị tổng thống Việt Nam trang trọng từ trên phi cơ bước xuống sau một cuộc du hành nào đó trở về và rồi chui vào chiếc xe Mercedes máy vừa mới khởi động thì thình lình tắt ngủm và đám quân cảnh hộ tống phải xúm lại hì hục đẩy cho máy nổ trở lại. Và ông vừa đấm tay trên bàn nghe rầm rầm rầm vừa văng tục chửi thề: "Mẹ kiếp! Tôi phải mua cái xe mới được. Tiếp tục đặt câu hỏi tiếp đi cô."

Oriana Fallaci: Thưa tổng thống tôi tiếp tục đặt câu hỏi thứ tư. Có phải ông sợ bị ám sát chăng? chẳng hạn như bị ám sát như tổng thống Diệm?

Nguyễn Văn Thiệu: Đời nào cô. Tôi không sợ đâu. Tôi tin vào Thượng đế, và sự thực là Thượng Đế bảo vệ tôi. Cô nên nhớ rằng tôi không phải là con người tin vào thuyết định mệnh một trăm phần trăm đâu nghe. Nói một cách khác đi tôi không tin rằng Thượng đế luôn luôn ở đó để bảo vệ mình và vì vậy bảo vệ cho mình là vô ích. Trái lại tôi nghĩ rằng người ta phải làm đủ mọi cách để giúp Thượng đế một tay và giúp cho Ngài bảo vệ mình. Tuy nhiên cái gì cũng có cái giới hạn của nó và cuối cùng tôi kết luận: "Tôi làm nhiệm vụ của tôi và bảo vệ tôi khỏi những hiểm nguy mà nhiệm vụ như vậy có liên quan đến. Còn phần chót thì tuỳ nơi Thượng đế. Cho dù Thượng đế phải có một chút trách nhiệm nào đó đối với tôi, phải không? Nên nhớ rằng đó là vấn đề tin nhau. Nói một cách nghiêm trang thì họ giết tôi dễ lắm. Tôi bắt tay mọi người và chẳng có để ý gì. Mấy nhân viên an ninh của tôi chỉ phàn nàn. Và tôi vẫn tiếp tục bảo: "các ông an ninh ơi, cái ấy là cái gì? Tôi làm bổn phận của tôi và các ông làm bổn phận của các ông. Nếu tôi không làm so much the worse for you and me.. Tôi cóc cần (Je m'en fous) Tôi cóc cần bởi vì.. Làm thế nào mà một người có thể tránh khỏi bị giết nếu có kẻ

nào đó thực sự muốn giết mình. Tuần qua tôi tôi đi duyệt binh năm ngàn người thuộc lực lượng tự vệ. Mỗi người trong bọn họ có một khẩu súng đầy đạn, và chỉ cần một viên là có thể giết tôi được. Không có gì đơn giản hơn là việc ám sát một tổng thống Việt Nam. Nhưng tại sao họ lại phải ám sát tôi vì tôi đã nói với họ rằng chuyện ấy không đáng để gây phiền toái, rằng tôi thích ra đi và còn sống hơn là chết. Hơn nữa tôi không bị ám ảnh về cái chết. Và tôi đã chứng tỏ điều ấy bằng việc tham dự biết bao nhiêu trận đánh cho tới năm 1965, ngay cả mới rồi phải đối diện với pháo binh của Bắc Việt và hoả lực của Việt Cộng. Không ai buộc tôi phải đi Quảng Trị, đi Bình Long hay đi Kontum. Tôi là một tổng thống chứ không phải một vị tướng mặt trận. Nhưng tôi vẫn đi. Tôi cầu xin Thánh Nữ Đồng Trinh và rồi tôi đi.

Oriana Fallaci: Ông mộ đạo thế nhỉ?

Nguyễn Văn Thiệu: Đúng, đúng thế, đúng lắm lắm. Chủ nhật nào tôi cũng dự lễ misa trong ngôi giáo đường của tôi và tôi cầu nguyện mỗi tối. Tôi cũng cầu xin cho quân đội của tôi tái chiếm Quảng Trị mà không phải đổ máu nhiều. Ngay cả khi tiến sĩ Kissinger tới đây trong một nỗ lực buộc tôi phải chấp nhận cái tôi không chấp nhận tôi cũng cầu nguyện. Tôi là một tín đồ Thiên chúa giáo thứ thiệt. Tôi đã được cải đạo sau khi đã suy nghĩ về vấn đề này trong tám năm trời. Vợ tôi nguyên thuỷ là một tín đồ Thiên chúa giáo khi tôi kết hôn với bà năm 1951, và vì giáo hội buộc tôi rằng cuộc hôn nhân chỉ có giá trị nếu tôi chịu cải đạo. Và tôi đã nói với vị tu sĩ Thiên chúa giáo như sau: "Thưa ngài, tôi là một sĩ quan và tôi đang phải chiến đấu chống giặc, vì thế tôi không có thì giờ để học giáo lý.. Hãy để cho tôi thời gian sau khi chiến tranh kết thúc, và tôi hứa với ngài là tôi sẽ học giáo lý và và chịu cải đạo. Rồi chiến tranh chấm dứt và tôi giữ lời hứa. Tuy nhiên chuyện ấy không dễ như tôi tưởng. Tôi muốn hiểu tất cả và tôi làm cho vị tu sĩ tội nghiệp kia phải phát khùng với những câu thắc mắc của tôi Ông ấy là một tu sĩ miền quê và chẳng biết trả lời làm sao cả. Tôi phải tìm cho mình một tu sĩ giòng Dominique...và như cô thấy đấy, bất cứ cái gì tôi thích làm thì phải làm một cách hoàn hảo, dù là chuyện cải đạo, dù là là chơi ten-nít, dù là chơi cưỡi ngựa hay nắm chức vụ tổng thống, tôi thích trách nhiệm hơn là quyền lực. Đó là lý do vì sao tôi đã nói với cô rằng quyền lực chẳng nên bao giờ đem chia xẻ với người khác. Đó là lý do tại sao tôi luôn luôn là người quyết định. Luôn luôn như thế. Tôi có thể lắng nghe những người khác đề nghị một quyết định nào đó và rồi làm một quyết định ngược lại. Phải chính tôi là người quyết định. Nếu một kẻ nào không chịu nhận trách nhiệm, kẻ đó không có giá trị của một người xếp và...cô ạ, hãy hỏi tôi câu hỏi này nhé: "Ai là người xếp ở đây?"
Oriana Fallaci: "Ai là người làm xếp ở đây?"

Nguyễn Văn Thiệu: Tôi, tôi làm xếp .

Oriana Fallaci: Cám ơn tổng thống. Bây giờ tôi xin kiếu.

Nguyễn Văn Thiệu: Cô từ giã hả? Chúng mình đã kết thúc câu chuyện chưa nhỉ? Cô ơi, cô đã thoả nguyện chưa? Nếu cô vẫn chưa mãn nguyện với những điều tôi đã nói cô phải cho tôi biết nghe cô. Tôi hy vọng là cô thoả nguyện bởi vì tôi chả dấu cô điều gì cả, và tôi đã trả lời cô với tất cả tấm lòng thành thực của mình. Tôi thề với cô như thế. Tôi không muốn dấu diếm cô ngay từ lúc ban đầu. Tuy nhiên rồi thì...tôi có thể làm được gì? Đó là cái đường lối như thế của tôi. Nào hãy nói cho tôi biết đi cô. Có bao giờ cô từng mong đợi để kiếm được một gã như thế không?

Oriana Fallaci: Không, thưa tổng thống.

Nguyễn Văn Thiệu: Cám ơn cô. Và nếu có thể xin cô hãy cầu nguyện cho Việt Nam có hoà bình. Hoà bình cho Việt Nam có nghĩa là hoà bình cho cả thế giới. Và đôi khi tôi cảm thấy như chẳng còn gì để làm ngoại trừ việc cầu xin chúa.

Saigòn tháng 01 năm 1973

TÔI VIẾT CHO ANH NGƯỜI TÙ CẢI TẠO

Anh đến chi nơi xứ người lạnh giá?
Từ lưng trời màn tuyết trắng giăng giăng
Bên đường phố cây khẳng khiu trụi lá
Mây cũng buồn, vì đông rét căm căm

Đất cỏ khô vùi dưới mồ tuyết lịm
Nỗi trầm tư nhè nhẹ thoáng qua hồn
Tôi chợt nhớ về ngày xanh mực tím
Yêu mây trời bát ngát buổi hoàng hôn

Bạn bè đã thưa dần trong lớp học
Người Bộ binh, kẻ lính Thủy, Quân Y…
Đứa Nhảy Dù… Giả từ thời tuổi ngọc
Thuở đao binh, bao thảm cảnh phân kỳ!

Trai thời loạn sa trường say thép súng
Những vòng hoa, tình em gái hậu phương
Choàng lên cổ người chiến binh anh dũng
Đây tấc lòng yêu đất nước, quê hương…

Nay anh đến, với hình hài héo hắt!
Cuộc đổi đời đã xóa tuổi thay tên
Nỗi u uất chói ngời trong ánh mắt
Ánh kiêu hùng và bất khuất vươn lên

Ôi thời gian, có gì không thay đổi?
Chí làm trai như sắt đá trơ trơ…
Bọn cường bạo hủy diệt làm sao nổi
Dạ sắt son, lòng dũng cảm vô bờ!

Nơi xứ người, đông về lạnh lẻo lắm!
Còn tình người, anh thấy lạnh hay không?
Cựu chiến binh, vốn ngại chi mưa nắng
Chỉ lo âu kẻ đổi dạ, thay lòng!

Ngày xưa tôi choàng vòng hoa cho lính
Cho người hùng chiến đấu giữ quê hương
Nay tôi viết cho người tù đáng kính
Cho những ai, mãi bất khuất kiên cường

DƯ THỊ DIỄM BUỒN

CHIỀU QUA NÚI KÉT

(Thân tặng các chiến hữu Sư Đoàn 9 Bộ Binh VNCH của tôi. PVN)

Xe lên Núi Két ngập ngừng
Chiều buông độc đạo, đá dừng vách ngăn
Bờ lau nương rẫy đất cằn
Nghe trong hơi gió tiếng gần lại xa
Dăm ba anh lính nhớ nhà
Vù ra Châu Phú ngắm tà áo hoa .

XUÂN TRÊN ĐỒI NAM-QUI

(Núi Cô Tô - Châu Đốc, 1970)

Đóng quân trên tận đỉnh đồi
Đất ong bụi đỏ đá còi cọc khô
Đêm về gối giấc poncho
Ngày ôm súng gác, balo chiến hào
Nhìn quanh có thấy Mai nào
Đồn anh vắng bóng Xuân đào dưới kia .

ĐÊM Ở MO-SO

(Kiên Giang,1972)

Đêm nằm ngủ lại Mo-So
Cheo leo hốc đá co ro không mùng
Từng cơn gió biển chập chùng
Vo ve bầy muỗi đói lùng bủa vây
Tạch đùng tiếng súng đâu đây
Mấy tên Cộng lẻ giờ này kiếm ăn

phùng văn nguyên

HÌNH ẢNH SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG và LIÊN HỘI

Hình cuả: LÊ DŨNG, NGUYỄN VĂN ĐẶNG, HÀ NGUYỄN.

Nhận lời mời của Ban Tổ Chức Lễ Tấn Phong tân Thống Đốc Tiểu Bang Virginia, cộng đồng Người Việt Quốc Gia và Liên Hội cựu Chiến sĩ VNCH HTĐ. Virginia và Maryland đã tham dự cuộc diễn hành vào ngày 16-1 năm 2010 vừa qua tại thủ phủ Richmond, VA. Mặc dù thời tiết mùa đông lạnh giá nhưng cộng đồng và các hội đoàn đã hưởng ứng đông đảo để biểu dương khí thế của người Việt tỵ nạn cùng với lá cờ vàng trên đường phố Richmond với dân chúng Hoa Kỳ và quan khách trong lễ tấn phong long trọng này.

Chiến hữu Nguyễn Văn Mùi, chủ tịch Gia Đình Mũ Đỏ HTĐ dẫn đầu đoàn diễn hành

Cộng đồng Người Việt Quốc Gia HTĐ, VA&MD.

Lữ Đoàn 31 Quân Đội Tổng Hợp HK tập họp những cựu sĩ quan Quân Lực VNCH, Cảnh Sát Quốc gia và những tình nguyện viên tân nhập.

Các phu nhân và hậu duệ của Hội Sĩ Quan Trừ Bị HTĐ cùng với lá đại kỳ VNCH.

Một Niên trưởng trao lưu niệm của Cộng đồng cho CH Đoàn Hữu Định , chủ tịch LH

Tiệc Tất niên của cộng đồng HTĐ,MD&VA.

Ngày hội Cánh Hoa Dù 9-1-2010, gây quỹ Thương Phế Binh Nhảy Dù VNCH

Buổi cơm trưa do Thống đốc đắc cử Mc Donnell khoản đãi tại khách sạn Sprìngfield, VA, có sự tham dự cuả Cộng đồng và Liên hội.

Tang lễ Trung Tá Trần Đắc Trân, nguyên Tham mưu trưởng Sở Liên lạc, Nha Kỹ thuật Bộ Tổng Tham Mưu, Quân Lực VNCH. Liên Hội Cựu Chiến sĩ VNCH Vùng HTĐ và Phụ cận đã phối hợp cùng Tổng Hội Nha Kỹ Thuật tổ chức nghi lễ phủ kỳ và thu kỳ vô cùng long trọng .

TRẦN TAM TIỆP (11.11.1928 - 23.12.2009)
(Ảnh: Đỗ Việt)

Đạo Cù Trần Tam Tiệp, Trung Tá thuộc binh chủng Không quân, Quân lực Việt Nam Cộng Hoà. Một cây viết quen thuộc trong làng báo Miền Nam trước 1975 đã giã từ chiến hữu và cộng đồng tại Paris vừa qua.